

NGUYỄN TÀI CẨN

TỰ LIỆU
TRUYỆN KIỀU

THỬ TÌM HIỂU
BẢN SƠ THẢO ĐOẠN TRƯỞNG TÂN THANH



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC



Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn sinh ngày 22 tháng 5 năm 1926.

Quê quán làng Thượng Thọ (nay thuộc xã Thanh Văn), huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Học phổ thông ở Huế (trường Thuận Hoá, trường Khải Định).

Năm 1945 : tham gia công tác ở địa phương ; được kết nạp Đảng năm 1949.

Năm 1950 : được điều động về ngành giáo dục.

Năm 1955 : được Bộ Giáo dục cử làm chuyên gia Việt ngữ học đầu tiên của nước ta tại Liên Xô (Trường Đại học Tổng hợp Leningrad).

Năm 1960 : bảo vệ thành công luận án Phó Tiến sĩ Ngữ văn đầu tiên của Việt Nam tại Liên Xô về Ngôn ngữ học.

Từ năm 1960 đến 1992 : dạy ở Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Năm 1980 : được phong hàm Giáo sư.

Các năm 1982, 1988-1990 : được mời giảng tại Đại học Tổng hợp Paris 7, năm 1993 tại Đại học Cornell (Hoa Kỳ).

Năm 2000 : được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.



TƯ LIỆU TRUYỆN KIỀU
THỦ TÌM HIỆU
BẢN SƠ THẢO
ĐOÀN TRƯỞNG TÂN THANH

NGUYỄN TÀI CẢN

TƯ LIỆU
TRUYỆN KIỀU

THỬ TÌM HIỂU
BẢN SƠ THẢO ĐOẠN TRƯỞNG TÂN THANH

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

10-2008/CXB/282-2061/GD

Mã số: 8V720M8-NĐN

Lời Nhà xuất bản

Hưởng tới kỉ niệm 50 năm thành lập Nhà xuất bản Giáo dục (1957 – 2007) và 30 năm thành lập Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh (1979 – 2009), trong thời gian gần đây, bên cạnh việc xuất bản, phát hành kịp thời, đồng bộ sách giáo khoa và các loại sách tham khảo phục vụ giáo dục phổ thông, Nhà xuất bản Giáo dục còn chú trọng tổ chức biên soạn, xuất bản các bộ sách tham khảo lớn, có giá trị khoa học và thực tiễn cao, mang ý nghĩa chính trị, văn hoá, giáo dục sâu sắc, được trình bày và in ấn đẹp, gọi là **sách tham khảo đặc biệt**.

Loại sách này được xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy của học sinh, sinh viên, nghiên cứu sinh, giáo viên phổ thông, giảng viên đại học, cao đẳng, dạy nghề, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lí giáo dục và đông đảo bạn đọc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, dân trí xã hội trong thời kì mới, giữ gìn, “xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX, từng bước đưa giáo dục Việt Nam hoà nhập với thế giới.

Tham gia biên soạn mảng sách tham khảo đặc biệt là các nhà khoa học, các nhà giáo, nhà quản lí giỏi, nhiều kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực khác nhau, có uy tín đối với độc giả trong và ngoài nước.

Cuốn **Tư liệu Truyện Kiều – Thử tìm hiểu bản sơ thảo** Đoàn trường tân thanh của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn mà quý độc giả đang có trong tay là một trong những cuốn sách thuộc mảng **sách tham khảo đặc biệt**.

Đây là công trình tập hợp những kết quả nghiên cứu mới nhất của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn về văn bản **Truyện Kiều**. Cuốn sách đưa ra những kiến giải về thời điểm Nguyễn Du viết **Truyện Kiều**, về việc lựa chọn các bản trực đại diện cho ba miền Nam, Bắc, Huế. Đặc biệt, lần đầu tiên, một bản thí nghiệm phục nguyên, cố gắng sao cho gần nhất với bản sơ thảo **Truyện Kiều** được Giáo sư công bố cùng với những giải thích cần thiết để bạn đọc hiểu rõ con đường đi đến bản dự thảo phục nguyên như thế nào.

Xin trân trọng giới thiệu với quý bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Lời nói đầu

1/ Trong việc nghiên cứu *Truyện Kiều*, cố G.S Hoàng Xuân Hãn đã có những cố gắng rất to lớn. G.S đã vạch ra cho chúng ta những hướng đi rất quan trọng. Và G.S đã hứa hẹn với chúng ta là sẽ “in ra cái cơ bản để cho những người khác tiếp tục”. Tiếc rằng G.S đã qua đời mà chưa kịp công bố được gì, ngoài một bài trả lời phỏng vấn. Còn bản *Kiều tâm nguyên* của G.S thì chưa biết đến bao giờ mới ra mắt được bạn đọc. Thật là một điều đáng ân hận.

2/ Đi theo hướng gợi ý của G.S, và tiếp thu thêm một số kinh nghiệm của ngành ngôn ngữ học – là những kinh nghiệm mà G.S cũng đã hết lòng ủng hộ sau khi được chúng tôi sơ bộ giới thiệu – mấy năm qua chúng tôi đã cố gắng viết được khoảng hai chục bài và đã in ra được 2 cuốn sách (*Tư liệu Truyện Kiều : bản Duy Minh Thị 1872*. NXB Đại học Quốc gia, 2002 ; *Tư liệu Truyện Kiều : từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, 2004), nhằm giúp đông đảo bạn đọc hiểu rõ G.S hơn, và cùng nhau nối chí G.S, đề xuất thêm những vấn đề mới để thảo luận. Nay chúng tôi xin tiếp tục cho ra mắt cuốn sách thứ ba này, cũng không ngoài mục đích căn bản đó.

3/ Cuốn sách này có cả thảy 4 phần :

I- PHẦN THỨ NHẤT : GIẢ THUYẾT VÀ KIẾN NGHỊ

Chúng tôi xin trình bày tóm tắt ý kiến gần đây nhất của chúng tôi về 3 vấn đề :

- Giả thuyết về quá trình sáng tác *Truyện Kiều* của cụ Nguyễn Du ;
- Về các bản trực đại diện cho ba miền Nam, Bắc, Huế ;
- Về một số điểm cần chú ý khi cân nhắc việc phục nguyên *Truyện Kiều*.

Về những vấn đề này, trước đây, chúng tôi cũng đã từng có đề cập đến ở bài này bài khác hoặc ở 2 cuốn sách đã công bố. Nhưng với những cứ liệu càng ngày càng thu thập được nhiều hơn, hiện nay ý kiến của chúng tôi cũng đã có những điểm phải thay đổi ; do đó chúng tôi xin được trình bày lại cho đầy đủ hơn và chính xác hơn.

II- PHẦN THỨ HAI : THỬ TÌM HIỂU BẢN SƠ THẢO ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

Chúng tôi sẽ căn cứ vào chữ nghĩa trong 9 bản Kiều cổ của thế kỉ XIX mà chúng tôi hiện có, và nhất là căn cứ vào bản trực Duy Minh Thị mà cố Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã hết sức đề cao, đưa ra một bản thí nghiệm phục nguyên, cố gắng sao cho gần nhất với bản sơ thảo của cụ Nguyễn Du, để trưng cầu ý kiến của đông đảo bạn đọc, nói chung, và trước hết là của giới Kiều học, nói riêng. Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh 2 chữ SƠ THẢO là vì, theo sự hình dung sơ bộ của chúng tôi, lúc sinh thời, ít nhất nhà thơ cũng đã từng phải trần trở với ba loại bản thảo :

- Loại bản thảo đầu tay, lúc mới viết xong (khoảng những năm 1790-1792, hồi còn ở Thái Bình) ;
- Loại bản thảo nhà thơ đã có chữa đi chữa lại ít nhiều sau khi đã có trao đổi với bà con bạn bè (khoảng những năm cuối cùng ở quê vợ và những năm về ở ẩn dưới chân núi Hồng, cuối thế kỉ XVIII) ;
- Và loại bản thảo nhà thơ đã đem vào Huế, tiếp tục sửa chữa cho đến trước khi mất.

Loại bản thảo cuối cùng này hiện chúng tôi cũng chỉ mới bắt đầu thử tìm hiểu đôi ba trường hợp lẻ tẻ, chưa có gì đáng gọi là có cơ sở thực sự chắc chắn về mặt khoa học. Như vậy khi bàn về vấn đề phục nguyên chúng tôi dựa chủ yếu là trên căn cứ hai loại bản thảo xưa nhất.

Có được một văn bản phục nguyên, chữ nghĩa gần nhất với bản sơ thảo của nhà thơ, thì đó cũng đã là một niềm vui rất lớn, bởi vì :

- Có được trong tay những cứ liệu cổ xưa như vậy thì giới khoa học sẽ có điều kiện để so sánh với những cứ liệu xuất hiện chậm hơn, giúp họ tìm ra được nhiều hướng khảo sát rất quan

trọng như : khảo sát các bước tự nhuận sắc của bản thân tác giả ; khảo sát các khuynh hướng biên tập của đời sau ; khảo sát sự đóng góp của các vùng, v.v.

- Còn nếu may mắn phát hiện được những dị bản trong sơ thảo hay hơn các dị bản về sau thì tức là chúng ta có được điều kiện để trả lại cho cụ Nguyễn Du những gì vốn là của cụ Nguyễn Du. Theo lối nói của các nhà văn bản học thì “nguyên tác là vàng” : vậy đây đúng là những hạt vàng đã bị đánh mất trong suốt thời gian 200 năm qua nay may mắn mới tìm lại được để hoàn lại cho tác giả.

Việc cố gắng thử tìm ra cách phục nguyên theo bản SƠ THẢO mà chúng tôi làm chỉ là một bước mở đầu. Hi vọng có ngày chúng ta sẽ phục nguyên được chính cái văn bản gần nhất với những gì cụ Nguyễn Du đã chấp nhận vào khoảng cuối đời. Đó là một việc vô cùng hệ trọng nhưng cũng vô cùng khó khăn, chúng tôi tự lượng sức hiện giờ chưa có thể làm được. Đó là một công việc xin dành cho các thế hệ các nhà Kiều học trong nay mai.

III- PHẦN THỨ BA : MỘT SỐ CHÚ THÍCH CẦN THIẾT

Chúng tôi sẽ không lặp lại công việc mà các nhà khảo đính đi trước đã từng làm, đối với toàn bộ *Truyện Kiều*. Chúng tôi chỉ xin tự hạn chế trong việc giải thích các đặc điểm của bản Duy Minh Thị để hiểu rõ con đường từ đó đi đến bản dự thảo phục nguyên.

IV- PHẦN THỨ TƯ : PHỤ LỤC

Chúng tôi giới thiệu 3 bài xét thấy có khi bạn đọc cũng cần phải tham khảo đến.

Cuốn sách này nhằm phục vụ trước hết là sinh viên và nghiên cứu sinh Ngữ văn ở các bậc Đại học, nhưng hi vọng rằng nó cũng đáp ứng được cả nhu cầu tìm hiểu của đông đảo độc giả. Rất mong các bạn sinh viên, nghiên cứu sinh Ngữ văn cũng như đông đảo bạn đọc chỉ ra những chỗ chúng tôi còn sơ suất, sai lầm, và tích cực hưởng ứng, tham gia vào việc thảo luận về những vấn đề đang cần được làm sáng tỏ. Chúng tôi xin có lời chân thành cảm ơn trước.

TÊN RIÊNG VIẾT TẮT

- | | | |
|-----|----------|--|
| 01/ | ADM | Abel des Michels |
| 02/ | CVT | Chiêm Vân Thị |
| 03/ | DMT | Duy Minh Thị /1872 |
| 04/ | ĐDA | Đào Duy Anh |
| 05/ | HP | Hoàng Phê chủ biên |
| 06/ | HVTĐ | Hán Việt từ điển (Đào Duy Anh) |
| 07/ | HTC | Huỳnh Tịnh Của (Tự vị) |
| 08/ | KOM | Kiều Oánh Mậu |
| 09/ | LNP | Lâm Noạ Phu |
| 10/ | LVD | Liều Văn Đường |
| 11/ | NQX-VVK | Nguyễn Quang Xỹ và Vũ Văn Kính (Tự điển) |
| 12/ | QVĐ | Quan Vân Đường /1879 |
| 13/ | TĐTK/ĐDA | Từ điển Truyện Kiều (Đào Duy Anh) |
| 14/ | TĐPN | Từ điển phương ngữ tiếng Việt (Đặng Thanh Hoà) |
| 15/ | TĐTC | Từ điển từ cổ (Vương Lộc) |
| 16/ | TĐTN | Từ điển tiếng Nghệ (Trần Hữu Thung, Thái Kim Đĩnh) |
| 17/ | TĐTV/HP | Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên) |
| 18/ | TĐTV/VT | Từ điển tiếng Việt (Văn Tân chủ biên) |
| 19/ | TKMLGA | Truyện kì mạn lục giải âm |
| 20/ | TMĐ | Thịnh Mĩ Đường /1879 |
| 21/ | TTTN | Thanh Tâm Tài Nhân |
| 22/ | TVK | Trần Văn Kiệm |
| 23/ | TVKY | Trương Vĩnh Ký |
| 24/ | TVVL | Tự vị Việt-La, tức Annam-Latinh (P. de Béhaine) |
| 25/ | VBL | Từ điển Việt Bồ La (A. de Rhodes) |
| 26/ | VNB-60 | Kim Vân Kiều tân truyện, kí hiệu VNB-60, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội. |
| 27/ | VNTĐ | Việt Nam tự điển (Khai trí tiến đức) |
| 28/ | VVK/I | Vũ Văn Kính : Bảng tra Chữ Nôm miền Nam |
| 29/ | VVK/II | Vũ Văn Kính : Bảng tra chữ Nôm sau thế kỉ XVII |
| 30/ | VVK/III | Vũ Văn Kính : Bảng tra chữ Nôm thế kỉ XVII |
- (qua tác phẩm của Maiorica)

Phần Thứ Nhất

GIẢ THUYẾT và KIẾN NGHỊ

A- GIẢ THUYẾT VỀ QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC *TRUYỆN KIỀU* CỦA CỤ NGUYỄN DU

1/ Cụ Nguyễn Du đã sáng tác *Truyện Kiều* trong khoảng thời gian nào ? Đó là một câu hỏi đã làm cho giới nghiên cứu phải mò mẫm tìm hiểu trong suốt gần 6, 7 mươi năm vừa qua.

Giai đoạn đầu, thiên hướng chung là cho rằng tác giả đã viết sau khi đi sứ nhà Thanh về, tức trong khoảng 1814 – 1820. Cơ sở của niềm tin đó là dựa vào những điều đã viết trong Gia phả Tiên Điền cũng như đã viết trong sử sách. Chẳng hạn, trong cuốn *Đại Nam chính biên liệt truyện* soạn đời Tự Đức, khoảng sau năm 1852, có câu “Nguyễn Du có tài về thơ chữ Hán, lại giỏi quốc âm, sau khi đi sứ nhà Thanh về, có *Bắc hành thi tập* và *Truyện Kiều* hành thế”.

2/ Nhưng rồi những sự nghi ngờ, phản bác bắt đầu nảy sinh : năm 1943 cụ Đào Duy Anh nghi ngờ sự chính xác của *Liệt truyện* ; năm 1951 cụ Hoàng Xuân Hãn từ bỏ ý kiến cũ của mình và ngờ rằng *Truyện Kiều* đã có trước *Mai Đình mộng kí* (1809) ; năm 1997 Vũ Đức Phúc bác bỏ cách hiểu “hành thế” với nghĩa là “ra đời”. (Xin xem trong *Văn bản Truyện Kiều – nghiên cứu và thảo luận* của Đào Thái Tôn – Hà Nội, 2001).

Đặc biệt là có những chuyện đã được cụ Hoàng Xuân Hãn đưa ra để làm phản chứng :

a) Như chuyện, năm 1811, trên đường vào Huế, cụ Phạm Quý Thích đã đem theo *Truyện Kiều* để đọc và khi đến vùng Liên Hồ (nay là Bàu Sen, thuộc Lệ Thủy) đọc xong, cụ đã làm bài thơ chữ Hán mở đầu bằng câu “Giai nhân bất thị đáo Tiên Đường”.

b) Hoặc như chuyện Nguyễn Lượng đã có những lời bình Kiều trước năm 1807, vì đến năm đó Nguyễn Lượng đã bị giết chết (“Học giả Hoàng Xuân Hãn nói về *Truyện Kiều*” – *Tạp chí Văn học*, số 3/1007).

3/ Với những sự tìm tòi của Vũ Thế Khôi, của Hà Thị Tuệ Thành về bài thơ “Thính Đoạn Trường Tân Thanh hữu cảm” trong hai tập tài liệu

hiện có ở Viện Hán Nôm (tập A. 2140, tập A-400), và với sự kiểm tra lại của Ngô Đức Thọ trong cuốn *Đại Nam nhất thống chí*, đến nay chúng ta đã hoàn toàn có thể yên tâm về sự xác thực của hai chuyện nêu trên. Nhưng như vậy lại có một câu hỏi mới được đặt ra : cụ Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* trước khi đi sứ, nhưng cụ thể là viết vào giai đoạn nào ? Đầu đời Gia Long hay trước đời Gia Long ?

Người đầu tiên đưa ra câu giải đáp là Trương Chính. Suy gẫm về những sự bần khoản của hai cụ họ Đào và họ Hoàng, năm 1963 Trương Chính đã đề nghị đặt thời điểm sáng tác *Truyện Kiều* vào khoảng 1796-1801, tức thời gian nhà thơ về ở ẩn “dưới chân núi Hồng”. Lập luận của tác giả là trong truyện có những câu nghịch ngôn, những câu đó không thể viết sau khi Gia Long đã lên ngôi (Trương Chính – *Tạp chí Văn học*, số 6, 1963).

Gần đây một chứng cứ khá có giá trị cũng mới được phát hiện thêm : trong lời phê bằng Hán văn của Nguyễn Lượng, bàn về các câu Kiều từ số 3181 đến số 3190, có đoạn dùng bốn chữ BÁCH CHỦNG HOAN NGU : CHỦNG là tên trọng huý của Gia Long, Nguyễn Lượng không tìm chữ khác để né tránh, vậy *Truyện Kiều* cũng đã được “Nguyễn phê” chậm nhất là trước năm 1802 (Phan Thanh Sơn, Hà Thị Tuệ Thành : “*Truyện Kiều* được sáng tác vào khoảng nào ?” – *Tạp chí Văn hoá Nghệ An*, số 71, ngày 25. 02. 2006).

Có thể nói bản báo cáo “Về thời điểm viết *Truyện Kiều*” của Tiến sĩ Lê Thành Lâm là một bản sơ kết đã tóm lược được một cách khá đầy đủ về tất cả tình hình vừa nói trên đây (xin xem *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Chữ Nôm – Huế*, tháng 06 năm 2006).

4/ Còn chúng tôi, sau khi đã theo dõi ý kiến của những người đi trước và đã khảo sát kỹ các vết tích về văn bản hiện có trong 9 bản Kiều cổ thế kỷ XIX, nhất là các vết tích về kỹ huý thời Lê Trịnh, thì chúng tôi sơ bộ đi đến hình dung thành những điểm giả thuyết như sau :

– Bản Thanh Tâm Tài Nhân đầu tiên đã đến tay cụ Nguyễn Du chắc là một bản đã được thắm hoa Nguyễn Huy Oánh đi sứ đem về cùng với *Đệ bát tài tử Hoa Tiên kí* và một số tác phẩm khác, tàng trữ trong

Phúc Giang thư viện ở Trường Lưu. Việc Nguyễn Huy Tự diễn Nôm truyện *Hoa Tiên* chắc là một sự kiện lớn đã kích thích nhà thơ, làm cho nhà thơ cũng muốn noi gượng theo. Giáo sư Nguyễn Thạch Giang cho biết đã tìm được ở Huế một bản Nguyễn Du tóm lược *Vương Thuý Kiều truyện*, với niên đại là năm 1779 đời Cảnh Hưng. Một bản *Kiều cổ mới* công bố gần đây ở Thái Bình cũng ghi ở bìa một nguồn gốc với niên đại tương tự. Chúng tôi cho rằng đó không thể là một sự trùng hợp hoàn toàn ngẫu nhiên, và có lẽ là nên chấp nhận giả thuyết mà G.S Nguyễn Thạch Giang đã từng đưa ra : cụ Nguyễn Du chắc đã manh nha ý định diễn Nôm *Truyện Kiều* từ năm 14 tuổi.

– Nhưng từ năm 1779 đến năm 1783 cụ Nguyễn Du chưa thể làm được gì nhiều vì cụ đang có tang mẹ và nhất là vì cụ đang toàn tâm toàn ý nghĩ đến trách nhiệm lớn đối với dòng họ là chuyện học hành để thi cử. Chỉ sau khi đỗ Tam trường năm 1783 cụ mới đi vào sáng tác. Cứ liệu về kị húy (chưa kị húy Chiêu Thống và Trịnh Bồng), cứ liệu về việc dùng từ ngữ cũng như về phong cách viết chữ Nôm cho thấy hình như 900 câu *Kiều* đầu tiên có phần hơi khác với hơn 2000 câu còn lại. Phải chăng 900 câu đầu tiên này đã được viết ra hồi cụ còn ở Thăng Long với anh ?

– Có điều phải đến khi về ẩn ở quê vợ tại Thái Bình, cụ mới tiếp tục được và hoàn thành được sự nghiệp lớn nhất về văn chương của đời mình : có thể phỏng đoán đó là giai đoạn 1787–1790 (vì đã kị húy vua Lê Chiêu Thống và chúa Trịnh Bồng). Bản thảo xong, cụ đã cho bà con quen biết người cùng quê và người ở quê vợ sao chép thành một số bản. Các vết tích phương ngữ Nghệ Tĩnh và phương ngữ Thái Bình trong bản *Duy Minh Thị* (DMT) và một số bản miền Bắc gợi ý cho chúng ta phải nghĩ đến điều đó.

– Sau khi đã hoàn thành cơ bản việc diễn Nôm *Truyện Kiều*, nhà thơ tỏ ra được rảnh rang hơn : khoảng 1791–1793 ta thấy nhà thơ đã lên Thăng Long dự tiệc, dự hát cô đầu, đã quan hệ chặt chẽ với các ông anh hơn, và đã nảy sinh quan hệ với cả nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Năm 1793 nhà thơ còn dám cất công làm cả một chuyến đi lớn : lên đường thăm anh, vào đến tận Thuận Hoá. Và sau khi về quê ở Tiên Điền, năm 1796, nhà thơ còn dám nghĩ cả đến chuyện trốn vào Nam để hoạt động chính trị. Nhưng sự việc bại lộ, nhà thơ đã bị bắt.

Chúng tôi nghĩ, nếu không chấp nhận *Truyện Kiều* đã được cơ bản hoàn thành năm 1790 thì tất cả những sự việc nêu trên đây, trong đời sống riêng của nhà thơ, đều trở nên rất khó giải thích.

– Tác phẩm đã cơ bản hoàn thành. Nhưng trong những phút rảnh rỗi những năm 1790 – 1796, cũng như trong những năm 1796 – 1801 về ở quê nhà, chắc chắn nhà thơ vẫn còn luôn luôn tiếp tục nghĩ đến tác phẩm : vừa thường xuyên lo việc tự nhuận sắc, vừa đưa Vũ Trinh, Nguyễn Lượng bình luận, vừa cho bà con Nghệ Tĩnh sao chép thêm, vừa cùng học trò và bạn bè trao đổi... Và rất có thể nhà thơ vẫn còn tiếp tục trao đổi với bạn bè, tiếp tục tự nhuận sắc như vậy sau khi đã vào nhận chức ở Huế, cho đến tận khi qua đời. Ngoài ra, những năm cuối thế kỉ XVIII, rất có thể nhà thơ cũng đã từng bàn bạc văn chương chữ nghĩa với cả người cháu là Nguyễn Thiện : vì từ năm 1790, sau khi Nguyễn Huy Tự mất và *Truyện Kiều* đã ra đời, Nguyễn Thiện lại noi gương chú, đề ra công việc nhuận sắc truyện *Hoa Tiên* của mình. Cái việc mà Nguyễn Thiện mới có đầy đủ điều kiện về lễ nghi tập tục và về mẫu mực để tự một mình tiến hành trong 5, 6 năm qua thì nay được có chú ở bên cạnh, hẳn đã được đem sang bàn bạc cùng chú. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều người đã nhận thấy có những nét liên quan giữa lời thơ trong *Truyện Kiều* và lời thơ trong truyện *Hoa Tiên* đã nhuận sắc (Nguyễn Tài Cần, Ngô Đức Thọ : báo *Lao Động chủ nhật*, số 3/4/2005 ; Nguyễn Tài Cần, Đào Thái Tôn – *Tạp chí Hán Nôm* số 3 (70)/2005 ; Nguyễn Tài Cần – *Kiến thức ngày nay*, số 529/2005 ; *Văn nghệ* số 28/5/2005 và *Nghiên cứu Văn học* số 11/2005).

B– VỀ CÁC BẢN TRỰC ĐẠI DIỆN CHO BA MIỀN NAM, BẮC, HUẾ

1/ Chúng tôi hiện có 9 bản Kiều cổ của thế kỉ XIX :

– 3 bản miền Nam là bản Duy Minh Thị, 1872 (DMT), bản Trương Vĩnh Ký, 1875 (TVKY), bản Abel des Michels, 1884 (ADM) ;

– 4 bản miền Bắc là các bản Liễu Văn Đường, 1866, 1871 (LVD), Quan Văn Đường 1879 (QVD), Thịnh Mĩ Đường 1879 (TMĐ) và VNB-60 ;

– 2 bản gốc Huế là bản Lâm Noạ Phu 1870 (LNP) và bản Kiều Oánh Mậu, 1902 (KOM).

Bản nào ít nhiều cũng có những điểm đóng góp nhất định. Ở câu 0081 DMT khắc một chữ theo từ điển Việt La phải đọc là MỎN nhưng đa số các bản về sau đổi thành MỐI vì J.L. Taberd, HTC đã đổi tự dạng : nhưng bản quốc ngữ TVKY khẳng định được cho chúng ta đúng là phải đọc MỎN. Bản DMT ở câu 0035 khắc một chữ LÊN, đa số các bản thay bằng ĐẾN, TỐI, nhưng chính nhờ sự đính ngoa của ADM, chúng ta biết được LÊN chính là chữ TRÊN bị khắc nhầm. Ở câu 2187, DMT khắc 2 chữ ĐỐT THAN và bị thiếu số : cả TVKY, ADM của miền Nam ; cả LNP, KOM của Huế ; cả LVD của miền Bắc đều nhất trí cho là CHÚT/XÓT RIÊNG. May rằng lại có được 3 bản QVD, TMD và VNB-60 khẳng định cho dị bản của DMT.

Trong 9 bản nói trên, chúng tôi chọn 4 bản DMT, LVD, LNP, KOM làm 4 bản trực đại diện cho 3 miền, đồng thời đại diện cho 3 giai đoạn khác nhau :

– Bản DMT ở miền Nam đại diện cho một bản sao – như sau này sẽ thấy rõ hơn – vào loại cực cổ, đã kinh qua Huế và lưu lạc vào đến tận Gia Định ; ngay bản sao cuối cùng của nó cũng có niên đại 1825–1836 vì đã kị huý chữ ĐANG theo lệnh 1825, nhưng chưa kị huý chữ CẢO theo lệnh 1836 ;

– Bản LVD đại diện cho các bản dân dã, được tiến hành sao chép khá sớm ở miền Bắc : chúng đã kị huý theo lệnh 1836 đời Minh Mạng nhưng chưa kị huý theo lệnh 1840 đời Thiệu Trị. Vì không có những người đứng ra lãnh trách nhiệm biên tập hẳn hoi, các bản dân dã này đã bảo lưu lại khá nhiều những cái sai của các bản sao thế hệ cổ, và thậm chí có khi còn để thêm ra những cái sai mới, nhưng dẫu sao chúng cũng có những đóng góp đáng quý. Vì là những bản sao lưu hành trong một vùng từng là địa bàn có giao lưu tiếp xúc thường xuyên với tác giả, ít nhất là cho đến tận cuối thế kỉ XVIII, chúng đã theo dõi sát mọi mặt hoạt động văn chương của tác giả và đã có nhiều thông tin rất kịp thời về những gì tác giả đã làm để cải tiến tác phẩm. Một số trường hợp chúng tôi đã phải từ bỏ DMT để theo LVD chính là vì vậy.

Các bản Huế rất xa nhau, chúng khác nhau đến hơn 40% trong tổng số dị bản. Vì vậy chỉ những dị bản nào có chung giữa cả hai bản LNP, KOM chúng tôi mới coi là dị bản đáng đại diện cho Huế. Bản LNP đã kị

huý Tự Đức và được chép năm 1870 nên nó có niên đại 1847–1870 ; bản KOM đã kị huý Thành Thái và được in năm 1902 nên nó có niên đại chậm nhất : 1889–1902.

Nếu so sánh cặp đôi từng hai miền một, chúng ta có kết quả như sau :

A) Ở đợt điều tra về các dị bản phổ biến, có mặt ở từ 5 bản trở lên :

- Chỉ có chung giữa NAM và BẮC (tức trừ Huế) : khoảng 330 dị bản ;
- Chỉ có chung giữa BẮC và HUẾ (tức trừ Nam) : khoảng 93 dị bản ;
- Chỉ có chung giữa HUẾ và NAM (tức trừ Bắc) : khoảng 64 dị bản.

B) Ở đợt điều tra về các dị bản thiểu số, chỉ có mặt ở từ 2 đến 4 bản :

- Chỉ có chung giữa NAM và BẮC : thêm khoảng 29 dị bản ;
- Chỉ có chung giữa BẮC và HUẾ : thêm khoảng 13 dị bản ;
- Chỉ có chung giữa HUẾ và NAM : thêm khoảng 37 dị bản.

Như vậy :

* Ở bất kì miền nào cũng có những nét đặc biệt mà các bản thuộc 2 vùng còn lại không có. Ở Huế những nét đặc biệt đó lên đến một con số cực lớn : so sánh 359 (330 + 29) trường hợp độc đáo của Huế với 101 (64+37) trường hợp của miền Bắc cũng như với 106 (93+13) trường hợp của riêng bản DMT ở miền Nam ;

* Và nói một cách khác, như vậy là các bản của 2 miền Nam Bắc lại rất gần gũi nhau, chúng cùng đối lập lại với các bản của Huế, làm cho 2 bản của Huế đứng tách riêng một đẳng, xa cả Nam, xa cả Bắc.

2/ Trong số 4 bản trực nêu trên đây, bản DMT cần được tách riêng ra, đặt vào một vị trí đặc biệt. Theo sự phát hiện của cụ Hoàng Xuân Hãn, đó là bản xứng đáng được coi là bản gốc dùng làm cơ sở cho công tác phục nguyên. Vì nhiều lẽ :

Trước hết, vì bản gốc bản DMT là một bản có lai nguyên rất gần với bản sơ thảo của cụ Nguyễn Du. Nhiều chứng cứ cho chúng ta thấy điều đó :

– Khi sơ thảo, nhà thơ nhiều chỗ đang bám sát theo bản Hán văn của TTTN, về sau mới thấy không ổn và chữa lại, như TREO TRANH

QUAN THÁNH > TRÊN TREO MỘT TƯỢNG, MÀ CHÀNG THỨC THỦ > MÀ CHÀNG THỨC PHẢI, v.v. Cố GS. Hoàng Xuân Hãn là người đầu tiên đã phát hiện ra được rằng chỉ bản DMT là bản còn lưu giữ được nhiều nhất những vết tích còn lệ thuộc vào TTTN mà nhà thơ còn để lại trong bản sơ thảo, chưa kịp chữa lại đó ;

- Trong sáng tác, có khi nhà thơ đã phải dùng những từ ngữ cổ, những điển tích hiếm hóc không dễ hiểu cho tất cả mọi người : từ ngữ cổ như THA LA, ỎN THÓT, RÒN MÒN..., điển cố hiếm hóc như dùng NĂM TRÒN dịch NGŨ LUÂN, dùng HƯƠNG DUYÊN thay cho 4 chữ HƯƠNG HOẢ NHÂN DUYÊN trong thư tịch bên Phật giáo. Các dị bản khó hiểu đó, các bản đời sau đều thay đổi hết, duy chỉ bản DMT là còn bảo lưu được hoàn toàn như ban đầu ;

- Bản sơ thảo hoàn thành, ai là những người được phép sao ra những bản sao đầu tiên ? Chắc đó phải là một vài người Nghệ Tĩnh và Thái Bình trong đám bà con của tác giả. Bản DMT là bản mang nhiều vết tích phương ngữ Nghệ Tĩnh nhất và đó cũng là bản mang cả vết tích phương ngữ Thái Bình. Chi tiết này cũng là một chi tiết chứng tỏ rằng bản gốc bản DMT là một bản gần gũi nhất với các bản sao đầu tiên, nếu không phải chính nó là một trong các bản sao đầu tiên đó.

- Nhà thơ khi bắt tay vào viết *Truyện Kiều* thì cũng mới kinh qua giai đoạn học chữ Hán để thi cử chứ chưa có quá trình đi thật sâu vào chữ Nôm. Chắc hẳn nhiều trường hợp nhà thơ phải tự nghĩ ra cách viết. Trong bản DMT quả có những chữ Nôm không bình thường như dùng KHOA ghi THUA ở câu 0022, dùng NGÀY ghi NGÀY ở câu 0229, dùng SỦNG+ẤN ghi ỒN ở câu 2489, dùng bộ KHẨU trong 2 chữ GẶP GỠ ở câu 3064, v.v. Thiết nghĩ đó cũng là chứng cứ tỏ rằng bản gốc DMT là một bản rất gần gũi với bản sơ thảo do tự tay nhà thơ viết ra.

3/ Tiến lên thêm một bước nữa, cũng có thể nói rằng bản gốc bản DMT là một bản có quan hệ mật thiết với bản Kiều mà cả nhà thơ cả dòng họ nhà thơ vốn lưu giữ để làm gia bảo.

- Cố G.S Hoàng Xuân Hãn đã cất công vào điều tra tận Tiên Điền và đã được cụ Nghè Mai, một thân sĩ trong dòng họ cho biết nhiều thông tin quý báu : như thông tin về chuyện nhà thơ có kị húy ông chú

tên là Nguyễn Trọng, hoặc thông tin về chuyện các cụ ngoài Bắc đã chữa đoạn Sở Khanh mới lên tiếng với Kiều và thêm 2 câu. Và G.S Hoàng Xuân Hãn kết luận : cũng chỉ bản DMT là bản có cứ liệu phù hợp với 2 chi tiết này.

– Sử sách cho biết nhà thơ vốn rất e ngại Gia Long. Mà *Truyện Kiều* rõ ràng là một tác phẩm có bao nhiêu là câu ngịch ngôn có thể đưa tai vạ đến cho cả nhà thơ và đến cho cả dòng họ. Tất nhiên phải chữa bản gia bảo lại phần nào để có thể tự thanh minh bào chữa khi ngộ sự.

* Khi biết Gia Long lên là lập tức phải làm 2 chuyện : thứ nhất là phải xoá bớt các vết tích đã kị húy Lê Trịnh, lại cố ý gia thêm một vài trường hợp phạm húy quan trọng (như thay TÂNG bằng TÂN ở câu 1556, hoặc như TƯỜNG bộ NGÔN đổi thành TƯỜNG bộ THỊ ở 5 câu 0199, 1454, 2911, 2912, 2927) để làm sao có được những chứng cứ hợp lí, đủ để một mặt, có thể chứng minh là tác phẩm viết theo truyện Tàu và viết dưới triều Lê ; và mặt khác cũng đủ để cho thấy mình và gia đình mình cũng không phải là những người có thái độ tôn trọng nhà Lê một cách quá đáng, đi đến mức độ có thể có mưu đồ khôi phục.

Và thứ hai là phải lòi các tên tục của chúa Tây Sơn – kẻ thù chính của Gia Long – ra dùng càng nhiều càng tốt. Trong *Kiều* chỉ có một câu (câu 1471) nói đến bông hoa huệ : thì phải bỏ ngay bộ THẢO để có chữ HUỆ tuy viết sai nhưng trùng với tên tục của Quang Trung. Trong *Kiều* lại có một chữ BẰNG chỉ chim bằng và 13 chữ BẰNG với nghĩa là “như, ngang, phẳng” ; thông thường chữ BẰNG chỉ chim thì có cách viết riêng của tiếng Hán, 13 chữ BẰNG Nôm thì viết với chữ BẰNG như trong BẰNG HỮU : nhưng không, không thể để thế, mà phải gắng đổi tất cả thành chữ BÌNH (chỉ sót 1 trường hợp ở câu 2469 !), để tung ra thêm một tên tục nữa của Nguyễn Huệ !

Những sự thay đổi có tính toán mà chúng tôi phỏng đoán như trên trong bản *Kiều* gia bảo, cũng chỉ bản gốc bản DMT là sao chép lại đầy đủ được hết !

* Và đến khi lệnh kị húy Triều Nguyễn năm 1803 ra đời thì cũng chỉ ở bản gia bảo là có sự chấp hành nghiêm túc nhất, nghiêm túc đến mức có thể nói là vượt quá cả mức cần thiết. Và quả bản DMT cũng sao lại trung thành như vậy :

– Chữ GIỐNG // CHÚNG có mặt ở 7 câu thì ở 5 câu thay bằng từ khác (thay bằng THỐI ở 2 câu 0243, 0258 ; bằng CHỐN ở câu 0853 ; bằng HẾT ở câu 2066 ; bằng KHÉO ở câu 2097) ; ở 1 câu thay hẳn thanh phù (ghi bằng chữ CHÚNG, ở câu 1194) và ở 1 câu dùng lối giả dạng để kị huý (ở câu 1728) ;

– Chữ LAN Hán Việt có mặt ở 7 câu (0162, 0375, 0497, 1310, 1471, 1803, 1988) thì ở cả 7 câu đều đổi thành HƯƠNG theo đúng pháp lệnh ;

– Chữ LAN trong CỔ LAN MẶT ĐẤT là tiếng Nôm ; chữ DAN chữ LÀN chỉ có LAN ở thanh phù mà thôi, thế nhưng bản DMT cũng đều kị huý, chắc theo bản gia bảo : gia dạng chữ LAN ở câu 2750, chữ DAN ở câu 1300 ; thay LÀN bằng HƯƠNG ở câu 0025, bằng DÒNG ở câu 0261, bằng BÀN ở câu 2118.

4/ Tiến sĩ Đào Thái Tôn gần đây, trong cuốn *Nghiên cứu văn bản Truyện Kiều – bản Liễu Văn Đường 1871* có nêu 3 luận điểm nghi ngờ về giá trị của bản DMT. Theo Tiến sĩ thì :

– Bản Kiều viết tay GS. Hoàng Xuân Hãn có được khoảng năm 1942–1943 là một bản sao không liên quan gì đến bản DMT ;

– Bản DMT là một bản thuộc hệ Huế ;

– Và cư sĩ Duy Minh Thị là một nhà biên tập đã sửa chữa rất nhiều trong bản DMT.

Chúng tôi cùng anh Phan Anh Dũng đã có bài trả lời đăng trên *Sông Hương* số 211 tháng 9/2006.

Vậy nay chỉ xin nhắc lại một cách tóm tắt lập luận của chúng tôi.

Bản sao G.S Hoàng Xuân Hãn có được khoảng năm 1942 – 1943 là một bản được cụ đề cao và mô tả là có 4 đặc điểm :

1. Bản đó có những chi tiết theo sát bản Hán văn của TTTN ;

2. Bản đó có dùng 2 chữ TRƯỜNG NGHĨA để kị huý tên ông chú Nguyễn Trọng ;

3. Bản đó có 4 câu sơ thảo sau bặt bè ngoài Bắc chữa thành 6 câu ;

4. Bản đó kị huý triệt để theo lệnh đời Gia Long, nhưng chưa kị huý tên Minh Mạng.

Theo chỗ chúng tôi biết, chỉ bản DMT là bản duy nhất có đủ đồng thời cả 4 đặc điểm đó. Vì vậy chúng tôi kết luận : bản chép tay cụ Hoàng Xuân Hãn nói đến chắc là một bản sao lại từ bản DMT hoặc sao lại từ bản gốc của bản DMT.

Tiến sĩ Đào Thái Tôn đã thống kê khảo sát khoảng 1100 câu đầu tiên trong *Truyện Kiều*. Chúng tôi đã kiểm tra lại bảng thống kê ấy và thấy : bản DMT có 85 câu chỉ cùng dị bản với bản LVD ; bản LVD có 39 câu chỉ cùng dị bản với 2 bản gốc Huế ; và 2 bản gốc Huế chỉ có tối đa từ 17 đến 20 câu cùng dị bản với bản DMT. Như vậy không thể xếp bản DMT vào trong hệ Huế là hệ xa nó nhất.

Cứ liệu so sánh cặp đôi từng 2 miền một mà chúng tôi vừa nêu ở cuối mục 5/ trên đây, tuy có khác với bài đăng trên *Sông Hương* vì đã bổ sung thêm những dị bản thiếu sót, nhưng cũng khẳng định đúng như vậy, xin so sánh :

– Bản DMT so với bản LVD : giống nhau 359 dị bản ; khác nhau 207 dị bản (106+101) ;

– Bản DMT so với 2 bản Huế : giống nhau 101 dị bản ; khác nhau 465 dị bản (359+106) ;

– Bản LVD so với 2 bản Huế : Giống nhau 106 dị bản ; khác nhau 460 dị bản (359+101).

Giả thuyết về sự dính ngoa nhuận sắc của cư sĩ Duy Minh Thị mà Tiến sĩ Đào Thái Tôn nêu lên, chúng tôi cũng không thể tán thành.

– Lẽ thứ nhất là vì có 2 chữ TRÙNG SAN. Nội dung của 2 chữ này hiện đang có cách hiểu thế này hay cách hiểu thế khác, nhưng theo quy ước chung giữa một số thân sĩ thành Gia Định hồi bấy giờ thì giữa 3 loại sách “soạn”, “đính chánh” và “trùng san”, loại trùng san bao giờ cũng in y nguyên theo bản chính, không sửa chữa. Mà chứng cứ rõ ràng là bản DMT/1872 đầy rẫy sai lầm, nhưng khi đem nó trùng san năm 1879 và năm 1891 thì trong các bản mới trùng san này các sai lầm cũ vẫn để nguyên vẹn đúng y như trước.

- Trong bản DMT 1872 có in những trường hợp lạ như QUÀNG XUYỀN, KHỦNG KHUYẾN, v.v. nhưng đó chỉ là những điểm lạ về mặt văn tự để ra do thói quen riêng của người Nam Bộ trong lúc viết chữ Nôm, chứ về mặt từ vựng của ngôn ngữ thì những cách ghi đó vẫn ghi từ vựng phổ thông của toàn dân. Nếu biết người Nam Bộ không có giới âm -W-, đọc OAN thành AN, nói UYÊN thành IÊN thì chúng ta sẽ hiểu ngay QUÀNG XUYỀN là cách ghi Nôm dùng để ghi QUÀNG XIÊN. Cũng vậy, người Nam Bộ hay chuyển INH, ANH thành IÊN/IÊNG, ví dụ CÁI KÍNH nói thành CÁI KIẾNG, CÂY CẢNH nói thành CÂY KIẾNG, vậy có thể suy ra KHỦNG KHUYẾN tức là KHỦNG KHIỂN và KHỦNG KHIỂN lại tức là KHỦNG KHỈNH.

- Những từ ngữ như THA LA, ÔN THÓT, GIỦI LỐI, DÙI DẮNG, RÒN MÒN, LƯỢT SUỐT, XOİ DÓI, v.v. cũng không nên nghĩ rằng đó là những từ ngữ vùng Gia Định, cư sĩ Duy Minh Thị mới đưa vào : chứng cứ là THA LA đã có trong thơ Lê Thánh Tông, ÔN THÓT, GIỦI LỐI chỉ có ở từ điển ngoài miền Bắc ; những trường hợp còn lại thì ngay một nhà bác học Nam Bộ như Trương Vĩnh Ký cũng không nhận diện được : như theo TVKY, DÙI DẮNG là “dùi thẳng”, RÒN MÒN là “xỏ mòn”, LƯỢT SUỐT là “trót lọt”. Vậy đây đều là những từ cổ rất khó hiểu, đa số các bản đều gạt bỏ. Nếu cư sĩ Duy Minh Thị là người có ý định đính ngoa, nhuận sắc thực sự thì chắc chúng đã bị thay thế ngay từ đầu. Nhưng DMT vẫn bảo lưu chúng. Mà không phải chỉ từ cổ : ngay cả các từ ngữ địa phương của Nghệ, của Huế, của Thái Bình, cư sĩ cũng đều trân trọng, không dám chữa lại.

C- VỀ MỘT SỔ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI CẦN NHẮC VIỆC PHỤC NGUYÊN *TRUYỆN KIỀU*

1/ Về vấn đề này chúng tôi đã có viết khá rõ trong cuốn *Tư liệu Truyện Kiều* : từ bản *Duy Minh Thị* đến bản *Kiều Oánh Mậu*, từ trang 79 đến trang 92 rồi từ trang 425 đến trang 430. Và sau đó chúng tôi cũng đã cố gắng dành hẳn khoảng 200 trang để đi vào việc thử gọi lên khả năng phục nguyên từng trường hợp cụ thể một, với mong mỗi sẽ tranh thủ được những ý kiến đóng góp của giới Kiều học.

Nhưng nay nhìn lại, như ở LỜI NÓI ĐẦU đã thanh minh, chúng tôi tự thấy trong công trình năm 2004 có một bài toán rất khó về mặt văn bản học, chúng tôi có thử giải quyết, nhưng đang giải quyết một cách khá tùy tiện : đó là vì chúng tôi chưa có cơ sở thật vững chắc cho phép có thể phân biệt được một cách thật chính xác những chỗ do chính cụ Nguyễn Du về sau đã tự tay mình đưa ra để đánh ngoa, nhuận sắc với những chỗ do các thế hệ biên tập đời sau vì thấy không thích nên đã tự ý đổi thay, sửa chữa.

Do đó lần này chúng tôi không dám nói đến vấn đề phục nguyên văn bản *Truyện Kiều* một cách chung chung nữa, mà chỉ xin đề cập đến việc phục nguyên riêng bản sơ thảo đầu tay của cụ mà thôi. Nói một cách khác, tất cả những gì cụ còn làm để tiếp tục hoàn thiện *Truyện Kiều* trong khoảng từ đầu thế kỉ XIX cho đến khi cụ qua đời, chúng tôi đành xin tạm gác. Công việc đó cũng rất cần, cũng rất quan trọng, nhưng nhìn trên đại thể chúng tôi tự thấy hiện chưa đủ sức để làm.

2/ Như đã nói, chúng tôi xuất phát là xuất từ bản DMT. Xét chữ nghĩa có mặt trong bản DMT, trước hết chúng tôi chia thành 2 trường hợp :

- Trường hợp chữ nghĩa của DMT được từ 4 bản trở lên tán thành : chúng tôi gọi đó là những dị bản phổ biến, chiếm đa số trong 9 bản ;
- Và trường hợp chữ nghĩa của DMT không được ai theo hay tối đa cũng chỉ có mặt được trong 2, 3 bản khác nữa mà thôi : chúng tôi gọi đây là những dị bản bị thiếu số.

Trong khoảng gần 2000 chỗ có vấn đề dị bản đặt ra, qua ước tính sơ bộ, bản DMT có được khoảng 66% tổng số dị bản may mắn lọt được vào loại đầu. Nhưng không phải trường hợp nào trong số những dị bản này cũng có thể dùng để phục nguyên ngay được. Xin dẫn vài ví dụ :

- * Ví dụ 1 : ở câu 0044, bản DMT, bản LVD và 4 bản nữa đều in :

Lẽ là tảo mộ, GỌI là Đạp thanh.

- * Ví dụ 2 : ở câu 1045, bản DMT, bản LVD và 5 bản nữa đều in :

BÔNG Lai cách mấy nắng mưa.

* Ví dụ 3 : ở câu 1471, bản DMT, bản LVD, bản LNP và 3 bản nữa đều in :

Huệ HUÔNG sức nước một nhà.

* Ví dụ 4 : ở câu 1582 bản DMT, bản LVD và 5 bản nữa cũng đều in :

Tiểu thư lại gỡ những ĐIỀU đâu đâu.

Rõ ràng trong cả 4 câu, dị bản ở DMT đều không đúng, nhưng đa số các bản khác đều sai theo : ở ví dụ 1, chữ HỘI khắc nhầm thành GỘI, ở ví dụ 2 điển tích SÂN LAI bị thay bằng BÔNG LAI, ở ví dụ 3 chữ LAN do kỹ huý phải lâm thời đổi thành HUÔNG, ở ví dụ 4 người sao chép thấy LỜI lại đọc nhầm thành ĐIỀU, làm mất hiệp vần với câu trên. Được 6, 7 bản nhất trí chấp nhận nhưng vẫn sai : trong khoa học rõ ràng không phải chân lí bao giờ cũng nằm ở phía đa số !

Nhưng dầu sao một sự thống nhất cao độ có được ở nhiều bản cũng là một điều có thể dựa vào, coi như là một căn cứ quan trọng trong quá trình mò mẫm tìm cách phục nguyên. Có thể nói, nhờ có sự thống nhất may mắn này, giữa DMT và đa số bản, khoảng hơn 1300 dị bản có thể phục nguyên được một cách khá dễ dàng, và ai cũng có thể tự mình quyết định được điều đó, nếu xuất trình cho họ thấy đầy đủ tư liệu.

3/ Trường hợp có dị bản bị thiếu số thì phức tạp hơn nhiều. Ở đây cũng cần chia ra thành 2 trường hợp nhỏ :

– Trường hợp những dị bản đúng, vẫn cần phải phục nguyên theo, nhưng bị thiếu số ;

– Và trường hợp những dị bản bị thiếu số vì bị sai lầm hay vì bị một lí do nào đấy chi phối nên nhất thiết không thể dùng để phục nguyên.

Trường hợp đầu có nguyên nhân ở ngay trong cách viết của nhà thơ. Như mọi người đều biết, văn phong của nhà thơ rất đa dạng, rất khó làm cho người đời sau tiếp thu được hết.

– Nhà thơ am hiểu điển cố Nho gia nhưng cũng thông thuộc từ ngữ bên Phật giáo : một vốn tri thức như vậy không phải ai cũng có được. Ví dụ, bên cạnh những câu như :

Dầu lia tơ Ý còn vương tơ lòng (câu 2242)

lại có câu có thể đọc là :

HƯƠNG DUYÊN biết có vương tròn cho chẳng (câu 1634)

TỜ Ỡ là đường tơ của đàn Ỡ CẦM tức LỤC Ỡ CẦM của Tư mã Tương Như ; HƯƠNG DUYÊN là lối nói gọn của 4 chữ HƯƠNG HOẢ NHÂN DUYÊN thường dùng trong ngôn ngữ chốn chùa chiền.

– Nhà thơ sinh ở Bắc, mẹ người Bắc, nói tiếng Bắc là chính, nhưng thỉnh thoảng lại chen vào đôi ba chữ hoặc đôi ba cách viết Nôm theo tiếng Nghệ. Những câu như :

Sụp ngồi và CÁO trước mở bước ra (câu 0096)

NGAY ngày chơi mả Đạm Tiên (câu 0229)

sở dĩ bị người đời sau đổi đi là vì lí do đó : vì không hiểu trong tiếng Nghệ CÁO là “cúng bằng lòng thành” nên họ đổi thành VÀ GẬT hoặc BẠ CỔ có phần kém hơn ; và cũng vì họ không hiểu viết NGÀY nhưng phải đọc NGAY nên họ chuyển thành chữ BUỔI cho gần tự dạng và hiểu được : nhưng BUỔI NGÀY lại sai tiếng Việt vì người Việt ai cũng nói BAN NGÀY, BAN ĐÊM chứ không ai nói BUỔI NGÀY, BUỔI ĐÊM như vậy.

– Cụ Nguyễn Du sống cách chúng ta hơn 2 thế kỉ, cụ dùng nhiều từ ngữ cổ, đó là điều không đáng lấy làm lạ. Và cũng không đáng lấy làm lạ khi thấy các bản về sau đổi ỎN THÓT (= vừa đặt điều vừa phỉnh nịnh, câu 1004) thành KHUYÊN GIẢI, hoặc đổi XOİ DỐI (= bới móc, câu 2093) thành XUA ĐUỐI. Cái chính là phải tìm để phục hồi cho được từ ngữ cổ của nhà thơ. Nhưng điều này không phải dễ. Đoạn Kim Trọng bắt đầu tỏ tình yêu với Kiều, ở câu 0327, nhà thơ cho Kim Trọng nói :

NĂM (5) TRÒN như gửi cung mây.

Con số NĂM đặt trước chữ TRÒN có nghĩa là gì ? ADM đổi NĂM thành đơn vị 365 ngày, nghe không ổn. Bấy bản đổi thành THÁNG TRÒN, nghe cũng không ổn. Cụ Hoàng Xuân Hãn đưa ra giả thuyết VUÔNG TRÒN, cũng chưa được chấp nhận. Hoá ra nhà thơ dùng NĂM TRÒN để dịch 2 chữ NGŨ LUÂN bên Phật giáo. Nhà chùa nói NGŨ LUÂN là nói đến thân hình một con người đang thành kính hành lễ,

mong mỗi câu xin một việc gì ; nhà thơ dịch NĂM TRÒN chính là để chỉ cái THÂN HÈN hay cái LÒNG THÀNH của người đó. Và câu thơ trên có thể hiểu là

THÂN HÈN như gửi cung mây

hoặc *LÒNG THÀNH như gửi cung mây.*

– Nhà thơ chịu ảnh hưởng thời đại, ảnh hưởng địa phương, ảnh hưởng của nền học vấn nên không tránh khỏi việc dùng những từ ngữ hiếm hóc. Nhưng nhà thơ cũng rất am hiểu nền văn hoá dân tộc, nhiều khi lại viết thiên về lối nói dân dã : NGUYỆT CẦM thì dịch thành CẦM TRĂNG, NGŨ ÂM thì dịch thành NĂM ÂM, HỒNG PHẤN thì dịch thành BỤI HỒNG. Câu thơ số 0043, trong sơ thảo vốn viết là

Thanh minh GIỮA tiết NGÀY BA

ngay chúng tôi lúc mới đọc cũng tưởng là khắc nhầm ! Hoá ra trong khẩu ngữ dân gian, khi nói về 2 mùa giáp hạt, nói THÁNG BA NGÀY TÁM cũng được, mà nói NGÀY BA THÁNG TÁM cũng được : trước hai con số 3 và 8 ghi NGÀY có thể hiểu là THÁNG và nói THÁNG cũng có thể đổi thành NGÀY ! Đủ biết nhà thơ am hiểu lối nói của vùng nông thôn đến mức độ nào ! Đáng tiếc là câu thơ sau lại bị đổi sang lối nói dễ hiểu của ngày thường.

– Một nhà thơ lớn như cụ Nguyễn Du, không ai dám nghĩ là cụ không biết những điều sơ đẳng như “bằng trắc”, “vần”, “điệu”, “nhịp”, v.v. Nhưng nhiều khi cụ viết phá cách, như ở câu 2061 :

Cửa thiên VỪA TRẮNG cuối xuân

hay như ở câu 2760 :

Hỏi chàng VƯƠNG QUAN cùng là Thuý Vân.

Vì sợ cái dấu bằng của chữ TRẮNG ở câu trên, các bản về sau đã thay TRẮNG bằng TIẾT, CŨ, BUỔI, CHẶNG, ĐÃ, nhưng những chữ này thì có ăn khớp gì với câu 2062 sau đó ! Trái lại ở trên có để VỪA TRẮNG CUỐI XUÂN thì mới tiếp xuống được cái cảnh lộng lẫy ở dưới :

Bóng hoa đầy đất, vẻ ngân ngang trời.

Cũng vậy, vì sợ cái dấu bằng của chữ QUAN, có bản đã thay QUAN bằng VỚI, có bản đã thay QUAN bằng LẠI : nhưng đã dùng CÙNG LÀ lại còn thêm LẠI, VỚI ở trước thì còn gì là ngôn ngữ thơ ca !

Tóm lại, những trường hợp trên đây, đều có vì lí do này hay lí do nọ mà nhà thơ bị thiếu sót thì chúng ta cũng nhất thiết phải tôn trọng nhà thơ, phục nguyên lại cho đúng những gì cụ đã viết.

4/ Cụ Hoàng Xuân Hãn đã phát hiện có những chỗ lúc đầu cụ Nguyễn Du đang bám quá sát truyện Tàu, về sau không ưng ý phải đổi. Cụ Hãn cũng cho biết trước áp lực của triều đình cụ Nguyễn Du đã phải bắt đắc dĩ đem thay đi bao nhiêu là chữ để kị huý. Tất nhiên những người sao chép đầu tiên cũng đã gia thêm vào bao nhiêu là sai lầm làm khổ cho nhà thơ. Những trường hợp này, khi phục nguyên, rõ ràng chúng ta không thể để nguyên những gì như hiện thấy ở bản DMT.

Về những điểm về sau nhà thơ tự thấy không ưng ý, phải đem ra sửa chữa lại, trước đây chúng tôi cũng đã có nêu lên một số dẫn chứng. Về mặt nghệ thuật, nhà thơ đổi là để có sự nhất quán từ đầu đến cuối trong tác phẩm ; về mặt tâm lí, nhà thơ đổi là để biểu thị sự căm ghét đối với những nhân vật xấu một cách rõ nét hơn và để biểu thị lòng ưu ái đối với nàng Kiều trong mọi hoàn cảnh, càng sâu đậm càng tốt. Nhà thơ viết về nàng Kiều một cách rất tinh tế, chúng tôi chỉ sợ rằng chưa thấy hết được sự tinh tế ấy trong khi chọn từ ngữ để phục nguyên.

Về chuyện phục hồi những chữ đã bị thay thế để kị huý, nhà thơ mới chỉ làm được một phần đối với thời Lê Trịnh, mà làm cũng với một thái độ tính toán không chút nào đơn giản, như trên đây, ở điểm 7/, chúng tôi đã có phỏng đoán. Còn đối với những chữ bị thay để kị huý triều Nguyễn thì khi sinh thời, nhà thơ đâu dám phục hồi ! Chúng ta phải gắng thay mặt nhà thơ để phục hồi thôi.

Cuối cùng còn lại là vấn đề phục nguyên các dị bản đã vô tình bị các thế hệ sao chép làm cho sai lạc hẳn đi. Việc này cũng không phải dễ. Bởi vì đây không phải chỉ là việc nên chữa lại cái sai như thế nào theo ý kiến chủ quan của chúng ta, mà là việc phải bỏ công sức gắng tìm lại cho kì được cái hay cái đúng vốn có ban đầu trong sơ thảo của tác giả.

5/ Công tác phục nguyên *Truyện Kiều*, theo ý chúng tôi, đòi hỏi chúng ta phải có ít nhất là 4 điểm phải hết sức cố gắng :

Phải cố gắng tiến hành thực tốt việc đối chiếu bản DMT với các bản còn lại ;

Phải cố gắng khai thác hữu hiệu nhất các cứ liệu văn bản ;

Phải cố gắng tránh cho được thái độ chủ quan của con người hiện đại ;

Và phải gắng hiểu cho được thơ với một tâm hồn thơ.

Về điểm đầu, nếu gặp trường hợp dị bản của DMT không thể chấp nhận được thì phải tìm những dị bản được cả miền Bắc được cả Huế ủng hộ để phục nguyên. Ví dụ trong câu 1213 :

Khi NGHE hạnh, khi nét ngài

rõ ràng không thể phục nguyên NGHE HẠNH như ở DMT mà phải phục nguyên KHOẾ HẠNH như ở các bản LVĐ, QVĐ, TMĐ, VNB-60 và ở cả các bản LNP, KOM.

Trường hợp miền Bắc và Huế không nhất trí với nhau thì cần cân nhắc mặt mạnh của mỗi miền để quyết định :

* Chẳng hạn Huế có 2 mặt mạnh : Huế là nơi nắm chắc các lệnh kỵ huý của triều đình ; Huế là nơi có nhiều bậc sĩ phu đã từng được ở gần cụ Nguyễn Du và chắc cũng đã từng được đàm đạo về văn chương chữ nghĩa với cụ ;

* Các bản miền Bắc lại có mặt mạnh khác : đó là những bản dân dã, không có người biên tập, nếu bản nào có một dị bản hợp lí thì dị bản hợp lí đó tất phải tiếp thu từ một nguồn nào khác trong vùng tam giác Thăng Long – Thái Bình – Nghệ Tĩnh ; mà vùng tam giác này lại đúng là vùng đã sản sinh ra *Truyện Kiều*, vùng có nhiều bản sao rất cổ, và đồng thời cũng là vùng đã có sự trao đổi thường xuyên giữa nhà thơ và bà con, bạn bè của nhà thơ vào khoảng 10 năm cuối cùng của thế kỉ XVIII.

Chính vì những lí do đó, chúng tôi đã gạt bỏ chữ THỐI kỵ huý ở hai câu 0243, 0258 để phục nguyên chữ GIỐNG theo hai bản của Huế. Còn ở câu 1991

Thiên trà hồng mai

thì chúng tôi lại gạt bỏ hai chữ RÓT NƯỚC mà bản gốc DMT đã sao nhằm để phục nguyên dị bản CẠN NƯỚC theo bốn bản LVĐ, QVĐ, TMD và VNB-60 của miền Bắc.

6/ Như đã nói, trong công tác phục nguyên phải hết sức coi trọng các cứ liệu về văn bản : cứ liệu về tự dạng, cứ liệu về ngôn ngữ, cứ liệu về thi pháp, v.v. Xin nêu một số dẫn chứng để minh họa :

* Chúng tôi không tán thành đính ngoa kiểu thay ĐỒNG THÂN bằng SONG THÂN, thay LÒNG TƠ bằng LƯỢNG TRÊN, v.v. vì việc đính ngoa kiểu ấy đã hoàn toàn thoát li các đặc điểm về mặt tự dạng :

SONG khác xa chữ ĐỒNG, LƯỢNG khác xa chữ LÒNG, TRÊN khác xa chữ TƠ, làm sao chúng có thể lẫn lộn nhau để bây giờ chúng ta phải đính ngoa ?

* Câu 2230 nên phục nguyên lại như thế nào ? Xét cứ liệu văn bản, chúng ta thấy :

– Về cấu trúc câu, có 2 loại khác nhau khá rõ. So sánh :

Gió mây bằng đã đến KÌ dậm khơi (như ở TVKY)

Gió đưa bằng xí đã lia dậm khơi (như ở LNP).

– Về các dị bản khác nhau, ở loại I, KÌ đã bị thay bằng SÍ/XÍ ở 3 bản, bằng THỈ cũng ở 3 bản ;

– SÍ/XÍ thanh trắc, không gieo vần được, nhưng trong Khang Hi nó có cả âm “kì”, và trong chữ Nôm nó có cả khả năng lí thuyết đọc thành “rìa” ;

– KÌ là tên vua Lê.

Vậy phải phục nguyên KÌ như ở TVKY vì nó thuộc câu có cấu trúc loại I, chiếm đa số (có mặt ở 7 bản) ; nó lại giải thích được chuyện kì huý thành SÍ/XÍ, thành THỈ và thành cả LÌA ở 2 câu thuộc loại II.

* Câu 0267 nên dùng KÍN CỐNG hay KÍN CỔNG ? Chúng ta nay đã quá quen với 4 chữ KÍN CỔNG CAO TƯỜNG, nhưng Tản Đà bảo phải chọn dị bản KÍN CỐNG mới đúng, vì KÍN CỐNG mới ăn khớp với CẠN DÒNG LÁ THẮM ở câu sau, theo đúng tinh thần diễn cổ văn học.

Chúng tôi xin thêm : phải KÍN CỔNG thì mới không mâu thuẫn với nhiều chi tiết khác nữa trong cả đoạn thơ. Nếu đã CAO TƯỜNG mà lại còn KÍN CỔNG nữa thì Kim Trọng ở ngoài đường sao mà thấy được

cả cảnh : *Lơ thơ tơ liễu buông mành ?*
 cả cảnh : *Con oanh học nói trên cành mĩ mai ?*
 cả cảnh : *Mấy lần cửa đóng then cài ?*
 và cả cảnh : *Đầy thêm hoa rụng, biết người ở đâu ?*

7/ Chúng ta là những con người hiện đại. Cứ lấy con mắt người hiện đại mà nhìn thì nhiều khi không thể hiểu người xưa, thơ xưa để phục nguyên cho đúng được. Nay chúng ta quen nói THÂU NGÀY THÂU ĐÊM, chúng ta quen nói cả ĐÊM THÂU nhưng không quen nói NGÀY THÂU. Thế nhưng ở hai câu 2231, 2232, trong bản DMT, cụ Nguyễn Du lại viết :

Nàng thi chiếc bóng song mai

NGÀY THÂU *đăng đẵng nhặt cài then mây.*

Năm bản phản đối, nhất trí chữa lại thành ĐÊM THÂU : trong đó cần chú ý đến 2 bản TMD, VNB-60 của miền Bắc và hai bản LNP và KOM của Huế !

Theo ý chúng tôi, phản đối chỉ là vì ngôn ngữ đã thay đổi, người sao chép, biên tập cứ hời hợt dựa theo thói quen nói năng hàng ngày của bản thân mình để quyết định !

Chỉ cần suy nghĩ sâu một tí là ai cũng sẽ dễ thấy ngay :

Ban đêm mà cài then thì có gì là lạ ? Ai mà chẳng làm thế, chứ đâu phải riêng nàng Kiều ?

Ban ngày mà cài then ngồi trong nhà thì mới rõ cái cảnh cô đơn "chiếc bóng" của người vợ xa chồng và đang mong chồng chứ !

Và ban ngày có cài then ở lì trong nhà thì ngoài sân mới có được cái cảnh rêu mọc đầy, không có dấu chân người, cỏ mọc cao hơn thước, liễu thiếu hơi người, sinh ra gầy gò chứ !

Cứ bỏ trống 2 chữ rồi đọc cả đoạn thơ mà ngâm nghĩ

Nàng thì chiếc bóng song mai

... .. đằng đẵng nhật cài then mây

Sân rêu chẳng vẽ dấu giày

Cổ cao hơn thuốc, liễu gãy vài phân

thì chắc rằng, cuối cùng ai ai cũng phải chịu cụ Nguyễn Du là đúng : phải dùng NGÀY THẦU điền vào chỗ trống.

Chúng ta không quen với NGÀY THẦU vì chúng ta nói tiếng Việt hiện đại. Cụ Nguyễn Du quen với NGÀY THẦU vì cụ nói tiếng Việt thế kỉ XVIII. Ở một đoạn khác, câu 1001, cụ cũng đã từng viết :

Thuốc thang suốt một ngày thầu.

8/ Cuối cùng cũng xin thú thật, có những trường hợp chúng tôi rất băn khoăn.

Chẳng hạn, khi Kim Trọng chia tay Kiều lên đường đi hộ tang, chúng ta có 2 câu sơ thảo 0565–0566 hiện thấy trong 2 bản DMT và ADM là :

Buồn muôn (noi ?) phong cảnh quê người

Tiếng cây quỳên nhặt bóng trời nhận thưa.

Nhưng 2 câu đó, đến 4 bản của miền Bắc và 2 bản của Huế chúng ta lại thấy chúng chuyển thành dị bản :

Buồn trông phong cảnh quê người

Đầu cành quỳên nhặt cuối trời nhận thưa.

Cũng vậy, khi Kiều ngắm cảnh ở lầu Ngưng Bích, bản DMT và bản ADM cho chúng ta 2 câu 1047–1048 :

Buồn trông cửa bể gần hôm

Thuyền ai thoáng cánh gió buồn xa xa.

Nhưng cũng 2 câu đó, ở 7 bản Kiều thế kỉ XIX còn lại chúng ta lại thấy :

*Buồn trông cửa bể gần hôm**Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa*

Chúng tôi đã thử xét các mặt ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng, v.v. theo sự hiểu biết chuyên môn của chúng tôi nhưng chúng tôi vẫn không sao tự trả lời được những điểm đang còn tự thấy băn khoăn, như :

– Phía nào hay hơn, phía 4 câu sơ thảo hay phía 4 câu xuất hiện về sau ?

– Phải chăng 4 câu sơ thảo đang có một số nhược điểm khiến cho cụ Nguyễn Du phải tự nhuận sắc lại ? Và đó là những nhược điểm nào ?

– Hay chính 4 câu sơ thảo là 4 câu có những nét độc đáo mà nhà thơ ưa thích, chúng về sau sở dĩ đổi khác đi chỉ là vì chúng đã bị các nhà biên tập sửa chữa ?

– Vậy chọn lựa như thế nào đây, khi phục nguyên ?

Theo ý chúng tôi, muốn giải đáp được những loại băn khoăn như chúng tôi vừa nêu ở trên, hình như rất cần có thêm con mắt của nhà thơ, rất cần có thêm một tâm hồn thực sự nhạy cảm trước thế giới thơ. Tiếc thay, chúng tôi không có được những cái đó. Chúng tôi đành xin nhường việc tham gia góp ý giải đáp lại cho các thế hệ thi gia nay mai.

Phần thứ hai

**THỬ TÌM HIỂU BẢN SƠ THẢO
ĐOẠN TRƯỞNG TÂN THANH**

1/ Việc biên khảo *Truyện Kiều* có thể đi theo hai hướng khác nhau, nhằm hai mục đích khác nhau:

- Đi theo hướng thứ nhất là nhằm để có được một bản Kiều lí tưởng, với những dị bản chọn được rất đúng, rất hay, có thể thoả mãn được nhu cầu thưởng thức văn học của đồng đảo độc giả ;
- Và đi theo hướng thứ hai là nhằm để có được một bản Kiều càng gần được nguyên tác càng tốt, với những dị bản có thể cổ hơn, lạ hơn, nhưng thoả mãn được nhu cầu tìm hiểu quá trình sáng tác của tác giả.

Hai hướng về lâu về dài sẽ bổ sung cho nhau, nhưng trước mắt chúng tôi xin đi theo hướng thứ hai.

2/ Để làm được việc đó, theo chủ trương của cụ Hoàng Xuân Hãn, chúng tôi sẽ dựa vào bản Duy Minh Thị 1872 là chính, tuy luôn luôn phải đối chiếu với 8 bản Kiều cổ thế kỉ XIX còn lại.

a/ Trường hợp rõ ràng bản DMT bị khắc sai làm mất nghĩa, mất vần thì nhất định chúng tôi phải nghiên cứu, đính ngoa ngay vào trong văn bản, vì lẽ nào tác phẩm của một nhà thơ lớn như cụ Nguyễn Du mà lại có thể phạm vào những điều sai sót sơ đẳng như vậy ;

b/ Trường hợp những câu trong sơ thảo có thể đang còn có vấn đề nhưng hiểu được thì chúng tôi vẫn để nguyên : nếu có những gì cần bình luận về các câu đó thì chúng tôi sẽ xin nêu rõ ở phần chú thích. Chúng tôi đề thành nguyên tắc : những gì liên hệ đến phần suy nghĩ chủ quan của chúng tôi, chúng tôi đều phải để riêng ; những gì liên hệ đến thực tế khách quan của văn bản cũng phải để riêng. Một ví dụ : trong văn bản xưa không có dấu chấm câu thì nay chúng tôi cũng không dám đưa dấu chấm câu vào, vì sợ ghi thêm dấu chấm câu tức là áp đặt cách hiểu riêng của chúng tôi vào văn bản.

c/ Chúng tôi cố gắng bám sát theo tự dạng như phân biệt THỰC với THẬT, VẸN TUYẾN với VẠN TUYẾN, v.v. nhưng khi đọc, khi in, chúng tôi bắt buộc phải tuân theo nguyên tắc : trong loại hình chữ viết như chữ Hán, chữ Nôm bao giờ cũng phải lấy âm phổ thông hiện đại làm chuẩn (trừ những trường hợp quá cá biệt như khi gặp từ ngữ đã chết hay gặp những tiếng địa phương không có dạng tương đương trong tiếng Việt chuẩn mực).

3/ Trong khi bàn về vấn đề phục nguyên chúng tôi luôn luôn đối chiếu với văn bản mà cụ Đào Duy Anh đã cho công bố cuối cuốn *Từ điển Tục ngữ Kiều* in năm 1974 của cụ. Những chỗ chúng tôi cho in chữ hoa tức là những chỗ ít nhiều có sự khác nhau giữa dị bản của cụ Đào Duy Anh với dị bản của bản sơ thảo.

Bên trang lẻ là ảnh chụp bản Nôm, bên trang chẵn là phần quốc ngữ tương ứng, có đánh số trang và câu để dễ so sánh.

1/A

THUYỀN TÂN NIÊN THÂN NHÂM		
VIỆT ĐÔNG	KIM VÂN	TIÊN ĐIỀN
LỘC PHẬT ĐẠI TRẦN NHAI PHÚC	KIỀU	LỄ
KIM NGỌC LÂU PHÁT ĐOÀI	TÂN TRUYỆN	THAM NGUYỄN HẦU SOẠN

壬申年新年錦

德田禮參阮侯棋

金正六翅新傳

粵東佛鍾福
祿泰街金樓發兌

I/B

NHẤT	ĐOẠN	NGỌC	GIAI	
PHIẾN	TRƯỜNG	DIỆN	NHÂN	HOA
TÀI	MỘNG	KHỞI	BẮT	ĐƯỜNG
TÌNH	LÝ	ỪNG	THỊ	PHẠM
THIÊN	CẦN	MAI	ĐÁO	TIÊN
CỔ	NGUYÊN	THỦY	TIỀN	SINH
LUY	LIỄU	QUỐC	ĐƯỜNG	SOẠN
TÂN	BẠC	BĂNG	BÁN	
THANH	MỆNH	TÂM	THẾ	
ĐÁO	CẦM	TỰ	YÊN	
ĐỂ	CHUNG	KHẢ	HOA	
VỊ	OÁN	ĐỐI	TRÁI	
THUY	HẬN	KIM	VỊ	
THƯỜNG	TRƯỜNG	LANG	THƯỜNG	

華堂范先生撰

佳人不是到錢塘

半世煙花債未償

王面豈應埋水國

冰心自可對金郎

斷腸愛裡相緣了

落命琴絲怨恨長

一任才情千竄累

新聲到底爲誰傷

2/A

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy ĐÃ đau đớn lòng
Lạ gì bỉ sắc tư phong
Trời xanh quen VỚI má hồng đánh ghen



Cỏ thơm lần giở trước đèn
Phong tình có lục còn truyền sử xanh
Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh
0010 Bốn phương phẳng lặng hai kinh vững vàng
Có nhà Viên ngoại họ Vương
Gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung
Một trai con thứ tốt lòng
Vương Quan là chữ nối dòng nho gia
0015 Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân
Mai cốt cách tuyết tinh thần
MỘT người MỘT vẻ mười phân vẹn mười
Vân xem trang trọng khác vời
0020 Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

2A

稟辭黜埃敷些
 使戈戕局波桃
 選之彼嗇斯豐
 憐資吝抽畧烟
 浪蘇嘉靖朝明
 固茹員外戶王
 艾羈猥次率恚
 頭恚台制素峨
 梅骨格雪精神
 雲祐莊重恪瀾

20

10

粹才粹色審毘緒僂
 仍調醴覽奄疔疽恚
 丞撐消貝鴈紅打怪
 風情固錄群傳史撐
 眾方滂潮訖京凭鑽
 眾資持拱常匕堀中
 王負毘粹綏泐儒家
 翠翹毘肺脗毘翠雲
 幾得幾屣逝分院逝
 姿丰苔焯濕埤妄囊

2/B

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da

Kiều XEM sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

0025 Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

Sắc đành TRỌI một tài đành họa hai

Thông minh vốn sẵn tư trời

0030 Pha nghề THU' họa đủ mùi ca ngâm

Cung thương lầu bạc NĂM âm

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương

Khúc nhà tay lựa nên XOANG

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân

0035 Phong lưu rất mực hồng quần

Xuân xanh xấp xỉ TRÊN tuần cập kê

Êm đêm trướng rủ màn che

Tường đông ong bướm đi về mặc ai



NGÀY XUÂN con én đưa thoi

0040 Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi

2B

花琪王說端莊
翹祐色稍漫麻
香秋水疽春山
艾仁迎渚迎城
聰明本產資至
宮商滿壩離音
曲茹珣拈絨腔
凡流室墨紅裙
淹綈帳揔幔雲
得春昆烹逸梭

40

靈誇渚運雪讓牟腴
剪皮才色吏異分欣
花性輪審柳慣劍撐
色停隊戔才停和仁
披芸書盛觀味歌吟
芸積啖拋胡琴艾張
艾篇蕩俞吏強惱人
春撐批蕃蓮旬及笄
墻東蛻蛻珍術點埃
韶光九廿色外劫迸

30

3/A

Cỏ non xanh TẠN chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa
Thanh minh GIỮA tiết NGÀY ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh

0045

Gần xa nô nức yến anh
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
Đập dìu tài tử giai nhân
Ngựa xe như nước áo quần như nen

0050

Ngõn ngang gò đống kéo lên
Thoi vàng BỬA rắc tro TÀN DẤY bay
Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thẩn dan tay ra về

Bước dần theo ngọn tiểu khê

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh

0055

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu NHỎ nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

SỜ SỜ nắm đất bên đường

DÀU DẦU ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

Rằng sao trong tiết Thanh minh

0060

Mà đây hương khói vắng tanh thế mà

3A

肅嶽撐葵頭至
 清明神節得匹
 斯餘叔噫燕鷄
 昌耀才子佳人
 衣昂坵塿慘遭
 七膝我術而
 寅蹊院小溪
 片上湖渚挽觥
 除六埏坦边塘
 浪半醵節清明

60

50

梗梨臯點艾排槐花
 礼哭掃墓噲哭踏晴
 肺癰憾所步行制春
 叹車如落襖裙如栴
 按橫飾慟灰錢紙悲
 肺脆他引摘刑戮術
 吝祐片景固皮靖匕
 揲朽弛匕鑪京北昂
 岫匕蔬韜胖橫胖撐
 麻低香燭未醒勢麻

3/B

CHÀNG VƯƠNG mới dẫn gần xa

Đạm Tiên nàng ấy xưa là ca nhi

Nổi danh tài sắc một thì

SÁN QUANH ngoài cửa kém gì yến anh

0065 Kiếp hồng nhan có mong manh

Nửa chừng xuân thoát gầy cành thiên hương

Có người khách ở viễn phương

Xa nghe cũng MẶN tiếng nàng tìm chơi

Thuyền tình vừa ghé ĐẾN nơi

0070 Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ

Buồng không LẠNH ngắt như tờ

Dấu xe ngựa đã rêu mờ xanh

Khóc than khôn xiết sự tình

Khéo vô duyên bấy là mình với ta

0075 Đã không duyên trước chẳng THÀ

THÀ chi chút ĐÍCH gọi là duyên sau

Sấm sanh NÍP GIẤY xe châu

Vùi nông một nắm mặc dầu cỏ hoa

Trải bao thỏ lặn ác tà

0080 Ấy mồ vô chủ ai mà viếng thăm

3B

公企買罪斯餘
 各才色爰時
 劫紅顏固蒙前
 固牙客於遠方
 解情皮晦旦尼
 韃空吟豈如詞
 哭嘆坤掣事情
 奄空綠畧空時
 懺生撮紙車跡
 破色免吝鷄斜

80

70

陰仙娘意初罷歌兒
 訕毓外窗儉之燕鵲
 舛燈春說技梗天香
 賒膺拱吸嗜娘尋制
 時奄替技麗疎色徐
 酒車馭奄掠瀝淋撐
 窖允祿閉罪禽貝些
 時之炒的喻罪綠菱
 暗農艾埕默汕鞠花
 衣墓先土埃麻唻噪

4 / A

Lòng đau sẵn MỎN thương tâm
Thoắt nghe Kiều THOẮT đầm đầm châu sa
Đau đón thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung
0085 Phũ phàng chi bấy hoá công
Ngày xanh mòn mỏi má hồng phôi pha
Sống làm vợ khắp người ta
HẠI thay NẪM xuống LÀ ma không chồng
Nào người phượng chạ loan chung
0090 Nào người tiếc lục tham hồng là ai
Đã không kẻ đoái người hoài
Sẵn đây ta CẮM một vại nén hương
Gọi là gặp gỡ giữa đường
Hoạ là người dưới tuổi vàng biết cho
0095 Lầm rầm khăn vái nhỏ to
Sụp ngồi và CÁO trước mồ bước ra
Một vùng cỏ áy bóng tà
Gió hiu hiu thổi một và NGỌN lau
Rút trâm sẵn giắt mái đầu
0100 Vạch da cây vịnh bốn câu ba vần

38

紅企買引斯餘
各才色爰時
劫紅顏固蒙前
固穿客於遠方
解情皮晦旦尼
轆空吟如詞
哭嘆坤掣事情
奄空綠畧空時
憾生揭紙車跡
破色免吝鷄斜

80

陰仙娘意初罷歌兒
訕訕外南儉之燕鷄
舛燈春說技梗天香
賒賸拱吸啗娘尋制
時奄替技驪練色徐
酒車馭奄撩灑淋撐
害无祿閉罪命貝些
時之妙前喻罪綠菱
暗農爰埕默汕點花
衣墓先上埃麻唵噪

70

4/B

Lại càng mê MÃI tâm thần

Lại càng đứng lạng tần ngần chẳng ra

Lại càng ủ dột nét hoa

Sầu tuôn đứt nối châu sa vắn dài

0105

Vân rằng chị cũng nức cười

CŨNG dư nước mắt khóc người đời SƠ

Rằng hồng nhan tự thuở xưa

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu

Nỗi niềm tưởng đến mà đau

0110

Thấy người nằm ĐẤY biết sau thế nào

Quan rằng chị nói hay sao

Một ĐIỀU là một vận vào khó nghe

Ở đây âm khí nặng nề

Bóng chiều đã ngã dậm về còn xa

0115

Kiều rằng những đấng tài hoa

Thác là thể phách còn là tinh anh

Dễ hay tình lại gặp tình

Chờ xem ắt thấy hiển linh bây giờ

Một lời nói chưa kịp thưa

0120

Phút đâu trận gió cuốn cờ đến ngay

48

吏強迷買心神
吏強塢突涅花
雲浪拂拱噫其
浪紅顏自裸初
緩念想旦麻疔
覩浪婦啲啲牢
於低陰氣碾促
翻浪仍寺才花
易哈情吏及情
艾堅啲渚吸

120

110

吏強時朗秦琅生
愁絲徂緩珠沙燄
拱餘落昧哭昇棧初
丐調泊禽固除埃亮
休尋辦帝別姿勸帝
艾凋咒艾血食善眩
膝胡也我燄衛群除
托咒體醜群咒精炎
徐枯亡休顯靈碑除
艾堯陣邊捲旗旦

5/A

 Ào ào GIÓ LỐC rung cây
 Ở trong đường có hương bay ít nhiều
 Đề chùng ngọn gió lần theo
VẾT giày từng bước in rêu rành rành

0125

 Mặt nhìn ai nấy đều kinh
 Nàng rằng này thực tình thành chẳng xa
 Hữu tình ta lại BIẾT ta
CHẲNG nề u hiển mới là chị em

0130

 Đã lòng hiển hiện cho xem
Tạ lòng nàng lại nối thêm VÀ lời
 Lòng thơ lai láng bồi hồi
Gốc cây lại vạch một bài cổ thi
 Dùng dằng DỞ ở DỞ về

0135

Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần
 Trông chùng thấy một văn nhân
Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng
 Đề huê lưng túi gió trắng
Sau chân theo một vài thằng con con
 Tuyết in sắc ngựa câu giòn

0140

Cỏ pha MÙI áo nhuộm non da trời

5A

洵已遴祿慘核
 昇僮院遙吝瘡
 猶忍埃乃調驚
 有情些吏別些
 缶悉顯現朱祐
 悉疎來朗徘徊
 朔孕捕於捕術
 龍澄体文文人
 提携腋温遴腋
 雪印色馭駒瘠

130

於勸羨固香鑿沙甕
 疳齧曾趾仰泰侯已
 娘浪忍尖精誠空賒
 庄泥番顯買罪肺掩
 謝悉娘吏跋漆翻啞
 恰孩吏拍艾排古詩
 樂熒晃缶嗜脰斯已
 弄槌珥叩趾吝埃冰
 輓頤蹠艾群繩昆已
 黠坡味稷梁嫩膝至

140

5/B

Nẻo xa mới RÕ mặt người
 Khách đà xuống ngựa tới nơi tự tình
 Hải văn lần bước dặm xanh
 Một vùng như thể cây quỳnh cành dao
 0145 Chàng Vương quen mặt ra chào
 Hai Kiều e MẶT nép vào dưới hoa
 Nguyên người quanh quất đầu xa
 Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh
 Nền phú hậu bậc tài danh
 0150 Văn chương nét đất thông minh tính trời
 THIÊN tư tài mạo tốt vời
 Vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa
 Chung quanh vẫn đất nước nhà
 Với Vương Quan trước VẪN là CHU thân
 0155 VẪN nghe thơm nức hương lân
 Một nền Đồng tước khoá xuân hai kiều
 Nước non cách mấy buồngreau
 Những là trộm DẤU thăm yêu chốc mòng
 May thay giải cấu tương phùng
 0160 Gặp tuần đố lá thoả lòng tìm hoa

58

裂賒買燭栢尋
 佳人各趾埃撐
 弘王捐栢黜嘲
 京馱駝橋亮車
 壤富厚壩才名
 天資才貌捧為
 冬醜勿坦渚茹
 羽賁資慙御隣
 倂嶽隅余癡紉
 被台邂逅相逢

160

客缶蠶馭細尼叙情
 爰縫如体核瓊梗瑤
 訖翹依栢納飽薈化
 尹金牖重本茹營緩
 文章坦坦通明性至
 飽醜凡雅黜外豪華
 貝王覘畧勿界同親
 爰堪洞雀嶺春仁嬌
 仍界濫嚼忱腰祝衆
 及旬垢弄妄恚尋化

150

6/A

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai
Người quốc sắc kẻ thiên tài
Tình trong như đã mặt ngoài còn e
0165 Chập chờn cơn tỉnh cơn mê
Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chĩn khôn
Bóng tà như giục cơn buồn
Khách đà lên ngựa người còn NGHE theo
Dưới CẦU DẢI NƯỚC trong veo
0170 Bên cầu tơ liễu bóng chiều THA LA



Kiều từ trở gót trưởng hoa
Mặt trời LẶN núi chiêng đà thu không
Gương nga VẠNH VẠNH đầy song
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân
0175 Hải đường lả ngọn đông lân
Giọt sương TREO nặng cành xuân LA đà
ĐẮM ĐẮM lặn ngắm bóng HOA
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời
Người mà đến thế thì thôi
0180 Đời phần hoa cũng là đời bỏ đi

6A

膝紅落体裊賒
 尋國色几天才
 批塵于醒于迷
 膝斜如逐于盆
 帶楸帶渚蘊顚
 翻白販罽帳花
 麝娥永匕苔窻
 海棠地阮東鄰
 窻匕朗賺膝花
 尋麻旦勘時催

180

170

春香秋菊曼麻奇仁
 情剗如缶柶外洋依
 睽劇庄便撚得參坤
 客缶遊馭尋烱躊躇
 边楸係柳膝朝他豐
 栖歪吝崗鉅缶收空
 廣招痕渚核菴膝璘
 淡霜撿礪梗春兕陀
 吨唐斯貝接賒排匕
 莪繁花拱兕代補琰

六

6/B

Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không
Ngổn ngang trăm mối bên lòng
Nên câu tuyệt diệu ngụ trong tính tình
0185 Chênh chênh bóng nguyệt xế màn
Tựa LAN bên triện một mình thiu thiu
Thoắt đâu thấy một tiểu kiều
Có chiều phong vận có chiều thanh tân
Sương in mặt tuyết pha thân
0190 Sen vàng LĂNG ĐĂNG như gần như xa
CHÀO mừng ĐON hỏi dò la
NGUỒN ĐÀO lạc lối đâu mà đến đây
Thưa rằng thanh khí xưa nay
Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên
0195 Hàn gia ở mé tây thiên
Dưới dòng nước chảy bên trên có cầu
Mấy lòng hạ cố đến nhau
Mấy lời hạ tứ ném châu gieo vàng
Vâng trình hội chủ xem tường
0200 Mà xem trong sổ Đoạn trường có tên

6B

尋亮扱捧夕之
 環昂稟緋邊恚
 征匕膝月熾前
 辛堯休文小妍
 霜印桺雪坡身
 嘲慙噉吻啖罪
 疎浪聲氣初矜
 寒家於厦西阡
 余恚下傾旦旒
 唧呈會主祐祥

280

190

暮甌別固緣之哈空
 穢勾絕妙寓神性情
 掠鸞邊眾文舍燒匕
 固朝凡韻固朝清新
 蓮橫朗荻如斯如賒
 源桃落環亮麻旦低
 買拱恍太班得龜治
 帶泐渚止邊蓮固橋
 余墜下賜捻珠招橫
 麻祐勸效斷腸固旄

7/A

Âu đành quả kiếp nhân duyên
CÙNG người một hội một thuyền đầu xa
Này mười bài mới mới ra
Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ
0205 Kiều vâng lĩnh ý đề bài
Tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm
 Xem thơ THẮC THỎM khen thầm
Giá đành tú khẩu cảm tâm khác thường
 Ví đem vào tập Đoạn trường
0210 Thì treo giải nhất chi nhường cho ai
 Thêm hoa khách đã trở hài
Nàng còn cầm lại một hai tự tình
 Gió đầu sịch bức màn hình ảnh
Tĩnh ra mới biết rằng mình chiêm bao
0215 Trông theo nào thấy đâu nào
Hương thừa NHƯỜNG hãy ra vào đâu đây
 Một mình lưỡng lự canh chầy
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh
 Hoa trôi bèo giạt đã đành
0220 Biết ĐÂU mình biết phận mình thế thôi

7A

歐停果切因綠
尼迸排買匕零
翻唧須意題排
拈疎愚噪嚼恠
齋恍飽集斷腸
墻花客色跋鞋
遙亮鄭幅毫匕
龔蹠市体亮市
艾舍斟慮更迟
花雷蘂洩色停

22c

21c

共尋文會文船虎車
勾神吏慢羌花錄瀉
廂仙艾脉慧迸曲吟
價停繡口錦心恪常
時撿帶一之纔朱埃
娘烺於吏文仁斜情
醒黷買別浪舍占色
香乘纈唉懸飢亮低
塘賒持板婪尼脉焉
別亮舍別分舍勘催

7/B

Nỗi riêng lớp lớp sóng DỒI
Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn
Giọng Kiều rền rĩ trướng loan
Nhà huyền chột tỉnh hỏi cơn cố gì
0225 Cớ CHI trần trọc canh khuya
Màu hoa lê hã dầm dề giọt mưa
Thưa rằng chút phận ngầy thơ
Dưỡng sinh đôi nợ tóc tơ chưa đền
NGAY ngày chơi mả Đạm Tiên
0230 Nhấp đi thoát thấy ứng liền chiêm bao
Đoạn trường là số thế nào
Bà ra thế ấy vịnh vào thế kia
Cứ trong mộng triệu mà suy
Phận con thôi có ra gì mai sau
0235 Dạy rằng mộng triệu cứ đâu
Bỗng không mua nảo chác sâu nghĩ nao
Vâng lời khuyên nhủ thấp cao
Chưa xong điều nghĩ đã dào mạch Tương
Ngoài song thả thả oanh vàng
0240 Nách tường bông liễu RỄ sang NGANG giếng

78

接續笠已涉淮
唾壑嚙吧帳鸞
據之陳濁更曷
踈浪跡分痔踈
得時削塢淡仙
斷腸咒效芳帝
據薊夢兆麻推
戕浪夢兆據亮
卯堅勸解濕高
外憲免矢鶯橫

230

持隊干吏淡涿隊干
茹萱秩醒晦干據之
牟花梨喚遙提淡涿
養生堆女遇絲渚填
臥矮率休應連占色
排戮芳意咏飽芳其
分昆催固黠之枚焚
俸空漠惱朕愁持吊
渚衝淵淺色遙昧湘
脆墻崖柳趾迦昂盈

8/A

Hiên tà gác bóng CHÊNH CHÊNH
HÃY riêng riêng chạnh tắc riêng một mình



Cho hay là GIỐNG hữu tình
Đố ai DÚT mối tơ mảnh cho xong
0245 Chàng Kim từ lại thư song
Nỗi nàng CÁNH cánh bên lòng biếng khuây
Sầu đông càng KHẮC càng đầy

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê
Mây Tần TOẢ kín song the
0250 Bụi hồng LIỆU nỏ đi về chiêm bao
Tuần trăng khuyết đĩa dầu hao

Mặt mơ tưởng mặt lòng ngao ngán lòng
BUÔNG vãn hơi giá như đồng
Trúc se NGÓN tỏ tơ chùng phiếm loan

0255 Mành Tương PHẤT phát gió đàn
Hương DÂY mùi nhớ trà khan giọng tình
Ví chẳng duyên nợ ba sinh
Làm chi đem GIỐNG khuynh thành trêu người
Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người

0260 Nhớ nơi kì ngộ vội dời chân đi

8A

軒斜摘膝鉦匕
朱台異迅有情
私金自吏書窓
愁冬強刻強吾
遜秦質謹窓拋
旬腹快砒仙僑
藤文器這如洞
虬相拂匕遽彈
杏庄綠女匪生
永傾忒景忒駟

260

唉積匕鄭粵貞文倚
妬埃搥懈絲崩朱衝
浚娘更匕也恚更丐
旺秋論吏文賸戩瞽
瑤紅科袈袂術占色
栢慨想楠恚噉嘖恚
竹痴信兇係徊徑鸞
香徒味女柔乾唾情
夕之眈迅頃城撩貯
友尼奇遇倍移踴接

8 / B

Một LÀN cỏ mọc xanh rì
 Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu
 Gió chiều như giục cơn sầu
 Vi LAU hiu hắt như màu CỎI trêu
 0265 Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều
 Xăm xăm đề nỏ Lam kiều lần sang
 Thăm nghiệm kín CỐNG cao tường
 Cạn dòng lá thắm dứt đường chim xanh
 Lơ thơ tơ liễu buông màn
 0270 Con oanh học nói trên cành mả mai
 Máy lần cửa đóng then cài
 Dãy thêm hoa rụng biết người ở đâu
 Tần ngần đứng suốt giờ lâu
 ĐIỀU quanh chợ thấy mé sau có nhà
 0275 Là nhà Ngô Việt thương gia
 BUÔNG không để đó người xa chưa về
 Lấy điều du học hỏi thuê
 Túi đàn cặp sách đề huề dọn sang
 Có cây có đá sẵn sàng
 0280 Có hiền Lãm Thuý nét vàng chưa phai

88

文淵韞木撐漢
遯翊如遂干愁
藝煎收沙想甦
審嚴謹楨高墻
間舒絲柳荒前
余吝閨堞杆棋
秦狙躑梓除數
兕茹吳趙商家
絁裯遊李吻稅
固核固侈產床

280

渚吟蘇勿体之女
簪華鬢亡如年
檄掠侵匕提梟
藍稀吝迎
泫洲莧審
搥塘貼撐
240
昆鶯卒
啞連梗嘆枚
堤塘花明
別尋抄堯
版觥秋体
賈發固茹
疑空衣姑
尋賒借米
爆彈板冊
提携推迎
固軒攬翠
溫熒偕修

9/A

Mừng thâm chốn ấy chữ bài
 Ba sinh âu hẩn duyên trời chi đây
 Song hồ nửa khép cánh mây
 Tường đông NGHẾ mắt ngày ngày hằng trông
 0285 Tắc gang động khoá nguồn phong
 TUYỆT mù nào thấy bóng hồng vào ra



Nhấn từ quán CÁC lân la
 Tuần trăng thấm thoát nay đà TRÒN hai
 Cách tường phải buổi IM trời
 0290 Dưới đào dường có bóng người thướt tha
 Buông cầm xốc áo vội ra
 Hương còn NGÁT SỰC người đà vắng tanh
 Lăn theo RÀO gấm dạo quanh
 Trên đào nhác thấy một cành kim thoa
 0295 Giơ tay với lấy về nhà
 Này trong khuê các đâu mà đến đây
 GẤM âu người ấy báu này
 Chẳng duyên chưa dễ vào tay ai cầm
 Liền tay ngắm nghía biếng nằm
 0300 Hãy còn THOẢNG thoảng hương THÂM chưa phai

9A

惻惻唯意并排
 忘糊舛情題選
 舅舅洞煩源封
 忍自館肉隣哭
 隔墻沛明淹至
 搥琴促襖倍艱
 吝蹺蹺席臆觥
 拗舛損襖術茹
 嘯政尋意宝尼
 連舛瞞睛兩解

290

匹生臥竿祿至之低
 增東時相時匕恒鯉
 促霞帟体膝紅臥艱
 旬岐審卒吟它鯨亡
 帶桃柔固膝尋切他
 香群吸咀尋它求醒
 遠樵落体文梗金釵
 老鍾面閣亮席旦低
 庄錄諸易臥舛換拏
 唉群倘匕香惻諸瓠

300

9/B

Tan sương đã thấy bóng người

Quanh tường ra ý tìm tòi ngăn ngõ

Sinh đà có ý đợi chờ

Cách tường lên tiếng xa đưa ướm lòng

0305 Thoa ĐÁU bắt được hư không

Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về

Tiếng Kiều nghe lọt bên kia

Ởn lòng quân tử sá gì cửa rơi

Chiếc thoa NÀO của mấy mươi

0310 Mà lòng TRƯỜNG nghĩa khinh tài xiết bao

Sinh rằng lân lí ra vào

Gần đây nào phải người nào xa xôi

Được rày nhờ chút HỒI rơi

Kể đà thiếu nảo lòng người bấy nay

0315 Bấy lâu mới được một ngày

Dừng chân gạn chút niềm tây gọi là

Vội VÀO thêm lấy cửa nhà

Xuyến vàng HAI chiếc khăn là một vương

VIN mây đón bước ngọn tường

0320 Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe

9B

散霜龜體膝尋
 生宅古意待徐
 釵滄扒特虛空
 梢矯眩律邊箕
 雙釵帝貼余進
 生浪隣里艤飽
 特勑例垓希速
 閉數買特爰嗎
 倍飢黍祀貼茹
 援迅蹊毗阮墻

320

觥墻艤意尋摧斲
 隔墻蓮梢賒迢厭恚
 別堯合浦麻蒙珠術
 恩恚君子詫之貼沫
 麻恚仗姜輕財掣色
 斯低帝沛尋帝賒吹
 討它少恚尋閉吟
 亭與伴割念而躑異
 創黃仁隻巾饒爰旖
 沛尋暗怒燐麻庄而

340

10/A

Sượng sùng giữ ý rụt rè
Kẻ nhìn rõ mặt người e cúi đầu
Rằng từ ngẫu nhĩ gặp nhau
ĐẮM trông trộm nhớ bấy lâu đã chôn
0325 Xương mai tính đã RÒN mòn
Lần lừa ai biết LẠI còn hôm nay
NĂM tròn như gởi cung mây
Trần trần một phận ấp cây đã liễu
Tiện đây xin một hai điều
0330 Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng
Ngần ngừ nằng mới thừa rằng
Thối nhà băng tuyết chất hằng phỉ phong
Dầu khi lá thắm chỉ hồng
Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha
0335 Nặng lòng xót liễu vì hoa
Trẻ CON đã biết đâu mà dám thừa
Sinh rằng rày gió mai mưa
Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi
Dầu chẳng xét tấm tình si
0340 Thiệt đây mà có ích gì đến ai

10A

尚噤捕意突提
浪自偶亦拔屏
昌梅侯色輪疔
甌輪如改宮選
便低噴爰仁稠
浪馭娘買疎浪
油欺弄審紵紅
礪恁腴柳為花
生浪易臉枚湄
油庄察賦悵痴

340

兒認燈柄尋喉踰頭
晚龍湓女碑數色疔
吝駢埃別吏洋暗吟
陳匕文分梔核色料
臺翹燭旦跼蘇朱庄
腿茹冰雪質恒菲封
誠庄時拱在恁媛吒
池昆色別堯麻敢疎
暎春色易情期余欺
苦低麻固益之旦埃

330

10/B

Chút chi gấn bó một hai

Cho đành rồi sẽ liệu bài mối manh

Khuôn thiêng dầu phụ tặc thành

Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời

0345 Lượng xuân dầu quyết hẹp hòi

Công đeo đuổi chẳng thiệt thòi lắm ru

Lặng nghe lời nói như ru

Chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng

Rằng ĐANG buổi mới lạ lòng

0350 Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang

Đã lòng quân tử đa mang

Một lời vâng tặc đá vàng thủy chung

Được lời như cổi tấm lòng

Giở kim HOÀN với khăn hồng trao tay

0355 Rằng trăm năm cũng từ đây

Của tin gọi một chút này làm ghi

Sấn tay bả quạt hoa quỳ

Với càn thoa ấy tức thì đổi trao

Một lời VỪA GẮN tất giao

0360 Mé sau đường có xôn xao tiếng người

10B

吻之恩啼文
 惆韻油負粵
 量春油夾狹
 朗眩啞啞如
 浪欺明買選
 缶恚君子多
 特啞如拾凡
 浪稟甌拱自
 產穉把擺花
 文啞皮咀漆

360

朱停未仕料
 拱料補過春
 功刁跼庄舌
 朝春易遺湟
 咏恚固裡拾
 艾啞叩鑒硤
 拈金珠買巾
 賄信噲文悞
 貝梗釵意即
 履萎素固咄

370

排銜前
 撐艾莪
 催稟由
 硤顯
 朱登
 始終
 紅拌
 尼夕
 樹排
 哨身

II/A

Vội vàng lá rụng hoa rơi
 Chàng về THƯ VIỆN nàng dòi lầu trang
 Từ phen đá biết tuổi vàng
 Tình càng thấm thía LÒNG càng ngăn ngại
 0365 Sông Tương một dải nông sờ
 Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia
 Một tường tuyết CHỖ sương che
 Tin xuân đâu dễ đi về cho năng



Lần lần ngày gió đêm trăng
 0370 Thừa hồng rậm lục đã chùng xuân qua
 Ngày vừa sinh nhật ngoại gia
 Trên hai đường dưới nữa là hai em
 Từng bừng sắm ÁO SỬA xiêm
 Biện dâng một lễ xa đem tấc thành
 0375 Nhà lan thanh vắng một mình
 GẤM cơ hội ngộ đã dành CÓ nay
 Thì trần thức thức sẵn bày
 Gót sen THOẮT thoát dạo ngay mé tường
 Cách hoa sẽ dựng tiếng vàng
 0380 Dưới hoa THẤY ĐÃ có chàng đứng trông

11A

倍傍并泖花涑
自番破別歲憤
淹湘文縉農涂
艾墻雪渚霜霰
客匕時膾店肢
時皮生日外家
贈婢幟襖所襜
茹香清水艾舍
時珍式匕產排
隅花仕孥皆熿

370

380

拙米卡院娘移樓粧
情強涉拭悉強僅與
边超頭怒边除膾其
信春堯易移米朱能
疎江甚綠匱浣春戈
連亡堂蘇女羿亡嬌
卞豈艾礼賒恍粵誠
啼机会遇匱停固尼
踏蓮平匕躋甌厦墻
翬花体匱固拙跂龔

II/B

- Trách lòng hờ hững BẤY lòng
 Lửa hương chốc để lạnh lòng bấy lâu
 Những là đắp nhớ đổi sầu
 Tuyết sương nhuộm nửa mái đầu hoa râu
 0385 Nàng rằng gió bắt mưa cầm
 Đã cam tộ với tri âm bấy chầy
 Vắng nhà được buổi hôm nay
 Lấy lòng gọi chút ra NƠI tạ lòng
 Lăn theo núi giả đi vòng
 0390 Cuối tường dường có nẻo thông mới rào
 SẮN NGANG mở MẶT động đào
 Rẽ mây trông RỖ lối vào Thiên thai
 Mặt nhìn mặt càng thêm tươi
 Bên lời vạ phúc bên lời hàn huyền
 0395 Sánh vai về chốn thư hiên
 NGÂM lời phong nguyệt nặng nguyên non sông
 Trên yên bút giá thi đồng
 Đạm thanh một bức tranh từng treo trên
 Phong sương được vẽ thiên nhiên
 0400 Mặn khen nét bút càng nhìn càng tươi

11B

責恁响嘖闭恁
 仍界谷汝对愁
 浪浪脸扒渭吟
 冰茹特眼歌吟
 吝蹁岗假珍妄
 赴昂鞠栖洞捶
 栖認栖弦添鮮
 聘酥術淮書軒
 連案笔架待尚
 凡霜特銖天然

400

390

照香祝底冷浦闲数
 雪霜染妹賣頭花恁
 也甘聲貝知音闲迟
 秘恁吟郎琴尼謝恁
 膽墙美固裊通質操
 技速鯉糟豆包天台
 迈啞萬福边歪寒喧
 吟啞夙月碾願巖淹
 淡情艾幅慎松榛蓮
 喂啗湿毛弦認強鮮

12/A

Sinh rằng phác hoạ MỚI rồi
Phẩm đề xin một vài lời thêm hoa
Tay tiên gió tấp mưa sa
Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu

0405 Khen tài nhả ngọc phun châu
Nàng Ban ả Tạ cũng đâu thế này
Kiếp tu xưa ví CHỮA dày
Phúc nào ĐỔI được giá này cho ngang
Nàng rằng trộm liếc dung quang
0410 Chẳng sân Ngọc bội thì phường Kim môn
Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn
Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay
Nhớ từ năm hã y thơ ngây
Có người tướng sĩ đoán ngay một lời
0415 Anh hoa phát tiết ra ngoài
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa
Trông người lại NGẤM VÀO ta
Một dày một mỏng biết là có nên
Sinh rằng giải cấu là duyên
0420 Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều

12A

生浪扑破買未
 種仙脰匝涓汝
 曙才咆王噴珠
 劫修初古渚醇
 娘浪濫烈容光
 持禽分策翹螭
 汝自舖吹疎彳
 美華發世黥外
 齷尋吏瞋臥些
 生浪邂逅咒錄

420

410

品題真文排壓漆花
 壙連傳毛草觀舉勾
 琅班呵謝拱亮世尼
 福市樹特價尼朱昂
 拯蟻王佩時坊金白
 困撐別固旆論席哈
 固臥相士嶺鈕文堅
 拜秋溥禽文茂才華
 爰靜爰蒙別咒固誠
 初矜人定勝天拱齧

12/13

Ví dù giải kết đến điều
Thì đem vàng đá mà liều với thân
Đủ điều trung khúc ân cần
Lòng xuân PHỐI phối chén xuân tàng tàng
0425 Ngày vui VẮN chẳng đầy gang
Trông ra ác đã ngậm gương non đoài
Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai
Giã chàng nàng mới kíp dời song sa
Đến nhà vừa thấy tin nhà
0430 Hai thân còn dở tiệc hoa chưa về
Cửa ngoài vội rủ rèm the
Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình
Nhặt thưa gương giọt đầu cành
Ngọn đèn trông lọt trướng huỳnh hắt hiu
0435 Sinh vừa tựa án thiu thiu
Dở chiều như tỉnh dở chiều như mê
Tiếng sen sẽ động giấc hoè
Bóng trăng đã TRỞ hoa lê lại gần
Bâng khuâng đỉnh Giáp non Thần
0440 Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ màng

12B

油香解結旦調
 規調裏曲慙慙
 時孟鯁極醇異
 脉茹圭便勢佳
 旦茹皮体信茹
 南外倍揜謙施
 日疎剗松頭梗
 生皮捫案燒匕
 嗜連仕動戕槐
 冰傾嶺炭蔚神

440

430

時恍黃發麻料貝身
 惡春冰匕噉春藏匕
 醴鼎鷄缶吟剗熾兌
 嗜私賑買急寢窓沙
 仁親烱背席花渚術
 侵匕求強園暑爰舍
 荒州醴率振螢匕翼
 指朝如醒捕朝如迷
 腓膝缶跋荏梨吏斯
 洋抄戕夢店春辨信

13 / A

Nàng rằng khoảng vắng đêm trường
Vì hoa CHO phải trở đường tìm hoa
Bây giờ TỔ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao
0445 Vội mừng làm lễ rước vào
Đài sen nổi sập SONG đào thêm hương
Tiên thê cùng CHUỐT một chương
Tóc mây một món dao vàng chia đôi
Vùng trăng VẶC vặc giữa trời
0450 Đình ninh hai MẶT một lời song song
Tóc tơ căn vặn tắc lòng
Trăm năm tạc một chữ đồng TÀNG xương
Chén hà sánh giọng quỳnh tương
Dải là hương lộn bình gương bóng lồng
0455 Sinh rằng gió mát trăng trong
Bấy lâu nay một chút lòng chưa cam
Chày sương chưa nện cầu Lam
Sợ lần khân quá ra sàm sỡ chẳng
Nàng rằng hồng điệp xích thằng
0460 Một lời cũng đã tiếng rằng tương tri

13A

眼浪瞋承店長
悲除訴賴堆些
倍惘夕札違色
箋誓拱律文章
暈腰絨匕冲歪
速係根索界瑟
嚙霞聘唾瓊漿
生浪瞋沫肢舛
跼霜渚撮株益
姮浪紅葉赤繩

460

450

爲花朱沛杜嬀鼻作
別堯素夕庄毘占色
毫蓮綏獵窓僂漆香
遞遜艾初刀橫艾堆
丁寧仁栖艾啞双匕
冪煇鑒艾梓炯藏昌
緋泔香禰屏薊膝菴
閉數吟艾粍瑟渚耳
悖吝巾過瞵淡所庄
艾啞拱龜嗜浪相知

13/B

Đùng điều nguyệt nọ hoa kia
 Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai
 Rằng nghe nổi tiếng cầm đài
 Nước non luống những lẳng tai Chung Kì
 0465 Thừa rằng tiện kĩ sá chi
 Đã lòng dạy đến dạy thì phải vâng
 Hiên sau treo sẵn cầm trăng
 Vội vàng sinh đã tay nâng ngang mây
 Nàng rằng nghề mọn riêng TÂY
 0470 Làm chi cho NẶNG lòng NGƯỜI lắm thẩn
 So dần dây vũ dây văn
 Bốn dây to nhỏ theo vần cung thương
 Khúc đâu SỞ HÁN chiến trường
 Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau
 0475 Khúc đâu Tư mã HOÀNG cầu
 Nghe ra như oán như sầu phải chăng
 Kê Khang này khúc Quảng Lăng
 Một rằng lưu thủy hai rằng hành vân
 Quá quan này khúc Chiêu quân
 0480 Nửa phần luyện chúa nửa phần tư gia

13B

停調月怒在
 浪暉後嗜琴臺
 疎浪賤技詫之
 軒姿掠產琴膝
 娘浪芸尚積面
 护寅褰武褰文
 曲亮楚漢戰場
 曲亮司馬鳳求
 誓康尼曲廣陵
 過朗尼曲昭君

480

470

郊驥埃夷暗之貝矣
 諾巖隔仍嘲腮鍾期
 也悉咤旦唯時沛邗
 倍傍生屯痴搥昂眉
 夕之朱碾悉尋凜申
 畢續蘇馳蹕韻宮商
 眩瞶嗜舛嗜熿扞僥
 眩瞶如怨如愁沛庄
 文浪流水仁浪行雲
 畔分壹主畔分思家

14 / A

Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài
Tiếng mau SẬP sập như trời đổ mưa

0485 Ngọn đèn khi tỏ khi mờ
Khiến người ngồi ĐẤY CỬNG ngơ ngẩn sầu
Khi tựa gối khi cúi đầu

Khi vò chín khúc khi chau đôi mày
Rằng hay thì THỰC là hay

0490 Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào
LỰA chi những bực tiêu tao
ĐỘT lòng mình cũng nao nao lòng người
Rằng quen mất nét đi rồi

Tẻ vui thôi cũng tính trời biết sao

0495 Lời vàng vâng lĩnh ý cao
Hoạ dần dần bớt chút nào được không
Hoa hương càng tỏ thức nồng
Đầu mày cuối mắt càng nồng tấm yêu
Sóng tình XEM đã xiêu xiêu

0500 Xem trong âu yếm có chiều lả lơi

14A

魴娘嗜鶴冠戈
嗜寬如然側外
荒州欺赫欺憊
欺擲贈欺伶頭
浪哈時實哭哈
聽之仍堪蒲騷
浪消秩濕埃未
墜橫唧頌意高
花香強訴式社
弄情佔也漂匕

500

490

濁如嗜淚買以肝
嗜吒立匕如歪規滑
遺尋銑帝拱魚重愁
欺衿危曲欺珠堆眉
肱耽吟卷啣咳勞帝
突悉禽欺冤匕悉尋
批孟催拱牲歪別牢
和寅匕扒靴市特空
頭瑁驗樞強濃恥腰
粘魴欧仄固朝沿疎

四

14/13

Thưa rằng đừng lấy làm chơi

Để cho thưa hết một lời đã nao

Vĩ chi một đoá yêu đào

Vườn hồng chi dám ngăn rào chim xanh

0505

Đã cho vào bạc bố kinh

Đạo tông phu lấy chữ trinh làm đầu

Ra tuồng trên Bộc trong dẫu

Thì con người ấy ai cầu làm chi

Phải điều ăn xối ở thì

0510

Tiết trăm năm nở bỏ đi một ngày

GẤM duyên kì ngộ xưa nay

Lúa đôi ai lại đẹp tày Thôi Trương

Mây mưa đánh đổ đá vàng

Quá chiều nên đã chán chường yến anh

0515

Trong khi BÀY cánh liền cành

Mà lòng rẽ rúng đã dành một bên

Mái tây để lạnh hương nguyên

Cho duyên đầm thắm ra duyên bể bàng

Gieo thoi trước chẳng giữ giàng

0520

Để sau nên thẹn cùng chàng bởi ai

14B

踈浪停視夕辭
尾之文衆天桃
色朱飢扁布削
黜從蓮外勸撻
沛調安喙於時
啼綠奇遇初吟
遙湄打覩碇蕙
融欺排翹蓮梗
履西底吟香願
招梭畧極筭床

520

510

港朱踈飲交啞色荒
園狂之敢狼巢鴟撐
道佚夫袒筭貞夕頭
時昆尋意埃求夕之
節慕解女補珍文暘
侶堆埃吏難育催張
過朝鍼色噉呈燕鵲
靡恚襪黻色呈文邊
朱祿潭審別祿彼傍
底姿鍼嚙拱弘黜埃

15/A

Vội chi liễu ép hoa nài
 Còn thân CÒN MỘT đèn bồi có khi
 Thấy lời đoan chính dễ nghe
 Chàng càng thêm nể thêm vì mười phân
 0525 Bóng tàu vừa lạt vẻ sân
 Tin đâu đã ĐẾN cửa ngăn gọi vào
 Nàng thì vội trở buồng thêu
 Sinh thì dạo BƯỚC sân đào VỘI ra



Cửa sài vừa ngỏ then hoa
 0530 Gia đồng vào gửi thư nhà mới sang
 Dem tin thúc phụ từ đường
 Bơ vơ lữ thấn tha hương đề huề
 Liêu dương cách trở sơn Khê
 Xuân đường kíp gọi sinh về hộ tang
 0535 MẮNG tin xiết nỗi kinh hoàng
 Băng mình LÉN trước đài trang tự tình
 Gót đầu mọi nỗi đình ninh
 Nỗi nhà tang tóc nỗi mình xa xôi
 Sự đâu chưa kịp đôi hồi
 0540 Duyên đâu chưa kịp một lời trao tơ

ISA

倍之柳柳花奈
 体唾端正易瞋
 膝艸皮弊銖璘
 娘時信販籬挑
 菊柴皮均杆花
 快信叔父薛堂
 遼陽隔阻山溪
 隣信掣浚鴛惶
 躡頭每浚叮咛
 事晃渚及堆回

540

530

群身炸艾填倍固欺
 弘驗係除係為近分
 信晃缶旦罔垠吟包
 生時躡跳璘桃倍黷
 家童飽吸書節買郎
 巴為猴殞他鄉提携
 椿堂急吟生術訪喪
 冰禽輦畧臺銑叙情
 浚茹裘逮浚禽車吹
 禄晃渚及艾唾萍絲

15/B

Trăng THÊM còn đó trơ trơ

Dám xa xôi mặt mà thừa thốt lòng

Ngoài nghìn dặm chốc ba đông

Mối sầu khi gỡ CHUẢ xong còn chầy

0545 Gìn vàng giữ ngọc cho hay

Cho đành lòng kẻ chân mây cuối trời

Tai nghe ruột rối bởi bởi

NHỊN ngừng nàng mới giải lời trước sau

Ông tơ ghét bỏ chi nhau

0550 Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi

Cùng nhau trót đã nặng lời

Dấu thay mái tóc dăm đời lòng tơ

Quản bao tháng đợi năm chờ

Nghĩ người ăn gió nằm mưa xót thâm

0555 Đã nguyên hai chữ đồng tâm

Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai

Còn non còn nước còn dài

Còn về còn nhớ đến người hôm nay

Dùng dằng chưa nỡ DỜI tay

0560 Vừng đông TRÔNG đã đứng ngay nóc nhà

15B

廢墻洋洋初
 外舞埃杙
 纏熿苻玉朱台
 聰暗脾飯排匕
 奚繇結補之僂
 拱庑率屯礪墜
 管色膺待陷徐
 也願堆苻同心
 洋洋浩洋洋洩
 邇孕渚女移殖

660

660

敢賒吹極麻踈撻
 襁愁欺擇渚衝洋洋泥
 朱停恚几蹇逖駘至
 忍孝娘買特啞畧姿
 渚孟森合屯愁支醜
 酉台廩逮敢移恚繇
 後昇吩戢潮涓忪忒
 冪薊誓庄指寒昭埃
 洋洋女旦昇暗吟
 暈東鬘屯卽血耨茹

16 / A

Ngại NGẦN một bước một xa
 Một lời trân trọng châu sa mấy hàng
 Buộc yên quải gánh vội vàng
 Mối sầu sẻ nửa bước đường chia hai

0565

Buồn MUÔN phong cảnh quê người
 TIẾNG CÂY quyền nhật BÓNG trời nhận thừa
 Nào người NGOÀI gió LÁNG mưa
 Một ngày nặng gánh tương tư một ngày



0570

Nàng THÌ đứng RŨ hiên tây
 Chín hồi vấn vít như vầy mối tơ
 Trông chừng khói ngất song thưa
 Hoa trôi TRÁC thấm liễu xơ xác vàng
 Tần ngần dạo gót lầu trang
 Một đoàn mừng thọ ngoại hương mới về

0575

Hàn huyền chưa kịp đã đề
 Sai nha bỗng thấy bốn bề xôn xao
 Người nách thước kẻ tay đao
 Dầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi

0580

Già giang một lão một trai
 Một dây vô LẠI buộc hai thâm tình

16A

岐銀交此交餘
 抄鞍捶梗倍僂
 忿因尾景围身
 將昇眈臉浪涓
 腹時跼癰軒面
 顰澄熈老忘踈
 秦艮瞋踰樓粧
 寒暄渚及鴻提
 馱膺幾几瑤刀
 搗披艾老艾黠

580

艾唾珍重珠沙余行
 銻愁仕婢趾塘支仁
 嗜核鵠日膝歪鴈踈
 艾明顰梗枳思艾明
 尪回回曰如圖銀係
 花滔卓審節賒壳黃
 艾團惻壽外御買術
 羞衙俸寬翠皮咄嗟
 頭樓栖馭切匕如儒
 艾裋先賴仙仁深情

570

16 / B

Đầy nhà vang tiếng ruỗi xanh
Rụng rời khung dệt tan tành gói may
Đồ tể nhuyển của riêng tây
Sạch sành sanh QUÉT cho đầy túi tham
0585 Điều đâu bay buộc ai làm
Này ai đan RẬP giắt giằm bỗng dưng
Hỏi ra sau mới biết rằng
Phải tên xưng xuất LÀ thằng bán tơ
Một nhà hoảng hốt gần ngơ
0590 Tiếng oan dậy đất án ngờ RẶNG mây
Hạ từ van VÁI suốt ngày
Điếu tai lân tuất phũ tay tồi tàn
RUỜNG cao rút ngược dây oan
Dấu NGƯỜI đá cũng nát gan lọ người
0595 Mặt trông đau đớn rụng rời
Oan này còn một kêu trời nhưng xa
Một ngày lạ thói sai nha
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền



Sao cho cốt nhục vẹn tuyền
0600 Trong khi ngộ biến tông quyền biết sao

16B

苦茹味嗜酥撐
圖細軟貼積而
綢亮纏下埃夕
晦黥姿買別浪
文茹恍惚鯁魚
下辟噴哧卒駟
慄高弔戾鍊宛
栖醴疔疽湘涑
艾暝逃退差衙
牢朱骨肉院全

600

590

湧遠望鏈散情繪埋
沚砒生振朱苦礪貧
尼埃卑位袂緘俸仍
沛潞称出寥尚丰絲
嘴窵咤坦案考潯遜
的腮璘恤負殖摧殘
酉身倭拱濕肝路昇
宛尼痒艾叶歪仍除
夕朱醢害庄戈為茂
鄣欺遇變從權別牢

17/A

Duyên hội ngộ đức cù lao
CHỮ tình CHỮ hiếu bên nào nặng hơn
Để lời thệ hải minh sơn

Làm con trước phải đền ơn sinh thành

0605 Quyết tình nàng mới hạ tình

Để cho để thiếp bán mình chuộc cha

Họ Chung có kẻ lại già

Cũng trong nhà dịch lại là từ tâm

Thấy nàng hiếu trọng tình thâm

0610 Vì nàng nghĩ cũng thương thâm xót vay

Tính bài lót đó luồn đây

Có ba trăm lạng việc này mới xuôi

Hãy CẦU tạm phó giam ngoài

Dặn nàng quy liệu trong đôi ba ngày

0615 Thương NÀNG con trẻ thơ ngây

Gặp cơn vạ gió tai bay bất kì

Đau lòng tử biệt sinh li

Thân còn CHẢ tiếc tiếc gì đến duyên

Hạt mưa sá NGẠI phận hèn

0620 Liệu đem tắc cở quyết đền ba xuân

17A

緣會遇衍劬勞
底啞誓海盟山
決情娘買下情
戶終固几吏糶
体娘孝重情深
俟排律妬踰低
唉衆暫付盡外
傷娘昆杜疎疼
疔惡死別生離
昌渭咤砒分賢

620

610

粹情粹孝边帟限欣
夕昆畧沛填恩生成
泥朱底妾半命贖吒
拱勸衙役吏異慈心
爲娘扶拱傷恍恍爲
固匪稟兩役尼買吹
胤娘規料勸堆匹睇
披干禍釵灾悲不期
身泮諸惜匕之旦録
料完舅鞋决填匹春

17/B

Sự lòng ngổ với băng nhân

Tin sương đồn đại xa gần xôn xao

Gần miền có một mụ nào

Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh

0625 Hỏi tên rằng Mã giám sinh

Hỏi quê rằng huyện Lâm Thanh TẢN gần

Quá niên trạc ngoại BỐN tuần

RÂU MÀY nhấn nhụi áo quần bảnh bao

Trước thầy sau tớ lao xao

0630 Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang

GHẾ trên ngồi tốt SẴN sàng

Buồng trong mối đã ĐƯA nàng kíp ra

Nổi mình ĐANG tức nổi nhà

Thêm hoa một bước GIỌT hoa mấy hàng

0635 Ngại ngừng NẢN gió e sương

NGỪNG hoa bóng thẹn trông gương mặt dày

Mối càng VUỐT tóc bắt tay

Nét buồn như cúc điệu gầy như mai

Đẩn đo cân sắc cân tài

0640 Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ

17B

事悉垓貝水人
斯何固文媒市
晦耄浪馬監生
過年擢外舉旬
畧柴萎側牢敲
拵連駟率產床
緩伶登息緩茹
矜顛那臙吹霜
衡強撻逖扒珏
旦都介色斤才

640

650

信霜咆喉賒斯咄敲
遙馱遠客尋臥同各
晦國浪縣臨清散斯
鬚瑁忍隊煥裙丙色
如水遙衡遑飽樓粧
騰醜侮缶遙順急戮
蟾花艾趾咲花余行
吟花膝惺趨詞樞譟
濕盆如菊徧熨如梅
抑宮琴月此牌擗踈

18 / A

Mặn nồng một vẻ một ưa

Bằng lòng khách mới tùy cơ dặt dều

Rằng mua ngọc đến Lam kiều

Sính nghi xin dạy bao nhiêu ĐỂ CHIỀNG

0645

Mối rằng ĐÁNG GIÁ nghìn vàng

DÓP nhà nhờ lượng người thương dám nài

Cò kè bớt một thêm hai

Giờ lâu ngã giá VẰNG ngoài bốn trăm

Một lời thuyền đã êm giầm

0650

Hãy đưa canh thiếp trước cầm làm ghi

Định THỜI nạp thái vu quy

Tiền lưng đã THẤY việc gì chẳng xong

Một lời cậy với Chung công

Khất từ tạm lĩnh Vương ông về nhà

0655

Thương NÀNG con trẻ cha già

Nhìn nàng ông ĐÃ máu sa ruột rầu

Nuôi con những ước về sau

Trao tơ phải lúa gieo cầu đáng nơi

Trời làm chi cực bấy trời

0660

Này ai vu thác cho người hợp tan

18A

曼爍爍艾株艾株
浪浪王且藍橋
衡浪登價封黃
鴛棋扒艾條仁
艾陞船包脩譚
定時納采千歸
文陞聰以終公
傷娘昆祀吒豬
緩昆仍鈞術姿
至夕之極困至

450

平悉容買隨例也
聘使嗔咤色燒帝呈
披茹伽量昇傷敢奈
徐數我價叩外翠鼎
矣遐翹帖畧吟少艷
戕腰色覓役之庄衝
今銅暫頒王龔徭茹
聰娘龔色帶紗曄油
拌繇帥侶招株登尼
尼埃証託宋歌合散

18/13

Búa ĐAO bao quản thân tàn
Nỡ đày đoạ trẻ càng oan khốc già
Một LỜI sau trước cũng là
Thôi THÀ mặt khuất chẳng thà lòng đau

0665

Theo lời như chảy dòng châu
Liều mình ông đã gieo đầu tường vôi
Vội vàng kẻ giữ người coi
Nhỏ to nằng lại tìm lời khuyên can
Vĩ chi một mảnh hồng nhan

0670

Tóc tơ chưa chút đèn ƠN sinh thành
Dâng thư đã thẹn nàng Oanh
Lại thua ả Lí bán mình hay sao
Cội xuân tuổi hạc càng cao

0675

Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành
LÒNG TỪ dù chẳng dứt tình
Gió mưa âu hắt tan tành nước non
THÀ rằng liều một thân con
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây
Phận sao đành vậy cũng vậy

0680

Cầm như chẳng ĐẬU những ngày còn xanh

18 B

斧刃色骨身殘
艾堅轆轤拱鼎
蹊墜如吐朋侪
倍傍凡符尋鬼
尾之兔牘紅顏
豨書色懽順鶯
棟椿歲鶴強高
恚絲仙庄懽情
時浪料艾身昆
分牢停丕拱丕

680

女舌墮繼強冤酷純
催奇栖夙拯時恚疔
料肉弁色招頭墻師
孫蘇眼吏尋堅劾下
逮係緒斷填恩生成
吏輸如李半命咱年
艾核撰卦別色癯梗
脰速歐罕散張諸輩
花仙色颺亦炸撐核
拾如庄杜仍時炸撐

670

19 / A

Cũng đừng tính quẩn TÍNH quanh
 Tan nhà là một thiệt mình là hai
 Phải lời ông cũng êm tai
 Nhìn nhau giọt VẮN giọt dài ngổn ngang
 0685 Mé ngoài họ Mã vừa sang
 Tờ hoa đã kí cân vàng mới trao
 Trăng già độc địa làm sao
 Cầm dây chẳng lựa buộc vào tự nhiên
 Trong tay đã sẵn đồng tiền
 0690 Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì
 Họ Chung ra sức giúp vì
 Lễ tâm đã đặt tụng kì cũng xong



Việc nhà đã tạm thông dong
 Tinh kì giục già đã mong độ về
 0695 Một mình NÀNG ngọn đèn khuya
 Áo dầm giọt TỬ tóc se MỐI sầu
 Phận rầu dầu vậy cũng dầu
 Xót lòng đeo đẳng bấy lâu một lời
 Công trình kể biết mấy mươi
 0700 Vì ta khăng khít cho người dở dang

19A

拱停侯客炙觥
沛墜翁拱淹聰
賈外戶馬皮迎
腴靺蝕地夕牢
坤珣缶座洞茂
戶終黜房批爲
役茹缶漸從容
爰舍脰院烟昇
分油匕丕拱油
功程計別余進

700

690

散茹羌艾舌舍罪
認僥淡辨侯毀滾昂
河花缶記介橫買拌
吟縷庄攄糾匳自然
仙慙對臬台顛苦之
礼心缶達訟期拱衝
星期促者缶蒙度術
襖徭淡碎還車海愁
悞慙刀芽困數爰墜
爲些噤喫朱尋均揚

19/B

Thề LÒNG chưa ráo chén vàng

Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa

Trời Liêu non nước bao xa

Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi

0705 Biết bao duyên nợ thề bồi

Kiếp này thôi thế thì thôi còn gì

Tái sinh chưa dứt hương thề

Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai

Nợ tình chưa GIẢI cho ai

0710 Khối tình mang xuống Tuyền đài chưa tan

NIỀM riêng riêng những bàn hoàn

Dầu chong trắng đĩa GIỌT tràn THẮM khăn

Thúy Vân chợt tỉnh giấc xuân

Dưới đèn ghé đến ân cần hỏi han

0715 Cơ trời dẫu bể đa đoan

Một nhà để chị riêng oan một mình

MỘT MÌNH ngồi nhẩn tàn canh

Nỗi riêng còn mắc MUỐI tình chi đây

Rằng lòng đang thốn thức đây

0720 Tơ duyên còn vướng mối này chưa xong

198

誓惡諸燥熾廣
 玉遠巢涕色賒
 別色錄女誓僧
 再生渚樾香誓
 女倩渚者朱埃
 念貞匕仍盤恒
 翠雲秩醒眠春
 柯歪槐波多端
 艾命聯忍更殘
 浪悉豆付戎肴

720

710

候誓催色負僂貝花
 持堯把鞘支茹自碎
 劫尼催芳時催婢之
 夕身騷馭填菱竹梅
 瑰情芒龜泉臺堵散
 汕終泉砲淡園樞巾
 帶烟晴旦慙慙晦嘒
 艾茹底肺積寃艾命
 溪貞炸默買情之低
 昆絲炸王緝尼渚衙

20/A

Hở môi ra cũng thẹn thùng

Để lòng thì phụ tấm lòng với ai

Cậy em em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa

0725 Giữa đường đứt gánh tương tư

Keo loan chấp mối tơ thừa mặc em

Kể từ khi gặp chàng Kim

Khi ngày quạt ước khi đêm chén thề

Sự đâu sóng gió bất kì

0730 Hiếu tình CÓ NHỂ hai bề vện hai

Ngày xuân em hãy còn dài

Xót tình máu mủ thay lời nước non

Chị dù thịt nát xương mòn

Ngậm cười chín tuổi CŨNG còn thơm lây

0735 Chiếc vành với bức tờ mây

Duyên này thì giữ vật này của chung

Dầu em nên vợ nên chồng

Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên

Mất người GỌI chút của tin

0740 Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa

20A

炸枚夥拱懽春
 悵嬌亡固韶陞
 神塘担揠相思
 計自欺及私金
 事堯僊臉不期
 得春嬌唉痒輿
 姊油餉涅昌病
 隻鏢貝幅詞遠
 油嬌滅嬌鍼黹
 秩尋吟出貼信

730

抵惡時負就惡只旋
 蘇蓮朱姊襍來仕陳
 膠鴛挑恂絲乘默脂
 欺時撫約欺店噉誓
 孝情固裡仁皮院仁
 映情眾煤台墜偕嫩
 哈嗔珍豕拱痒資凍
 綠尼時狩物尼貼終
 拙尋舍泊亡惡庄消
 廷彈貝猛香願郭初

20 / B

Mai sau dầu có bao giờ

Đốt lò hương ấy so tơ phỉem này

Trông ra ngọn cỏ lá cây

Thấy hiu hiu gió thì hay chị về

0745 Hồn còn mang nặng lời thề

Nát thân bồ liễu CÒN nghì trúc mai

Dạ đài cách mặt khuất lời

Rước xin giọt NƯỚC cho người thác oan

Bây giờ trâm gãy gương tan

0750 Kể làm sao xiết muôn vàn ái ân

Trăm nghìn gởi lạy tình quân

TÓC TƠ VẮN VỎI có ngần ấy thôi

Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành nước chảy BÈO trôi lỡ DƯỜNG

0755 Ôi Kim lang hỡi Kim lang

Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ NAY

Cạn lời hồn đứt máu say

Một hơi lạnh ngắt đôi tay LẠNH đồng

Xuân huyền chợt tỉnh giấc nồng

0760 Một nhà tấp nập kẻ trong người ngoài

208

枚髮緇固色徐
鯉鰓院乾莢核
理洋荒礮啞誓
直臺隔栢留啞
悲除簪技鬪散
慕妍嗽裊情君
分牢分伯如猛
喂金卽唉金卽
件啞瑰剗鼎醺
椿萱秩醒戢煇

760

艾茹匝納几冲身外
艾唏啣甄堆舐冷洞
催匕妾匏負私自尼
缶停諾止齏爾沿素
運絲綈尾固狠意催
計少牢掣同萬爰恩
晒填侯諸朱馱托寬
濕身蒲柳群渲竹枚
休鬻匕愈時台肺術
癖夢香意攬續絃尼

750

21 / A

Kẻ thang người thuốc bồi bồi
Mới dầu cơn vụng chưa phai giọt hồng

Hỏi sao ra sự lạ lòng

Kiều càng nức nở MỞ không ra lời

0765 Nỗi nàng Vân mới rỉ tai

Chiếc vành ĐÂY với tờ bồi ở đây

BỞI cha làm lỗi duyên may

Thôi thì NỖI ấy sau này đã em

Vì ai rụng cái rơi kim

0770 Để con bèo nổi mây chìm vì ai

Lời con dặn lại một hai

Dấu mòn NGẮN đá dăm sai tấc vàng

Lạy thôi nàng lại rên chiềng

Nhờ cha GIẢ được nghĩa chàng cho xuôi

0775 THỐT chi thân phận tôi đòi

Dấu rằng xương trắng quê người quản đâu



Xiết bao TRONG nỗi thảm sầu

Khắc canh LẠI giục nam lâu mấy hồi

Kiếp hoa đâu đã đến ngoài

0780 Quản huyền đâu đã giục NGÀY sinh li

21A

凡湯昇蟻排匕
吻牢粃事選逵
援娘雲買吧聰
禡吒少夏綠眉
爲埃彌改鍊金
啞昆胤吏爰仁
禡催娘吏鍊呈
覓之身分碎隊
聖晃鍾接膠愁
轎花亮也旦外

220

220

買油干景渚泓埃紅
翻強愿爰駒空牂匠
隻煤低貝祠培按低
催時接氏婪尼缶脣
底昆蘇後迅沉爲埃
酒疳銀修敢爰界橫
如吒者恃爰弘朱吹
酉娘昌昆隄身爰亮
刻更吏遜南樓余回
管絃亮也題明生慟

21/B

Đau lòng kẻ ở người đi

GIỌT rơi thấm đá tơ chia rũ tằm

Trời hôm mây kéo tối rằm

Rầu rầu ngọn KHÓI đầm đầm cảnh sương

0785

Rước DÂU về đến trú phường

Bốn bề xuân khoá một nàng ở trong

Ngập ngừng thẹn lức e hồng

Nghĩ lòng lại xót xa lòng đòi phen

Phẩm tiên THUỞ đến tay hèn

0790

Hoài công nằng giữ mưa gìn với ai

Biết thân đến bước lạc loài

Nhị đào THÀ LẤY TAY người tình chung

Vì TA ngăn đón gió đông

Thiệt lòng khi ở đau lòng khi đi

0795

Trùng phùng dù hoạ có khi

Thân này thôi có CÒN gì mà mong

Đã sinh ra số long đong

Còn ÔM lấy kiếp má hồng được sao

Trên yên NHÁC THẤY THANH dao

0800

Giấu cầm nàng đã gói vào RỌT khăn

218

疔毒几於歇
至歆遽矯最
連袖米旦駐坊
及呀嘯綠咏紅
品仙裸旦舞賢
別身且毗落頰
為些狠斷愈東
重逢袖固欺
缶生粿效童冬
虛案落休青刀

290

倏徠慘惡匿支愈
油匕荒熈燼匕梗霜
翠皮春嶺文娘坎魑
護悉吏快車悉隊番
依功爆孖侑厘貝埃
棄桃時批狎身晴連
舌悉欺於疔悉欺
身祀催固炸之麻系
凭情能劫朋紅特牢
晒拾煩缶拾臥溪巾

22/A

Phòng khi nước đã đến chân
Dao này thì liệu với thân PHẬN này
ĐIỂM SẦU một khắc một chầy
Bâng khuâng như tỉnh như say một mình
0805 Chẳng LÀ gã Mã giám sinh
Vẫn là một đứa phong tình đã quen
Quá chơi lại gặp hồi đen
Quen VÙNG lại kiếm ăn miền nguyệt hoa
Lầu xanh có mụ Tú bà
0810 Làng chơi đã trở về già hết duyên
Tình cờ chẳng hẹn mà nên
MẶT cửa mướp đắng đôi bên một phường
Chung lưng mở một CỬA hàng
Quanh năm buôn phẩn bán hương đã lẽ
0815 Đạo tìm khắp chợ thì quê
Giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi
Rủi may âu cũng sự trời
Đoạn trường lại chọn mặt người vô duyên
Xót nàng XÓT phận thuyền quyền
0820 Cành hoa ĐI bán vào thuyền lái buôn

22A

防欺儲屯口頭
 野愁受刻受泥
 搔毘姁馬監生
 遍剖吏及回鮓
 樓撐固媒秀安
 晴期庄限麻誠
 終腰南父罔行
 躋尋位幣時周
 系埋歐拱事歪
 快娘快分婢娟

820

810

刀尼時料貝身分尼
 冰傾如醒如醺受命
 刎毘女移庄晴屯角
 角蓬吏劍咬鈎月花
 郎剖屯咀米茄歇綠
 柄錐陰疊堆边父坊
 觥觴奔粉半刻屯例
 嗜名侯下咤丟咬剖
 斬賜吏淪賴尋死綠
 梗花茲半匚解狸奔

22 / B

Mẹo lừa đã CHỚM vào khuôn

Sính nghi rẻ giá nghinh hôn sẵn ngày

Mừng thâm cò đã đến tay

Càng nhìn vẻ ngọc càng say khúc HOÀNG

0825

Đã nên quốc sắc thiên hương

Một cười này hảnh nghìn vàng chẳng ngoa

Về đây nước trước bể hoa

Vương tôn quý khách ắt là đua nhau

BA BỐN trăm lạng THỦ' đầu

0830

Cũng đà vừa vốn còn sau thì lời

Miếng ngon kẻ đến TẠN nơi

Vốn nhà cũng tiếc của trời cũng tham

Đào tiên đã bén tay phàm

Thì vin cành quýt cho cam sự đời

0835

Dưới trần mấy mặt làng chơi

Chơi hoa CHƯA dễ mấy người biết hoa

Nước vỏ lựu máu mào gà

Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên

Mập mờ đánh lận con đen

0840

Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi

22B

卯點龜拈色園
惻忱旗色且舞
缶誠國色天香
米低渚畧披花
三眾聚而此亮
啊言棋且羨尼
桃仙色燄瓶几
鼎望余賴郎前
渚補榴步肥鵲
腋麻打吝晁燕

840

聘後眇價迎婚產時
強忍辱王強醮曲凰
爰琪尼罕薈潢庄吼
王孫貴客乙咒都僥
棋缶皮本炸轆時利
本茹拱惜貼歪拱貪
時攀梗孺朱柯爭莢
剖花清易余尋別花
叟年招集東咒炸元
色癡拱向掩茂秩之

830

23 / A

Mụ già hoặc có điều gì
Liều công mất một buổi quý mà thôi
Vả đây đường xá xa xôi
Mà ta bất động nửa người sinh nghi
0845 Tiếc thay một đoá trà mi
Con ong đã mở đường đi lối về
Một cơn mưa gió nặng nề
Thương gì đến ngọc tiếc gì đến hương
TIẾC xuân một giấc mơ màng
0850 Đuốc hoa để đó MỘT nàng NGỒI trơ
Giọt riêng tâm tã tuôn mưa
Phân cãm nổi khách phân dơ nổi mình
Tuồng chi là giống hôi tanh
Thân nghìn vàng để ô danh má hồng
0855 Thôi còn chi nữa mà mong
Đời người thôi thế là xong một đời
Giận duyên tử phận bởi bởi
Cầm dao nàng đã toan bài quyền sinh
Nghĩ đi nghĩ lại một mình
0860 Một mình thì chớ hai tình thì sao

23A

媒糶或固凋之
 旦低塘沲賒吹
 惜台爻朵柔縻
 爻于涓愈纓尼
 吸春爻戢怖忙
 淡貞尋謝涿涓
 徙之罪淮灰腥
 催焯之女席崇
 限禄倅分排匕
 抔抔吏爻俞

860

850

料功秩爻眠跪麻催
 麻些不動女孿生考
 鳧蜂屯闌塘超踉術
 傷之旦王惜之旦香
 鷓花底怒爻齟齬猪
 分俞後客分除後春
 身疥橫底汚名膊紅
 莪尋催世罪衝爻莪
 拈刀娘屯筭排捐生
 爻俞时渚仁情时牢

三

23 / B

Sau dẫu sinh sự thế nào

Truy nguyên chẳng kéo lụy vào song thân

ĐÁNH LIỀU âu HÃY THẢ dẫu

Kíp chầy thôi cũng một lần LÀ thôi

0865

Những là đo đẵn ngược xuôi

Tiếng gà nghe đã gáy sôi mé tường

Lầu mai vừa rúc còi sương

Mã sinh giục GIAO vội vàng ra đi

Đoạn trường thay lúc phân kì

0870

Vó câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh

VỪA ngoài mười dặm trường đình

Vương ông gánh tiệc tiến hành đưa theo

Ngoài thì chủ khách DẶT dẫu

Một nhà huyên với một Kiều ở trong

0875

Nhìn càng lã chã giọt hồng

Rỉ tai nàng mới giải lòng thấp cao

VẢ sinh ra phận thơ đào

Công cha nghĩa mẹ kiếp nào GIẢ xong

Lỡ làng nước đục PHA trong

0880

Trăm năm để một tấm lòng từ đây

23B

數油生事世爺
打料咳喚耳寅
仍哭都旦庖吹
樓校皮嚙醜霜
漸腸台六分岐
皮外近淡長亭
外時主客逸迢
總強呂渚浹紅
且生隄分踈桃
呂節渚涓披冲

892

270

追原庄嬌累飽又親
急迟催拱艾客哭催
嘴鵲脂缶吮催質墻
馬生趑趄倍傍黔移
蹄駒泣警柄車吸涼
王兎梗席賤行逐蹺
爰茹萱貝爰嬌於冲
吧聰姬買熄恚龔膏
功吒爰媛切帝者衝
臬舖底爰脫恚自低

24 / A

Xem gương trong bấy nhiêu ngày

Thân con chẳng kéo mắc tay bọm già

Khi về bỏ vắng trong nhà

Khi vào DÙI dắng khi ra vọi vàng

0885 Khi ăn khi nói lỡ làng

Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh

Khác màu kẻ quý người thanh

NGẮM ra cho kĩ như hình con buồn

Thôi con còn nói chi con

0890 Sống nhờ đất khách thác chôn quê người

Vương bà nghe bấy nhiêu lời

Tiếng oan đã muốn RẠCH trời kêu lên

Vài CẬU chưa cạm chén khuyen

Mé ngoài nghĩ đã giục liền ruổi xe

0895 Xót con lòng nặng BÌ BÌ

Trước yên ông LẠI nắn nì thấp cao

XÓT thân yếu liễu thơ đào

TRẮT nhà đến NỔI giấn vào tôi người

Từ đây góc bể bên trời

0900 Nắng mưa THỦI thủi quê người một thân

24A

祐詞冲内燒時
 欺來補未冲茹
 欺唆欺吶呂郎
 恪牟几貴鼎清
 催昆洋吶之昆
 王嬰暗内燒啞
 弄勾者泮囉勸
 收昆悉爆皮匕
 拙身柳嬰跡桃
 自低酪被邊至

900

290

身昆庄矯默和肢肥
 欺包推孕欺興倍候
 欺柴欺佃祐常祐輕
 騰興朱技如形昆奔
 莊如坦客托純圭尋
 嗜寬缶同搔至叫蓮
 鳳外抄缶跡連振車
 畧鞍兌吏奏呢舒高
 窰茹旦綏漠邑的碎
 爆眉退匕圭鼎爻身

24/B

Nghìn tầm nhờ bóng tùng quân
 Tuyết sương che chở cho thân cát đẳng
 Cạn lời khách mới thưa rằng
 Buộc chân thôi cũng xích thẳng nhiệm trao

0905

Mai sau dầu đến thế nào
 Kìa gương nhật nguyệt nọ dao quỷ thần
 Đùng đùng gió GIỤC mây TẦN
 Một xe trong cõi hồng trần như bay

0910

Trông vời gạt lệ phân tay
 Góc trời THẨM thẩm ngày ngày đắm đắm
 Nàng thì cõi khách xa xăm
 Bạc phau cầu giá đen DẦM ngàn mây
 Vi LAU SÁT sát hơi may

0915

Một trời thu để riêng SAY một người
 Dặm khuya NGẮT tạnh mù khơi
 Thấy trăng mà thẹn những lời non sông
 Rừng thu từng biếc ÚA hồng
 Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn



0920

Những là lạ nước lạ non
 Lâm Tri vừa một tháng tròn ĐẾN nơi

24B

蘇尋如膝松瑤
 泮啞客買踈浪
 枚蠟油旦世市
 同匕逾逖迺秦
 鯁為扳煥分舸
 恨財墜客車侵
 蓍羊察匕唏埋
 吹舛雲淨雲明
 棲秋層碧癰紅
 仍哭迺諾迺黃

920

雪霜雲遙朱身膏腰
 衲頤催拱赤繩冉捋
 箕錡日月終刀鬼神
 受車訕墜紅塵如銳
 谷歪審匕明匕悞匕
 泊拋抹這煎饅岸迺
 受歪秩底貞熟受舛
 體膝麻懽仍啞巢淹
 暗舛如弋匙詭展昏
 臨隔皮受膺輪旦尼

25 / A

Xe châu dừng bánh cửa ngoài
 Rèm trong đã thấy một người bước ra
 Thoắt trông LỢT lọt màu da
 Ăn gì cao lớn đẩy đà làm sao

0925

Trước xe lơ lửng han chào
 Vâng lời nàng mới bước vào TẶN nơi
 Bên thì mấy ả mày ngài
 Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi
 Giữa thì hương NẾN hắt hoi

0930

TREO TRANH QUAN THÁNH trắng đôi lông mày

Lầu xanh quen lối xưa nay
 Nghề này thì lấy ông này tiên sư
 Hương HỒM HOA sớm phụng thờ
 Cô nào xấu MỄ CHO thừa mối hàng

0935

Cổ xiêm lột áo chán chường
 Trước thần sẽ nguyện mảnh hương lăm DẦM
 Đối hoa lót DƯỚI chiếu nằm
 Bướm ong bay lại âm âm tứ vi
 Kiều còn LIỆU ĐẤT biết gì

0940

Cứ lời lạy xuống mụ thì khẩn ngay

25A

車珠停轡南外
脫鞵碎七午膝
暑車雪呂嘆嘲
边時余如瑁帽
冲時香爆罕灰
樓撐泊坂初吟
香巖花畧奉賒
松檐揮澳哦哩
对花揮帶招剗
娇拜料坦别之

940

93c

簫冲屯体艾昇匙
唆之高轟吡它少牢
叨啞娘買毗色羨尼
边時斲架觚尋廊剗
撩幘官圣鼎堆掩瑁
芸尼時袍兕尼先師
姑帑醜罷朱疎侮行
畧神仕願猛香淋淫
鼓蛰悲吏暗七四回
拋墜維寧鼎時思甌

25/B

Cửa hàng buôn bán cho may

Đêm đêm Hàn thực ngày ngày Nguyên tiêu

Muôn nghìn người thấy cũng yêu

Xôn xao anh yến dập dìu trúc mai

0945 Tin nhận vắn lá thơ bởi

Đưa người cửa trước rước người cửa sau

Lạ tai nghe chữa biết đâu

Xem tình ra cũng những màu đỏ dang

Lẽ xong hương hoả gia đường

0950 Tú bà vắt nóc lên giường ngồi ngay

Dạy rằng con lạy mẹ đây

Lạy rồi THÌ lạy cậu mày bên kia

Nàng rằng phải bước lưu li

Phận hèn vâng đã cam bề tiểu tình

0955 Điều đâu lấy yến làm anh

Ngây thơ chẳng biết VỚI danh phận gì

Đủ điều nạp thái vu quy

Đã khi chung chạ lại khi đứng ngồi

Giờ ra thay bậc đổi ngôi

0960 Dám xin gửi lại một lời cho mình

258

南行奔半朱枚
 罔身身体拱腰
 信否勿蒐踪排
 選肥眩渚别亮
 礼衡香火家堂
 紫浪昆襍嫉抵
 娘浪沛虱流离
 凋鳧袍漁夕鵝
 靚凋納采于悵
 徐黠台塢对堦

259

店匕寒食明匕元宵
 吡嗃鶻急習耀竹枝
 遙昇朝署連昇和姿
 祐情殿拱仍牟揚揚
 秀娑勿藕蓮床到甃
 襪未時襪舅眉边箕
 分憤叩色耳皮小星
 疇疎庄别買各分之
 龜欺鍾乍更欺跂跂
 敢噍 吏受吓朱明

26 / A

Mụ nghe nàng nói hay tình
Bấy giờ mới nổi tam bành mụ lên
Này này sự đã quả nhiên
Thôi đà cướp CỬA chồng mình đi rồi

0965

Bảo THÌ đi dạo lấy người
Đem về rước khách kiếm lời mà ăn
Tuồng vô nghĩa ở VÔ nhân
Buồn mình trước đã tần mần thử chơi
Màu hồ đã mất đi rồi

0970

Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma
Con kia đã bán cho ta
Nhập gia cứ phải phép nhà tao đây
Lão kia có giở bài này
Chẳng PHANG vào mặt mà mày ĐÀNH nghe

0975

Cớ sao chịu tốt một bề
Gái tơ mà đã ngựa ghề sớm sao
Phải làm cho biết phép tao
Giật bì tiên rắp sẵn vào ra tay

0980

Nàng rằng trời thắm đất dày
Thân này đã bỏ những ngày ra đi

26A

媒餌浪响哈快
尼匕事匱果勞
保時移造祀身
從免悉拔免仁
牢糊匱秧移末
昆箕匱丰朱些
尼箕否摘排碑
授牢韶卒爰皮
沛夕朱別法蚤
娘浪泰審坦醵

980

970

所徐買溪三彭外進
詹它劫貼軒綿移末
名術違客劍利麻咬
盆肉畧匱秦循此削
儼匕本另移棧茹麻
八家沛授法茹蚤低
左坊臥栖麻肩竹墮
媽係麻匱我芸最牢
賁皮輒立撻臥豐舁
身尼匱補仍賜豐移

26/B

Thôi thì thôi có tiếc gì
 Sấn dao tay áo tức thì giở ra
 Sợ gan nát ngọc liễu hoa
 Mụ còn trông mặt nàng đà quá tay
 0985 Thương ôi tài sắc MỤC này
 Một dao oan nghiệt dứt dây phong trần
 Nỗi oan vỡ lẽ xa gần
 Trong nhà người chậ một lần như nen
 Nàng thì BẮT bắt giấc tiên
 0990 Mụ thì NGÁY NGÁY mặt nhìn hồn bay
 Vực nàng vào chốn hiên tây
 Cắt người XEM sóc CHẠY thầy thuốc men
 Nào hay chưa hết trần duyên
 Trong mê đường đã đứng bên một nàng
 0995 Rỉ rằng nhân quả dở dang
 Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao
 Số còn nặng nghiệp má đào
 Người dầu muốn quyết trời nào đã cho
 Hãy xin hết kiếp liễu bồ
 1000 Sông Tiên Đường sẽ hẹn hò về sau

268

催財莊固惜之
悖肝濕王料在
傷喂才色墨尼
透冤破招賒所
娘時粥乚戔仙
域娘飽准西軒
吊台渚歇塵碌
汜浪因果搗揚
數烽礪業鴈絲
唉噴歇劫郎龜

1000

990

產刀飛襖即時杓戩
媒烽醴栖娘它遇栖
爻刀冤孽愁袂片塵
冲茹昇秩爻吝如梓
媒時爻乚栖搥埋慙
割身粘初趨柴糠湯
薊迷萊屯芽边爻娘
屯弄道玄漸腸特牢
馱汕向央歪吊屯朱
瀧殘塘仕限嘲來鞍

27/A

Thuốc thang suốt một ngày thâu

Giấc mê nghe đã dầu dầu vừa tan

Tú bà chực sẵn bên màn

GIEO lời ỎN THÓT mơn man gỡ dần

1005 Một người dễ có mấy thân

Hoa xuân đương nhị ngày xuân còn dài

Cũng là lỡ một lâm hai

Đá vàng sao nỡ ép nài mưa mây

Lỡ chân trót đã vào đây

1010 Khoá buồng xuân để đợi ngày đào non

Người còn thì của hã còn

Tìm nơi xứng ĐỂ LÀ con cái nhà

Làm chi tội báo oan gia

Thiệt mình mà hại đến ta hay gì

1015 Kề tai mấy nổi nần nì

Nàng nghe dường cũng thị phi rạch ròi

Vả SUY thần mộng mấy lời

Túc nhân THÌ cũng có trời ở trong

Kiếp này nợ GIẢ chưa xong

1020 Làm chi THÌ CŨNG nợ chồng kiếp sau

27A

糠湯卒艾得輸
秀婆直產邊幔
艾歇易固余身
拱晃呂艾咻仁
呂頸卒色臥低
尋泮時貼唉泮
夕之罪報冤宗
棋聰余候囉呢
屈推神夢余墜
劫尼女者諸衝

1050

1010

眠迷眩色油匕皮散
招墜噫嚙帶蠻梓寅
花春瑟棄粵春泮戔
修廣牢女押奈涓遜
質靡春底待得杯棠
尋尼称底咒昆丐茹
舌禽寐害旦些哈之
娘睛羨拱是非扭株
夙姻時拱固歪於冲
夕之時拱艾動劫藝

27/B

Lặng nghe TẮM NGẮM CUỐI đầu

Thưa rằng ai có muốn đầu thế này

Được như lời thế là may

Hắn rằng mai có như rày cho chẳng

1025 LỆ khi ong bướm đái đường

Đến điều sống đục sao bằng thác trong

Mụ rằng con hãy thông dong

Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi

Mai sau ở chẳng như lời

1030 Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi

Thấy lời quyết đoán hẳn hoi

Đành lòng nàng cũng sẽ ngời ngời dần



Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân

VỆT non xa tấm trăng gần ở chung

1035 TỬ bề bát ngát xa trông

Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia

Bẽ bàng mây sớm đèn khuya

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

1040 Tin sương luống HÃY rày trông mai chờ

27B

朗眩侵喋吟頭
時茹噬世異埋
戾欺蛻蛻代騰
媒浪晃咲徒容
枚輓於庄如匿
休匿决斬宰灰
齟齬考碧嶺春
哥皮八父賒醜
彼嘯遜曷烟勞
想尋帶月戰同

1640

1630

疎浪埃固爾亮勞尼
罕浪救固如曷朱庄
旦稠羗濁牢平托冲
沛稠瑟吏对瑟麻剖
蓮頭固膝栢歪爛燭
停瑟娘共仕菟匕寅
癡策賒膠腋斯於絡
吉嶺嶺怒暗紅埃箕
姘情姘景如支心瑟
信霜噉咲曷醜埋徐

28/A

Bên trời góc bể bơ vơ
 Tắm son gột rửa bao giờ cho phai
 Xót người tựa cửa hôm mai
 Quạt nồng ĐÁP lạnh những ai đó giờ
 1045 Sân Lai cách mấy nắng mưa
 Có khi gốc tử đã vừa người ôm
 Buồn trông cửa bể GẦN hôm
 Thuyền ai THOÁNG CÁNH GIÓ buồm xa xa
 Buồn trông ngọn nước mới sa
 1050 Hoa trôi man mác biết là về đâu
 Buồn trông nội cỏ rầu rầu
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
 ẦM ẦM tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi
 1055 Chung quanh những nước non người
 Đau lòng lưu lạc nên vài bốn câu
 Ngậm ngùi rủ bức rèm châu
 Cách lâu nghe có tiếng đâu hoạ vờ
 Một chàng vừa trạc thanh xuân
 1060 Hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng

28A

边至谷彼以爲
 快身停南景埋
 蓬萊囑余煨涓
 盆醴率波貳景
 愠鯉阮諾買沙
 搖鯉內訥油匕
 愠鯉愈捲栖盈
 冬醢仍諾萊尋
 噤囁揔幅簾珠
 艾扒皮擢青春

166

1650

慘輪滑沿色徐朱派
 概煨谷次仍埃姁徐
 杏欺榕梓屯皮尋摺
 船埃倘翅鯢帆賒匕
 花潘蛩莫別異術亮
 蹊逖栖坦艾牟撐匕
 暗恍嘴湧叫醢椅對
 疔惡僂落鍼弄舉勾
 瞞樓盼固嗜堯和韻
 形容止淬秣巾妙揚

天

28/B

Nghĩ rằng cũng mạch thư hương
 Hỏi ra mới biết rằng chàng Sở Khanh
 Bóng nga thấp thoáng dưới màn
 Trông nàng chàng cũng ra tình đeo đai

1065

Than ôi sắc nước hương trời
 Tiếc cho đâu bỗng lạc loài đến đây
 QUẾ TRONG TRĂNG HẠNH TRÊN MÂY
 CÁT LẦM NỖ ĐỂ CHO ĐẦY ĐOÀ HOA
 HỮU NHẤT THỂ VÂN

1070

Giá đành trong nguyệt trên mây
 Hoa sao hoa khéo già già bấy hoa
 NỖI CÒN riêng giận trời già
 Lòng này ai tỏ cho ta hồi lòng
 Thuyền duyên ví biết anh hùng
 Ra tay tháo cũi sổ lồng như chơi

TIẾC ĐIỀU NHẦM CHẴNG BIẾT TA
 VỀ CHÂU VỚT NGỌC ĐỂ ĐÀ NHƯ CHƠI

1075

Song thu đã khép cánh ngoài
 Tai còn đồng vọng mấy lời sắt đánh
 Nghĩ người thôi lại nghĩ mình
 Cám lòng chua xót lạt tình CHỜ vơ
 Những là lần lửa nắng mưa
 Kiếp phong trần biết bao giờ là thôi

288

持浪拱肝書香
 膝娥濕倘帶萌
 喂嘆匱儲香至
 桂勸腰香連逦
 價又一作連
 媛于貞陣至花
 惜凋咻庄別些
 意秋色怯翅外
 持尋催吏持禽
 仍哭吝呂爆淵

1070

喚聽買別浪私楚御
 繼私娘拱聽情刀帶
 惜朱亮倖落頰旦低
 着排女底朱首墜花
 花牢花害也苦閉花
 鬼尼埃亦朱些喚惡
 術珠越王易它如剖
 聰洋同望余啞鏢灯
 感悉洙快辣情加為
 劫凡塵別匱除哭催

29 / A

Đánh liều nhấn một hai lời

1080 Nhờ tay tế độ vớt người trầm luân

Mảnh tiên kể hết xa gần

Nổi nhà báo đáp nổi thân lạc loài

HÔM DAO vừa rạng ngày mai

Tiện hồng nàng mới nhấn lời gởi sang

1085 Trời tây lãng đăng bóng vàng

Phục thư đã thấy tin chàng đến nơi

Mở xem một bức tiên mai

Rành rành “tích việt” có hai chữ đề

Lấy trong ý tứ mà suy

1090 Ngày hai mươi mốt tuất thì phải chẳng

Chim hôm thoi thót về rừng

GIÁ trà mi đã ngậm LUNG nửa vành

Tường đông lay động bóng cành

Đầy song đã thấy Sở khanh lên vào

1095 Sượng sùng đánh dạn ra chào

ĐOẠN thôi nàng mới rỉ trao ân cần

Rằng tôi bèo NƯỚC XÓT thân

Lạc ĐƯỜNG mang lấy nợ nần yếm anh

29A

打料恩艾仁啞
牀美計歇賒斯
散刀皮糊呀梅
歪西朗蕩腓薦
翻祐曳幅美枚
祀融意恩麻堆
鴻歆催說衆核
墻東揀動腓梗
尙崇打憚聘嘲
浪碎艸侏呖身

1080

1090

即彌清度髓身沉淪
暖茹報答後身落頰
便鴻娘買恩啞吸卽
復書色体信扌旦尼
伶匕昔越右仁符題
暎仁迺艾戎時沛庄
架茶糜色噲腓婢崩
杞窻咆体楚御躡臥
眩催娘買吧拌慙慙
落塘荒祀女雄燕鶯

29/B

- Dám nhờ cốt nhục tử sinh
1100 Còn nhiều kết cở ngậm vành về sau
Lặng NGỒI THẮM THÍA gặt đầu
Ta đây PHẢI MUỘN ai đâu mà rằng
Nàng đã biết đến ta chẳng
Bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi
1105 Nàng rằng muôn sự ơn người
Thế nào xin quyết một bài cho xong
Rằng ta có ngựa truy phong
Có tên dưới trướng vốn dòng kiện nhi
Thừa cơ LẼN VÚT ra đi
1110 Ba mươi sáu chước chước gì LẠI hơn
Dù khi gió kếp mưa đờn
Có ta đây cũng chẳng cơn có gì
Nghe lời nàng đã sinh nghi
Song đã quá TRỐN quân gì được thân
1115 Cũng liều nhắm mắt GIEO chân
Mà xem con tạo xoay vần đến đâu
Cùng nhau lên bước xuống lầu
Song song ngựa trước ngựa sau một đoàn

298

敢謝骨肉死生
朗勢假借世
娘它別旦些庄
娘浪困事恩尋
浪些杏馭追凡
乘机壅吼戮埃
油欺愈夾渭单
脂啞娘也生寸
拱料肝昧教噴
拱燒躡跳帶機

1110

1160

些低市慢埃亮麻浪
破沉淪粒朱平買催
勸帝嘆夫戈排朱衝
古格帶帳本用健児
芒進恭祈匕市吏欣
固些低拱庄干拗之
双它過旦管之特身
席枯昆造瑋蓮旦亮
双匕馭畧馭婁戈團

30 / A

Đêm thu khắc VỢI canh tàn

1120 Gió cây trút lá trắng ngàn ngậm gương

Lối mòn cỏ lợt MÙI sương

Lòng quê đi một bước đường một đau

Tiếng gà xao xác gáy mau

Tiếng người đâu đã mé sau dây dằng

1125 Nàng càng thốn thức gan vàng

Sở Khanh đã rẽ dây cương lối nào

Một mình khôn biết làm sao

Dặm rừng bước thấp bước cao hải hùng

Hoá nhi THỰC có nở lòng

1130 Làm chi giày tía vò hồng lấm nao

Một đoàn đồ đến trước sau

Vuốt đầu xuống đất cánh đầu lên trời

Tú bà tốc thẳng đến nơi

HẦM HẦM áp điệu một hơi lại nhà

1135 Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra

Đang tay vui liễu dập hoa tươi bởi

Thịt da ai cũng là người

Lòng nào hồng rụng thấm rồi chẳng đau

30A

店秋刻偽更殘
 塲疔韜棘味霜
 嘴鵲嗃曉嘒吒
 娘強忒忒肝潢
 爰侑坤別夕牢
 化堤突古女恚
 爰冏覩且轆轆
 秀晏速齟旦尼
 具行庄晦圭查
 鹵脰埃拱咒尋

1130

惹核律莞腴哢吟刻
 恚冏核爰趾塘爰疔
 嘴身亮也賈輳咤塲
 楚灝也雅猷綱德帛
 琰棱毗郛毗高駮雄
 夕之諄紫行紅黻菟
 獯亮帶坦翹亮蓮歪
 音匕押凋爰啼吏彳
 登舁培柳拉花哉排
 恚帀紅明黻疎庄疔

1120

30/B

- Hết lời thú phục khẩn cầu
1140 Uốn lưng thịt đổ CẤT đầu máu sa
Rằng tôi TRÓT phận đàn bà
Nước non lìa cửa lìa nhà đến đây
Bây giờ sống thác ở tay
Thân này đã đến thế này thì thôi
1145 Nhưng tôi có sá chi tôi
Phận tôi đành vậy vốn người để đâu
Thân lươn bao quản lấm đầu
Chút lòng trinh bạch từ sau CỨNG chừa
Được lời mụ mới tùy cơ
1150 Bắt người bảo lĩnh BẮT tở cung chiêu
Bày vai có ả Mã Kiều
Xót nàng ra mới đánh liều chịu đoan
Mụ càng kể nhặt kể khoan
DÚN TRÔNG đến mực nồng nàn mới tha
1155 Vực nàng vào nghỉ trong nhà
Mã Kiều lại HỞ ý ra dặn lời
Thôi đà mắc lặn thì thôi
Đi đâu chẳng biết con người Sở khanh

30B

歡嗟音服懇求
浪碎悵分輝嬰
悲除鞋托於痴
仍碎若咤之碎
身蠅色管壞頭
持啞煤買隨机
排蘇古姍馬嬌
媒強計日計寬
域娘飽持冲茹
催它默吝時催

1150

1160

梳殘鬢掛枯頭聚沙
諾叢南園离茹旦低
身尼毡旦世尼時催
分碎停正本身低晃
狹悉貞白自鞍拱徐
扒欺保領扒祠供招
輿娘聘買打料郭端
頓操旦磊燒雄買他
馬嬌吏辭意飛吼啞
越澆極別昆身楚鄉

31/A

- Bạc tình nổi tiếng lâu xanh
 1160 Một tay chôn biết mấy càn phù dung
 Đà đao LẬP sẵn chước dùng
 Lạ gì một cốt một đồng xưa nay
 Có ba DẶM lạng trao tay
 Không dưng chi có chuyện này trò kia
 1165 Rồi ra trở mặt tức thì
 Bớt lời KÊU chớ RẦY chi mà đời....
 Nàng rằng thể thốt nặng lời
 Có đâu mà lại CỐ người hiểm sâu
 Còn đương suy trước nghĩ sau
 1170 Mặt mo đã thấy ở đâu dẫn vào
 Sở khanh lên tiếng rêu rao
 DỌ nghe rằng có con nào ở đây
 Phao cho quuyến gió rủ mây
 Hãy xem có biết mặt này là ai
 1175 Nàng rằng thôi thế thì thôi
 Rằng không thì cũng LA TRỜI rằng không
 Sở khanh quát mắng dùng dùng
 Bước vào vừa rắp thị hùng ra tay

31A

當時受嗜樓撐
 拖刀立產礪用
 固匪稟兩拌珮
 未艱阻極即時
 娘浪誓說碾壓
 炸登推畧持娑
 楚御蓮梢嘹哖
 拋朱脊愈嚟腰
 娘浪催勞時催
 楚御臨嘴同上

1170

艾珮罇別余梗芙蓉
 選之艾骨艾童初吟
 望仍之固傳尼路其
 扒啞叫渚味之麻莪
 右亮麻吏固尋險倭
 極漠屯体於亮引飽
 嘍睭浪志昆市於低
 喉枯固別極尼毘埃
 浪空時拱畔歪浪空
 趾飢皮立特雄豐珮

31/B

- Nàng rằng trời nhẽ có hay
 1180 Quyến anh rủ yến sự này tại ai
 Dem người đẩy xuống giếng thơi
 Nói rồi rồi lại ăn lời được ngay
 Còn tiên “tích việt” ở tay
 Rõ ràng mặt ấy mặt này chứ ai
 1185 Lời ngay đông mặt trong ngoài
 AI AI CŨNG GÓM MẶT NGƯỜI vô lương
 Phụ tình án đã rõ ràng
 Dơ tuồng nghĩ mới kiếm đường tháo lui
 Buồng riêng riêng những sứt sùi
 1190 Nghĩ thân mà lại ngậm ngùi cho thân
 Tiếc thay trong giá trắng ngần
 Đến phong trần cũng phong trần như ai
 Tẻ vui cũng một kiếp người
 Hồng nhan phải giống ở đời mãi ru
 1195 Kiếp xưa đã vụng đường tu
 Kiếp này chẳng kéo đến bù mới xuôi
 Dấu sao bình đã vỡ rồi
 Lấy thân mà GIẢ nợ đời cho xong

318

姪娘不尔固哈
 并馱把龜井故
 炸箋昔越於那
 堅甌冬栖冲外
 頓悵案龜贈焚
 靡積匕仍淡味
 惜台冲這崑恨
 批盃拱文切得
 切初龜啼塘修
 酉牢隴龜侶末

1190

1180

眷鴉暖荒事尼在埃
 喇末匕吏啞啞特甌
 贈焚栖意栖尼偕埃
 埃匕拱啣栖尋死良
 除從竹買劍塘操躡
 護身麻吏吟咆朱身
 旦凡塵拱凡塵如埃
 紅顏浦衆於世買咄
 劫尼庄矯填詣買吹
 總身麻耆女世朱衝

32 / A

Vừa tuần nguyệt sáng gương trong
 1200 Tú bà SÁNH lại thông dong dạn dò
 Nghề chơi cũng lắm công phu
 CON NGƯỜI ta phải biết cho đủ điều
 Nàng rằng mưa gió dập dìu
 Liều thân thì cũng phải liều thế thôi
 1205 Mụ rằng ai cũng như ai
 Người ta ai CÓ tiền hoài đến đây
 Ở trong còn lắm điều hay
 Nỗi đêm khếp mở nỗi ngày riêng chung
 Này con thuộc lấy làm lòng
 1210 Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề
 Chơi cho liễu chán hoa chê
 Cho lăn lóc đá cho mê mẩn đời
 Khi khoe hạnh khi nét ngài
 Khi ngậm ngội nguyệt khi cười cợt hoa
 1215 Đều là nghề nghiệp trong nhà
 Đủ ngần ấy nét mới là người soi
 CUỐI đầu vâng dạy mấy lời
 Đường chau nét nguyệt đường phai CHIỀU hồng

32A

皮旬月朗翺冲
芸削拱駭工夫
娘浪湄愈泣韶
媒浪挨拱如埃
於冲烱駭調哈
尼昆属泌夕瑟
訓朱柳懺花咬
欺瞞杏欺濕身
調咒芸業冲茹
吟頭啣代余陞

1210

秀娶聘吏從容叨徒
昆尋些沛別朱覩凋
料身時拱沛料世催
尋些埃固棧恢旦低
按店怯翺按時櫛終
燦外甄筭燦冲慘芸
朱璘六磻朱迷斂茂
欺吟篋月欺嚙噤花
覩娘意濕買咒尋燭
兼珠濕月兼瓠榦紅

1200

32/B

- Những nghe nói đã thẹn thùng
1220 Nước đời lăm nổi lạ lòng khắt khe
Xót mình cửa các PHÒNG khuê
Vỡ lòng học lấy những nghề nghiệp hay
Khéo là mặt dạn mày dày
Kiếp người đã đến thế này thì thôi
1225 Thương thay thân phận lạc loài
Dấu sao cũng ở tay người biết sao
Lầu xanh mới rủ trướng đào
Càng treo giá ngọc càng cao phẩm người
Biết bao bướm lả ong lơ
1230 Cuộc say đầy thánng trận cười suốt đêm
Dập dìu lá gió càn chim
Sớm đưa Tống Ngọc tối tìm Trường Khanh
Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Giật mình mình lại thương mình xót xa
1235 Khi sao phong gấm rủ là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường
Mặt sao dày gió dạn sương
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân

32B

仍暗响金情春
 淬禽率同房圭
 害罢栖碑影罽
 傷咍身分落須
 樓摧買揄帳桃
 別色豉也醉冰
 習耀莢愈梗鵠
 欺醒酺大殘更
 欺牢封綿揄猓
 栖牢醵愈碑柶

1230

1220

塔蕤縵接選遙汜侯
 塔悉心祀仍芸紫台
 胡尋缶旦世尼時催
 酉牢拱於珣尋別牢
 強僚僊王強高品尋
 局醯苔腦陣哄率店
 最逐宋王最尋長御
 秩禽匕吏傷命淬車
 除牢散作如花神塘
 身牢豉職蜂罍閑身

33/A

Mặc người mưa Sở mây Tần

1240

Những mình nào biết có xuân là gì

Đòi phen gió tựa hoa kề

Nửa rèm tuyết ngậm bốn HÈ trăng thâu

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

1245

Đòi phen nét vẽ câu thơ

Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa

Vui là vui gương kéo là

Ai tri âm đó mặn mà với ai

Thờ ơ gió trúc mưa mai

1250

Ngẩn ngơ trăm nỗi GIỚI mài một thân

ÔM lòng đòi đoạn xa gần

Chẳng vò mà rối chẳng dần mà đau

Nhớ ơn chín chữ cao sâu

Một ngày một ngã bóng dàu tà tà

1255

Dặm nghìn nước thẳm non xa

Nghĩ đâu thân phận con ra thế này

Sân hoè đôi chút thơ ngây

Trân cam ai kẻ đỡ thay việc mình

33A

默導涓楚遜秦
隊番愈掠花棋
景市景庄刀愁
隊番濕腦句踈
孟罪孟強矯罪
徐敦愈竹涓梅
煇悉隊段賒助
汝恩愈幹高涉
埃新若僭崇賒
埃堆踈踈

1250

1240

仍令市別固春罪之
婢簾雪哈罕夏腹倫
尋盆景固孟晃色徐
宮栗艸月侏真帶花
埃知音如漫麻貝埃
里鄭真按炮煙艾身
庄行麻復庄演糸防
艾尋艾我膝槐斜匕
持兜身分昆黥世尼
珍耳埃几拖台攷禽

33/B

Nhớ lời nguyện ước ba sinh

1260

Xa xôi ai có BIẾT tình chẳng ai

Khi về hỏi liễu Chương đài

Cành xuân đã bẻ cho người chuyên tay

Tình sâu mong GIẢ nghĩa dày

Hoa kia đã chấp CÂY này cho chưa

1265

Mối tình đòi đoạn vò tơ

Giấc hương quan luống NHỮNG mơ canh dài

Song sa VỖ vố phương trời

Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng

Lần lần thả bạc ác vàng

1270

Xót người trong hội Đoạn trường đòi cơn

Đã cho lấy chữ hồng nhan

Làm cho cho hại cho tàn cho cân

Đã dày vào kiếp phong trần

Sao cho XUYẾT nhục một lần mới thôi



1275

Khách du bồng có một người

Kì Tâm họ Thúc cũng nòi thư hương

Vốn người huyện Tích châu Thường

Theo nghiêm THÂN mở ngôi hàng Lâm Tri

33B

汝壓願約三生
欺來晦柳章臺
情淡蒙者菱醵
俱情隊敗行錄
窓似宇上方奎
客匕兎伯鷓鴣
色朱他葶紅顏
色苔包劫凡塵
客遊俸固文尋
本尋縣湯州常

1270

1260

除吹埃杳別情塵埃
梗春色披朱尋專珣
花箕色玳核尼朱渚
戢御南隴仍憐更戡
吟黃昏色吏枚昏黃
搜尋勸會漸曉隊于
夕朱匕害朱殘朱斤
牢朱發辱艾吝買催
其心戶束拱頌書香
蹕嚴親鞠蹙行臨淄

34 / A

- Hoa khôì mộ tiếng Kiều nhi
1280 Thiếp hồng tìm đến hương khuê gởi vào
Trướng tô giáp mặt hoa đào
Vẻ nào chẳng mận NẾT nào chẳng ưa
Hải đường MỠN mơn cành tơ
Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng
1285 Nguyệt hoa hoa nguyệt nảo nùng
Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng
Lạ khi thanh khí NHỄ hăng
Một dây một buộc ai giăng cho ra
Sớm đào tối mận lân la
1290 Trước còn trăng gió sau ra đá vàng
Dịp SAO may mắn lạ đường
Lại vừa gặp khoảng NGHIÊM đường lại quê
Sinh càng một tỉnh mười mê
Ngày xuân lắm lúc QUÊN về với xuân
1295 Khi gió gác khi trăng sân
Bầu tiên DỐC rượu câu thần nổi thơ
Khi SƯƠNG sớm khi MÂY trưa
Bàn vây LỬA nước đường tơ hoạ đàn

34A

花魁慕省翹兒
 帳蘇夾柄花朶
 侮棠蔓匕梗坐
 月花匕月悄煥
 選之聲氣裡但
 彘桃最慢憐罪
 攢牢埋放選羨
 生強艾醒進迷
 欺愈向欺勝憐
 欺香最欺選昉

1090

1280

帟紅昇旦香圭收臥
 鞞市庄慢涅帟庄於
 得春強愈強媚強爇
 店春埃易拈恁特庄
 艾徙艾仆埃粧朱戮
 畧烱膝愈婪戮移爇
 吏皮及曠嚴堂吏圭
 得春夥六侑米貝春
 甄仙雋醢勾神緩凌
 盪回駮諾塘係和彈

34/B

MỆT MỜ trong cuộc truy hoan
 1300 Càng quen thuộc nét càng dan díu tình
 Lạ cho cái sóng khuynh thành
 Làm cho đổ quán xiêu đình như chơi
 Thúc sinh quen NẾT bốc rời
 Trăm nghìn đổ một trận cười như không
 1305 Mụ càng tô lục chuốt hồng
 Máu tham NGƯỜI thấy hơi đồng THÌ mê
 Dưới trăng quyen đã gọi hè
 Đầu tường lửa lựu lập loè đâm bông
 Buồng LÀ phải buổi thông dong
 1310 Thang lan rủ bức trướng hồng SẠCH hoa
 Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
 Dày dày sẵn đúc một toà thiên nhiên
 Sinh càng tỏ nét càng khen
 Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường
 1315 Nàng rằng vâng biết LÒNG chàng
 Lời lời châu ngọc hàng hàng gấm thêu
 Hay hèn NHỄ cũng nổi điều
 Nổi quê NGHĨ một hai điều ngang ngang

34B

披靡 遑遑 追欵
 選朱 巧倂 傾城
 東生 消濕 卜冰
 媒強 蕪綠 拌江
 鄰媵 鵲龜 吟夏
 房儼 市明 從容
 贈煉 仲王 鼻牙
 生強 斲濕 強啗
 娘浪 鄂別 恚私
 哈噴 裡棋 緩舒

1310

1300

驗消 屬涅 強擲 掃情
 夕朱 觀館 漂亭 如削
 慕軒 觀文 陣嘆 如空
 鼎貪 咬寬 唏洞 時迷
 頭墻 貼榴 粒燥 恍荒
 湯香 懋幅 帳紅 証花
 諄匕 產燭 文奎 天然
 寓晴 珥坤 文偏 律唐
 堅匕 珠王 行匕 鄰桃
 溪生 梓文 仁調 昂匕

35/A

- Lòng còn gởi áng mây vàng
 1320 BẮN NGÒI xin hãy chịu chàng hôm nay
 Rằng sao nói lạ lòng thay
 Cành kia chẳng phải cội này mà ra
 Nàng càng TỬ DỘT THU BA
 Đoạn trường LỤC ấy DỞ mà buồn tênh
 1325 Thiếp như hoa đã lìa cành
 Chàng như con bướm LỰA vánh mà chơi
 Chúa xuân đành đã có nơi
 VẮN ngày thôi có dài lời làm chi
 Sinh rằng từ thuở tương tri
 1330 Tắm riêng riêng những nặng vì nước non
 Trăm năm tính cuộc vương tròn
 Phải dò cho đến ngọn nguồn NGÁC sông
 Nàng rằng muôn đời ơn lòng
 TRÓT e bên thú bên tông dễ đâu
 1335 Bình khang nấn ná bấy lâu
 Yêu hoa yêu được một màu điểm trang
 Rồi ra RỬA phấn LAU hương
 Lòng kia giữ được thường thường mãi chẳng

35A

惠佯嗽益迅憤
 浪牢响迺迺台
 娘胎粹突秋波
 妾如花色商梗
 主春竹色杏尼
 主浪自裸相知
 泉薛淡箭旃輪
 娘浪同隊恩惠
 平康报那团数
 末罌沼粉拌香

1330

祥亦嗔唉剋私散吟
 便箕庄沛松尼麻腰
 断腸録意情麻盆星
 弘如昆蛭吕鏐麻削
 辨睥催渚魏啞少之
 成續匕仍礪為渚衆
 沛捷朱旦荒源渥澆
 悽吟边聚边從易亮
 股花股特艾牟默粧
 惠箕特常匕買庄

1320

35/B

- Vả trong thêm quế cung trắng
1340 Chủ trương đành đã chị Hằng ở trong
BẤY LẬU khăng khít dải đồng
Thêm người người cũng chia lòng riêng tây
Vĩ chi chút phận bèo mây
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi
1345 Trăm điều ngang ngựa vì tôi
Thân sau ai chịu tội trời ấy cho
Như chàng có vững tay co
Mười phần cũng đắp điểm cho một vài
Thế trong dù lớn hơn ngoài
1350 Trước hàm sư tử gởi người đăng la
Cúi đầu luôn DƯỚI mái nhà
Giấm chua lại tội bằng ba lửa nồng
Ở trên còn có nhà thung
LÒNG trên trông xuống biết lòng có thương
1355 Sá chi liễu ngõ hoa tường
Lầu xanh lại bỏ ra phường lầu xanh
Lại càng dơ dáng đại hình
Đành thân phận thiếp ngại danh giá chàng

35 B

用烈康傑帶同
 尾之魁分飄邈
 氣調昂語為碎
 如松杏凭孤
 世冲由鬚欣外
 松頭淪帶賈茹
 於蓮炸固茹椿
 咤之柳坪花墻
 吏強洲兼瘦形

1350

添尋七拱支悉貞西
 少朱破愛欺吾欺為
 身數埃韶罪歪衣朱
 進分拱合店朱爻弄
 畧含獅子咬昇藤莢
 酊味吏罪平匪炤燒
 悉連鯉斬別悉杏傷
 接障吏補煦坊樓撐
 停身分妾卜名饒松

1340

主張竹曲姉姪於冲

36 / A

- Thương sao cho vẹn thì thương
 1360 Tính sao cho trọn mọi đường THÌ vâng
 Sinh rằng hay nói đề chừng
 Lòng đây lòng đấy chưa từng hay sao
 Đường xa chó NGẠI Ngô Lào
 Trăm điều hãy cứ trông vào một ta
 1365 Đã gần chi có điều xa
 Đá vàng CŨNG quyết phong ba cũng liều
 Cùng nhau căn vặn đến điều
 Chỉ non thê bể nặng gieo đến lời
 Nỉ non đêm VẮN tình dài
 1370 Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương
 Mượn điều trúc viện thừa lương
 Rước về hãy tạm giấu nàng một nơi
 Chiến hoà sắp sẵn hai bài
 Cậy tay thầy thợ mượn người dò la
 1375 Bắn tin đến mặt Tú bà
 Thua cơ mụ cũng cầu hoà dám sao
 Rõ ràng của dẫn tay trao
 VẬY ĐƯA một thiếp thân vào cửa công

36A

傷牢朱院時傷
生浪哈喇提徑
塘除渚兮吳律
缶斯之古調餘
拱疾根紮旦凋
咏巢店癖情馳
漫調竹院乘涼
懺和擁產仁排
半信旦樞秀叟
燴煉貼引羈揮

1370

1360

併牢朱論每塘時聊
悉低悉帝渚曾哈牢
慕凋唉崑體飢文些
硤橫拱決片波拱料
指巢誓彼礪招旦啞
外軒兒缶巢克吟薊
連求唉暫別娘艾尼
愔羈柴署慢尋陡罷
輸机媒拱求和敢牢
正移文帖申飽圍公

36/B

Công RIÊNG hai NHỄ đều xong
 1380 Gót tiên TRÓT đã thoát vòng trần ai
 Một nhà sum họp trúc mai
 Càng sâu nghĩa bể càng dài tình sông
 Hương càng LỘNG lửa càng nồng
 Càng XUÊ vẻ NGUYỆT càng lồng màu sen



1385 Nửa năm hơi tiếng vừa quen
 Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng
 Giậu thu VỪA nẩy giò sương
 XE BỒ đã thấy xuân đường ĐẾN nơi
 Phong lôi nổi trận bờ bờ
 1390 SÓT lòng ƠI HỐI tính bài phân chia
 Quyết ngay biện bạch một bề
 Dạy cho má phấn lại về lầu xanh
 Thấy lời nghiêm huấn rành rành
 Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu
 1395 Rằng con biết tội đã nhiều
 Dẫu rằng sấm sét búa rìu cũng cam
 TRÓT vì tay đã NHÚNG chàm
 Dại rồi còn biết khôn làm sao đây

36B

公補台裡樞衝
艾茹森合竹梅
香強湧焔強燒
蚌靦啼哨皮消
攢秋皮扔蕤霜
凡雷爰陣排匕
决甕辨白爰皮
体陟嚴訓伶匕
琅昆別罪缶黠
悞為邦缶坤藍

1390

1380

暗仙律缶脫亥主埃
強倮姜破強餽情淹
強吹慰月強鼃牟通
璘梧梗碧缶坎莧熿
車蒲缶体椿堂旦尼
粹恚啖啖併排分艾
哦朱鵬粉吏術慘撐
打料生買裊情奈叫
商浪靈霸怖燎拱耳
庾耒烺别坤夕牢低

37/A

Cùng nhau vả tiếng một ngày
1400 Ôm cầm ai nỡ dứt dây cho đành
Lượng trên quyết chẳng thương tình
Bạc đen thôi có tiếc mình làm chi
Thấy lời VÀNG đá tri tri
Sốt gan ông mới cáo TÌ cửa công
1405 Đất bằng nổi sóng ùng ùng
Phủ đường sai lá phiếu hồng thôi tra
Cùng nhau theo gót sai nha
Song song vào trước sân hoa lạy quỳ
Trông lên mặt sắt đen sì
1410 Lập UY trước đã ra uy nặng lời
Gã kia đại nết chơi bời
Mà con người ẤY là người đong đưa
Tuồng chi hoa thắm hương thừa
Mượn màu son phấn đánh lừa con đen
1415 Suy trong tình trạng NGUYỄN ĐƠN
Bề nào thì cũng chưa yên bề nào
Phép công chiếu án luận vào
Có hai đường Ý muốn sao mặc mình

37A

拱僂駟嗜爰睇
量連突庄傷情
体陟熿移知匕
坦平妥誦同匕
拱僂蹠蹠差米
鯉蓮柄鏢鯉趾
舛箕痠涅剖排
從之花貨香乘
推冲情收京畢
法公策案論飢

1415

1400

摘栗埃女搥僂宋停
泊煎催布惜舍夕之
焯肝允買告脚率公
府堂差并票紅催查
双匕飢畧璘花袒跪
立威畧缶威畧瓊啞
席昆尋意咒尋冬迄
慢牢輪粉打駢昆煎
皮帑肅拱渚安皮帑
杏仁塘意向牢默舍

37/B

- Một là cú phép gia hình
- 1420 MỘT là lại cú lầu xanh phó về
 Nàng rằng đã quyết một bề
 DẶN này vương lấy tơ kia mấy lần
 Đục trong thân cũng là thân
 Yếu thơ vâng chịu trước sân loi đình
- 1425 Dạy rằng cú phép gia hình
 Ba cây CHẾT lại một cành mẫu đơn
 Phận đành chi dám kêu oan
 Đào hoen quện má liễu tan tác mành
 Một sân lầy cát đã đầy
- 1430 Gương lờ nước thủy mai gầy vóc sương
 Nghĩ tình chàng Thúc mà thương
 Nẻo xa trông thấy lòng càng xót xa
 Khóc rằng oan khốc vì ta
 Có nghe TRỌN trước CHẢ đà KÉO sau
- 1435 Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu
 Để ai trắng tuổi hoa sầu vì ai
 Phủ đường nghe thoảng vào tai
 Động lòng lại gạn đến lời riêng tây

37B

文羅捉法加刑
 娘浪缶决又皮
 濁冲身拱罪身
 咤浪捉法加刑
 分付又取咤冤
 爰隣休爲缶首
 後情私束麻傷
 哭浪冤酷爲些
 刑悉庄別後淡
 府堂賁倘飽咽

1430

1420

艾哭吏捉樓樺付米
 岫尼王袒絲箕余吝
 要疎叩額畧隣雷庭
 亡核秩吏爰梗牝丹
 桃疽瘡鴈柳散作眉
 薊疆浩水梅瘡卻霜
 裊車鯉体悉眩睨賒
 古賁命畧渚它矯鞍
 底埃腓悴花愁爲埃
 動悉吏畔旦吞貞西

38 / A

Sụt sùi chàng mới thưa ngay
1440 Đầu đuôi LẠI KỂ sự ngày cầu thân
Nàng đà tính hết xa gần
Từ xưa nàng đã biết thân có rày
Tại tôi XÚNG lấy một tay
Để nàng cho đến nỗi này vì tôi
1445 Nghe lời nói cũng thương lời
Dẹp uy mới dạy MỞ bài giải vi
Rằng như hễ có thế thì
Trăng hoa NHƯNG cũng thị phi biết điều
Sinh rằng TRỐT phận bọt bèo
1450 Theo đòi CŨNG VẢ ít nhiều bút nghiên
Cười rằng đã thế thì nên
Mộc già hãy thử một thiên trình nghệ
Nàng vâng cất bút tay đề
Tiên hoa trình trước án phê xem tường
1455 Khen rằng giá LẠT Thịnh Đường
Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân
Thực là tài tử giai nhân
Châu Trần NÀO có Châu Trần nào hơn

38A

疾津松對疎庭
 娘它併歇餘斯
 在碎称世文碎
 聒啞响共傷墜
 浪如窄固世時
 生痕映分倖鄭
 嗔浪缶世時鍼
 娘唧結毫珣題
 嗜浪價瀨盛唐
 實界才子佳人

1450

1450

頭雖吏計事時求
 自初娘缶別親固
 底娘朱旦浚尼為
 操威買牝獬排解
 膝在仍拱是非別
 蹠隊拱阻少藉筆
 木枷唉此文篇呈
 羌花呈轆案批祐
 才尼色意辭橫渚
 朱陳帝固朱陳帝
 欣

38 / B

Thôi đừng CHÁC dữ MUA hờn
 1460 Làm chi lỗ nhíp cho đàn ngang cung
 Đã đưa đến trước cửa công
 Ngoài thì là NHỄ song trong là tình
 Dâu con trong đạo gia đình
 Thôi thì dẹp nổi bất bình là xong
 1465 Kịp THÌ sắm sửa LẠY công
 Kiểu hoa SÁNH gió đuốc hồng ĐIỂM sao
 Bày hàng cổ VỮ xôn xao
 Song song đưa tới trường đào sánh đôi
 Thương vì NẾT trọng vì tài
 1470 Thúc ông thôi cũng dẹp lời phong ba
 Huệ lan sức nức một nhà
 Từng cay đắng lại mặn mà hơn xưa



Mảng vui rượu sớm cờ trưa
 Đào đà BAY thắm sen vừa nảy xanh
 1475 Trưởng hồ vắng vẻ đêm thanh
 E tình nàng mới bày tình riêng chung
 Phận bồ từ vẹn chữ tòng
 Đổi thay nhận CÁ đã CÙNG đầy niên

388

催停卓布祺賢
 缶逐旦畧率公
 妯毘冲道家廷
 急時懣刑禡公
 排行鼓舞叫臨
 傷為溫重為才
 惠香噴隱爰茹
 嘖嗔醢鼻拱昉
 帳糊末尾店清
 分蒲自院穿從

1430

1460

夕之呂揲朱彈昂宮
 外時羿黠双冲羿情
 催時揲浹不平羿衝
 翰花精逾燭江點牢
 双匕逐細帳毳聘堆
 束弁催拱揲啞凡彼
 曾茲荃吏漫麻欣初
 桃缶禱審蓮皮扔撐
 咏情娘買排情貞珍
 对台厚个缶拱苦年

39/A

Tin nhà ngày một THẦM tin
1480 Mặn tình cát lũy lạt tình tao khang
Nghĩ ra THỰC cũng nên đường
Tăm hơi ai kẻ giữ giàng cho ta
Trộm nghe kẻ lớn trong nhà
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường
1485 E thay những dạ phi thường
Để dò rốn bể khôn lường BỤNG sông
Mà ta suốt một năm ròng
Thế nào cũng chẳng giấu GIUNG được nào
BÂY GIỜ chưa tỏ tiêu hao
1490 Hoặc là trong có làm sao chẳng là
Xin chàng LIỆU KÍP lại nhà
Trước người đẹp ý sau ta biết tình
Đêm ngày giữ mực giấu quanh
Rày lần mai lửa như hình chưa thông
1495 Nghe lời khuyên DỖ thông dong
ĐỊNH lòng sinh mới quyết lòng hồi trang
SÁNG ra gởi đến xuân đường
Thúc ông cũng vội giục chàng ninh gia

39A

信如得父脫信
拘戮實拱誠策
臨臨几賴冲始
喀哈仍胞非常
麻些率父輔明
悲除渚燄消耗
嗅私料忌吏茹
店時符墨封觥
瞋啞勸杜徒容
燭黜吸旦椿堂

1480

親情葛煎棘情憐
叱嚙埃几狩床來些
於飽困法响器縹緲
易噬哄鼓坤量膝淹
世市拱庄剛戎特市
或界坤亦少牢庄界
畧異機意婪些別情
劇各埋呂如形僭通
定恚生買決情同裝
束瓮拱倍運私宁家

1490

39/B

Tiến đưa một chén quan hà
1500 Xuân đình thoát đã ĐẠO ra Cao đình
Sông Tần một dải xanh xanh
Loi thoi bờ liễu mấy cành Dương quan
Cầm tay dài thả VẮN than
Chia phôi ngừng chén hợp tan ghen lời
1505 Nàng rằng non nước xa khơi
Sao cho trong ấm thì ngoài mới êm
Dễ loà yếm thắm trôn kim
Làm chi bưng MẶT bắt chim khó lòng
Đôi ta chút nghĩa đèo bông
1510 Đến nhà trước liệu nói sòng cho mình
Dù khi MƯA gió bất BÌNH
Lớn ĐÀNH uy lớn tôi đành phận tôi
Hơn điều giấu ngược giấu xuôi
Lại mang những việc tà trời đến sau
1515 Thương nhau xin nhớ lời nhau
Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy
Chén đưa nhớ bữa ĐÊM nay
Chén mừng xin đợi ĐÊM này năm sau

398

踐邊艾噉角河
秦掩艾帶樽七
拈瓶駛咀爛嘆
娘浪衆諾賒朋
易燦振蘇俞金
堆些拙菱刀蓬
油欺媚愈不平
欣凋尉唐尉吹
傷燒噴吹啞燒
噉逡女餽吝吟

1515

春亭脫征道黜皇亭
雷催坡柳余梗楊開
艾配半戰合散寥陞
牢朱坤塹時外買墮
少之冰樞執鴿苦悉
旦茹畧 啞崇朱明
轟停威轟碎停分碎
吏忙仍役育左旦轆
辭退拱庄移亮麻泥
噉惻噉待店尾輜輳

40/A

Người lên ngựa kẻ chia BÂU
 1520 Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san
 Dặm hồng bụi cuốn chinh an
 Trông người đã khuất mấy ngàn CÂY xanh
 Người về chiếc bóng năm canh
 Kẻ đi muôn dặm một mình PHA PHÔI
 1525 Vầng trăng ai SẼ làm đôi
 Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường



Kể chi những nỗi dọc đường
 Buồng trong LẠI nỗi chủ trương ở nhà
 Vốn dòng họ Hoạn danh gia
 1530 Con quan Lại bộ GỌI là Hoạn thư
 Duyên Đàng thuận nẻo gió đưa
 Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày
 Ở ăn thì nét cũng hay
 Nói điều ràng buộc thì tay cũng già
 1535 Từ nghe vườn mới thêm hoa
 Miệng người đã lăm tin nhà thì không
 Lửa tâm càng dập càng nồng
 GIẬN người đen bạc ra lòng trắng hoa

40A

駟蓮馭几支旆
琰扛僂捲征戰
尋米隻膝齧更
暈膝埃仕夕堆
計之仍綏盲塘
本淵戶宮名家
緣膝順氣臉遂
於咳時但拱哈
自眩園買添花
焜心強拉強燒

1920

倭棍秋屯柒牟開山
韃尋屯履余岸核樺
几移同琰艾倚坡配
姓印袞隻姓燭埃長
薩冲吏後主張於茹
昆官吏部吟昇管炬
拱私結遜徐仍得
吶綢徠徠時撫拱綽
呬身色繫信茹時空
噉身真泊興恣腹花

1930

40/B

Ví bằng thú THỰC cùng ta
 1540 Cũng dung kẻ dưới mới là ĐẲNG trên
 Đại chi chẳng giữ lấy nền
 Tốt chi mà CHÁC tiếng ghen vào mình
 Lại còn bưng bít giấu quanh
 Làm chi những thói trẻ ranh nực cười
 1545 Tính rằng cách mặt khuất lời
 Giấu ta ta cũng liệu bài giấu cho
 Lo gì việc ấy mà lo
 Kiến trong miệng chén CỐ bò đi đâu
 Làm cho nhìn chẳng được nhau
 1550 Làm cho đầy đoạ cát đầu chẳng lên
 Làm cho trông thấy nhãn tiền
 Cho người thăm ván bán thuyền biết tay
 TRONG lòng kín chẳng ai hay
 Ngoài tai để mặc gió bay mé ngoài
 1555 Tuần sau bỗng CỐ hai người
 Mách tin ý cũng liệu bài TẶNG công
 Tiểu thư nổi giận dùng dùng
 Gớm HAY thêu dệt ra lòng treu người

AcB

香平首實抄些
 瘦之庄寄把堪
 吏烱氷扒討觥
 併浪隔柄屈啞
 步之役意床步
 夕朱認庄特旌
 夕朱體体眼前
 舛惡槌庄埃吟
 旬樓捧杏仁身
 小担緩陣同匕

1550

1540

拱馨凡荷買晃塘蓮
 率之麻耽嗜性飽命
 夕之仍颺池魅惡嘆
 厨些匕拱料排醒朱
 觀舛咽噦右補移堯
 夕朱苔墮拈頭搔蓮
 朱尋嚙極半解別廝
 外聰底默愈悲願外
 頃信意拱料排新功
 喇哈徙迭罨惡掠時

41/A

- LANG QUÂN nào phải như ai
1560 Điều này hẵn BỎI những người thị phi
Vội vàng LÀM DỮ ra uy
Đứa thì vả miệng GẤ thì bẻ răng
Trong ngoài kín mít như bưng
Nào ai còn dám nói năng một lời
1565 Buồng THÊU khuya sớm thanh thoi
Ra vào một mực nói cười như không
Đêm ngày lòng những dặn lòng
Sinh đà về đến lầu hồng xuống yên
Lời tan hợp nổi hàn huyền
1570 Chữ tình càng mặn chữ duyên càng nồng
Tẩy trần vui chén thông dong
Nổi lòng ai ở trong lòng mà ra
Chàng về xem ý tứ nhà
Sự mình cũng rấp lân la giải bày
1575 Mấy phen cười TỈNH NÓI say
Tóc tơ CHẴNG động mảy may sự tình
Nghĩ LÀ bưng kín miệng bình
Nào ai có khẩu mà mình ĐÃ xưng

41A

郎君帝沛如埃
 倍廣夕共鼎威
 冲外謹文如水
 離桃易歟清台
 店賜悉仍呀悉
 呖散合溪寒暄
 洗坐盃噦從容
 弘米拈意思茹
 余番噀醒响醴
 拈罪冰謹呬瓶

1520

1560

堀尼罕黝仍駮是非
 良時趾呬攢時披鞍
 帑埃炸敢响能文呖
 戮飢文墨响哄如空
 生它米旦棲紅帶鞍
 孳情強優孳錄強熈
 後悉埃於紳悉席戮
 事命拱拉隣罷駘排
 遷孫庄動斷埋事悽
 帑埃古務麻禽色称

41/B

Những là e ấp dùng dằng
1580 Rút dây sợ nữa động rừng lại thôi
Có khi vui chuyện mua cười
Tiểu thư lại giở những lời đầu đầu
Rằng trong ngọc đá vàng thau
Mười phần ta đã tin nhau cả mười
1585 Khen cho những miệng đông dài
Bướm ong lại đặt những lời nọ kia
Thiếp dù BỤNG chẳng hay suy
Đã dơ bụng nghĩ lại bia miệng cười
Thấy lời thủng thỉnh như chơi
1590 Thuận lời chàng cũng nói xuôi đỡ đòn
Những là cười phấn cợt son
Đèn khuya chung bóng trắng tròn sánh vai
Non quê thuần vược bén mùi
Giếng vàng đã NẢY một vại TIN ngô
1595 Chạnh BUỒN nhớ cảnh giang hồ
Một NIỀM quan tái MẤY mùa gió trăng
Tình riêng chưa dám rỉ rằng
Tiểu thư trước đã liệu chừng nhủ qua

418

仍鬼咬邑用孕
杏欺孟傳模哄
浪冲王移橫偷
首朱仍呖容賤
妾油腴庄哈推
体啞統請如削
仍呖哄粉噪輪
巢春萼賊夜味
鄭念改景江湖
情貞渚敢吧鞍

1540

1580

拌煖悻友動棧吏催
小姐吏拘仍凋堯
迸分些也信燒奇迸
炆嶙吏達仍凋奴箕
奄涂腴淺吏碑呖哄
順墜弘拱吶吹拖拖
烟号厘腴賧踰聘籛
排橫奄扔艾菲信梧
女念閑寒余務愈賧
小姐畧奄料匿乳戈

42/A

Cách năm mây bạc xa xa
 1600 Lâm Tri cũng phải tính mà thần hôn
 Được lời như MỞ tắc son
 Vó câu thẳng ruổi nước non quê người
 Long lanh đáy nước in trời
 Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng
 1605 VÓ câu vừa GIÓNG dặm trường
 Xe hương nàng ĐÃ thuận đường quy ninh
 Thừa nhà huyên hết mọi tình
 Nỗi chàng ở bạc nỗi mình chịu đen
 Nghĩ rằng GIẬN ghẻ hờn ghen
 1610 Xấu chàng mà có ai khen chi mình
 Vậy nên ngảnh mặt làm thinh
 Mưu cao vốn đã rắp ranh những ngày
 Lâm Tri đường bộ thảng chầy
 Mà đường hải đạo sang ngay thì gần
 1615 Dọn thuyền lựa mặt gia nhân
 Hãy đem dây xích buộc chân nàng về
 Làm cho cho mệt cho mê
 Làm cho đau đớn ê chề cho coi

42A

隔甌邇伯賒匕
 特墜如翔昇輪
 竈冬底渚卽至
 唏駒皮擦淡長
 踈茹萱歇每情
 拷浪恨飛憤慳
 王誠睞栢少清
 臨甌塘步臙遲
 拖船攝栢家人
 少朱比瘵朱迷

1610

1600

臨滌拱沛併淵晨昏
 蹄駒甌坂渚萊春尋
 城礎煨碧淩披膝橫
 車香短匱順塘歸寧
 浚弘於伯妥份鄒煎
 醢弘庠在埃嗜之禽
 淇高本匱立侯仍暘
 麻塘海道迎甌時斯
 唉充徠赤糾頭娘術
 少朱勃疽咬提朱梅

42/B

Trước cho bỏ ghét những người

1620 Sau cho để một trò cười về sau

Phu nhân khen chúc CŨNG mầu

Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay

Sửa sang buồm gió lèo mây

Khuyến Ưng lại chọn một VÀI côn quang

1625 Dặn dò hết các MỐI GIƯỜNG

Thuận phong một lá vượt sang bến Tề

Nàng từ chiếc bóng song the

Đường kia nổi nọ như chia mối sầu

Bóng TANG đã xé ngang đầu

1630 Biết đâu ấm lạnh biết đâu ngọt bùi

Tóc thê đã chấm QUANH vai

Nào lời non nước nào lời sắt son

Sấn bìm chút phận con con

HƯƠNG duyên biết có vương tròn cho chẳng

1635 Thân sao nhiều ÁN bất bằng

Liều như cung Quảng CHỊ Hằng nghĩ nao

Đêm thu gió lọt song đào

Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời

4235

畧朱補結仍昇
夫人啗所拱牟
所卽帆愈遼邇
叨啞歌各每塘
娘自隼膝憲施
膝桑缶熾昂頭
運誓缶枕觥餞
惹菰我分昆匕
身牢移按不平
店秋愈律憲枕

(1630)

(1620)

畧朱底文路嘿米菱
朝昆買咤默油鼎珣
大鷹吏拱文甌搥光
順風文甌越迦暖育
塘箕浚怒如支前愁
別堯蔭冷別堯兀裴
帛啞鼎渚帛啞跌輪
香祿別杏旂輪朱庄
料如宮廣姉如持菟
婢煤腹熟匹牢神至

43 / A

Nén hương đến trước Thiên đài
 1640 Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân vân
 Dưới hoa dật lữ ác nhân
 Âm âm khốc quỷ kinh thần mọc ra
 Dây sân gươm tuốt sáng lòe
 Thất kinh nàng chữa biết là làm sao
 1645 Thuốc mê đầu THOẮT tưởi vào
 Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì
 DẤY ngay lên ngựa tức thì
 PHÒNG đào viện sách bốn bề lửa CHONG
 Sấn thầy vô chủ bên sông
 1650 Dem vào để đó LẶN sông ai hay
 Tôi đòi phách lạc hồn bay
 Pha càn bụi cỏ gốc cây ẩn mình
 Thúc ông nhà cũng gần quanh
 Chợt trông ngọn lửa thất kinh rụng rời
 1655 Tớ thầy chạy thẳng đến nơi
 Tôi bồi tưởi lửa tìm người lao xao
 Gió TUNG ngọn lửa càng cao
 Tôi đòi tìm đủ nàng nào thấy đâu

43A

碾香且畧天臺
 帶花越倭惡人
 吾隣嫌排炯燥
 棘迷堯在酒臥
 跢甌蓮馭即時
 產屍無主辺穉
 碎隊魄落理繼
 束弁茹拱斯斲
 佃柴趨餉旦尼
 愈嵩阮州強高

1650

1600

接悲懃渚泮陞亡
 暗亡哭鬼驚神木爨
 失鴛娘渚別娘夕牢
 弗慌如戔占包別之
 房兆院門翠皮却炆
 挨飢底妬齊崇埃台
 披軋塔姑搭核隱禽
 秩鞞院炤失鴛洲涖
 戔排晒炤尋身勞嗃
 碎隊尋覩娘帑体堯

43/B

Hót hơ hót hải nhìn nhau

1660 Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quàng

Chạy RA chốn cũ phòng hương

TRÔNG THAN thấy một đồng xương cháy tàn

Ngay tình ai biết mưu gian

Hắn nàng thôi lại CỐ bàn rằng ai

1665 Thúc ông RƠI GIỌT VẮN dài

Nghĩ con vắng vẻ thương người nét na

Di hài nhật GÓI về nhà

Nào là khâm liệm nào là tang trai

Lễ thường đã VẸN một hai

1670 Lục trình chàng cũng đến nơi bấy giờ

Bước vào chốn cũ lâu thơ

Tro than một đồng nắng mưa bốn tường

Sang nhà cha tới trung đường

Linh sàng bài vị thờ nàng ở trên

1675 Hỡi ôi nói hết sự duyên

Tơ tình đứt ruột lửa phiền cháy gan

Gieo mình vật vã khóc VAN

Con người thế ấy thác oan thế này

43B

歌虛歇游初鹿
迢遞唯躡房香
匪情埃別謀肝
束芥涑淡燁魄
遺骸相捨米茹
孔常屯院爰行
跣臥牀黠樓疎
迎茹吒袖中堂
咳喂啞歇事錄
招禽勿把哭不

1670

崑身勢意托冤世尼
綵情剗脚炤煩姪肝
靈床脚位餘娘拔蓮
殞炭爰堦爆泥舉躡
陸程以拱旦尼困徐
帑毘衾歛帑毘塋膏
拷毘末尾傷尋涅那
牢娘催吏古盤浪埃
醴炭体爰堦昌姪殘
井淩瑤舊畧婪尋光

1660

44 / A

Chắc rằng mai trúc lại vầy

1680 Ai hay vĩnh quyết là ngày đưa nhau

Thương càng nghĩ nghĩ càng đau

Để ai LẤP thăm quạt sâu cho khuây

Gần miền nghe có một thầy

Phi phù trí quỷ cao tay thông huyền

1685 Trên Tam đảo dưới Cửu tuyền

Tìm đâu thì cũng biết tin rõ ràng

Sấm sanh lễ vật ĐUA sang

Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi han

Đạo nhân phục trước tĩnh đàn

1690 Xuất thần giây phút chưa tàn nén hương

Trở về minh bạch nói tường

Mặt nàng chẳng thấy việc nàng đã tra

Người này nặng KIẾP oan gia

Còn nhiều nợ lắm sao đà thác cho

1695 Mệnh cung đang mắc nạn to

Một năm nữa mới thăm dò được tin

Hai bên giáp mặt chiến chiến

Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn lạ thay

44A

戕浪梅竹吏回
傷強考匕強疔
斯汚眩右艾柴
蓮三寶帶九泉
憾生礼物遙卽
道人伏器淨以
阻術明白吶諄
孰尼礪切冤家
舍宮登默難蘇
仁边夾栖壘匕

1690

1680

埃哈末決旦睥遙疔
易埃拉慘癡愁未虧
尅符致魁高屈通玄
尋堯時拱別信燴煉
真尋宋体栖娘晦嘆
火神絛人渚綫瓊香
栖娘庄体役娘色查
群姦女輟牢它托朱
戕萌女買噤啞特信
向認麻至敢認選台

44/B

ĐIỀU ĐÂU nói lạ đường này

1700 Sự nàng LÀ thế lời thầy dám tin
 Chẳng qua đồng cốt quàng xiên
 Người đâu mà lại thấy trên cỏi trần
 Tiếc hoa những ngậm ngùi xuân
 Thân này để lại mấy lần gặp tiên



1705 Nước trôi hoa rụng đã yên
 Hay đâu địa ngục ở miền nhân gian
 Khuyển Ưng đã đất mưu gian
 Vực nàng đưa xuống để an dưới thuyền
 Buồm cao lèo thẳng cánh suyền
 1710 Đè chừng huyện Tích băng miền vượt sang
 Dỡ dò lên trước sảnh đường
 Khuyển Ưng hai đứa nộp nàng dâng công
 Vực nàng tạm xuống môn phòng
 Hãy còn THIẾP thiếp giấc nồng chưa phai
 1715 Hoàng lương NGHE tỉnh hồn mai
 Cửa nhà đâu mất lâu đài nào đây
 Bàng hoàng dở tỉnh dở say
 Sảnh TRÊN MĂNG tiếng đòi ngay lên hầu

44B

調亮响選兼尼
庄戈童骨光川
惜在仍吟嚙春
涕濡老朋奄安
犬驚缶担謀肝
帆高撩甃翹崙
搗汲蓮轆碩堂
域娘暫窰白房
黃梁眩醒魂楊
傍徨指醒指醒

1716

1700

弄娘罪世啞柴敢信
昇亮麻吏体蓮埃坐
身尼易吏余吝及仙
古亮地獄拉西人面
域娘逐窰底安辭船
提汲縣錫冰汚越迎
犬驚仁移納娘鄧功
唉炸咄匕戩洩渣派
肉茹亮秩樓臺帝低
願遠嗜嗜隊甃蓮候

45 / A

A hoàn TRÊN DƯỚI giục mau
 1720 Hãi hùng nàng mới theo sau MỌI người
 NHẮC trông toà rộng dầy dài
 “Thiên quan trủng tể” có bài treo trên
 Ban ngày NẾN thấp hai bên
 TRÊN giường thất bảo ngồi trên một bà
 1725 Gạn gừng ngọn hỏi ngành tra
 Sự mình nàng ĐÃ cứ mà gởi thưa
 Bất tình nổi trận mây mưa
 Diếc NÀNG những giống bơ thờ quen thân
 Con này chẳng phải thiện nhân
 1730 Chẳng MÀU trốn chúa thì quân lộn chồng
 Ra tuồng mèo mả gà đồng
 Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào
 Đã đem mình bán cửa tao
 Lại còn khủng khỉnh làm cao thế này
 1735 GIA PHÁP ĐẤU TRỂ nọ bay
 Hãy cho ba chục biết tay một lần
 A hoàn trên dưới dạ RÂN
 Dẫu rằng trăm miệng khôn phân NHẼ nào

45A

了髮連漸逐毛
 瞻觀座曠圯賤
 平時爆烔仁边
 咩唠荒吻梗查
 不情汲陣逖偃
 昆尼坐佈善人
 鼎徙猶塢鴈洞
 色抗角半牽蚤
 求法堯秘怒憊
 了髮連帶喧隣

1730

1720

駭雄娘買蹺輟每昇
 天官家宰古排墮蓮
 蓮床七室卦蓮文爰
 事份娘色批菲吸踈
 咬娘仍糴巴餘脩身
 庄牟適主時箔論軼
 鼎徙隄縱至衝皮市
 吏岸共太夕高吻尼
 唉朱旺罰別珣文吝
 酉浪泉岫埤分黔

45/B

- Trúc côn ra sức đập vào
- 1740 Thịt nào chẳng nát gan nào chẳng kinh
- Xót thay đào lí một cành
- Một phen mưa gió tan tành một phen
- Hoa nô truyền dạy đổi tên
- PHÒNG THÊU dạy ép vào phiên thị tì
- 1745 Ra vào theo lũ thanh y
- Dãi dầu tóc rối da chì quần bao
- HOẠN gia có một mụ nào
- Thấy người thấy nét ra vào mà thương
- Khi chè chén khi thuốc thang
- 1750 GIÚP lời phương tiện mở đường hiếu sinh
- Dạy rằng may rủi đã đành
- Liều bỏ mình giữ lấy mình cho hay
- Cũng là oan nghiệp chi đây
- Sa cơ mới đến thế này chẳng dưng
- 1755 Ở đây tai vách mạch rừng
- Thấy ai người cũ cũng đừng nhìn chi
- Kẻo khi sấm sét bất kì
- Con ong cái kiến kêu gì được oan

45B

竹棍黥劣拉臥
 悽台枕李文梗
 花奴傳吡對貉
 黥臥蹠優青衣
 宦家右艾媒市
 欺荼噉欺賴易
 吡浪埋瓦色停
 拱罪冤業之低
 拾低聰壁脉棲
 矮欺廩甦不期

1750

1740

陋帝奎涇肝市庄鸞
 艾番湄愈散情艾番
 房姚吡押臥番侍牌
 潯佃邈夏服潯管匱
 体尋体涅黥臥麻傷
 批墜方便編塘好生
 柳蒲禽辨徯禽朱台
 沙机買旦剪尼極仍
 覓埃尋前拱停認之
 昆蜂丐蠅叫之特冤

46 / A

- Nàng càng ĐÚA ngọc như chan
1760 NO lòng NO những bàn hoàn niêm tây
Phong trần kiếp đã chịu đầy
Lầm than CŨNG có thứ này bằng hai
LÀM sao bạc chẳng vừa thôi
CHẰNG CHẰNG buộc mãi lấy người hồng nhan
1765 Đã đành túc trái tiền oan
Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi
Những là nường nấu qua thì
Tiểu thư phải buổi mới về ninh gia
Mẹ con trò chuyện lân la
1770 Phu nhân mới gọi nàng ra dạy lời
Tiểu thư dưới trướng thiếu người
Cho về bên ấy theo đòi ĐÀI trang
Lĩnh lời nàng mới theo sang
Biết đâu địa ngục thiên đường là đâu
1775 Sớm khuya khăn mặt lược đầu
Phận con hầu giữ con hầu dăm sai
Phải đêm êm ả chiều trời
Trúc tơ hỏi đến nghề chơi mọi ngày

46A

娘強粧王如眞
 凡塵劫色鄒菩
 夕牢泊庄皮催
 色停風債前冤
 仍罪娘耕戈時
 嫉昆路傳隣罪
 小姐帶帳少尋
 頑墜娘買蹺迎
 最另巾栢畧頭
 跡店掩呵朝至

1770

1760

淑悉奴仍盤桓念所
 淋炭拱市次尼平仁
 粧匕紗買裊尋紅顏
 拱料王涅托殘麻之
 小姐沛眼買米寧家
 夫人買喻娘鼎呖啞
 朱來边意蹺隊臺粧
 別堯地獄天堂罪堯
 介昆候符昆候敢差
 竹絲晦旦芸削每時

46 / B

Lĩnh lời nàng mới DẮT dây

1780 Nỉ non thánh thót dễ say lòng người

Tiểu thư xem cũng thương tài

Khuôn uy dường cũng bớt vài bốn phân

Cửa người đầy đoạ XÓT thân

Sớm năn nỉ bóng đêm ân hận lòng

1785 Lâm Tri chút nghĩa đèo bông

Nước BÈO để chữ tương phùng kiếp sau

Bốn phương mây trắng một màu

Trông vời cố quốc biết đâu là nhà

Lần lần tháng TRỌN ngày qua

1790 Nỗi gần nào biết đường xa thế này



Lâm Tri từ thừa uyên bay

Phòng không thương kẻ thảng ngày chiếc thân

Mây XANH trắng mới in ngần

Phấn thừa hương cũ bội phần xót xa

1795 Sen tàng MAI lại CHIẾNG hoa

Sầu dài ngày VẮN đông đà sang xuân

Tìm đâu cho thấy cố nhân

Lấy câu vận mệnh CỐI dần nhớ thương

46 B

頰墜娘買撚襖
 小姐拈拱傷才
 率鼻苔墮牀身
 臨溜尖姜死蓬
 眾方遯鼻文年
 各匕躺倫得戈
 隔端自裸鸞隼
 肩撐膝買印痕
 蓮殘梅更豈花
 尋亮朱休故人

1790

1780

吟策咱悅易醺恁導
 困威萊拱松菲眾分
 吳雌吟膝店奧恨恁
 渚蘼底孖相逢劫輓
 鯁偽故國別堯哭茹
 浚斯前別塘車世尼
 房空傷几躺時隻身
 物乘香躡倍分悵車
 愁賤時辨冬它卽春
 裊勾蓮含檢寅汝傷

47/A

- Chạnh niềm nhớ ĐẾN gia hương
1800 Nhớ quê chàng lại tìm đường thăm quê
Tiểu thư đón cửa dĩa dề
Hàn huyền vừa cạn mọi bề gần xa
Nhà hương cao cuốn bức là
PHÒNG trong truyền gọi nàng ra lạy mừng
1805 Bước ra một bước một dừng
Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa
Phải rằng nắng quáng đèn loà
Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc sinh
Bây giờ tình mới RÕ tình
1810 Thôi thôi đã mắc vào vành chẳng sai
Chước đâu có chước lạ đời
Người đâu mà lại có người tình ma
Rõ ràng THỰC lứa đôi ta
Làm ra con ở chúa nhà đôi nơi
1815 Bề ngoài THỐT thốt nói cười
Mà trong nham hiểm giết người không dao
Bây giờ đất thấp trời cao
Ăn làm sao nói làm sao bây giờ

47A

鄭念飯旦寧鄉
小姐連圍地提
茹香高捲幅羅
趾黥文趾文踴
師浪爆炆烟環
碑徐情買憎情
斫堯古斫選茂
憎殊笑侶堆些
皮外達匕訥噠
碑除坦訖歪高

1810

1880

飯圭弘吏尋塘採圭
寒暄皮昨每皮斯除
房勉傳吟娘黥褪烟
韓餘娘缶炆徑梟餘
憎殊紉姤庄咒束生
催匕屯黥飢煖庄老
尋堯麻吏古尋精魔
夕黥昆拈圭茹堆尼
麻冲岩險蕤尋空刀
咬少牢訥少牢悲除

47/B

- Càng trông mặt càng ngăn ngơ
1820 Ruột tầm đòi đoạn như tơ rối bởi
Sợ uy dám chẳng vâng lời
Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều
Sinh đà phách lạc hồn xiêu
Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây
1825 Nhân làm sao đến thế này
Thôi thôi ta đã mắc tay ai rồi
Sợ quen dám hờ ra lời
Khôn ngăn giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa
Tiểu thư trông mặt hỏi tra
1830 Mới về có việc chi mà động dung
Sinh rằng hiếu phục vừa xong
Suy lòng trắc Dĩ đau lòng chung thiên
Khen rằng hiếu tử đã nện
Tẩy trần mượn chén giải phiền đêm thu
1835 Vợ chồng chén tạc chén thù
Bắt nàng đứng chực trì hồ hai nơi
Bắt khoan bắt nhặt đến lời
Bắt quỳ tận mặt bắt mời tận tay

47B

曉輕柳弦盡
 曉威敢座唧
 生它魄落塊漂
 因夕牢旦芳尼
 博消敢噤罽匿
 小姐嚙栖吮查
 生浪孝服皮衝
 嚼浪孝于缶鉞
 嬌默噉酢噉酬
 扒寬扒日旦啞

1830

1830

脾尋隊改如絲額排
 吟頭訥訥憐梅艾脾
 傷喂庄沛娘嬌於低
 催夕些缶點栖它末
 坤拍淡王淡漆弛沙
 買米古役之麻動容
 推悉陟呷疔悉冬天
 洗塵慢噉解煩店秋
 扒娘跽植持壺仁尼
 扒跪尽栖扒进尽栖

48 / A

Sinh càng như dại như ngây
 1840 Giọt dài giọt VẮN chén đầy chén vơi
 DỪNG đi chợt nói chợt cười
 Cáo say chàng đã giam bài lảng ra
 Tiểu thư vội thét Con Hoa
 Khuyên chàng chẳng cạn thì ta có đờn
 1845 Sinh càng nát ruột tan hồn
 Chén mời phải ngậm bồ hòn ráo ngay
 Tiểu thư cười TỈNH NÓI say
 Chưa xong cuộc rượu lại bày trò chơi
 Rằng Hoa nô đủ mọi tài
 1850 Bản đàn thử gảy một bài chàng nghe
 Nàng đà tán hoán tê mê
 Vâng lời ra trước bình the vắn đàn
 Bốn dây như khóc như than
 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng
 1855 Cùng trong một tiếng tơ đồng
 Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm
 Giọt châu lã chã khôn cầm
 Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt Tương

48A

生強如瘦如疼
 惇姦秧叻秧嗔
 小姐倍叻毘花
 生強涅脾散魂
 小姐嗔醒叻醺
 浪花奴靚每才
 娘它散喚痺迷
 翠鍊如哭如嘆
 拱沖艾嗜絲桐
 淡珠呂渚坤拈

1850

1840

淡醺淡舞戰苦戰為
 告醺私色淡排翻醺
 勸私庄誰時些古拖
 噉迺沛吟蒲凡燥証
 渚重司醺吏排路削
 版彈吟蹠文排私醺
 唧啞戮輻屏旆齊彈
 遺尋蓮蓆拱散涅惡
 尋外嗔慈尋沖哭恍
 醺頭私仍拔恍淡湖

48/B

- Tiểu thư lại NAT lấy nàng
- 1860 Cuộc vui gảy khúc đoạn trường ấy chi
 Sao chẳng biết ý tứ gì
 Cho chàng buồn bã tội thì tại người
 Sinh càng thảm thiết bồi hồi
 Vội vàng gượng nói gượng cười cho qua
- 1865 KHÚC rỗng canh đã điểm ba
 Tiểu thư nhìn mặt dường đà cam tâm
 Lòng riêng KHẤP KHỎI mừng thầm
 BUỒN này đã bỏ đau ngầm xưa nay
 Sinh thì gan héo ruột DÀY
- 1870 Nỗi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng
 Người vào chung gối loan phòng
 Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài
 ĐẾN NAY mới BIẾT ĐẦU ĐUÔI
 Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen
- 1875 Chúc đâu rẽ thủy chia yên
 AI ra ĐƯỜNG NẤY ai nhìn được ai
 Bây giờ một vực một trời
 Hết điều CHIỀU CHUỘNG hết lời thị phi

48B

小姐吏哩裊娘
牢庄別意思之
生強慘切徘徊
曲蟠更色點匹
惡貞叻吸惻恹
生時肝烤腓苦
馱色暈松鴛房
旦鈴買別頭腳
斫亮技翠支簫
悲除艾域艾啞

(C.76)

1860

司孟撒曲斷腸意之
朱弘盆毆罪時在時
倍傍強响強嘿朱艾
小姐認樞素它耳心
惱尼色補疔吟初鈴
沒惡強拷強多痘惡
娘戮掙膝烟終更驟
舞慳亮古選花茹慳
埃鼎塘乃埃認特埃
畝凋朝鰲歇凋是非

49 / A

Nhẹ như bấc nặng như chì
 1880 Gỡ SAO ra NỢ còn gì là duyên
 Lỡ DUỜNG chút phận thuyền duyên
 Bể sâu sóng cả cò tuyền được vay
 Một mình âm ỷ đêm chầy
 Đĩa dầu vơi nước mắt đầy năm canh



1885 Sớm khuya hầu hạ đài doanh
 Tiểu thư chạm mặt đề tình hỏi tra
 Lựa lời nàng mới thưa qua
 Phải khi mình lại xót xa nỗi mình
 Tiểu thư LẠI HỎI Thúc sinh
 1890 Cậy chàng tra lấy thực tình cho nao
 Sinh đà rớt ruột như bào
 Nói ra chẳng tiện trông vào chẳng đang
 Những e lại lụy đến nàng
 Phô sòng mới sẽ LIỆU đường hỏi tra
 1895 Cúi đầu quỳ trước sân hoa
 BẠCH cung nàng mới LÊN qua một tờ
 Diện tiền trình với tiểu thư
 Thoắt xem đường có ngăn ngõ NAO tình

49A

珥如玳瑁如錯
呂羨少分婢娟
文禽陰倚店迟
晏晏候下臺蓋
攄墜娘買疎戈
小姐吏喚束生
生它薩睢如胞
仍啖吏累旦娘
跼頭跪畧鄰在
面前呈貝小姐

1890

1880

擇牢聘女炸之罪錄
做淡清奇古全特為
融油為諾相苦齋更
小姐楷栖提情喃查
沛欺禽吏忙車接禽
忌私查裍実情朱冤
响琴庄便齷飢庄轉
哺崇買仕料塘晦查
白供娘買蓮戈文詞
平祐羨在塋魚冤情

49/B

- Liền tay trao lại Thúc sinh
- 1900 Rằng tài nên trọng mà tình nên thương
 Ví SINH có số giàu sang
 Giá này dầu đúc nhà vàng cũng nên
 Bể trần chìm nổi thuyền quyền
 Hữu tài thương nổi vô duyên lạ đời
- 1905 Sinh rằng THỰC có như lời
 Hồng nhan bạc mệnh một người nào vay
 Nghìn xưa âu cũng thế này
 Từ bi âu liệu bớt tay mới vừa
 Tiểu thư rằng ý trong tờ
- 1910 Rắp đem mệnh bạc xin nhờ cửa không
 Thôi thì thôi cũng chiều lòng
 Cũng cho CHO NGHỈ trong vòng bước ra
 Sấn Quan âm các vườn ta
 Có cây trăm thước có hoa bốn mùa
- 1915 Có CỔ thụ có SAN HỒ
 Cho nàng ra đó giữ chùa TỤNG kinh
 Tưng tưng trời mới bình minh
 Hương hoa ngũ cúng sấm sanh lẽ thường

498

連珥捧吏束生
 否生古效翳
 皺塵跪媛婢娟
 生浪笑古如啞
 蘇初臥拱芳尼
 小姐浪意冲詞
 催時催拱朝悉
 產覲音囹圍些
 古古樹古山砌
 曾匕歪買平明

浪才誠重麻情誠傷
 價尼酉薦茹橫拱誠
 有才傷媛旡祿選裴
 紅顏泊禽文尋市為
 慈悲歐料扒珥買皮
 泣抗禽泊噴迦圍空
 拱朱匕拐冲妄趾鼎
 古核霖楚古花翠務
 朱娘聘妬對厨漏徑
 香花五供懺生礼常

50/A

MỔNG ĐƯA đến trước Phật đường

1920

Tam quy ngũ giới cho nàng xuất gia

Áo xanh đổi lấy cà sa

Pháp danh lại đổi tên ra Trạc tuyền

Sớm khuya tính đủ dầu đèn

Xuân Thu cắt sẵn hai tên hương trà

1925

Nàng từ lánh DẤU vườn hoa

Dường gần rừng tía đường xa bụi hồng

Nhân duyên đâu lại còn mong

Khỏi điều then phấn tử hồng THÔI thôi

Phật tiên thăm LẤP sâu KHÔI

1930

Ngày pho thủ tự đêm nôi tâm hương

MÁT THAY giọt nước cành dương

TRO lòng tước tắt mọi đường trần duyên

SÔNG NÂU từ trở màu thiền

Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu

1935

Quan phòng then nhật lưới mau

Nói lời trước mặt rơi châu vắng người

Gác kinh viện sách đôi nơi

Trong gang tấc lại gấp mười quan san

50A

撈逐旦畧伏堂
 澳撐对祀袈裟
 晏舅併觀油烟
 娘自另距園花
 因緣堯吏炸蒙
 伏前慘垃愁灰
 朱台淡端梗楊
 標梳自阻牟禪
 開防杆日裡毛
 閤徑院冉堆尼

1930

1930

三取五戒朱娘家
 法各吏对胎艷濯泉
 春秋割産仁趨香茶
 萊斯棲紫篆餘暗紅
 埋調膳粉幷紅催催
 睇鋪手字店坊心香
 炆悉晒熈每塘塵綠
 嶺秋腴缶群蛩跼頭
 吮啞畧栖涑珠末尋
 冲掣掣吏扱近崩山

50/B

Những là NGÂM thở GIỘT than

1940

Tiểu thư phải buổi vấn an về nhà

Thừa cơ sinh mới lên ra

Xăm xắm đến mé vườn hoa với nàng

Sụt sùi KỂ nỗi đoạn trường

Giọt châu tâm tã ƯỚT tràng áo xanh

1945

RẰNG cam chịu bạc với tình

Chúa ĐÔNG để tội một mình cho hoa

Thấp cơ thua trí đàn bà

Trông vào đau ruột nói ra ngại lời

Vì ta CHO lụy đến người

1950

Cát lằm ngọc trắng thiệt THỜI xuân xanh

Quản chi TRÊN GÁC DƯỚI DUỀNH

Cũng toan sống thác với tình cho xong

Tông đường chút chữa cam lòng

Cẩn rằng bẻ một chữ đồng làm hai

1955

Thẹn mình đá nát vàng phai

Trăm thân dễ chuộc một lời được sao

Nàng rằng chiếc bách sóng dào

PHÙ TRẦM cũng mặc lúc nào rủi may

50 B

仍界吟咀喫嘆
乘机生買輦
淡俠計接浙腸
浪耳黏伯貝情
舒机輸智彈嬰
爲些朱累旦旦
晉之蓮罔蕪溫
宗堂尖諸耳悉
膳舍隆涅橫冰
娘娘隻栢弄瀟

1940 小姐沛明向安米茹
侵匕旦質牽花貝娘
淡珠尋謝昌長襖撐
主東底罪女伶朱花
韃飢疔脾吮器砣啞
葛淋玉鼻舌催春樺
拱弄粧托貝情朱衝
喂齧披文諄同少亡
累身易贖艾啞特牢
浮沉拱戲大市烈埋

51/A

Chút thân quần quai vũng lầy

1960 Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao

Cũng liều một giọt mưa rào

Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay

TRÓT vì cầm đã BẮM dây

Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta

1965 Liều MÀ RA cửa cho ra

Ấy là tình nặng ấy là ơn sâu

Sinh rằng riêng tưởng bấy lâu

Lòng người nham hiểm biết đâu mà lường

Nửa khi giông tố phũ phàng

1970 Thiệt riêng đấy cũng lại càng cực đây

Liều mà CAO chạy XA bay

Ái ân ta có ngần này mà thôi

Bây giờ kẻ ngược người xuôi

Biết bao giờ lại nổi lời nước non

1975 Dẫu rằng sông cạn đá mòn

Con tằm đến CHẾT cũng còn KÉO tơ

Cùng nhau kể lể sau xưa

Nói rồi lại nói lời chưa hết lời

51A

少身唧唯漆沫
 拱料文淡湄露
 出為琴色從德
 料麻黥罔朱黥
 生浪貞想困數
 女欺膝膝負傍
 判麻高趨賒鏹
 碑除几唐尋吹
 酉浪瀉舛殘疳
 拱燒計祀妾初

1970

1960

莊乘洋想旦曷友牢
 席朱天下龔臥拱台
 庄鼻南拱受叫錄些
 意咒快瞋意咒恩淩
 惡尋岩險別堯磨重
 古貞蒂拱吏強極低
 愛恩些古浪尼麻籠
 別色除吏綴啞諾棗
 昆蚕旦髭拱洋矯孫
 呐末吏呐啞渚歇啞

51/B

- Mặt trông tay chẳng nở rời
- 1980 Hoa tì đã động tiếng người nẻo xa
- Nhịn ngừng nuốt tủi đứng ra
- Tiểu thư đâu đã GÓT hoa bước vào
- Cười cười nói nói ngọt ngào
- Hỏi chàng mới ở chốn nào lại chơi
- 1985 Dối quanh sinh mới liệu lời
- Tìm hoa quá bước xem người viết kinh
- Khen rằng bút pháp đã tinh
- So vào với thiếp Lan đình nào thua
- Tiệc thay lưu lạc giang hồ
- 1990 Nghìn vàng THỰC cũng nên mua lấy tài
- Thiền trà cạn nước hồng mai
- Thong dong nối gót thư trai cùng về
- Nàng càng e lệ ủ ê
- Rủ tai hỏi lại hoa tì trước sau
- 1995 Hoa rằng bà đến đã lâu
- RÓN chân đứng nấp độ đầu nửa giờ
- Rành rành kẻ tóc chân tơ
- Mấy lời nghe hết đã dư tỏ tường

51 B

栖 龔 孤 庄 女 冰
 忍 詩 吟 僻 時 數
 嘿 匕 吟 匕 吟 嗽
 對 光 生 買 料 啞
 嚼 浪 筆 法 奄 精
 惜 台 疏 落 江 湖
 船 茶 俸 諾 紅 梅
 娘 強 吟 淚 鳩 吟
 花 娘 婆 旦 缶 數
 停 匕 技 速 蹟 孫

1490

1480

花 婢 也 動 嘴 尋 裊 餘
 小 姐 亮 也 躡 花 趾 臥
 吟 以 買 於 佳 市 吏 削
 弄 花 過 跳 祐 尋 曰 經
 轆 包 貝 帖 香 亭 市 輸
 許 橫 突 拱 絨 襖 拋 才
 徙 容 緩 躡 書 脊 拱 米
 吧 聰 吟 吏 花 婢 畧 姿
 蹠 蹟 躡 納 度 亮 舛 除
 余 墜 瞋 嵌 缶 餘 煩 詳

52/A

Bao nhiêu đoạn khổ tình thương
 2000 Nỗi ông vật vã nỗi nàng thở than
 Ngăn tôi đứng lại một bên
 Chán tai rồi mới bước lên trên lầu
 Nghe thôi kinh hãi xiết đau
 2005 Đàn bà DUỜNG ấy thấy âu một người
 Ấy mới gan ấy mới tài
 Nghĩ càng thêm NGHĨ sồn gai rụng rời
 Người đâu sâu sắc nước đời
 Mà chàng thúc THỦ ra người bó tay
 Thực tang bắt được đường này
 2010 Máu ghen ai cũng CAU mà CẤN rằng
 Thế mà ÊM chẳng dãi dằng
 Chào mời vui vẻ nói năng dịu dàng
 Giận ru ra dạ thế thường
 Cười ru mới thực khôn lường hiểm sâu
 2015 Thân ta ta phải lo âu
 Miệng hùm nọc rắn ở đâu chốn này
 Ví chẳng GIEO cánh cao bay
 Rào cây lâu cũng có ngày bẻ hoa

52A

色燒敗苦情傷
 痕碎跣吏文边
 耽崔駑駑掣晃
 意買肝意買才
 尋晃淩色諾携
 实駐扒特羨尼
 世麻施庄代滕
 肺由嬰胞世常
 身些又沛悻歐
 蛩庄招翅高懿

2010

2000

汲兕勿巴汲晏咀嘆
 幟聰未買趾遁蓮樓
 彈晏業意体欧艾尋
 持強添片薩菱州涑
 麻弘束手燂尋拊栖
 帝怪埃拱樛眉琅轂
 朝匙恤驟呐能斌楊
 嘿咄買实坤量險透
 咖谿筭略於晃准尼
 櫟橫數拱固時披花

52/B

Phận bèo bao quản nước sa
 2020 Lệnh đèn đuốc dầu nũa cũng là lệnh đèn
 Chín e quê khách một mình
 Tay không chưa dễ TÌM vành ấm no
 Nghĩ đi nghĩ lại quanh co
 Phạt tiền sẵn có mọi đồ kim ngân
 2025 Bên mình giắt để hộ thân
 Lăn nghe canh đã một phần trống ba
 Cất mình qua ngọn tường hoa
 Lăn đường theo bóng trăng tà về tây
 Mịt mù dặm cát đôi cây
 2030 Tiếng gà điểm CỎ dẫu giày cầu sương
 Canh khuya thân gái dặm trường
 Phần e đường sá phần thương dải dầu
 Trời đông vừa rặng ngàn dâu
 Bơ vơ nào đã biết đâu là nhà
 2035 Chùa đâu trông thấy nẻo xa
 Rành rành "Chiêu ẩn am" ba chữ bài
 Xăm xăm gõ CỬA BẮC ngoài
 Trụ trì nghe tiếng rước mời vào trong

52B

分瓢色管浩沙
 分味圭客文禽
 坊赧坊吏觥狐
 边禽攢底訪身
 拈禽戈阮牆在
 霞霞淡吉類橫
 更昇身妙淡長
 至東皮鄉岸桃
 厨亮體裏車
 侵人梯園趾包

2630 冷汀亮女拱毘冷汀
 2620 瓶空渚易尋錄萌飯
 伏前產固每圖經銀
 吝暄更也文分藏
 吝塘蹻膝膝斜術西
 2630 嗜鵲店靴蹻路棟霜
 分味塘訛分傷燐油
 巴為帛缶別亮兕茹
 多人招隱庵
 住持眩嗜道遊分外

53/A

- Thấy màu ăn mặc nâu sồng
- 2040 Giác Duyên sư trưởng lành lòng liền thương
- Gạn gừng ngành ngọn cho tường
- Lạ lòng nàng hãy tìm đường nói quanh
- Tiểu thiên quê ở Bắc Kinh
- Quy sư quy Phật tu hành bấy lâu
- 2045 Bản sư rồi cũng đến sau
- Dạy đưa pháp bảo sang hầu sư huynh
- Rày vâng diện hiến rành rành
- Chuông vàng khánh bạc bên mình gỡ ra
- Xem qua sư mới dạy qua
- 2050 Phải NI HẰNG thuỷ là ta hậu tình
- HIỀN ĐỒ đường xá một mình
- Ở đây chờ đợi sư huynh ít ngày
- Gởi thân được chốn am mây
- Muối dưa đắp đổi tháng ngày thông dong
- 2055 Kệ kinh câu cũ thuộc lòng
- Hương đèn việc CỬ trai phòng quen tay
- Sớm khuya RA MÁI phướn mây
- Ngọn đèn khêu nguyệt tiếng chày nện sương

S3A

休牢唆默撓標
 泮宵梗院朱詳
 小禪圭於北京
 本師來拱旦轆
 曷啣而猷冷冷
 枹戈師買吡戈
 賢徒塘詫文禽
 吸身特往庵靈
 偶經勾腦屬恚
 曷鼻戮質藩靈

2650

2040

菴緣師長繕恚連傷
 選遙娘唉尋塘吶猷
 販師販伙脩行困歎
 吡遠法至即候師兄
 鍾鑛磬泊辺禽持牒
 沛君恒水選些厚情
 於低徐待師兄也時
 塲茶塔对腦睜徙容
 香烟役腦茶房洵麵
 院烟桃月皆檳瓊霜

53/B

Thấy nàng thông tuệ khác thường
 2060 Sư càng nể mặt nàng càng vững chân



Cửa THIÊN vừa TRĂNG cuối xuân
 Bóng hoa đầy đất vẽ ngân ngang trời
 2065 Gió quang mây tạnh thanh thoi
 Có người đàn việt lên chơi cửa già
 Giở đồ chuông khánh xem qua
 Khen rằng khéo giống của nhà Hoạn nương
 Giác Duyên THẬT ý lo lường
 Đêm thanh mới hỏi lại nàng trước sau
 Nghĩ rằng khôn nổi giấu mầu
 2070 Sự mình nàng mới gót đầu bày ngay
 Bây giờ sự đã đường này
 Phận hèn dù rủi dù may tại người
 Giác Duyên nghe nói rụng rời
 Nửa thương nửa sợ bồi hồi chẳng xong
 2075 Rủi tai NÀNG MỚI DÃI lòng
 Ở đây cửa Phật là không hẹp gì
 E chẳng những sự bất kì
 Để nàng cho đến thế thì cũng thương

53 B.

体娘聰慧恪常
圍禪皮膝贈春
臉光速淨請台
折圖鍾磬拈戈
覓綠實意快量
時浪坤浚圓牢
悲除事色羨君
覓綠暗啣洲渌
叱聽娘買熨悉
衣庄仍事不期

2060

師強你極娘強凭真
膝在苔坦驟銀昂至
固尋圪越蓮制圍伽
嗜浪窖頡貼茹官娘
肱清買誨吏娘黼黻
事余娘買蹣頭排甌
分賢油磊油埋尋
泮傷泮悖徘徊庄衝
於低圍伏咒空狹之
底娘朱旦世時共侃

2070

54 / A

Lánh xa trước liệu tìm đường
2080 Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê
Cố nhà MỤ Bạc bên kia
Am mây quen lối đi về dầu hương
Nhấn sang dạn hết mọi đường
Dọn nhà hãy tạm cho nàng CHỮA chân
2085 Những mừng được chốn an thân
Vội vàng nào kịp tính gần tính xa
Nào ngờ cùng tổ bọm già
Bạc bà học với Tú bà đồng môn
Thấy nàng lạt phẩn NHÀM son
2090 Mừng thầm được THÓP bán buôn có lời
Hư không đặt BỎ nên lời
Nàng đà SỚN SẮC rụng rời lấm phen
Mụ càng XOI DÓI cho LIÊN
Lấy lời hung hiểm ép duyên Châu Trần
2095 Rằng nàng muôn dạm một thân
Lại mang NHỮNG tiếng dữ gần lành xa
GIỐNG oan gia của phá gia
Còn ai dám chứa vào nhà nữa đây

54 A

另車營料尋塘
 因茄燥泊边箕
 恐卽引明每塘
 仍惘特准安身
 市与共祖姪穉
 体娘灑粉謔輪
 虛空達補鹹啞
 媒強吹咧朱連
 浪娘同淡文身
 害冤家貼破家

2090

2080

埖除浩旦鹹萊祥圭
 庵靈消磊浸米油香
 拖茄唉暫朱娘翥頂
 倍傍市及併斯併餘
 泊娑孽貝秀婆同門
 惘忱特搭半奔固剝
 煖它聶睂泐涑鯁畚
 裡啞鹵險押緣朱陳
 吏忙仍嗜与賒錯賒
 群埃敢賄飽茹女低

54/B

- Kíp toan kiếm chốn xe dây
2100 Không dung chưa dễ mà bay đường trời
Nơi gần thì chẳng tiện nơi
Nơi xa thì chẳng có người nào xa
Này chàng Bạc Hạnh cháu nhà
Cũng trong thân thích ruột rà chẳng ai
2105 Cửa NHÀ buôn bán châu Thai
Thật thà có một đơn sai chẳng hề
Thế nào nàng cũng phải nghe
Thành thân rồi sẽ liệu về châu Thai
Bấy giờ ai lại biết ai
2110 Dầu lòng bể rộng sông dài thênh thênh
Nàng dù CHẴNG QUYẾT thuận tình
Trái lời NỮ trước lụy mình đến sau
Nàng càng mặt ủ mày chau
Càng nghe mụ nói càng đau như dầm
2115 Nghĩ mình túng đất sẩy chân
Thế cùng nàng mới xa gần thở than
Thiếp như con én lạc đàn
Phải cung rày đã sợ làn MÁY CUNG

54 15

急弄劍准車練
尼斯時庄便尼
尼私泊倖招茹
圍茹奔半州台
世市娘共沛驢
困吟埃吏別埃
娘油庄決順情
娘強樞塲眉朱
拐介縱坦仕真
妾加昆燕落彈

2110

2100

空仍潛易麻縶塘歪
尼賒時庄固尋市賒
其冲親戚脾胙庄埃
實他固艾卑差庄考
成身來仕料術卅台
油恚彼釐滄毀青又
債啞鼻零累介旦婆
強咄媒吶強力如寅
世弯娘買賒斯咀嘆
沛弓陽色怗替攬弓

55 / A

- Cùng đường dù tính chữ tòng
2120 Biết người biết mặt biết lòng làm sao
Nữa khi muôn một thế nào
Bán hùm buôn sói chắc vào lưng đầu
Dù ai lòng có sở cầu
Tâm mình xin quyết với nhau một lời
2125 Chứng minh có đất có trời
Bấy giờ vượt bể ra khơi quản gì
Được lời mụ mới ra đi
Mách tin họ Bạc tức thì sắm sanh
Một nhà dọn dẹp linh đình
2130 Quét sân đặt trác rửa bình thấp hương
Bạc sinh quỳ xuống vội vàng
Quá lời nguyện hết Thành hoàng Thổ công
Trước sân lòng đã giải lòng
Trong màn làm lễ Tơ hồng kết duyên
2135 Thành thân mới rước xuống thuyền
Thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai
Thuyền vừa đỗ bến thành thoi
Bạc sinh lên trước tìm nơi mọi ngày

55 A

宵塘汕併符從
 女欺罔艾世市
 油埃惡固所求
 証明固坦固至
 特至媒買聘移
 艾茹施操矣庭
 泊生跪寵倍傍
 畧隣惡也熗惡
 成親買違寵船
 船皮杜波清台

2130

2120

別尋別極別惡少牢
 半於奔鬼戕包廢堯
 心盟嗔決貝僥艾堅
 所除越液鼎潮骨之
 覓信戶泊卽時仍生
 挾隣達違沿願焙香
 遇堅願歇城墮士公
 轉幔夕礼絲紅結緣
 順帆艾蕘吹沔卅台
 泊生蓮畧尋尼勇尋

55/B

- Cũng nhà hành viện xưa nay
2140 Cũng phường bán thịt cũng tay buôn người
Xem người định giá vừa rồi
Mối hàng một đã ra mười thì buông
Mượn người thuê kiệu rước nàng
Bạc đem mặt bạc kiếm đường cho xa
2145 Kiệu hoa đặt trước thêm hoa
Bên trong thấy một mụ ra vội vàng
Đưa nàng vào lạy gia đường
Cũng thân mày trắng cũng phường lầu xanh
Thoạt trông nàng đã biết tình
2150 Chim lồng khôn NHỄ cất mình bay cao
Chém cha cái số hoa đào
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi
Nghĩ đời mà ngán cho đời
Tài tình chi lắm cho trời đất ghen
2155 Tiếc thay nước đã đánh phen
Mà cho bùn lại NHUỐM lên mấy lần
Hong quân với khách hong quân
Đã xoay đến thế còn HẸN chưa tha

55 B

共苑行院初吟
 祐尋定價皮末
 曼尋貌轎連娘
 轎花連署檐花
 還娘飽榭家堂
 脫轎娘色別情
 劉吒丐效花桃
 枋代麻嘜朱代
 昔台諾色打研
 洪鈎貝客紅裙

3150

3140

共坊半臨共彌奔馱
 緝行艾色興迅時推
 泊宛栖泊劍塘朱車
 边冲体艾媒興倍傍
 共神眉鼻共坊樓樺
 鵠龍坤野枯禽鏹高
 擇興未吏糾忽如制
 才情之齧朱丕坦慳
 麻朱湓吏染蓮余吝
 色磔旦世輝娘渚他

56 / A

Lỡ từ lạc bước bước ra

2160 Cái thân liệu những từ nhà liệu đi

Đầu xanh đã tội tình chi

Má hồng ĐẾN quá nửa thì chưa thôi

Biết thân chạy chẳng khỏi trời

Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh



2165 Lăn thêu gió mát ĐÊM thanh

Bổng đâu có khách biên đình ĐẾN chơi

Râu hùm CẮM én mào ngài

Vai năm tấc rộng thân mười thước cao

Đường đường một đấng anh hào

2170 Côn quyền hơn sức lược thao gồm tài

Đội trời đạp đất ở đời

Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông

Giang hồ quen thú vẫy vùng

Gươm đàn nửa gánh non sông một chèo

2175 Qua chơi THẤY tiếng nàng Kiều

Tấm lòng nhi nữ cũng xiêu anh hùng

Thiếp danh đưa đến lầu hồng

Hai bên cùng liếc hai lòng cùng ưa

56 A

呂自洛蹠又黜
頭撐也罪情之
別身趨庄塊至
吝偷騰沫肺清
鬚捨肝煎肩蝟
堂又艾等英豪
隊空躋坦於代
江湖消趣泥濘
戈制体嗜煩翹
帖名還旦樓紅

2170

2160

丐身料仍白茹料
鴈紅填過辨時渚他
共料極粉朱未身撐
倅免固客边庭且制
餅師粵驥身近楚高
棍拳欣飭畧離嫌才
戶徐銘海本身越東
賺彈群梗策瀉艾掉
鼠恚兒女共鏢英雄
仁边共駟仁恚共於

臣

56/B

- Từ rằng tâm ĐẢM tương cờ
2180 Phải người trắng gió vật vờ hay sao
Bấy lâu nghe tiếng má đào
Mắt xanh chẳng để ai vào có không
Một đời được mấy anh hùng
Bố chi cá chậu chim lồng mà chơi
2185 Nàng rằng người dạy quá lời
Thân này còn dám xem ai làm thường
ĐỐT THAN chọn đá thử vàng
Biết đâu mà gởi can trường vào đâu
Còn như vào trước ra sau
2190 Ai cho kén chọn vàng thau tại mình
Từ rằng lời nói hữu tình
Khiến người lại nhớ câu Bình nguyên quân
Lại đây xem lại cho gần
Phỏng tin được một vài phần hay không
2195 Thừa rằng lượng cả bao dung
Tấn dương được thấy mây rồng có phen
Rộng thương cở nội hoa hèn
Chút thân bèo bọt dám phiền mai sau

56B

徐浪心胆相期
困數眩嗜鴈桃
艾代特余英雄
煨浪尋代过坚
燭燭拱碍此廣
群如飽暑黜姿
徐浪堅响有情
吏低祐吏朱斯
疎浪量奇包容
艤伉帖内花帽

2190

2188

沛尋腰屨洑滂咍牢
相撐庄底埃飽同空
補之鄭罔鵠鼃麻制
身无群敢祐埃少常
别兜麻吸肝腸飽甞
埃朱現拱廣煖在舍
遣尋吏女句平原君
傲信特艾菲分哈空
晋陽特休靈祿固番
山身靈滄敢煩枚姿

57 / A

Nghe lời vừa ý gật đầu

2200 Cười rằng tri kỉ trước sau mấy người

Khen cho con mắt tinh đời

Anh hùng ĐỪNG giữa trần ai mới già

Một lời đã biết đến ta

Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau

2205 Hai bên ý hợp tâm đầu

Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân

Ngỏ lời nói với băng nhân

Tiền trăm lại cứ nguyên ngân phát hoàn

PHÒNG riêng sửa chốn thanh nhàn

2210 Đặt giường thất bảo vây màn bát tiên

Trai anh hùng gái thuyền quyền

Phỉ nguyên sánh phượng đẹp duyên cười rỗng

Nửa năm hương lửa đang nồng

Trượng phu thoát đã động lòng bốn phương

2215 Trông vời trời bể mệnh MÔNG

Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong

Nàng rằng phận gái chữ tòng

Chàng đi thiếp cũng QUYẾT lòng xin đi

57A

賄唾皮意咭頭
嚼朱昆相精代
父唾缶別旦些
廿边意合心投
咋啞叻貝水人
房貞所淮声同
縣英雄炳煇煇
姘解香炤登燒
趯湯至澈溟濠
娘浪分奶芽從

221b

222b

哄浪知己暑焚金
英雄跼神坐埃買
同鍾旰駟共罷固
敗親庄路罷求買
茂麻吏拋原恨蕞
達床七宝回幔八
菲原聘鳳牒緣駒
丈夫平色動恁翠
青嫌鞍馭蓮塘齷
私埒妾拱決恁塤

57/B

Từ rằng tâm ĐẢM tương tri

2220 Sao chưa thoát khỏi nữ nhi thường tình

Bao giờ mười vạn tinh binh

Tiếng ĐỒNG dậy đất bóng tinh rợp đường

Làm cho rõ mặt phi thường

Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia

2225 Bằng nay bốn bể không nhà

Theo càng thêm bận biết là đi đâu

Đành lòng chờ đó ít lâu

Chầy chẵng là một năm sau vội gì

Quyết lời dứt áo ra đi

2230 Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi

Nàng THỈ chiếc bóng song mai

NGÀY trâu ĐẮNG đặng nhặt cài then mây

Sân rêu chẳng vẽ dấu giày

Cỏ cao hơn thước liễu gãy VÀ phân

2235 Đoái THƯỜNG muôn dặm tử phần

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa

Xót thay huyền cỗi xuân già

Tấm lòng thương nhớ biết là có người

57 B

徐浪心胆相知
 色除近萬精兵
 夕朱熺極非常
 平吟翠波空如
 停惡除妬心數
 決啞搥換黜却
 娘時隻膝意悔
 嬌養庄蹠跼苦
 免傷門淡梓粉
 世台宣檢椿絳

牢渚脫塊女兒常情
 嗜齧吮坦膝旌葉塘
 碑徐些什遠娘宜家
 蹻強添泮別哭却亮
 泥庄哭艾離幾倍之
 愈邈平缶旦趨淡淪
 得偷蕩亡日拱扞迷
 靴高飲楚抑瘕蹠分
 塊圭蹻蔭邈秦除亡
 就惡傷汝別哭亦曉

58 / A

Chốc LÀ mười mấy năm trời

2240 Còn ra khi đã da môi tóc sương

Tiếc thay chút nghĩa cũ càng

Dẫu là TỜ Ỡ còn vương tơ lòng

Duyên em dẫu nối TỜ hồng

May ra khi đã tay bông tay mang

2245 Tấc NIỀM cố quốc tha hương

Đường kia nổi nọ ngổn ngang bởi bởi

Cánh hồng bay bổng tuyệt vời

Đã mòn con mắt phương trời dăm dăm

Đêm ngày luống những âm thầm

2250 Lửa binh đâu đã âm âm một phương

Ngất trời sát khí mơ màng

Đầy sông kinh ngạc chật đường giáp binh

Người quen thuộc kẻ chung quanh

RỦ nàhng hãy tạm lánh mình một nơi

2255 Nàhng rằng trước đã hẹn lời

Dẫu trong nguy hiểm dám RỒI ước xưa

Còn đang DỪ dểng ngẩn ngơ

Mé ngoài đã thấy NGỌN cờ tiếng la

SB A

祝罷近余辭至
惜台巾菱鬘強
綠嬌油綴絲紅
翠念故國他御
颺鴻鏹倖絕滂
店時隨仍音恍
亡至殺氣懔惶
尋消屬几多魴
娘浪畧色咽啞
焯登堆孕堇煎

2250

2240

焯燂欺色服蟬迷霜
西离絲紙焯王絲恚
埋贖欺色撫撻璫惶
塘冀按怒潦昂排匕
色疔毘相方至宪又
焯兵晃色暗匕文方
苦淹鯨鯢秩塘甲兵
嚙娘唉暫另舍蔑尼
酉冲危險敢漆鈞初
厦外色体蕩旗嗜焔

58/B

- Giáp binh kéo đến quanh nhà
2260 Đồng TÌNH cùng gởi nào là phu nhân
Hai bên mười vị tướng quân
Đặt gươm cỡi giáp trước sân khấu đầu
Cung nga thể nữ nổi sau
Rằng vâng lệnh chỉ rước châu vu quy
2265 Sẵn sàng phượng liễn loan nghi
Hoa quan giáp giới hà y RỖ ràng
Dựng cờ nổi trống lên đường
Trúc tơ nổi trước đào vàng kéo sau
Hoả bài tiền lộ ruổi mau
2270 Nam đình nghe động trống châu đại doanh
Kéo cờ lũy phát súng thành
Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài
Rỡ mình lạ vẻ cân đai
Hãy còn hàm én mây ngài như xưa
2275 Cười rằng cá nước duyên ưa
Nhớ lời nói những bao giờ hay không
Anh hùng mới biết anh hùng
Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa

58 B

甲兵矯旦觥茹
 仁边进位将军
 宫娥彩女浚缕
 產床鳳輦香篋
 卽旗浚藏蓮塘
 大碑前路餽毛
 矯旗墨嶽燒城
 鼎舍選縣帶巾
 哄浪斂諾綠於
 英雄買別英雄

2260

2270

同錢拱敷帟毘夫人
 撻嫌松甲畧隣叩頭
 浪啣令旨連朝千歸
 花剗熈娥霞衣熅熅
 竹絲浚畧枕熈矯轡
 南庭暄動黏朝大營
 徐公黻馭親迎閣外
 唉咩脰螢眉禪如初
 汝啞啞仍色除哈空
 鬲祐倣色甘恣意諸

59 / A

Nàng rằng chút phận ngây thơ
 Cũng may dây cát được nhờ bóng cây
 Đến bây giờ mới thấy đây
 Mà lòng đã chắc những ngày một hai
 Cùng nhau trông mặt cả cười
 Đan tay về chốn trướng mai tỵ tình
 Tiệc bày thưởng tướng khao binh
 Om sòm trống trận rập rình nhạc quân
 Vinh hoa bỏ THUỞ phong trần
 Chữ tình ngày lại thêm THÂN một ngày



Trong quân NHÂN lúc vui vầy
 Thông dong mới kể sự ngày hàn vi
 Khi Vô Tích khi Lâm Tri
 Nơi thì lừa đảo nơi thì xót thương
 Tấm thân rày đã nhẹ nhàng
 Chút còn ân oán đôi đường chưa xong
 Từ công nghe HẾT thủy chung
 Bất bình nổi trận dùng dùng sấm vang
 NGHIÊM quân CHỌN tướng sẵn sàng
 Dưới cờ một lệnh vội vàng ruổi sao

59 A

娘浪雷分序疎
旦悲徐買体低
拱燒鮮極奇哄
席排賞將犒兵
榮華補課凡塵
帥軍因六隘固
欺每錫欺臨溜
慘身勗也珥瓊
徐公眴歇始終
嚴軍拱將產床

2290 2290
仗輝縹葛特迦膝核
麻悉也戰仍得文
掬所術准帳梅叙情
暗恍骷陣習情樂軍
符情時吏添親文時
從容買計事時寒微
尼時站倒君時悵傷
雷燁恩爰堆塘緒衝
不平浚陣同上靈喋
薪旗爰六倍傍頭輕

素

59/B

Ba quân chỉ ngọn cờ đào

2300 Đạo ra Vô Tích đạo vào Lâm Tri

Mấy người phụ bạc xưa kia

Chiếu danh TÌM CHỌN bắt về ĐỘI tra

Lại sai lệnh tiễn truyền qua

Giữ giàng họ Thúc một nhà cho yên

2305 Mụ HOẠN gia vãi Giác Duyên

Cũng sai lệnh tiễn đem tin rước mời

Thệ sư kể hết mọi lời

Lòng lòng cũng giận người người chấp uy

Đạo trời báo phục chửi ghê

2310 Khéo thay một mẻ tóm về ĐÔI nơi

Quân trung gươm lớn giáo dài

Vệ trong thị lập cơ ngoài song phi

Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi

Bác ĐỒNG chặt đất tinh kì rợp sân

2315 Trưởng hùm mở giữa trung quân

Từ công sánh với phu nhân cùng ngồi

Tiên nghiêm trống chửi dứt hồi

Điểm danh trước dẫn chục ngoài cửa viên

59 B

匪軍指旆撰桃
余尋負泊初箕
吏老尖箭傳戈
媒管家妮覺綠
誓師計歇每陞
道歪根復參誓
軍中廉賴禦興
產床育整威儀
帳徐翔紳中軍
先嚴黏渚恣回

2310

2360

道黜先錫道臥臨滿
照各尋猴扒術待查
穿床戶束艾茹朱安
拱羞尖箭枕信連跽
悉匕拱嘽尋匕批威
窖台爻候糝術隊尼
求坤侍立奇外双披
博洞秩坦旌旗果嶙
徐公聘貝夫人拱麟
點名嚮引有外率鑊

60/A

Từ rằng ân oán hai bên

2320 Mặc nàng xử quyết báo đền cho mình

Nàng rằng NHỜ cậy uy linh

Hãy xin báo đáp ân tình cho phu

Báo ân rồi sẽ GIẢ thù

Từ rằng việc ấy ĐÂY cho mặc nàng

2325 Cho gương TRUY đến Thúc lang

Mặt như chàm đỏ THÂN dường dễ run

Nàng rằng nghĩa nặng nghìn non

Lâm Tri người cũ chàng còn nhớ không

Sâm Thương chẳng vẹn chữ ĐỒNG

2330 Tại ai há dám phụ lòng cố nhân

Gấm trăm cuốn bạc nghìn cân

Tạ lòng dễ xứng báo ân gọi là

Vợ chàng quý quái tinh ma

Phen này kẻ cắp bà già gặp nhau

2335 Kiến bò miệng chén chưa lâu

Mưu sâu cũng GIẢ nghĩa sâu cho vừa

Thúc sinh trông mặt bấy giờ

BỒ hôi chàng đã như mưa ướt đầm

60A

徐娘恩慈仁边
娘娘如恹威灵
报恩来仕者警
未廉追旦束郎
娘娘姜娘奸巢
参商庄院穿同
绵慕捲泊疥介
掩私魁恹精庵
現瞞啞哦诸数
束生龔桶用徐

2350

黑娘虔决报填朱明
唉唄报答恩情朱乎
徐娘役意低朱恹娘
栖如盍覩身柔跣懷
臨滿尋歸私作汝空
在埃呵敢負恹故人
謝恹易称垠恩吟咒
番尼几鈴娑毳及燒
媒漆拱者姜淩朱皮
蒲厥私缶如媚遇瑶

2320

60/B

Lòng riêng mừng sợ khôn cầm
2340 Sợ thay mà lại mừng thâm cho ai
 Mụ già sư trưởng thứ hai
Thoắt đưa đến trước vội mời RUỐC LÊN
 Dắt tay mở mặt cho nhìn
Hoa nô kia với Trạc Tuyên cũng tôi
2345 Nhớ khi lỡ bước sẩy vời
Non vàng chưa dễ đền bồi tấm thương
 Nghìn vàng gọi chút lễ thường
MỐI lòng Phiếu mẫu mấy vàng cho cân
 Hai người trông mặt tần ngần
2350 Nửa phần khiếp sợ nửa phần mừng vui
 Nàng rằng xin hãy rốn ngồi
Xem cho rõ mặt biết tôi báo thù
 Kíp truyền chư tướng hiến phù
Lại đem các tích phạm TÙ hầu tra
2355 Dưới cờ gươm tuốt MAI ra
Chính danh thủ phạm tên là Hoạn thư
 XA trông nàng đã chào SỞ
Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây

60 B

惡貞惻惻坤吟
媒粧師長次仁
搵瓶翹樞朱認
依欺侶跣仕瀉
軒煥吟快札常
仁身鑿樞秦根
娘浪嗔唉眠卦
急傳楮將敵俘
帶旗廉棒埤鼎
賒禪娘缶嘲初

2350

2340

惻台奈吏惻恍崇埃
脫還旦畧倍迤連蓮
在怒箕貝濯泉拱碎
巢煥諸易填倍慘傷
煤惡漂母余煥朱介
姘分怯惻姘分惻孟
祐朱燿樞別碎報警
吏恍各跡犯囚候查
正名首犯牒罪窺姐
小如拱在碑徐旦低

61/A

- Đàn bà dễ có mấy tay
 2360 Đồi xưa mấy mặt đồi này mấy gan
 Dễ dàng là thói hồng nhan
 Càng cay NGẠT lắm càng oan trái nhiều
 Hoạn thư PHÁCH lạc HỒN xiêu
 Khấu đầu dưới trướng LỰA điều kêu ca
 2365 Rằng tôi TRÓT DẠ đàn bà
 Ghen tuông thì cũng người ta thường tình
 Nghĩ cho khi gác viết kinh
 Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo
 Lòng riêng riêng CŨNG kính yêu
 2370 Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai
 Trót lòng gây việc chông gai
 Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng
 Khen cho THỰC đã nên rằng
 Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời
 2375 Tha ra thì cũng may đời
 Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen
 Đã lòng tri quá thì nên
 Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay

61 A

雖娶易為余種
易場界腿紅額
宮姐哩落總漂
浪碎慢施彈嬰
持朱欺罔曰徑
悉貞匕拱敵股
律悉酸役發爹
嚼朱實我誠浪
他豐時拱理莧
亟悉知過時誠

2370

2380

我切余種莧尼余胆
強多以夥強冤債夥
叩頭蘇帳招調叫歌
唯嘴時拱身些常徒
貝欺塊率慙晴庄蹊
軼輝渚易埃朝朱埃
洋沕量波傷排吊庄
坤頤旦墨呐能浦堅
夕豐時拱豐身弛然
付軍令寄帳前他証

61/B

- Tạ lòng lạy trước sân mây
2380 Cửa viên lại dặt một dây dẫn vào
Nàng rằng LỘNG lộng trời cao
Hại nhân nhân hại sự nào tại ta
Trước là Bạc Hạnh Bạc bà
Bên là Ứng Khuyển bên là Sở Khanh
2385 Tú bà CÙNG Mã giám sinh
Các tên tội ấy đáng tình còn sao
Lệnh quân truyền xuống nội đao
Thề sao thì lại cứ sao gia hình
Máu rơi thịt nát tan tành
2390 Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời
Cho hay muôn sự tại trời
Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta
Mấy người bạc ác tình ma
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương
2395 Ba quân đông mặt pháp trường
Thanh thiên bạch nhật rõ ràng cho coi
Việc nàng báo phục vừa rồi
Giác Duyên vội đã gửi lời từ quy

61 B

謝惡無畧憐遜
娘浪弄匕至高
畧畧宿侍者爰
秀爰拱馬監生
令軍斜鄣內刀
弗涑陟涅散怯
朱台內事在至
余尋詣惡精廬
匪軍冬栖法場
役娘報復皮未

390

宰犂吏慙文德引訊
害人匕害事帝在些
边畀鷹犬边畀楚卽
名牋罪衣登情犂牢
誓牢時吏批牢加刑
埃匕磔体魂驚魄涑
負尋拯補欺尋負些
肉夕肉鄒叫麻埃傷
青天白日燭煉朱魂
竟綠倍色噉啄肆喘

62/A

Nàng rằng thiên tải nhất thì
2400 Cố nhân đã dễ mấy khi bàn hoàn
Rồi đây bèo hợp mây tan
Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu
Sư rằng cũng chẳng MẤY lâu
Trong năm năm lại gặp nhau đó mà
2405 Nhớ ngày hành cước phương xa
Gặp sư Tam Hợp vốn là tiên tri
Bảo cho hội hợp chi kì
Năm nay là một nửa thì năm năm
Mới hay tiền định chẳng lầm
2410 Đã tin điều trước ắt nhằm việc sau
Còn nhiều ân ái với nhau
Cơ duyên nào đã hết đâu vội gì
Nàng rằng tiền định tiên tri
Lời sư đã dạy ắt thì chẳng sai
2415 Hoạ bao giờ có gặp người
Vì tôi cậy hỏi một lời chung thân
Giác Duyên vâng dặn ân cần
Tạ từ thoát đã dời chân cõi ngoài

62 A

娘浪千戰走時
 來低執合迷散
 師浪拱拯余數
 汝時行脚方餘
 保朱合合之期
 買哈前定庄哪
 煤勢恩愛貝時
 娘浪前定先知
 梘色徐杏及尋
 覓綠哪引慙慙

2415

2402

故人也易余欺盤桓
 別亮鵲內迷箇亮
 冲軀離吏及燒妬麻
 及師三合本咒先知
 薛吟罪艾友時軀離
 也信擲畧乙旺後萎
 机綠帟也歇亮倍之
 啞師也哦亡時庄差
 爲碎腮晦艾墜終身
 拊碎說也移蹟揆外

62/B

Nàng từ ân oán rạch rời
2420 Bể oan đường đã voi voi cạnh lòng
Tạ ơn lạy trước Từ công
Chút thân bồ liễu nào mong có rày
Trộm nhờ sấm sét ra tay
Tác riêng như cát gánh đầy đổ đi
2425 Chạm xương chếp dạ xiết chi
Dễ đem gan óc đền nghì trời mây
Từ rằng quốc sĩ xưa nay
Chọn người tri kỉ một ngày được chẳng
Anh hùng tiếng đã gọi rằng
2430 Giữa đường dầu thấy bất bằng mà tha
Hướng chi việc cũng việc nhà
Lọ là thâm tạ MỚI là tri ân
Xót nàng còn chút song thân
Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa
2435 Sao cho muôn dặm một nhà
Cho người thấy mặt là ta cam lòng
Vội truyền sửa tiệc quân trung
Muôn binh ngàn tướng hội đồng tẩy oan

62 B

娘自思忍挫株
 謝恩襪署徐公
 盛如靈霸黜珣
 暫昌劄施掣之
 徐浪国土初吟
 英雄峭色吟浪
 况之役拱役茹
 收娘炸安双親
 歪朱肉埃文茹
 信得所席軍守

殺冤萊色為七覺悉
 聘身蒲柳吊素古曷
 粵貞如枯梗苔覩接
 易定肝脘填後至選
 棋尋知己艾睇特庄
 神塘酉休不平麻他
 席毘保禡買毘知恩
 悲吟儿越尋秦隔賒
 朱尋休顧罪些耳悉
 同兵麥將会同洗冤

63/A

Thừa cơ trúc chẻ ngói tan
 2440 Bình uy từ ấy sấm ran trong ngoài
 Triều đình riêng một góc trời
 Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà
 Đòi cơn gió quét mưa sa
 Huyện thành đập đổ năm toà cõi Nam
 2445 Phong trần mài một lưỡi gươm
 Những loài giá áo túi cơm sá gì
 Nghênh ngang một cõi biên thù
 THIẾU gì cô quả THIẾU gì bá vương
 Trước cờ ai dám tranh cường
 2450 Năm năm hùng cứ một phương hải tần
 ❧ ❧
 Có quan tổng đốc trọng thần
 Là Hồ Tông Hiến kinh luân gồm tài
 Đầy xe vàng chỉ đặc sai
 Tiện nghi bát tiểu việc ngoài đồng nhưng
 2455 Biết Từ là đáng anh hùng
 Biết nàng cũng dự quân trung luận bần
 Đóng quân làm chúc chiêu an
 Ngọc vàng gấm vóc sai quan thuyết hàng

63 A

乘机竹扯魄散
 朝庭貞文谷丞
 隊干臉撇脗紗
 夙塵礪艾裙嫌
 迎昂艾埃边陲
 畧旗埃敢争弦
 杏官總督重臣
 把車哪百特差
 別徐罪跽英雄
 揀軍少所拍安

2450

2460

兵威自意稟瀚神外
 縣仁文武枉堆山側
 縣城蹠覩甌座埃南
 仍頰架襖綴籽沱之
 少之孤寡少之弱王
 甌解甌挾艾方侮清
 界胡宗憲徑倫繼才
 便宜扒勦役外董戈
 別娘拱預軍中論盤
 王煥甌外差官說略

63/B

Lại riêng một lẽ với nàng
2460 Hai tên thể nữ ngọc vàng nghìn cân
Tin vào gởi trước trung quân
Từ công riêng NGHĨ mười phân hồ đồ
Một tay gây dựng cơ đồ
Bấy lâu bể Sở sông Ngô tung hoành
2465 Bó thân về với triều đình
Hàng thần lơ láo phận mình ra đâu
Áo xiêm buộc trói lấy nhau
Vào luồn ra cúi công hầu mà chi
Sao bằng riêng một biện thù
2470 Sức này đã dễ làm gì được nhau
Chọc trời quấy nước mặc dầu
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai
Nàng thì THỰC dạ tin người
Lẽ nhiều nói ngọt nghe lời dễ xiêu
2475 THÌ mình mặt nước cánh bèo
Đã nhiều lưu lạc ĐÃ nhiều gian truân
Bằng nay chịu tiếng vương thân
Thênh thênh đường cái thanh vân hẹp gì

63 B

吏貞艾扎貝娘
 信臥噉畧中軍
 受舁酸鄧基骨
 佈身米貝朝連
 襖襟濮樹襖燒
 牢朋貞艾邊陲
 濁至恠諾點油
 娘時實脰信尋
 時禽輻諾翹顛
 平矜鄒哨王臣

3470

3460

仁緒彩女王廣群斤
 徐公貞孝進分糊塗
 俾數彼楚淹吳縱橫
 降臣慮老分命黜亮
 飽綸黜齡公侯席之
 飭尼屯易夕之特燒
 育昂市別連頭舌埃
 礼夥呐吼喧啞易迺
 屯彰流落屯彘炒屯
 青匕塘丐青雲俠之

64 / A

Công tư vẹn cả hai bề

2480 Dàn dà rồi sẽ liệu về cố hương

Cũng ngôi mệnh phụ đường đường

Nở nang mày mặt rõ ràng mẹ cha

Trên vì nước dưới vì nhà

Một là đặc hiệu hai là đặc trưng

2485 Chẳng hơn chiếc bách giữa dòng

E dè sóng gió hải hùng cỏ hoa

Nhân khi bàn bạc gần xa

Thừa cơ nàng mới bàn ra bàn vào

Rằng ơn thánh đế dôi dào

2490 Tuổi ra đã khắp thấm vào đã sâu

Bình thành công đức bấy lâu

Ai ai cũng đội trên đầu biết bao

GẤM từ đây việc binh đao

Đống xương Vô định đã cao bằng đầu

2495 Làm chi để tiếng về sau

Nghìn năm ai có khen đâu Hoàng Sào

Sao bằng lộc trọng quyền cao

Công danh ai DẮT lối nào cho qua

64 A

公私院奇仁皮
拱鬪舍婦堂匕
連爲諾壽爲茄
庄欣隻相紳佣
因欺盤箔斯賒
浪紳圣帝雉牆
平成功德附數
喃自越役兵刀
少之抵嗜米騷
牢平徠重權高

2490

2480

寅宿末仕料米故卯
爰襄媚栖招棘娛吒
爰咒得孝仁咒得忠
味提湧愈駁雉結花
乘机娘買盤夥哨臥
西鰲缶泣濬包也淺
埃匕拱隊遠頭尉包
頃髑先定缶高平頭
紆辭埃古嗜亮亥巢
功名埃搥頭帝朱戈

辰

64/B

Nghe lời nàng nói mận mà
2500 Thế công Từ mới trở ra thế hàng
Chỉnh nghi tiếp sứ vội vàng
Hẹn kì thúc giáp quyết đường giải binh
Tin lời thành hạ yêu minh
Ngọn cờ ngơ ngác trống canh trể tràng
2505 Việc binh bỏ chẳng giữ giàng
Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư
Hồ công quyết kế thừa cơ
Lễ tiên binh hậu khắc cờ tập công
Kéo cờ chiêu phủ tiên phong
2510 Lễ nghi giàn trước bác ĐỒNG phục sau
Từ công hồ hững biết đâu
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên
Hồ công ám hiệu trận tiền
Ba bề phát súng bốn bên kéo cờ
2515 Đang khi bất ý chẳng ngờ
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn
Tử sinh liều giữa trận tiền
Dạn dày cho biết gan liền tướng quân

64 B

暄墜娘吶慢麻
 整倭接使倍傍
 信墜城下要盟
 役矢補庄狩床
 胡公決補乘机
 橋旗招旗先峰
 徐公响頃別晃
 胡公暗号陣前
 登欺不意庄考
 死生料鍾陣前

2510

2500

助攻徐買阻鵬助長
 限期東甲決塘解兵
 旂旗魚号黼更雉長
 王師睡也斫緋實虛
 花先兵後刻期裏攻
 礼倭掬畧封洞伏菱
 太尉礼服鵲頭率箱
 臣皮聯皖翠边矯旗
 猶靛欺缶沙机拱帽
 彈苦朱別肝連將介

65 / A

Khí thiêng khi đã về thần

2520 Nhon nhon còn đứng chôn chân giữa vòng

Trơ như đá vững như đồng

Ai lay chẳng chuyển ai rung chẳng dời

Quan quân truy sát đuổi dài

Ù Ù sát khí ngất trời ai đang

2525 Trong hào ngoài lũy tan hoang

Loạn quân vừa dất tay nàng đến nơi

Trong vòng tên đá bồi bồi

Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ

Khóc rằng trí dững có thừa

2530 Bỏ nghe lời thiếp đến cơ hội này

Mặt nào trông thấy nhau đây

THÀ liều sống CHẾT một ngày với nhau

Dòng thu như xối cơn sầu

Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên

2535 Lạ thay oan khí tương triền

Nàng vừa phục xuống Từ liền ngã ra

Quan quân kẻ lại người qua

Xót nàng sẽ lại vực ra dần dần

65 A

氣請欺屯米神
猪如殘凭如洞
官介追殺 戮
冲壕外里散烺
冲妄銑移排匕
哭浪智勇杏乘
栖市體休恍低
朋秋如漾于愁
選台冤氣相纏
官可几更尋戈

2530

2520

然匕拜時蹲踞神
埃抹庄斜埃陟庄核
嗜匕殺氣雲歪埃咨
乱介皮搥廬娘旦尼
体徐痒跼孰歪猪匕
黜喧啞妄旦机会尼
時料甦蕊艾睇貝僂
搥啞娘拱抬頭艾边
娘皮伏下徐連我黷
艸娘往吏域鼎寅匕

65/B

Đem vào đến trước trung quân
2540 Hồ công thấy mặt ân cần hỏi han
Rằng nàng chút phận hồng nhan
Gặp cơn binh cách nhiều nàn cũng thương
Đã hay thành toán miếu đường
Giúp công cũng có lời nàng mới nên
2545 Bây giờ sự đã VẠN tuyền
Mặc lòng nghĩ ĐÓ muốn xin bề nào
Nàng càng ĐŨA ngọc tuôn dào
Ngập ngừng mới gởi thấp cao sự lòng
Rằng Từ là đáng anh hùng
2550 Dọc ngang trời rộng vẫy vùng bể khơi
Tin tôi nên quá nghe lời
ĐŨA thân bách chiến làm tôi triều đình
Ngõ là phu quý phụ vinh
Ai ngờ một phút tan tành thịt xương
2555 Năm năm trời bể ngang tàng
ĐEM mình đi bỏ chiến trường như không
Khéo khuyên kẻ lấy làm công
Kể bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu

65 B

恍然旦暮中
 浪娘出分紅
 色台成弄
 碑徐事色萬全
 浪娘王蘇露
 浪徐羿時英雄
 信碎鏃過眩
 語罪夫貴婦榮
 舳艫至彼昂
 害勸計裨少功

255c

254c

胡公体極悠
 及干兵革
 批功拱杏
 默悉緩妬
 吸吟買吸
 育昂至曠
 遂身百戰
 埃考艾人
 挽禽趁捕
 計色旆吏
 功悉用燒

66 / A

- Xét mình công ít tội nhiều
 2560 Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi
 Xin cho thiển thổ một doi
 Gọi là đắp ĐỂ lấy người tử sinh
 Hồ công nghe nói thương tình
 Truyền cho kiểu táng di hình bên sông
 2565 Trong quân mở tiệc hạ công
 Xôn xao tơ trúc hội đồng quân quan
 Bất nằng thị yến dưới màn
 Dở say lại ép VẶN đàn nhật tau
 Một cung gió TỬ mưa sầu
 2570 Bốn CUNG NHỎ máu năm đầu ngón tay
 Ve ngâm vượn hót nào tà
 Lọt tai Hồ cũng nhẩn mày rơi châu
 Hỏi rằng này khúc ở đâu
 Nghe ra muôn oán nghìn sầu lăm thay
 2575 Thừa rằng bạc PHẬN khúc này
 Phở vào đàn ấy những ngày còn thơ
 Cung ĐÀN lựa những ngày xưa
 Mà gương bạc mệnh bây giờ là đây

66 A

察禽功也罪彰

560

粧乘碑也誠料禽碑

頃朱淺土文堆

陰界合底地尋死生

胡公暄响傷悵

得朱藁堊遺形邊境

冲介銅席賀功

叫隔絲竹会同介官

扒娘侍晏帶幔

描醒吏押案彈日奉

艾宮愈絳媚愁

570

果官乳鼎觥頭院擣

鷓吟猿啣市脊

律聰胡拱痾眉疎珠

晦浪尼曲於晝

暄飛向惡蘇愁駭台

疎浪苗分曲尼

譜臥彈衣仍得痒窺

官彈步仍得初

床薊苗禽悲除界低

66 / B

Nghe càng đấm ĐẤM càng say
2580 Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình
Dạy rằng hương lửa ba sinh
Dây UYÊN xin nối cầm lành cho ai
Thưa rằng TRÓT phận lạc loài
Trong mình nghĩ đã có người thác oan
2585 Còn chi nữa cánh hoa tàn
Tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân
Rộng CHO còn mảnh hồng quần
Hơi tàn được thấy gốc phần là may
Hạ công chén đã quá say
2590 Hồ công đến lúc rạng ngày nhớ ra
Nghĩ mình phương diện quốc gia
Quan trên nhắm xuống người ta trông vào
Phải tuồng trăng gió hay sao
Sự này biết tính thế nào được đây
2595 TẢO nha vừa buổi RẠNG ngày
Quyết tình CÔNG mới đoán ngay một bài
Lệnh quan ai dám HAN lời
Ép tình LÀ gán cho người thổ quan

66 B

暄驗恍亡强醅
 咤浪香火旺生
 疎浪快分落頰
 样之女翹花残
 糠朱样猛紅緇
 賀功嘖色过醅
 持舍方面国家
 佈徙媵愈哈牢
 早衙皮眼糊得
 令官埃敢嘆啞

2580

2590

避朱柄扶拱疼為情
 蜃鸞嗔後葉冷朱埃
 勉舍考色杏尋托冤
 孫悉色撻續睚小憐
 唏残特体搭扮罷埋
 胡公旦六糊得改豐
 官連旺蘇馱些解臥
 事尼别併世市特低
 决晴公買斷觚文掛
 押情罷拾朱尋土官

67 / A

- Ông tơ THỰC nhẽ đa đoan
 2600 Xe tơ CHỬA khéo vợ CÀN vợ xiên
 Kiểu hoa áp thẳng xuống thuyền
 Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu cao
 Nàng càng ử liễu phai đào
 Trăm phần nào có phần nào phần tươi
 2605 Đành thân cát dập sóng vùi
 Cướp công cha mẹ thiệt đời thông minh
 Chân trời mặt bể lênh đênh
 Năm xương biết gởi tử sinh chốn nào
 Duyên đâu ai dứt tơ đào
 2610 Nợ đâu ai đã dắt vào TẬN tay
 Thân sao thân đến thế này
 Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi
 Đã không biết sống là vui
 HOÀI thân nào biết thiệt thời là thương
 2615 Một mình cay đắng trăm đường
 Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi
 Mảnh GUỒNG đã NGẬM non đồi
 Một mình luống những đứng ngồi chưa xong

67 A

弁絲美吟侈端
 輶在押訕訕船
 娘強塢柳派桃
 停身吉拉滓渚
 躋歪栖波冷汀
 綠亮埃穠絲桃
 身牢身旦勢尼
 缶空別難哭慄
 戔侖亥蒼鼎塘
 埒鞠缶哈燥兌

3610

2600

車絲渚嗜搗軋搗王
 莧慢揄濕院烟挑高
 冪分市杏分市分鮮
 切功叱娛舌莧聰明
 唵昌別敗死生准市
 女亮埃缶穠臥羨珣
 炸睇市拱餘睇衣催
 依身帑別舌催哭傷
 催時涅玉散熒時催
 爰侖障仍跽對渚衝

67/B

- Triều đầu nổi tiếng đùng đùng
2620 Hỏi ra mới biết rằng sông Tiên Đường
Nhớ lời thần mộng rõ ràng
Này thôi hết kiếp đoạn trường là đây
Đạm Tiên nàng nhé có hay
Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta
2625 Dưới đèn sẵn bức tiên hoa
Một thiên tuyệt bút gọi là để sau
Cửa bông vội THÁC rèm châu
Trời cao BỂ rộng một màu bao la
Rằng Từ công hậu đãi ta
2630 Chút vì việc nước mà ra phụ lòng
Giết chồng mà lại lấy chồng
Mặt nào MÀ LẠI ĐỨNG trong cõi đời
Thôi thì một thác cho rồi
Tấm lòng phó mặc trên trời dưới sông
2635 Trông vời con nước mênh mông
Dem mình gieo xuống giữa dòng trường giang
Thổ quan theo vớt vội vàng
Thì đà đắm ngọc chìm hương ĐÃ rồi

67 B

潮見溪皆同已
汝墜神夢燿煉
淡仙娘吟朱吟
帶烟產幅箋花
閨蓬倍托簾珠
浪徐公厚待些
折歎麻吏裋歎
催時文托朱未
謠鴻昆浴溟濛
土官蹺越倍獵

263c

262b

晦觀買別浪淹茂塘
尼催歇劫斬腸罪低
限些時待鄧尼連些
艾篇絕筆吟罪底轅
歪高波弄幾年色罪
等爲役渚麻黥負悉
糝市麻吏跽鄧墜茂
膠悉付默遠歪鄧淹
枕舍招鄧神州長江
時它渚王沉香也未

68/A

Thương thay cũng một THÂN người
 2640 HẠI thay mang lấy sắc tài làm chi
 Những là oan khổ lưu li
 Chờ cho hết kiếp còn gì là thân
 Muời lăm năm bấy nhiêu lần
 Làm gương cho khách hồng quần thử soi
 2645 Đời người đến thế thì thôi
 Trong cơ âm cực dương hồi khôn hay
 Mấy người VÌ nghĩa xưa nay
 Trời làm chi đến lâu ngày càng thương



 Giác Duyên từ tiết già nàng
 2650 TREO bầu quả níp rộng đường vân du
 Gặp bà Tam Hợp đạo cô
 Thông dong hỏi hết nhỏ to sự nàng
 Người sao hiểu nghĩa đủ đường
 Kiếp sao rặt những đoạn trường thế thôi
 2655 Sư rằng phúc họa đạo trời
 Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra
 Có trời mà cũng tại ta
 Tu là cội phúc tình là dây oan

68A

傷台拱及身昇
 仍罷冤苦流離
 迺弄辭閉燒香
 棧昇旦勢時催
 余昇爲姜初昇
 竟緣自節嗜娘
 及娶三台道姑
 昇牢孝姜觀塘
 師浪福禍道丞
 固歪麻拱在些

2650

2640

害台忙秘色才少之
 除朱歇却洋之罪身
 夕翹朱客紅裙此燭
 鮑机陽極陰回坤台
 至少之旦數時強傷
 掠蘇掛棋鰲塘雲遊
 從容吩咐歇馳蘇事娘
 劫牢秩仍斷腸世催
 松源拱於垂昇麻鼎
 修羅松福情咒續冤

68 / B

Thuý Kiều sắc sảo khôn ngoan
2660 Vô duyên là phận hồng nhan đã đành
Lại mang lấy một chữ tình
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong
VẬY nên những chốn thông dong
Ở không yên ổn ngồi không vững vàng
2665 Ma GIỮI lối quỷ đem đường
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi
Hết nạn ấy đến nạn kia
Thanh lâu hai lượt thanh y hai lần
GIỮA vòng giáo dựng gươm trần
2670 Kê rằng hùm sói gửi thân tôi đòi
Giữa VÒNG nước dấy sóng giời
Trước hàm rồng cá gieo mỗi thuỷ tinh
Oan kia theo mãi với tình
Một mình mình biết một mình mình hay
2675 Làm cho sống đoạ thác đầy
Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi
Giác Duyên nghe nói rụng rời
Một đời nàng nhẽ thương ôi còn gì

68 B

翠翹色稍坤頑
吏忙裋文符情
丕鍼仍性從容
席振頭鬼寃塘
歇難意旦難眞
紳妄槩鄧煉陳
紳妄涕汜濟淮
冤箕跡買貝情
朱夕甦墮托首
竟緣眩吶洲淩

2660

先緣異分紅顏也停
墟匕舍杓裋舍飢冲
於空安穩辨空凭熿
吏尋仍性斷腸麻超
青樓仁綰青衣仁者
2670 棋齧猗猗改身碎隊
署頷蛩野招舍水星
爰舍匕別爰舍匕哈
斷腸朱歇却尼買催
艾花娘冰傷畏輝之

69/A

Sư rằng song chẳng hề chi
2680 Nghiệp duyên cân lại nhắc đi còn nhiều
Xét trong tội nghiệp Thuý Kiều
Mắc điều tình ái khỏi điều tà dâm
Lấy tình thâm GIẢ TÌNH thâm
Bán mình đã động hiếu tâm đến trời
2685 Hại một người cứu muôn người
Biết đường khinh trọng biết lời phải chẳng
Thừa công đức ấy ai bằng
Túc khiên đã rửa lông lông sạch rồi
Khi nên trời cũng chiều người
2690 Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau
Giác Duyên dù nhớ nghĩa nhau
Tiền Đường thả một bè lau rước người
Trước sau cho vẹn một lời
Duyên ta mà cũng phúc trời chi không
2695 Giác Duyên nghe nói mừng lòng
Lân la tìm thú bên sông Tiền Đường
Đánh tranh chụm nóc thảo đường
Một gian nước biếc mây vàng chia đôi

69 A

師浪双在兮之
 察神罪業翠翔
 裊情深者情深
 害艾尋救艾尋
 所功衍衣埃平
 欺誠至拱朝尋
 覺綠油女姜燒
 畧萎朱院艾啞
 寬綠眩咄惘恚
 打拚店梅草堂

268a

269a

樂錄斤吏找撈炸澎
 然調情爰塊調邪淫
 半命缶動孝心旦至
 別塘搔重別墜沛庄
 夙愆缶沿凌匕涇求
 耳讓女畧填倍綠萎
 茂塘旦艾蕭萍連尋
 錄些麻拱搗至之空
 憐昇尋趣边滴茂塘
 歿同諾瑋逸橫支堆

69/B

- Thuê năm ngư phủ hai người
 2700 Đóng thuyền chực bến kết chài GIĂNG sông
 Một lòng chẳng quản mấy công
 Khéo TRONG gặp gỡ cũng trong chuyển vần
 Kiều từ gieo xuống duênh ngân
 Nước xuôi bỗng đã trôi dạt TẠN nơi
 2705 Ngư ông kéo lưới vớt người
 GẤM lời Tam Hợp rõ mười chẳng ngoa
 Trên MAI lướt SUỐT áo là
 Tuy dầm hơi nước chưa loà bóng gương
 Giác Duyên NHẬN THỰC mặt nàng
 2710 Nàng còn THIẾP thiệp giấc vàng chưa phai
 Mơ màng phách quế hồn mai
 Đạm Tiên thoát LẠI thấy người ngày xưa
 Rằng tôi đã có lòng chờ
 Mất công ĐÃ mấy năm thừa ở đây
 2715 Chị sao phận mỏng ĐỨC dày
 Kiếp NÀY CŨNG vậy lòng này dễ ai
 Tắm thành đã thấu đến trời
 Bán mình là hiếu cứu người là nhân

69 B

吮鰓魚父亡導
 爰惡庄管余功
 翺自招黿盪恨
 勇弁擄裡滅尋
 連枚例律襖咒
 竟緣認實栢娘
 悚忙魄桂魂梅
 浪碎龜右惡徐
 姊半分蒙方諱
 脫誠龜透旦至

揀船直渡結鉢扛桶
 窖帥及捧拱黿斜運
 渚候俸龜儒寅羨尼
 啼墜三台燿迅庄乳
 雖淫唏諾渚燂勝瀾
 娘泮帖匕眠橫渚派
 淡仙說吏体尋時初
 秩功龜余蘭乘於低
 劫君拱丕惡尼易埃
 半余罪孝救尋罪仁

70/A

Một MÌNH vì nước vì dân
 2720 Âm công cất một đồng cân đã già
 Đoạn trường sổ rút tên ra
 Đoạn trường thơ phải NGHÊNH mà GIẢ nhau
 Còn nhiều hưởng thụ về lâu
 Duyên xưa tròn trặn phúc sau dồi dào
 2725 Nàng còn ngơ ngẩn biết sao
 Trạc tuyên nghe tiếng gọi vào bên tai
 Giật mình thoát tỉnh giấc mai
 Bâng khuâng nào đã biết ai mà nhìn
 Trong thuyền nào thấy Đạm Tiên
 2730 Bên mình chỉ thấy Giác Duyên ngồi kề
 Thấy nhau mừng rỡ trăm bề
 Dọn thuyền mới rước nàng về thảo lư
 Một nhà chung chạ sớm trưa
 Gió trắng mát mặt muối dưa chay lòng
 2735 TỰ bề bát ngát mênh mông
 Triều dâng hôm sớm mây lồng trước sau
 Nạn xưa trút sạch lâu lâu
 Duyên xưa chưa dễ biết đâu chốn này



70 A

艾禽為活為民
斷腸效梓銘鼎
泮發享受米糠
娘泮與燕別牢
秩禽脫醞戢枚
冲船市休談仙
体燒棚烟稟皮
艾茹終仁晃暑
罰皮八吸演濛
泮切陣誼端匕

2730

2720

賜功拈艾洞斤也
斷腸疎沛迎麻片虎
禄初輸陣福發堆雷
濯泉喧嗜吟臥边聰
水傾市在別埃麻認
边禽只体竟禄嗽棋
拖船買違娘米草盧
愈腰沫栢悔葉柰悉
朝豔最歛選童畧葵
綠切渚易別亮淮泥

70/B

- Nỗi nàng tai nạn đã đầy
2740 Nỗi chàng Kim Trọng bấy chầy mới thương
Từ ngày muôn dặm TRỈ tang
Nửa năm ở đất Liêu dương lại nhà
Vội sang vườn Thuý dò la
Nhìn PHONG CẢNH CŨ nay đã khác xưa
2745 Đây vườn cỏ mọc lau thưa
Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rời
Trước sau nào thấy bóng người
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông
Xập xè én LẠNH lâu không
2750 Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày
Cuối tường gai góc mọc đầy
Đi về này những lối này năm xưa
Chung quanh LẠNH NHẮN như tờ
Nỗi niềm tâm sự bây giờ hỏi ai
2755 Láng giềng có kẻ sang chơi
Lân la sẽ hỏi một hai sự tình
Hỏi ông ông mắc tụng đình
Hỏi nàng nàng đã bán mình chuộc cha

70 B

淚娘災難也苦
 自暝向埃持袞
 倍迎園翠掖
 苦園鞦木牽疎
 容萎市休膝尋
 主春燕冷暖空
 弱牆核裕木苦
 冬觥冷眼如祠
 都盧市几迎削
 晦弁匕默訟庭

2750

2760

沒弘金重困遲買傷
 姝前於坦遶楊吏茹
 忽風景騷吟它恪切
 窻肢瓊琬壁渭也疎
 花桃薛外炸哄愈東
 鞦欄樞坦奈封躑鞦
 屣米尼仍埽尼薛切
 浹念心事悲除晦埃
 熒羿仕明女仁事情
 晦娘匕匱半禽贖叱

71/A

Hỏi nhà nhà đã dờ xa

2760 Hỏi chàng Vương QUAN cùng là Thuý Vân

Đều NAY sa sút khó khăn

THUÊ MAY BÁN VIẾT kiếm ăn lần hồi

Điều đâu sét đánh lưng trời

THOẠT nghe chàng thoát rúng rời xiết bao

2765 VỘI HAN di trú nơi nao

Đánh đường chàng mới tìm vào TẠN nơi

Nhà tranh vách đất tả tơi

Lau treo rèm nát trúc gài phen thưa

Một sân đất cỏ dầm mưa

2770 Càng ngao ngán nổi càng ngơ ngẩn đường

Đánh liều lên tiếng ngoài tường

Chàng Vương nghe tiếng vội vàng chạy ra

Dắt tay vội rước vào nhà

Mé sau viên ngoại ông bà ra ngay

2775 Khóc than kể hết niềm tây

Chàng ôi biết nổi nước này cho chưa

Kiều nhi phận mỏng như tờ

Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng

71 A

吩咐如夕色移睵

調尼沙卒庫巾

調虎霸打膝至

估唆稜住尼市

茹梯壁坦左哉

文隣坦韓僊媚

打封蓮哨墻外

撻珣倍違色茹

哭嘆計歇念面

翻鬼分素如祠

2750

吩咐王現拱呢翠毫

稅埋半曰劍唆吝回

脫眩弘視拥移掣包

打塘弘買尋飢美尼

卑掠廉俚竹棋牆踈

強嗽嘖後強魚莖羨

弘王眩哨倍傍趨飛

賈撻員外弄耍飛甍

弘喂別候倍尼朱儲

文陞色辰還孫員弘

2750

71/B

Gặp cơn gia biến lạ đường
 2780 Bán mình nó phải tìm đường cứu cha
 Dừng dằng khi bước chân ra
 Cực trăm nghìn nổi dạn ba bốn lần
 Trót lời nặng với lang quân
 Mượn con em nó Thuý Vân thay lời
 2785 Gọi là GIẢ chút nghĩa người
 Sầu này DẶC đặc muôn đời chưa quên
 Kiếp này duyên đã phụ duyên
 Dạ đài còn biết sẽ đền lai sinh
 Mấy lời kí chú đình ninh
 2790 Ghi lòng để dạ cất mình ra đi
 Phận sao bạc MẤY Kiều nhi
 Chàng Kim về đó con thì Ở đâu
 Ông bà càng nói càng đau
 Chàng càng nghe nói càng rầu như dưa
 2795 Vật mình GÀO gió tuôn mưa
 Dầm dề giọt ngọc thần thờ hồn mai
 Đau đòi đoạn ngắt đòi thôi
 Tỉnh ra lại khóc khóc rồi lại mê

71 B

及于家變選養
用孕欺跣踰
律墜礪貝卽君
吟罷者尙姜身
却尼錄色負綠
余墜記注叮嚀
分牢泊余嬌兒
瓮嬰強吶強疔
物舍咆愈係渭
疔隊斯疔隊催

半伶奴沛尋塘救
拯慕軒緩引匹累吝
揆昆嬌奴翠雲哈墜
愁尼弋匕肉莠渚涓
宿臺煒別仕填末生
詭恚低晚拮舍黥珍
私金米妬昆時救亮
私強瞋吶強帥如奈
嚙提淡王引疎魂梅
醒黥吏哭匕末吏迷

72/A

Thấy chàng đau nỗi biệt li

2800 Nhịn ngừng ông mới vỗ về nài khuyên

Bây giờ ván đã đóng thuyền

Đã đành phận bạc khôn đền tình chung

Quá thương chút nghĩa đèo bông

Nghìn vàng thân ấy THÌ hồng bỏ sao

2805 Dỗ dành khuyên giải trăm chiều

Lửa phiền KHÔN dập càng kêu mối phiền

Thề xưa giở đến kim hoàn

Của xưa lại giở đến đàn ĐẾN hương

Sinh càng trông thấy càng thương

2810 Gan càng tức tối ruột càng xót xa

Rằng tôi trót quá chân ra

Để cho đến nỗi trôi hoa giặt bèo

Cùng nhau thề thốt đã nhiều

Những điều vàng đá phải điều nói không

2815 Chưa chẵn gối cũng vợ chồng

Lòng nào mà nỡ dứt lòng cho đang

Bao nhiêu của mấy ngày đường

Còn tôi tôi một gặp nàng mới thôi

72 A

体弘疔吸别离
碑徐板色揀船
过傷少菱昭蓬
咄停勦解稟朝
誓初持且金環
生強體体強傷
浪碎車过真形
拱燒誓說缶髡
諸禎衿拱燔獸
巨燒貼余賜塘

2810

2810

忍考弁買按米祭
伍停分伯坤填情
蔚煥身衣時哄補半
炷煩坤摺強挑海煩
貼初吏持旦彈旦香
肝強息撮臍強收車
底朱旦溪溜花戛蘇
仍凋熿稔市凋响空
悉帝麻女撻悉朱双
炸碎匕艾吸娘買催

72/B

Nỗi thương nói chẳng hết lời

2820 Tà từ sinh mới sụt sùi trở ra

Vội về sửa chốn vườn hoa

Rước mời Viên ngoại ông bà cùng sang

Thần hôn chăm chút lễ thường

Dưỡng thân thay tấm lòng nàng ngày xưa

2825 Đình ninh mài lệ chếp THƠ

Cắt người tìm tội đưa tờ nhấn nhe

Biết bao công mượn của thuê

Lâm thanh mấy độ đi về dặm khơi

Người một nơi hỏi một nơi

2830 Mênh mông nào biết bể trời nơi nao

Sinh càng thảm thiết khát khao

Như nung gan sắt như bào lòng son

Ruột tằm ngày một héo DON

Tuyết sương ngày một hao mòn mình ve

2835 Thần thơ lúc tỉnh lúc mê

Máu theo nước mắt hồn lìa chiêm bao

Xuân huyên lo sợ xiết bao

Quá ra khi đến thế nào mà hay

72 B

援傷呻庄歇嗟
 倍求所准園花
 晨昏針拱礼常
 叮咛埋候割財
 別包功擾貼稅
 尋艾尼晦艾尼
 生強慘切渭隔
 臍蟬時艾燂瘡
 矧疎六醒六迷
 椿簞怙悖掣包

2830

2826

謝薛生買淡沫跼蹙
 連跣員外弁嬰拱迎
 養親台牀悉娘時初
 割尋尋隊逐詞忍嘶
 臨淄余度移米埃隅
 淇際帑別波至尼帑
 如婢肝炙如炮悉輪
 雪霜時艾耗病禽鵬
 弁曉諾相境离占邑
 过黜欺旦世帑府台

73/A

Vội vàng sắm sửa chọn ngày
 2840 Duyên Vân sớm đã TÍNH dây cho chàng
 Người yếu điệu kẻ văn chương
 Trai tài gái sắc xuân đương GẶP thì
 DẤU rằng vui chữ vu quy
 Vui này đã cất sầu kia được nào
 2845 Khi ăn ở lúc ra vào
 Càng âu duyên mới càng dào tình xưa
 Nỗi nàng nhớ đến bao giờ
 Tuôn châu đòi trận vò tơ trăm vòng
 Có khi vắng vẻ HƯƠNG phòng
 2850 Đốt lò hương giở phím đồng ngày xưa
 Bể bai rầu rĩ tiếng tơ
 Trầm bay lạt khói gió đưa lay rèm
 Đường như bên CHÁI TRƯỚC thêm
 Tiếng Kiều đồng vọng bóng xiêm mớ mành
 2855 Bởi lòng tạc đá ghi vàng
 Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây



Những là phiên muộn đêm ngày
 Xuân thu biết đã đổi thay mấy lần

十

倍墳幟所棋得
尋旁塊兀文章
嘈浪慄葑于歸
欺唆於六黜飢
浚娘女旦巨徐
杏欺末酥香房
掖搥油吧哨徑
兼如近厓轆墻
黜悉鑒堊瓔熒
仍羿頰向店得

7850

2800

綠雲吳缶併狹朱弘
朝才奶色春登及眸
嗔尼缶拮愁冀特市
貽歐綠胃強罷情初
縣珠隊陣訂錄稟爰
炊爐香拈泛桐得初
坑憊濼熈愈逐揀簾
哨嬌同盟膝襜縣忙
恩娘誠吏休娘米低
春秋別奄对貽余客

73/B

Chế khoa gặp hội trường văn

2860 Vương Kim cùng chiếm bảng xuân một ngày

Cửa trời rộng mở đường mây

Hoa chào ngô hạnh hương bay dặm phần

Chàng Vương nhớ đến xa gần

Sang nhà Chung lão tạ ân chu tuyền

2865 Tình xưa ơn GIẢI nghĩa đền

Gia thân bền mới kết duyên Châu Trần

CHÀNG CÀNG nhẹ bước thanh vân

Nỗi nàng càng nghĩ xa gần càng thương

Ấy ai dặn ngọc thể vàng

2870 Bây giờ Kim mã Ngọc đường với ai

Ngọn bèo chân sóng lạc loài

Nghĩ mình vinh hiển thương người lưu li

Vâng ra ngoại nhậm Lâm Tri

Quan sơn nghìn dặm thê nhi một đoàn

2875 Cầm đường ngày tháng thanh nhàn

Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao

Phòng xuân trướng rủ hoa đào

Nàng Vân nằm bổng chiêm bao thấy nàng

73 B

剖科及會場文
園至鰲鰲塘選
私王女旦斯賒
情初思者菱填
私強珥趾青雲
意埃引王誓煥
菀蘄蹟弄落頰
啣艸外任臨臨
渠堂睜瞞倩向
房春帳揔花極

2970

2860

王金拱占榜春文時
花嘲坪香香繼埃粉
迎茹終老謝息周旋
加親卜買結緣朱陳
後娘強考賒斯強傷
碑徐金馬王堂貝埃
拷肉榮顯傷身飾
崩山新啖娶兒艾國
吳号嗜鶴嗜彈迨造
娘雲翻俸占色体娘

74/A

- Tỉnh ra mới rỉ cùng chàng
2880 Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi
Nọ Lâm Thanh với Lâm Tri
Khác nhau một chữ hoặc khi có lầm
Trong cơ thanh khí tương tầm
Ở đây hoặc có giai âm chẳng là
2885 Thăng đường chàng mới hỏi tra
Họ Đô có kẻ lại già thừa lên
Sự này đã ngoại mười niên
Tôi đà biết mặt biết tên rành rành
Tú bà cùng Mã giám sinh
2890 Đi mua người ở Bắc kinh đưa về
Thuý Kiều tài sắc ai bì
Có nghề đàn lại đủ nghề văn thơ
Kiên trinh chẳng phải gan vừa
Liều mình thế ấy phải lừa thế kia
2895 Phong trần chịu đã ê chề
Dây duyên sau lại GÁ về Thúc lang
Phải tay vợ cả phũ phàng
Bắt về Vô Tích toan đường bẻ hoa

74 A

醒耽買尼拱弘
怒臨清貝臨臨
鍾机声氣相尋
升堂私買晦查
事尼色外十耳
秀嬰拱馬監生
翠翹才色埃皮
堅貞拯佈肝皮
風塵谿色啖疵
沛輝燭奇負傍

2880

2890

喧啞弘拱仁痛信
格僥文舒或欺古
孩低或固佳音庄
戶都市几吏糲疎
碑它別栖別格伶
珍模昇珍北京
古芸彈吏觀去文
料禽勢衣佈欺世
襖祿糶吏嫁米束
扒耒玄場筆塘披
花

74/B

- Dứt mình nàng phải trốn ra
2900 Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia
Thoắt buồn về thoắt bán đi
Mây trôi bèo nổi thiếu gì là nơi
Bỗng đâu lại gặp một người
Hơn người trí dũng nghiêng trời uy linh
2905 Trong tay MUÔN vạn tinh binh
Kéo về đóng chặt một thành Lâm Tri
Tóc tơ các tích mọi khi
Oán thì GIẢ oán ân thì GIẢ ân
Đã nên có nghĩa có nhân
2910 Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen
Chưa tường được họ được tên
Sự này hỏi Thúc sinh viên mới tường
Nghe lời Đô nói rõ ràng
Tức thì NGHÊNH thiệp mời chàng Thúc sinh
2915 Nổi nàng hỏi hết phân minh
Chồng con đâu tá tính danh là gì
Thức rằng gặp lúc LƯU li
Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ

74 丑

揔命娘師違聘
 脫奔衛脫半接
 俸堯吏及文昇
 勉拜同萬精兵
 遜係各助有欺
 色鍼杏姜右仁
 渚祥特戶特旌
 暗墜却啲燴妹
 浚娘晦歇分明
 東浪及六流裔

2900

2910

唐埋吏及文茹伯其
 遜儒蘇溪少之咒尼
 欣尋知勇迎至威灵
 擲米棟秩文城臨留
 惡時者惡恩時者恩
 畧姿淪院賒斯淺嗜
 事尼晦東生員買祥
 即時迎帖進弘東生
 獸昆堯些姓各咒之
 冲仰碑晦少之遜係

75 / A

- Đại vương tên Hải họ Từ
- 2920 Đánh quen trăm trận sức dư muôn người
 Gặp nàng NGÀY ở châu Thai
 Lạ gì quốc sắc thiên tài phải duyên
 Vầy vùng trong bấy nhiêu niên
 Làm nên động địa kinh thiên dùn dùn
- 2925 Đại quân đồn đóng cõi Đông
 Về sau chẳng biết vân mông làm sao
 Nghe tường ngành ngọn tiêu hao
 Lòng riêng chàng luống lao đao thần thờ
 Xót thay chiếc lá bơ vơ
- 2930 Kiếp trần biết đủ bao giờ cho xong
 Hoa trôi nước NƯỚC xuôi dòng
 Xót thân chìm nổi đau lòng hợp tan
 Lời xưa đã lỗi muôn vàn
 Mảnh GUỜNG còn đó phím đàn còn đây
- 2935 Đàn cầm khéo ngắt ngơ dây
 LÒ hương biết có kiếp này nữa thôi
 Bình bông còn XÓT xa xôi
 Đỉnh chung sao nữ ăn ngồi cho an

75 A

大王將悔白徐
及娘時於卅台
泥逢勳閉旄年
大軍屯堽埃東
賄祥傾曉消耗
快合隻鼻匹為
花儒諾匕吹洲
啞初缶瓦閉角
彈琴窖重魚被
萍蓬洋快賒吹

2920

門消夏陣坊徐
運之國色天才帥綠
少誠動地驚天同匕
米鞍庄別雲夢少牢
惡貞私淹勞刀悲疎
切至別檢包徐宋垂
快身沉浹坊惡合散
猛剃痒如泛彈痒飯
坊香別古切尼女催
鼎厘牢女咳對汶安

75 / B

Rắp mong treo ấn từ quan

2940 Mấy sông cũng lội mấy ngàn cũng pha

Giấn mình trong áng can qua

Vào sinh ra tử hoạ là thấy nhau

Nghĩ điều trời thẳm vực sâu

Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn

2945 Những là nấn ná đợi tin

Nắng mưa biết đã mấy phen đổi dời

Năm mây bỗng thấy chiếu trời

Khâm ban sắc chỉ đến nơi rành rành

Kim thì cải nhậm Nam Bình

2950 Chàng Vương cũng cải nhậm thành HOÀI Dương

Sấm sanh xe ngựa vội vàng

Hai nhà cũng thuận một đường phó quan

Xảy nghe thế giặc đã tan

Sóng êm Phúc Kiến TRO tàn Chiết Giang

2955 Được tin Kim mới rủ Vương

Tiện đường cùng lại tìm nàng sau xưa

Hàng Châu đến đó bấy giờ

THỰC tin hỏi được tóc tơ rành rành

75 3

咄 葉 撿 印 辭 官
鎮 禽 勳 益 干 戈
片 凋 至 沱 域 淩
仙 界 赧 那 待 信
融 逕 俸 休 銘 至
金 時 改 任 南 平
懺 生 車 馭 倍 廣
倂 賄 勢 賊 缶 散
時 信 金 買 囑 王
枋 卅 旦 妬 仰 徐

2950

2940

余 淹 拱 淚 余 岸 拱 坡
臥 生 燬 死 禍 昇 体 庠
膝 鵠 必 幹 別 堯 麻 認
履 謂 別 缶 余 香 對 移
欽 頒 勅 旨 旦 尼 恰 匕
扒 王 拱 改 任 城 隍 陽
仁 茹 拱 順 艾 塘 赴 官
湏 淹 福 建 妒 殘 衛 江
便 塘 拱 吏 尋 娘 撈 切
實 信 晦 特 遷 孫 伶 匕

76 / A

Rằng ngày hôm nọ giao binh
 2960 Thất cơ Từ đã thu linh trận tiền
 Nàng Kiều công cả chẳng đền
 Lệnh QUÂN lại bắt ép duyên thổ từ
 Nàng đà gieo ngọc DÌM châu
 Sông Tiền Đường đó ấy mồ hồng nhan
 2965 Thương ôi không hợp mà tan
 Một nhà vinh hiển riêng oan một nàng
 Chiêu hồn thiết vị lễ thường
 Giải oan lập một đàn tràng bên sông
 Ngọn triều non bạc trùng trùng
 2970 VỘI trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo
 Tình thâm BIỂN thăm lạ điều
 Nào hồn tinh vệ biết theo chốn nào



Cơ duyên đâu bỗng lạ sao
 Giác Duyên đâu bỗng tìm vào đến nơi
 2975 Trông lên linh vị chữ bài
 CHỢT kinh mới hỏi những người đâu ta
 Với nàng thân thích gần xa
 Người còn sao bỗng làm ma khóc người

76 A

浪得吳怒交兵
娘婚功奇庄填
娘它招王沉珠
傷喂空合席散
招哩改位礼常
皖潮嶺伯重亡
情深变惨選凋
机绿晃俸選牢
韞蓮灵位梓排
貝娘親戚斯賒

2970

2960

失机徐色枚灵陣前
令軍吏扒押绿土曹
備茂塘妒意墓紅領
艾茹荣顯貞寬艾娘
群冤立艾坎塲边流
渭龍烱想翹鵠六招
市魄精米別蹠准市
寬绿晃俸尋飢旦巴
秩鴛買吻仍尋亮些
尋烱牢俸夕魔咒尋

76/B

- Nghe tin ngơ ngác rụng rời
2980 Xúm quanh kể họ rộn lời hỏi tra
Này chồng này mẹ này cha
Này là em ruột này là em dâu
THỰC tin nghe đã bấy lâu
Pháp sư dạy thế sự đâu lạ đường
2985 Sư rằng nhân quả với nàng
Lâm Tri buổi trước Tiên Đường buổi sau
Khi nàng gieo ngọc ĐÁY SÂU
Đón THEO tôi đã gặp nhau rước về
Cùng nhau nương cửa bồ đề
2990 Thảo am đó cũng gần kề chẳng xa
Phật tiền ngày bạc lân la
Đăm đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây
Nghe tin nở mặt MỞ mày
Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng
2995 Từ phen chiếc lá lìa rừng
Thăm tìm luống những liệu chừng nước mây
Rõ ràng hoa rụng hương bay
Kiếp sau hoá thấy kiếp này hản thôi

76 B

龍信如泉湧
尼獸尼猴尼吧
實信賄色困戮
師浪固巢貝娘
欺娘招王底潑
共僥娘困苦提
伙前尋泊鄰咒
賄信芳麵翔眉
自番隻莧离棧
憎麻花拥香魁

2990

2980

森觥計戶道
尼咒腌腓尼咒腌肫
法師咤世事亮選羨
臨油眼零戕塘頭
迤蹠碎色及僥連
草庵垢拱斯棋庄
惋匕娘共女茄坤
惻市吏过惻尼女
噪尋陞仍料儉渚
却姿和休却左等催

77/A

- Minh dương đôi ngả chắc rồi
3000 Cõi trần mà lại thấy người Cửu nguyên
QUẦY nhau lạy tạ Giác Duyên
Bộ hành một lũ theo liền một khi
PHA lau vạch cỏ tìm đi
Tình thâm luống hãỷ hồ nghi nửa phần
3005 Quanh co theo dải giang tân
Khởi rừng lau đã tới sân Phật đường
Giác Duyên lên tiếng gọi nàng
PHÒNG trong vội KHIẾN sen vàng bước ra
NHÌN xem đủ mặt một nhà
3010 Xuân già còn khoẻ huyên già còn tươi
Hai em phương trưởng hoà hai
Nọ chàng Kim đó là người ngày xưa
Tưởng bây giờ là bao giờ
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao
3015 SỤT SỤI thánh thót quyền bào
Mừng mừng SỢ SỢ xiết bao là tình
Huyên già dưới gối gieo mình
Khóc than mình kể sự mình đầu đuôi

77 A

冥陽堆我眈末
 揅僥梅謝覺綠
 坡牽拍跼尋規
 蹴孤蹠繙江津
 資綠蓮啗吟娘
 認沾蓮栢艾茄
 仁斃分長和仁
 想悲除咒包除
 淡沫咱說卷袍
 萱緒帶檜招舍

3010

3000

坎坐麻夷体昇九原
 步行艾屢蹠連艾斯
 睛深掩唉孤方胖分
 塊棱韋色細麟伏堂
 房中倍遣蓮橫趾黥
 椿糴群跬萱糴群鮮
 怒弘金垢咒尋得初
 燴瘼翹相群方占色
 惘匕疇匕掣色咒情
 咒嘆舍計事舍顛雖

77/B

- Từ con lưu lạc quê người
3020 Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm
Tính rằng sông nước cát lằm
Kiếp này ai lại còn cầm gập đây
Ông bà trông mặt TRAO tay
Dung quang chẳng khác chi ngày bước ra
3025 Bấy chầy dãi nguyệt dầu hoa
Mười phần xuân có gầy ba bốn phần
Nỗi mừng ÔNG lấy chi cân
Lời tan hợp chuyện xa gần thiếu đâu
Hai em hỏi trước han sau
3030 Đứng trông NÀNG ĐÃ trở sầu làm tươi
Quây nhau lạy trước Phật đài
Tái sinh trần tạ lòng người từ bi
Kiệu hoa giục RUỐC tức thì
Vương ông dạy rước cùng về một nơi
3035 Nàng rằng chút phận hoa rơi
Nửa đời nếm trải mọi mùi đắng cay
Tính rằng mặt nước chân mây
Lòng nào còn tưởng có rày nữa không

77 B

自昆流洛圭尋
併浪淹渚瀉淋
允娑醴榘梓珣
閉遲燐月油花
溪棚允似之斤
仁掩晦輻嘆輓
揅僥撫輻伏臺
輻花逐躡即時
娘浪貧分花涑
併浪栖渚蹟逕

3030

3020

鄭潘清撫祝迤輻
劫尼埃夷群杵及低
容光庄恪之鼎趾
迤分春固瘕匹舉分
啞散合傳賒斯少亮
時醴服也阻愁少舞
再生陳謝悉馭慈悲
王翁耽躡拱術艾尼
辨裝唸疎每味登爓
悉市群想固曷女空

78 / A

THÌ rày tái thế tương phùng

3040 Khát khao đã thoả tấm lòng lâu nay

Đã đem mình bỏ am mây

Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa

Mùi thiền đã bén muối dưa

Màu thiền ăn mặc đã ưa nâu sồng

3045 Sự đời đã tắt TRO lòng

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi

Dở dang nào có hay gì

Đã tu tu trót qua thì thì thôi

Trùng sinh ơn nặng bể trời

3050 Lòng nào nỡ dứt nghĩa người ra đi

Ông rằng bĩ thử nhất thì

Tu hành thì cũng phải khi từng quyền

Phải điều cầu Phật cầu Tiên

Tình kia hiếu nọ ai đền cho đây

3055 Độ sinh nhờ đức cao dày

Lập am rồi sẽ LÊN thầy ở chung

Nghe lời nàng ĐÃ chiều lòng

Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra

78 A

薛曷再世相逢
 也挽駒補庵逕
 味禪也燠塤茶
 事莪也燠爐悉
 拘揚市固哈之
 重生恩碾波至
 翁浪彼此壹時
 沛調求伏求仙
 度生汝衍高韻
 眩墜娘也朝恚

3050

3040

渴漓也妥所恚數吟
 戲尼改貝耶橫拱皮
 牟禪唆黔也於梳棕
 群茲色准滯紅夕之
 也脩脩律戈時蔚催
 恚市女撻菱馱戮塢
 修行蔚拱沛欺徒權
 情冀孝怒埃填未低
 立庵末仕蓮柴於終
 嗜師嗜景調拱趾黥

78/B

Một ĐOÀN về đến quan nha

3060 Đoàn viên vội mở tiệc hoa vui vầy

Tàng tàng chén cúc dở say

Đứng lên Vân mới giải bày một hai

Rằng trong tác hợp cơ trời

Hai bên gặp gỡ một lời kết giao

3065 Gặp cơn bình địa ba đào

Vậy đem duyên chị RUỐC vào cho em

Cũng là phận cải duyên kim

Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao

Những là rày ước mai ao

3070 Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình

Bây giờ gương vỡ lại lành

Khuôn thiêng lừa lọc đã dành có nơi

Còn duyên may lại còn người

Còn vừng trăng bạc còn lời nguyên xưa

3075 Quả mai ba bảy đang vừa

Đào non sớm liễu xe tơ kịp thì

Dứt lời nàng vội gạt đi

Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ

78 3

廢園術理官衙
藏匕噤菊持類
浪訥作合機至
吸汗平地波濤
拱羅分敗綠金
仍羅鬬約埋沕
悲除薊沱吏訟
群綠埋吏群訟
慎稱匹乳欺皮
樁墜娘倍拔接

3060

團圓倍翔席花慍圖
跼蓮雲買熾排廢仁
仁邊吸嚙歲墜結交
歪挽緣肺連色朱掩
拱羅坵吐腴腰脂腥
邇融辭意別色饒晴
困灵攬櫟屯濫固尼
群暈腴泊群墜願初
挑嫩最料車絲嘔時
事罔融辦計之碑除

79 / A

Một lời tuy có ước xưa

3080 Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều

Nói càng hổ thẹn trăm chiều

THÀ cho ngọn nước thủy triều chảy xuôi

Chàng rằng nói cũng lạ đời

Dấu lòng kia vậy còn lời ấy sao

3085 Một lời đã trót thâm giao

Dưới TRỜI có đất trên cao có trời

Dấu rằng vật đổi sao dời

Tử sinh cũng giữ lấy lời tử sinh

Duyên kia có phụ chi MÌNH

3090 Mà toan chia gánh chung tình làm hai

Nàng rằng gia thất duyên hài

XÓT lòng ân ái ai ai cũng lòng

Nghĩ rằng trong SỰ vợ chồng

Hoa thơm phong nhị trắng vòng tròn gương

3095 Chữ trinh đáng giá ngàn vàng

Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai xưa

Thiếp từ ngộ biến đến giờ

Ong qua bướm lại đã thừa xấu xa

初八

交啞雖固約初

3180

察余時遶油渭也

啞強虎憐暮朝

時朱院洛水潮訖吹

弘浪啞共選代

酉悉冀不群啞衣牢

交啞也卒深交

帶至固坦蓮高固至

晒浪物对牢稔

死生共辨袂啞死生

緣其固負之命

3190

麻弄支梗煙情夕仁

娘浪家室緣諧

拙悉恩愛埃七供悉

拐浪冲事惱軼

花資封媵妄賄賄刻

辨貞登價辦爐

鳩花庄憐頁弘杖初

妾自遇妾旦徐

蜂戈鉞吏也乘醜車

79/B

- Bấy chầy gió táp mưa sa
 3100 Mấy trăng cũng khuyết mấy hoa cũng tàn
 Còn chi là cái hồng nhan
 Đã xong thân thế còn toan nỗi nào
 Nghĩ mình chẳng hỏ mình sao
 Dám đem trần cấu dự vào bố kinh
 3105 Đã hay chàng nặng vì tình
 Trông hoa đèn chẳng TUI mình lấm ru
 Từ rày khép cửa phòng thu
 Chẳng tu thì cũng LÀ tu mới là
 Chàng dù nghĩ đến GẦN xa
 3110 Dem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ
 Nói chi kết tóc xe tơ
 Đã buồn cả BỤNG MÀ NHỚ cả đời
 Chàng rằng khéo nói nên lời
 Mà trong NHỄ phải có người có ta
 3115 Xưa nay trong đạo đàn bà
 Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường
 Có khi biến có khi thường
 Có quyền nào phải một đường chấp kinh

79 B

開退蓬西渭沙
群之異丐紅顏
坊向庄規禽牢
缶咭弘礪為情
自易怯園房秋
弘油款旦斯車
哨之結速車絲
弘浪嘻哨栽陞
仿吟冲道彈嬰
固欺变固欺常

3110

余曉共史余花共殘
缶重身世群筭後帝
敢寃坐垢預色布荆
罌花甜庄澣禽較咄
庄脩財共異修異異
寃情琴瑟對黜琴棋
缶盆奇腓麻泖奇代
麻冲祿沛固尋固些
符貞其共固匹黠篆
固樵市沛艾唐抗經

80 / A

- Như nàng lấy hiếu làm trinh
 3120 Bụi nào cho đục được mình ấy vay
 Trời còn để đến hôm nay
 Tan sương BIẾT ngõ ÁNG mây giữa trời
 Hoa tàn mà lại thêm tươi
 Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa
 3125 Có điều chi nữa mà ngờ
 Khách qua đường để hững hờ chàng Tiêu
 Nghe chàng nói đã hết điều
 Hai thân thì cũng quyết theo một bài
 Hết lời khôn NHỄ chối lời
 3130 Cúi đầu nàng những VẮN dài thở than
 Nhà vừa mở tiệc đoàn viên
 Hoa soi ngọn đuốc hồng chen bức là
 Cùng nhau giao LẠY một nhà
 Lễ đà đủ lễ đôi LÀ đủ đôi.
 3135 Động phòng diu dặt chén môi
 Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa
 Những từ sen ngó đào tơ
 Mười lăm năm mới bây giờ là đây

80 A

卹娘似孝夕貞
 歪痒底固臭吟
 花殘麻夷添鮮
 固調之女麻方
 耻弘呐缶欺調
 歇啞坤衿啞啞
 希皮翻席圓圓
 共僂交襖爰茄
 洞房迢迭嘖瑁
 仍自蓮垵桃絲

3120

3130

培市朱濁特肉衣為
 散稍別午益迷神歪
 賤娘麻夷欣迢森隄
 客戈塘底頭呵弘羊
 仁親時共夾蹺艾排
 噲頭娘仍餅餽咀嘆
 花燭蕓燐紅杆幅罍
 礼陀懸礼堆罍懸堆
 水傾綠買吟嚏悽初
 進甌辭買悲除罍低

80/B

- Tình duyên ấy hợp tan này
3140 Bi hoan mấy nỗi đêm chầy trăng cao
Canh khuya bức gấm rủ thao
Dưới đèn tỏ NGHĨA má đào thêm xuân
Tình nhân lại gặp tình nhân
Hoa xưa ong cũ mấy phân chung tình
3145 Nàng rằng phận thiếp đã đành
Có làm chi nữa cái mình bỏ đi
Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi
Chiều lòng gọi có xướng tùy mảy may
Riêng lòng đã thẹn lắm thay
3150 Cũng đà mặt dạn mày dày khó coi
Nhưng như âu yếm vành ngoài
Còn toan mở mặt với người cho qua
Lại như những thói người ta
Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa
3155 CÙNG NHỚ giở NHỤC bày trò
Còn tình đâu nữa MÀ thù đấy thôi
Người yêu ta xấu với người
Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau

Bc B

悵緣意合散尼
更舅幅錦槐幅
悵人夷及悵人
娘浪分妄缶仃
拷私美黠悵詎
貞恁缶懽黠哈
仍加欧灰燥外
吏如仍遣尋些
共洲枯辱排路
尋胺些晒貝尋

3150

3140

悲歡余溪腓尼腰高
帶烟訢美鵬挑添春
花初蜂黠余分煙悵
固夕之女丐余補珍
朝恁吟固唱隨獸恸
共缶栖惓眉釀苦鬼
群弄鵲栖貝尋朱戈
越香帶坦掖花隘務
群情晃女麻訢帝催
股僥時夷平迺負僥

81/A

- Cửa nhà dù tính về sau
 3160 Thì còn em đó lọ cầu chị đây
 Chữ trình còn một chút này
 Chẳng cầm cho vững lại giầy cho tan
 Còn nhiều ân NGHĨA chan chan
 Hay gì vầy CÁI hoa tàn mà chơi
 3165 Chàng rằng gắn bó một lời
 Bỗng không cá nước chim trời lỡ nhau
 Xót người lưu lạc bấy lâu
 Tưởng thề thốt nặng NHỮNG đau đớn nhiều
 Thương nhau sinh tử đã liều
 3170 Gặp nhau còn THIẾU bấy nhiêu là tình
 Chừng xuân tơ liễu còn xanh
 Nghĩ CHƯA CHỮA thoát khỏi vảnh ái ân
 Gương trong chẳng chút bụi trần
 Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm
 3175 Bấy lâu đáy bể mò kim
 Là nhiều vàng đá phải tìm trăng hoa
 Ai ngờ lại hợp một nhà
 Lọ là chẵn gối mới ra sắt cầm

24 A

圖施油併術葵
幹貞烱文災尼
烱親恩姜滇匕
弘浪眼啼文啞
惻尋流洛困數
侏僥生死缶穀
浣春絲柳烱撐
刻卬庄寅潛全
困數滌被槓針
埃方吏合爰茄

3160
時烱脛拓路求肺低
庄杵朱凭吏踏朱散
治之國丐花殘赤制
俸空賴諾鵠至唱僂
想誓說碾仍疔疽親
3170
還僥烱少困饒罪咳
護渚睹脫塊慄爰恩
文啞決罕同分敬添
異靺橫碇沛尋膠花
路兕禎袷買黹瑟琴

81/B

Nghe lời sửa áo cài trâm

3180 Khấu đầu lạy tạ cao thâm nghìn trùng

Thân tàn DẪN đục khơi trong

Là nhờ quân tử khác lòng người ta

Mấy lời tâm ĐẮM ruột rà

Tương tri NGHĨA ấy mới là tương tri

3185 Chở che đùm bọc thiếu chi

Trăm năm danh tiết cũng về đêm nay

Thoắt thôi tay lại cầm tay

Càng yêu vì nết càng say vì tình

Thêm nển giá nối hương bình

3190 Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh giao hoan

Tình xưa lai láng khôn hàn

Thong dong lại hỏi ngón đàn ngày xưa

Nàng rằng vì mấy đường tơ

LẠM người cho đến bây giờ mới thôi

3195 Ăn năn thì sự đã rồi

Nể lòng người cũ vâng lời một phen

Phím đàn diu dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp tiếng huyền gần xa

84 B

嗔啼所伏棋簪
身殘絃燭恢冲
余嚙心胆脾肱
遶遶標紛少之
脱催孤吏拾孤
添爆架援香肌
情初來潮坤寒
娘浪為余塘綵
唆難時事屯未
泛彈超迭孤仙

3190

叩頭禱謝高深研重
界洲君子恪悉尋些
相知菱意買咒相知
暮離名郎共術店尼
強舐為湟強離為情
共僥吏執戰瓊交歡
從容吏晦荒彈尋初
飄尋朱且碑除買催
你悉尋黠叩啞艾甫
燿沉高荷嗜眩斯車

3180

82/A

- Khúc SAO đậm ấm dương hoà
3200 Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh
Khúc đầu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình đồ quyền
Trong sao châu NHỎ duênh quyền
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông
3205 Lọt tai nghe suốt năm cung
Tiếng nào là chẳng náo nùng xôn xao
Chàng rằng phổ ấy tay nào
Xưa sao sầu thảm nay sao vui vầy
THƯƠNG vui bởi tại lòng này
3210 Hay là khổ tận đến ngày cam lai
Nàng rằng vì chút HAY chơi
Đoạn trường tiếng ấy hại người bấy lâu
Một phen tri kỉ cùng nhau
Cuốn dây từ đấy về sau cũng chừa
3215 Chuyện trò chưa cạn tóc tơ
Gà đà gáy sáng trời vừa rạng đông
Tình riêng chàng lại nói sòng
Một nhà ai cũng lạ lòng khen lao

- 44A

曲牢漂陰陽和
曲堯奄愛春情
冲牢朱泚泓消
律聰眈率鉅宮
弘浪譜意珥帟
俛孟黜在悉尼
娘浪為台台制
文番知已共僂
斜路渚泚逮繇
情貞弘夷吶崇

3200

3210

意咒瑚璉哈咒莊生
意以蜀帝哈舍杜鵑
前牢昌王藍田買冬
宵帟咒庄憎濃吶噉
初牢愁慘吟牢噉囧
哈咒苦尽旦尋井來
斷曉宵衣害尋罔數
卷縵自帝米麥共除
鵲缶蛻創歪皮縐東
文茄埃共選逕曙芳

82/B

Cho hay thực nữ chí cao

3220 Phải người sớm muộn tối đào như ai

Hai tình vẹn vẻ hoà hai

Chẳng trong chẵn NỆM cũng ngoài cầm thơ

Khi chén rượu khi cuộc cờ

Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên

3225 Ba sinh đã phỉ mười nguyên

Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bấy

Nhớ lời lập một am mây

SAI người thân THÍCH rước thầy Giác Duyên

Đến THỈ đóng cửa cài then

3230 Rêu trùm kẻ ngạch cỏ len mái nhà

Sư đà hái thuốc phương xa

Mây bay hạc lánh biết là tìm đâu

Nặng vì chút nghĩa XƯA SAU

Trên am cứ giữ hương dầu hôm mai

3235 Một nhà phúc lộc gồm hai

THIÊN NIÊN DẶC đặc quan giai lần lần

Thừa gia chẳng hết nàng Vân

Một cây cù mọc một sân quế hoè

82 B

朱怡淑女志高

3220

浦昇月樓最柳州

仁情院驪和仁

庄冲禎衿共外琴詩

欺噉醢欺句賦

欺枯花矣欺除膝蓮

毘生缶弄近原

緣堆侶共毘緣伴排

汝陞立爻庵選

差尋札戚連柴竟緣

旦時棟園棋杆

3230

養全技額乾連厝茄

師它梅夷方車

選鏤鶴另別毘學亮

礪為史姜初姿

連瀋秘符香油飲埋

爻茹福祿難仁

千年弋七官皆吝七

承家庄歇退云

文棧樛木文璘桂槐

83/A

Phong lưu phú quý ai bì
 3240 VẦY xuân một cửa để bia muôn đời
 ❧ ❧
 GẤM hay muôn sự LÀ trời
 Trời kia đã bắt làm người có thân
 3245 Bắt phong trần phải phong trần
 Cho thanh cao mới được phần thanh cao
 Có đâu thiên vị người nào
 Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai
 Có tài mà cậy chi tài
 Chữ tài liền với chữ tai một vần
 Đã mang lấy nghiệp vào thân
 3250 Cũng đừng trách lẫn trời gần CHẴNG xa
 Thiện căn ở tại lòng ta
 Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
 Lời quê NHẬT GÓP đông dài
 Mua vui cũng được một vài trống canh.

63 A

風流富貴埃皮
 唏咭同事罷至
 扒風坐沛風坐
 固堯偏為尋市
 固才麻忌之才
 奄芒椶業飽身
 善根於在恁些
 堅圭扣鞍容戩

225c

320c

圓春艾罔底碑同代
 至箕奄扒少昇固身
 朱青高買特分青高
 幹才幹禽濞濯奇仁
 幹才連貝幹灾艾賄
 共行責客墜斯庄車
 幹心箕買十匹幹才
 謨殛共特艾濞藏更

83 / B

QUÝ HỘI XUÂN		TUẾ TẠI NHÂM THÂN XUÂN NAM VIỆT GIA ĐỊNH THÀNH CƯ SĨ DUY MINH THỊ TRÙNG SAN	THIÊN TỬ VẠN VẠN NIÊN	
TINH TRANG				
HOÀNG XUÂN HẮN				

83 B

天子萬年

歲在壬申春南越嘉定城居士雅明氏重刊

癸亥春
精裝

黃志瀚

Phần thứ ba

MỘT SỐ CHÚ THÍCH CẦN THIẾT

- 1/ Như đã trình bày ở LỜI NÓI ĐẦU, mục đích của chúng tôi trong cuốn sách này là nhằm cố gắng phục nguyên cho được bản sơ thảo *Đoạn trường tân thanh* mà cụ Nguyễn Du đã cho sao ra thành một số bản vào khoảng cuối thế kỉ XVIII. Bản sơ thảo này chắc cụ còn có dịp chữa đi chữa lại trước khi qua đời, nhưng dầu sao nó cũng đã cho chúng ta thấy được một văn bản *Truyện Kiều* hầu như đã định hình một cách khá hoàn mĩ, mà lại do tự tay tác giả mới soạn ra, chưa bị đời sau thêm bớt, sửa chữa.

Muốn làm được công việc phục nguyên đó, chúng tôi đã phải dựa trên 9 bản *Kiều cổ* của thế kỉ XIX, và trước hết là dựa trên bản mà những điểm quý nhất đã được cố Giáo sư Hoàng Xuân Hãn phát hiện : bản *Kiều* do cư sĩ Duy Minh Thị đã cho khắc in ở Phật Trấn, năm 1872.

- 2/ Bản DMT là một chỗ dựa cực kì đáng tin tưởng, nhưng đồng thời đó cũng là một bản trực đặt ra rất nhiều vấn đề cần phải làm sáng tỏ trong khi sử dụng. Chúng tôi sợ dĩ phải viết thêm phần chú thích này chính là vì lí do đó. Có 5 trường hợp phải chú thích cả thảy :
- Trong bản DMT có 5 chỗ bị bỏ trống, có những kí hiệu không thành chữ lại có rất nhiều trường hợp khắc nhập những không rõ là chữ gì : những trường hợp này phải báo tin cho bạn đọc biết và phải tra cứu rồi đề xuất cách giải quyết ;

- Lại có trường hợp tuy có chữ rõ ràng, nhưng đó lại là những chữ khắc sai hần, làm mất nghĩa mất vần của cả đoạn thơ. Vậy phải nghiên cứu các khả năng sai sót thường gặp ở khâu sao chép mà ngành văn bản học đã tổng kết, như sai vì nhận diện nhầm về tự dạng, sai vì khi đọc nhầm nhớ nhầm về âm hay liên tưởng nhầm về nghĩa, v.v. Có thể mới đề nghị được những khả năng dính ngoa có cơ sở đáng tin cậy ;
- Xưa có truyền thống bắt kị húy : hễ có chữ trùng với tên vua chúa hay tên các hoàng thái hậu là bắt phải tránh âm, thay chữ khác, hay ít nhất là bắt đọc chệch âm, viết chệch dạng chữ. Vậy phải nghiên cứu tên vua chúa triều Lê Trịnh cũng như triều Nguyễn để truy tìm lại cho được những chữ vốn có của tác giả mà các lệnh kị húy đã bắt làm sai lạc đi ;
- Bản DMT có những từ ngữ cổ, những từ ngữ địa phương không dễ hiểu đối với đa số người đọc hiện nay : vậy cũng cần phải đưa cứ liệu lấy từ các loại từ điển cần thiết để làm sáng rõ ;
- Bản DMT có khá nhiều kiểu loại dị bản khác nhau : những dị bản được nhiều bản khác đồng tình ; và những dị bản bị thiếu số. Những dị bản bị thiếu số này, trên đại thể, lại có thể chia thành 2 trường hợp : trường hợp vì lí do này hay lí do nọ, về sau nhà thơ đã phải tự mình sửa chữa ; và trường hợp nhà thơ đã có chủ kiến rõ ràng nhưng chủ kiến đó đã bị đời sau không hiểu nên làm thay đổi khác hần đi. Vậy khi quyết định chọn lựa dị bản nào để phục nguyên cũng cần giải thích rõ lí do.

3/ Như vậy công việc của chúng tôi không phải là công việc chú thích về toàn bộ văn bản *Truyện Kiều*, vì việc đó đã được thực hiện trong các công trình của các nhà biên khảo trước đây. Công việc của chúng tôi trong phần này chỉ là nhằm giải thích làm sao để đông đảo độc giả thấy được cách thức đi từ các bản *Kiều* cổ, nói chung, và đi từ bản *Duy Minh Thị*, nói riêng, để đến được bản phục nguyên mà chúng tôi đề nghị.

TRANG 2 / A

0002 : – Ở DMT là TÀI SẮC, hai chữ này đã được Nguyễn Thiện noi theo khi nhuận sắc *Hoa Tiên*. Nhưng sau tác giả đã đổi TÀI SẮC thành TÀI MỆNH để cho ăn khớp với đoạn kết luận :

Có đâu thiên vị người nào

Chữ tài chữ mệnh dồi dào cả hai

Có tài mà cậy chi tài !

– Nhưng CỘT NHAU hay GHẾT NHAU ? Trong *Quảng tập viêm văn* (1898) E. Nordemann in CỘT, vậy phải chăng cuối thế kỉ XIX nhiều người đọc như vậy ? Cần cân nhắc : GHẾT NHAU thì sát với TƯƠNG ĐỐI trong TÀI MỆNH TƯƠNG ĐỐI hơn, nhưng CỘT NHAU thì cũng có cái hóm hỉnh của nó.

0008 : Trước kia LỤC cũng là một từ độc lập như TRUYỆN, nói CÓ TRUYỆN được thì nói CÓ LỤC cũng được. Chỉ hiện nay thì LỤC mới mất tư cách là từ và trở thành một hình vị.

0012 : NGHĨ CÙNG = vốn cùng. Trong TKMLGA, BẢN, BỐN (= vốn) cũng dịch là NGHĨ, ví dụ ở chuyện *Người con gái Nam Xương* : SINH BẢN TÍNH XAI KỊ = Song người Trương sinh tính NGHĨ (= vốn) nhiều ngờ.

0014 : CHỮ là “tên chữ” (theo TVVL), đối lập với loại “tên tục, tên mẹ đẻ” (theo HTC) hoặc các lối gọi Nôm khác (gọi theo tên con, gọi theo chức vụ, v.v.). VƯƠNG QUAN không phải là TỰ vì trong TỰ không có họ. Hơn nữa, TỰ thì thường phải nói TỰ là, ví dụ như nói “Cụ Nguyễn Du TỰ là Tố Như”.

0020 : – TƯ PHONG đã được LVD in thành KHUÔN TRẮNG. KHUÔN TRẮNG mới đối chỉnh với NÉT NGÀI ở sau được. Vậy chắc LVD đã tiếp thu được sự tự nhuận sắc của tác giả.

– Trong HTC, cuối thế kỉ XIX, NỞ NANG còn có nghĩa là “nở ra tươi tốt ; đẹp đẻ”.

– Hai chữ NÉT, NGÀI đều khắc không chuẩn.

TRANG 2 / B

0022 : – DMT dùng KHOA 誇 ghi KHUA > THUA theo tiền lệ KHOÁ > KHỦA > THỦA. Phải chăng đây là lối viết Nôm của tác giả ? Các nhà nho xưa đều như vậy cả : họ chỉ được học chữ Hán, rất có thể khi viết Nôm nhiều chữ họ phải tự nghĩ ra. Nhưng nay thì ở TVK cũng đã ghi nhận khả năng ghi THUA bằng KHOA.

– Chữ DA 𢇛 bị khắc nhầm thành LỪNG 𢇛, làm mất vần.

0023 : Ở bản sơ thảo vốn là VÂN XEM ... rồi KIỀU XEM Về sau ở các bản miền Bắc đổi KIỀU XEM > KIỀU CÀNG. Nói KIỀU CÀNG thì có sợ gây ấn tượng rằng Thuý Vân cũng sắc sảo, tuy ở một mức độ ít hơn ? Không biết có phải cụ Nguyễn Du tự chữa lại không, vì cụ có ý đối lập 2 tính cách : Vân thì trang trọng, Kiều thì sắc sảo !

0025 : – LÀN 瀾 ở DMT đổi thành HUƠNG 香 để kị húy.

– Chữ NÉT 𣎵 khắc thành chữ ĐÓN 痘, nên có người đọc VẾT 疔. Nhưng nếu tách bộ NẠCH (tức KHUNG BỆNH 疒) thành một phần làm thành 3 chấm THỦY (冫) thì còn lại đúng 5 nét ngang và chỉ thiếu một số đứng nhỏ là thành chữ NÉT. Vậy chắc là chữ NÉT khắc nhầm thành ĐÓN. Vả lại VẾT thường đưa đến một hình tượng không đẹp (VẾT BẮN, VẾT THƯƠNG, TÌ VẾT...), còn NÉT thì đẹp hơn (NÉT VẼ, NÉT BÚT, NÉT MẶT...). NÉT CHỮ đã được A. de Rhodes đưa vào từ điển 1651.

0026 : Chữ GHEN 慳 khắc nhầm thành chữ TÍNH 性.

0028 : – TRỌI MỘT là dịch Nôm từ 2 chữ ĐỘC NHẤT. Trong TKMLGA có hai chữ ĐỘC BỘ với ý nghĩa tượng tự và cũng được dịch thành TRỌI MỘT (trong truyện Tây viên kì ngộ kí từ 62b, quyển 1, dòng 3). Cách hiểu TRỌI = ĐỘC có thể thấy ở các từ điển, ví dụ : TRỌI = chơ vợ chỉ có một mình (ở TĐTV/VT) ;

TRỞ TRỢI = lẻ loi một mình (ở TĐTV/HP) ; NGÔI TRỢI = assis tout seul, tức “ngồi một mình” (P. Schneider), v.v.

– ĐÔI, trái lại, không có nghĩa nào tương đương với ĐỘC của tiếng Hán. Những nghĩa còn lại cũng không có thể tạo ra được kết cấu ĐÔI MỘT mà phù hợp với văn cảnh đang xét. Thà dùng ĐÔI với nghĩa là “đòi hỏi” rồi nói SẮC ĐÀN ĐÔI NHẤT thì còn có phần dễ hiểu hơn.

0030 : – Chữ PHA 坡 khác nhằm thành PHI 披 !

– Dùng THƯ HOẠ là đúng, vì Kiều có tài viết chữ đẹp, được ngay cả Hoạn Thư tán thưởng :

Khen rằng bút pháp đã tinh

So vào với thiếp Lan Đình nào thua

THƯ HOẠ chắc nhiều vùng đọc thành THƠ HOẠ rồi cuối cùng đã đổi nhằm thành THI HOẠ : đổi thế thì vừa bỏ mất tài thư pháp của nàng Kiều vừa gây trùng lặp giữa THI và CA NGÂM ở sau.

0031 : NĂM ÂM sau bị các bản Hán hoá thành NGŨ ÂM.

0032 : Theo cụ Đào Duy Anh, TRƯỜNG 張 là động từ chuyển thành từ chỉ đơn vị. Vậy nói HỒ CẨM MỘT TRƯỜNG thì cũng như nói KHOAI LANG MỘT GÁNH, LÚA NẾP MỘT BÓ, v.v.

0033 : – XOANG là thuật ngữ âm nhạc, chỉ “điệu hát, điệu đàn” (Đào Duy Anh). Dùng XOANG thì mới đi đôi với KHÚC ở trước được ; KHÚC cũng là một thuật ngữ âm nhạc.

– Trong câu, chữ LỰA dùng một chữ 扐 có thể đọc LỰA nhưng thường hay đọc SO hơn. Lí do : thanh phù (viết tắt) là một chữ có thể đọc LỰ mà cũng có thể đọc cả LỒ. Nếu muốn thật chuẩn thì nên chọn thanh phù LỰ hay LỬ thay vì LỰ.

0036 : TỐI TUẦN CẬP KÊ = tới tuổi 15 : Kiều ở ~~tuổi ấy~~ sao xử sự được như vậy ? Và cậu bé Vương Quan mới 13 ~~tuổi sao~~ có thể là bạn thân của một chàng trai 20 tuổi như Kim Trọng ? Trong TTTN,

Kim Trọng còn gọi Vương Quan là “tôn huynh” ! Và chị em Kiều được mô tả là đang độ thanh xuân. Vậy TRÊN TUẦN CẬP KÊ hợp lí hơn nhiều. Bản DMT/1872 khắc nhầm TRÊN thành LÊN, ADM đã đính ngoa lại.

0037 : Hai bản Huế đều in ÊM NIÊM : cũng có nghĩa. Nhưng chắc đó là cách ghi Nôm của ÊM ĐỀM, vì các bản khác không dùng chữ NIỆM/NIÊM nữa mà gia thêm một bộ thủ vào.

0039 : Các bản miền Bắc đổi NGÀY XUÂN thành TIẾT VỪA.

0040 : Chữ CHÍNH viết là CỬU, vậy phải đọc theo nghĩa.

TRANG 3 / A

0041 : Theo VBL, TẬN = hết ; còn TẠN = vượn tới, chạm tới. Cuối thế kỉ XIX, HTC còn cho ví dụ TẠN MẶT, TẠN TRỜI, TẠN CHƠN TRỜI. Nhưng nay TẠN hình như đã mất, cùng nhập một với TẬN. Vậy nếu đọc TẬN thì cũng được.

0043 : NGÀY BA : trước kia chúng tôi tưởng nhầm là in sai. Nhưng trong ngôn ngữ dân gian, khi nói về 2 mùa giáp hạt, nói THÁNG BA NGÀY TÁM cũng được mà nói NGÀY BA THÁNG TÁM cũng được (xin xem TĐTV/HP). Vậy trước hai con số 3 và 8, nói NGÀY có thể hiểu là THÁNG và nói THÁNG cũng có thể đổi thành NGÀY. Chắc trong nguyên tác, nhà thơ thích lối nói dân gian hơn, rồi các bản in về sau chữa lại thành THÁNG BA cho dễ hiểu.

0044 : – Chữ HỘI khắc thành chữ thường đọc là GỘI ;

– Chữ THANH khắc nhầm thành chữ TÌNH !

0048 : NEN 拵 = chen, chèn. Trong Từ điển tiếng Nghệ, Trần Hữu Thung và Thái Bá Đinh còn cho ví dụ PHẢI NEN CHO CHẶT. Từ động từ NÊM ta có danh từ CÁI NÊM, thì ở đây cũng vậy : có thể nói “dùng vài CÁI NEN mà nen cho chặt”.

0050 : – Ở Huế đổi TÀN thành TIỀN để đổi với VÀNG cho chỉnh.

– Thơ lục bát thích nhịp đôi, nên chẳng là đọc thành THOI, VÀNG BỬA RẮC ; TRO, TÀN DẤY BAY ?

Ở các hàng mã, bạc thoi, vàng thoi thường gọi tắt là THOI ; bạc giấy, vàng giấy, tiền giấy thường gọi tắt là BẠC, VÀNG, TIỀN. Vậy THOI không phải chỉ là từ chỉ đơn vị như trước kia chúng tôi tưởng mà còn là từ chỉ một loại hàng mã.

– THOI và VÀNG BỬA RẮC : theo HTC, BỬA có nghĩa là “vãi ra khắp chỗ” còn RẮC có nghĩa là “cho xuống lải rải, rải đều” ;

– TRO và TÀN DẤY BAY : theo HTC, DẤY BAY có nghĩa là “cất mình nổi lên trên không và đưa theo chiều gió”.

– Trong chữ Nôm GIẤY, DẤY nhiều khi không phân biệt nhau : có chữ VVK đọc GIẤY nhưng TVK lại đọc DẤY.

0051 : Chữ TÀ đầu câu này, chữ BƯỚC đầu câu 0053, chữ NAO đầu câu 0055 đều bị mờ, phải so với các bản khác mới phục nguyên được.

0052 : – Chữ THẮN chép theo lối hơi đặc biệt. Khắc THA THẮN nhưng theo TVK phải đọc THỜ THẮN như trong TVVL, và trong HTC (tra chữ THẮN).

– Ghi GIAN // DAN là theo lối nói cổ (HP) : Chắc đó là lối nói tránh tên húy chúa Trịnh Giang ; nay thì thường hay nói GIANG // DANG.

Hai bản LNP, KOM sau đã chọn cách ghi đọc với âm - NG ở cuối.

0056 : Bản DMT khắc in NHỎ NHỎ, bản LVĐ lại khắc in NHO NHỎ, điều đó đặt ra một vấn đề phải suy nghĩ.

– Nói chung việc lấy từ ở Kiều cũng có những nét gần như hiện nay : hiện nay có thể lập mà vẫn là 2 từ đơn (so sánh NƯỚC ĐI ĐI MÃI / NỔI RIÊNG RIÊNG TRẠNH...) khác với trường hợp lập để tạo dạng song tiết. Dạng song tiết lại có 2 khả năng : có thể lập nguyên tiếng gốc (ss. XANH XANH, ĐỎ ĐỎ, ăn nghe CHÁT CHÁT, màu đã hơi BẠC BẠC, RÀNH RÀNH ở DMT, DẶC DẶC

ở LVD...) mà cũng có thể vừa lập vừa biến thanh, biến vận tiếng trước (như THẮM THẮM, THON THỐT, SÂM SẬP....).

– Nhưng có sự khác nhau như sau : ở Quốc ngữ để tiếng gốc ở sau, trong chữ Nôm thường để tiếng gốc ở trước rồi ghi thêm dấu lập ở sau (ví dụ THẮM + dấu lập ở câu 0910, VẶC + dấu lập ở câu 0449) tuy đôi khi cũng ghi đủ cả 2 tiếng gốc (ví dụ DẶC DẶC ở câu 3236 bản LVD, hoặc RÀNH RÀNH ở câu 2047 bản DMT).

Vậy khi phiên Nôm nên phiên như thế nào ? Nhiều người đề nghị : cứ phiên theo thói quen hiện đại. Nhưng xét kĩ không phải là không có những điều đáng băn khoăn. Không lẽ 2 dấu lập lại cho là quan trọng hơn và phiên chúng thành THẮM, VẶC còn hai chữ gốc đặt ở trước là THẮM và VẶC lại cho là không quan trọng bằng và có thể biến đổi khác đi, thành THẮM và VẶNG ? Trường hợp DẶC DẶC lại càng khó nghĩ hơn : viết như nhau, nghĩa như nhau sao lại phiên khác nhau thành DẶNG và DẶC ?

– Mà đó là chưa nói đến một điều vô cùng hệ trọng : nhiều nhà văn nhà thơ cho rằng không phải bao giờ NHO NHỎ cũng hay hơn, hay ít nhất cũng là tương đương như NHỎ NHỎ. Ở bài *Thơ duyên*, Xuân Diệu vẫn không chọn NHO NHỎ mà viết :

Con đường NHỎ NHỎ GIÓ XIÊU XIÊU

Còn Huy Cận thì kiên quyết bảo lưu dạng lập ĐIỆP ĐIỆP cũng như Tố Hữu kiên quyết bảo lưu dạng lập KHÁC KHÁC trong hai câu thơ nổi tiếng của hai ông :

Sóng gợn tràng giang buồn ĐIỆP ĐIỆP (Huy Cận)

Huế trăm mặc hôm nay sao KHÁC KHÁC (Tố Hữu)

Chúng tôi đã từng có dịp trao đổi cùng hai ông và biết rõ ý kiến của hai ông : đổi ĐIỆP ĐIỆP thành ĐIỂM ĐIỆP hay đổi KHÁC KHÁC thành KHANG KHÁC là câu thơ hỏng !

– Thế thì tiện nhất có lẽ là phải chia thành hai bước :

+ Ở bước phiên âm cái cần nhất là phải phiên đúng theo mặt chữ, phải tôn trọng đặc điểm cổ xưa của nền văn tự Nôm cũng như của các văn bản Nôm : cứ phiên NHỎ NHỎ, cứ phiên VẶNH

VẠNH ; cứ phiên SẬP SẬP, cứ phiên BẮT BẮT, cứ phiên CHẾCH CHẾCH, cứ phiên VẶC VẶC, v.v. theo một nguyên tắc thật nhất quán.

+ Rồi đến bước phân tích, thưởng thức của giới văn học : đây mới là bước ở câu nào, ở văn cảnh nào nên quyết định chọn biến thể phát âm nào cho phù hợp nhất : biến thể có tiếng đầu còn giữ nguyên thanh TRẮC, còn giữ nguyên các âm tắc -P, -T, -CH, -C (như NHỎ NHỎ, ĐIỆP ĐIỆP, KHÁC KHÁC...) hay biến thể tiếng đầu đã chuyển sang thanh BẰNG, cũng như đã chuyển sang các âm mũi -M, -N, -NH, -NG tương ứng (như THUI THUI, CẦM CẬP, THON THỐT, CHÊNH CHẾCH, DẰNG DẶC...).

Cùng một văn bản Nôm Truyện Kiều nhưng công việc của người phiên Nôm không thể nào có thể thay thế hẳn được cả công việc chuyên môn của giới Kiều học.

0057 : Có 2 cách viết Nôm, chắc lúc đầu đều đọc SỜ SỜ 除除 (thanh phù Sĩ và thanh phù TRỪ đều có thể đưa đến Hán Việt Ư cả). SỀ SỀ 荏荏 chắc mới đổi về sau.

0058 : DẦU DẦU chứ không phải RẦU RẦU. DẦU có nghĩa là : héo, úa.

TRANG 3 / B

0061 : Ở DMT vốn là CHÀNG VƯƠNG, tuy VƯƠNG khắc nhầm thành KIM. Các bản về sau đổi CHÀNG VƯƠNG thành VƯƠNG QUAN.

0063 : Chữ NỔI bị mờ, phải tra các bản khác để phục nguyên.

0064 : – SÁN QUANH có nghĩa là “do bị thu hút mà đến ngay gần, đến sát bên” (TĐTV/HP). Về sau các bản đều chữa thành XÔN XAO.

– Chữ KIỆM 儉 nên đọc KÉM hay HIẾM ? Tạm để theo ĐDA, vì KÉM cũng có nghĩa là “thiếu”.

0068 : Ở DMT khắc MẶN nhưng các bản về sau đổi thành NƯỚC.

0071 : Chữ NGẮT, chữ NGẮT có thể viết như nhau : 𠂔 LẠNH NGẮT hợp lí hơn LẠNH NGẮT.

0075 : THÀ khắc theo âm xưa là THỀ. THÀ = đành phải chịu chấp nhận. Chữ CHẪNG không phủ định mà chỉ có tác dụng nhấn mạnh, CHẪNG THÀ = hẳn đành phải chịu chấp nhận. Hiện nay vẫn vậy, so sánh THÀ NHƯ THẾ CÒN HƠN = CHẪNG THÀ NHƯ THẾ CÒN HƠN (TĐTV).

Còn nếu muốn hiểu chữ CHẪNG với ý nghĩa phủ định thì phải đổi chữ THÌ của câu 0076 thành THÀ để có kết cấu đối lập THÀ... với CHẪNG THÀ...

Nói một cách nôm na thì chúng ta sẽ có :

– Ở cách hiểu đầu là : Chuyện không có duyên trước ĐÃ ĐÀNH PHẢI CHỊU CHẤP NHẬN THÌ phải có tí gì để gọi là sẽ có duyên sau.

– Ở cách hiểu sau là : Chuyện không có duyên trước ĐÃ KHÔNG THỂ CHỊU CHẤP NHẬN ĐƯỢC THÌ ĐÀNH PHẢI CHỊU CHẤP NHẬN chuyện có tí gì để gọi là sẽ có duyên sau.

Chúng tôi ngờ rằng nhà thơ hiểu theo cách 2, nhưng đời sau đã chuyển sang hiểu theo cách 1.

Do đó chúng tôi phục nguyên CHẪNG THÀ..... THÀ. Nói một cách khác, chữ đầu câu 0076, chúng tôi không đọc THÌ mà đọc THÀ.

0076 : ĐÍCH = chút xíu (TĐTN)

0077 : GIẤY 紙 đọc theo nghĩa. Theo TVKY, NÍP GIẤY là “rương để đồ minh khí”, tức đồ mã dùng trong việc tang tế. CHÂU = sơn, XE CHÂU là xe tang sơn màu đỏ. Rõ ràng NÍP GIẤY XE CHÂU hợp với đám tang Đạm Tiên hơn, vì bình dị hơn NẾP TỬ (= quan tài bằng gỗ tử tức gỗ thị) và XE CHÂU (= xe có trang sức hạt châu, hạt cườm, chỉ cái linh xa” – ĐDA).

0078 : Chữ VÙI khắc không chuẩn.

TRANG 4 / A

- 0081 : Trong TVVL 1772-1773, MỎN viết như MÒN (BỆNH + MÔN 疴) và được giải thích là “đuối sức”. J.F.M. Génibrel, HTC đổi chữ MỎN sang bộ KHẨU (theo J.L. Taberd !) nhưng vẫn giải thích là “yếu đuối” (s'affaiblir), “hết khí lực”. Génibrel còn dẫn cả câu Kiều này để làm ví dụ cho cách dùng chữ MỎN. Tuy nhiều bản thấy tự dạng đổi khác trước nên đổi cả cách đọc từ MỎN sang MỐI, nhưng TVKY vẫn đọc MỎN.
- 0082 : – Nên đọc THOẠT THOẮT hay đọc THOẮT THOẮT ?
– Bản DMT khắc nhầm thành CHÂU SA ĐẦM ĐẦM, mất vần với cả câu trên câu dưới !
- 0092 : KIỂM MỘT VÀI NĂM HƯƠNG để làm gì ? Không rõ mục đích ! Cụ Hoàng Xuân Hãn đọc CẮM thì có cơ sở vừa về cách hiểu vừa về cách đọc : đã có tiền lệ đọc IÊM thành ẨM như dùng YÊM ghi ẨM, dùng CHIÊM, TRIÊM ghi CHĂM (TVK), hoặc dùng NIÊM ghi NẮM (NQX-VVK). Cái TẨM xĩa răng cũng nói và viết là TIÊM.
- 0096 : CÁO là tiếng Nghệ Tĩnh, với nghĩa là “cúng bằng lòng thành” (TĐTN).
- 0097 : Chữ VÙNG khắc không chuẩn, trông gần như chữ BUỒNG.
- 0098 : KOM đổi thành BÔNG LAU là không đúng : loài lau lách chỉ ra hoa mùa thu, tiết Thanh minh chúng chỉ có NGỌN LAU. Chữ LAU khắc không chuẩn.

TRANG 4 / B

- 0101 : DMT, TVKY in MÊ MẢI có lẽ theo bản sơ thảo. Nhưng chắc sau tác giả chữa lại nên LVD in MÊ MẮN. Và đến lần tái bản năm 1911, TVKY cũng đổi thành MÊ MẮN.

0106 : KHÉO hay CŨNG ? Về trường hợp này có thể có 2 khả năng :

– Chữ KHIÊU 挑 (trong KHIÊU CHIẾN) theo *Vận thư* thì đúng ra phải đọc KHIỂU vì thuộc thượng thanh. Do đó nó đã dùng để ghi Nôm chữ KHỂU (TVK). Chắc tác giả đã dùng chữ ấy để ghi KHÉO (theo tiền lệ như LIỂU > LỂU > LÉO) nên sau mới bị bản DMT sao nhầm thành CŨNG 拱, do tự dạng gần nhau. Còn các bản khác thì chép theo chữ KHÉO 窖 thường dùng.

– Trong sơ thảo tác giả còn viết CŨNG, DMT chép theo như thế. Sau tác giả đổi lại thành KHÉO nên đa số các bản về sau cũng chuyển sang dùng dị bản KHÉO. Nguyên nhân chưa rõ, nhưng nên phục nguyên KHÉO như ở LVD.

0112 : Chữ VẬN khắc tắt, theo lối giản hoá trong ruột.

0119 : Chữ KỊP khắc không chuẩn, bộ TÚC còn lại bộ KHẨU, trông như chữ HẤP 吸 !

TRANG 5 / A

0121 : GIỮ // RŨ = làm động tác rung, lắc mạnh cho rơi (theo TĐTV). Chắc câu này đã kinh qua 4 bước diễn biến : 1) GIÓ LỐC > 2) GIỮ LỘC > 3) ĐỔ LỘC > 4) TRÚT LỘC.

– Gạt bỏ GIÓ LỐC là để tránh trùng lặp vì ở câu 0120 trước đó đã có TRẬN GIÓ ;

– Chuyển từ danh từ GIÓ sang động từ GIỮ là để gần tự dạng, dễ chứa ; hơn nữa có kết cấu GIỮ + LỘC thì mới sóng đôi với kết cấu RUNG + CÂY ở sau được.

– Còn từ GIỮ LỘC sang ĐỔ LỘC rồi TRÚT LỘC là thay cách nói cùng kiểu kết cấu, nhưng có nghĩa càng về sau càng mạnh hơn.

Không biết cụ Nguyễn Du đã tự chữa đến bước nào ? Chắc là mới đến GIỮ hay ĐỔ. Chúng tôi nghiêng về GIỮ LỘC vì dị bản đó còn gần với GIÓ LỐC hiện thấy ở DMT và QVD.

0139 : Chữ cuối câu có thể đọc CHỖN hay DỖN 瘠, nhưng với nghĩa “mệt mỏi”, “dễ gãy”, 2 chữ đó không ăn khớp với văn cảnh. Vậy phải hiểu theo nghĩa DỖN là “có vẻ đẹp khoẻ mạnh”. Theo chính tả hiện nay, DỖN chuyển sang cách viết GIỖN.

0140 : MÙI ở tiếng Nghệ Tĩnh cũng có nghĩa là “màu” (TĐTN).

TRANG 5 / B

0143 : HAI VĂN 鞋 文 bị khắc nhầm thành GIAI NHÂN 佳人, vì dáng chữ cũng có phần hơi gần nhau.

0146 : Nói HAI KIỀU E MẶT là để đối lập lại chuyện CHÀNG VƯƠNG QUEN MẶT ở trên.

0153 : CHUNG QUANH khắc thành ĐÔNG QUANH 冬觥. TVKY đọc ĐÔNG QUANH nhưng vẫn chú giải đúng, không rõ tại sao.

0154 : CHU THÂN 周親 có nghĩa là “chí thân” (Từ Hải). Chữ CHU 周 khắc nhầm thành chữ ĐỒNG 同.

Có lẽ cách đính ngoa ĐỒNG THÂN thành CHU THÂN là cách đính ngoa dễ được chấp nhận hơn cả, so với các dị bản TƯƠNG THÂN và SONG THÂN của Huế : vì CHU và ĐỒNG có tự dạng rất gần nhau. Phải gạt ĐỒNG THÂN vì không hợp nghĩa

0157 : BUÔNG THEU 籬 紉 hay BUÔNG ĐIỀU 籬 桃 ? NGUỒN ĐÀO 源 桃 ? Theo nhà Kiều học Phan Anh Dũng thì : Chữ THEU có thể vốn là chữ ĐÀO / ĐIỀU nhưng do kị húy tên vua Lê nên đổi bộ MỘC thành bộ MỊCH (cũng gọi là bộ MIÊN).

Cũng vậy, chữ BUỒNG có thể là chữ dùng để thay chữ NGUỒN khi kị húy tên chúa Nguyễn Phúc Nguyên.

– Việc phục nguyên lại ĐÀO / ĐIỀU được 4 bản miền Bắc và bản KOM ủng hộ ; việc phục nguyên lại chữ NGUỒN thì chỉ thấy ở một bản : bản LNP.

– Chúng tôi cho rằng khả năng kị húy ĐÀO / ĐIỀU thành THÊU là khá chắc, nên 5 bản trở lại BUỒNG ĐIỀU là phải. Còn chuyện bỏ BUỒNG trở lại NGUỒN thì vị tất đã nên theo, vì :

+ Theo lệnh thì từ năm 1825 NGUỒN không phạm húy nữa, có thể bỏ BUỒNG để phục nguyên trở lại NGUỒN, nếu nó đúng là chữ có trong nguyên tác. Sao không bản nào làm như vậy, ngoài một mình bản LNP ? Bản KOM cũng gốc Huế, cũng biết rõ chuyện kiêng húy, sao cũng không trở lại NGUỒN ? Vậy chắc LNP chọn NGUỒN là theo sở thích chứ không phải phục nguyên lại một chữ của nguyên tác bị lệnh kị húy bắt thay đi !

+ Trước những địa danh chỉ nơi có tiên ở ít ai dùng con số : không ai nói 2 THIÊN THAI, 3 ĐÀO NGUYÊN, v.v. Vậy MẤY NGUỒN ĐÀO cũng là một cách nói khó có thể chấp nhận.

+ Tóm lại, nếu không theo BUỒNG THÊU của DMT, TVKY, ADM thì chỉ nên theo BUỒNG ĐIỀU // ĐÀO hiện đã có mặt ở 5 bản.

TRANG 6 / A

0162 : Vì kị húy chữ LAN 蘭 tên mẹ cả Gia Long nên lệnh năm 1803 bắt đổi thành HUƠNG 香. Nay phục hồi lại LAN theo nguyên tác.

0166 : RỖN NGỒI chắc là sai vì ở nghĩa địa lẽ nào Kim Trọng ngồi ! Và trong TTTN cũng chỉ nói “không tiện đứng lâu”. Rất có thể trong nguyên tác vốn là một từ gì đấy, hợp nghĩa và có tự dạng gần chữ NGỒI nên khi sao chép, in khắc bị lẫn lộn. Đề nghị giới nghiên

cứu tiếp tục tìm hiểu để giải quyết. Riêng chúng tôi, chúng tôi thấy trong Hán văn có những chữ như CHẾ (đọc Nôm là CHƠI), LIỆU (đọc Nôm là LIỄU)... đôi người viết đã thảo trông cũng khá gần với NGỒI. Vậy nên chẳng là tạm thời đọc thành :

Rốn liều chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn

hoặc :

Rốn chơi chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn ?

Trong chữ Nôm, chữ LÂU cũng có khi viết gần giống như chữ NGỒI. Vậy cũng nên nghĩ đến cả khả năng “Rốn lâu chẳng tiện, dứt về chĩnh khôn”.

0169 : Câu này và câu sau dựng lên 2 cảnh sóng đôi nhau : DƯỚI CẦU thì... / BÊN CẦU thì... rồi sau đó tiếp đến sự sóng đôi DẢI NƯỚC thì... / TỜ LIỄU thì.... Đối DẢI NƯỚC thành NƯỚC CHẢY thì mất phần nào thế sóng đôi nhau đó.

0170 : THA RA là cách ghi Nôm miền Nam của THA LA. Từ cổ này đã có trong thơ Hồng Đức, trong *Chinh phụ ngâm*, với nghĩa là “rủ nghiêng nghiêng trên mặt đất” (TĐTC).

0173 : Viết VĨNH VĨNH 永永 thì nên đọc là gì ? Đọc VẮNG VẮNG thì không hợp về nghĩa, mà đọc VẮNG VẶC thì trái quy luật chữ Nôm : nếu là VẮNG VẶC thì xưa phải ghi thành VẶC VẶC ! Chúng tôi tạm đọc VẠNH VẠNH. Trắc VẠNH VẠNH không mâu thuẫn gì với tiết Thanh Minh : Tiến sĩ Lê Thành Lân, chuyên gia về lịch pháp, cho biết cách đây 5 năm, năm 2001, ngay đúng ngày Thanh minh cũng đã là 13 âm lịch ! Vả lại, theo Tiến sĩ, trong tiết Thanh minh, các gia đình có thể chọn một ngày không nhất thiết phải đúng vào ngày đó để làm lễ tảo mộ. Khả năng tổ chức lễ tảo mộ và hội Đạp thanh vào một hôm trăng tròn là khả năng có thể có.

0175 : Chữ LÃ khắc Nôm hơi lạ nhưng có ở TVK.

0177 : – ĐĂM ĐĂM cho thấy có sự tập trung chú ý hay tập trung tư tưởng. Có điều đó mới dẫn được đến chuyện miên man suy nghĩ ở

trong 4 câu 0179, 0180, 0181, 0182 sau đó ; DMT ghi ĐĂM theo lối giản hoá, cũng như ở câu 2248 sau này.

– NGẮM BÓNG HOA đúng hơn NGẮM BÓNG NGA vì có sự tiếp nối tự nhiên với chuyện nhìn thấy CÂY, nhìn thấy NGỌN, nhìn thấy CÀNH ở 3 câu trước đó.

TRANG 6 / B

0186 : Về trường hợp này chúng tôi có 4 dị bản : TỰA NGỒI như ở LVB, TỰA NƯƠNG như ở bản phiên Nôm KOM, TỰA HOA như ở VNB-60 và TỰA LOAN như ở DMT. Nguyễn Bá Triệu đã có bình luận về 3 dị bản đầu :

- Phải nói NGỒI TỰA. Không ai nói TỰA NGỒI, đảo ngữ, ép chữ, nghe khó xuôi.
- TỰA có nghĩa là NƯƠNG rồi. Thừa một chữ.
- TỰA HOA xuôi tai hơn.

Chúng tôi có nghĩ đến 2 khả năng :

– TỰA là một động tác cụ thể của Kiều : trong thực tế Kiều đã có thể TỰA MÌNH, TỰA LUNG, hay TỰA TAY. Trong văn thơ cổ có lối nói bóng bẩy : “đánh người con gái” thì nói DẬP LIỄU, Kiều “tắm mình” thì nói TẮM HOA, v.v. Vậy tựa mình, tựa lưng, hay tựa tay bên triện cũng có thể nói cho đẹp là TỰA LAN BÊN TRIỆN.

Và ở Nam Bộ, QUÀNG XIÊN viết thành QUÀNG XUYỀN được thì TỰA LAN cũng có thể khắc thành TỰA LOAN được.

– Kiều bị rơi vào giấc ngủ một cách tạm bợ, không đúng chỗ : thì trong tiếng Việt có chữ LANG với nghĩa ấy : NÀM LANG, NGỦ LANG, ĐỂ LANG, LANG CHẠ... Vậy TỰA LANG BÊN TRIỆN có thể hiểu là TỰA TẠM BỢ BÊN TRIỆN. Không phải ngẫu nhiên mà KOM viết THỦ + LƯƠNG // LANG chứ không viết

NUỜNG ! Còn trong Nam thì LANG, LAN, LOAN phát âm rất gần nhau.

– Giữa TỰA LAN (> LOAN) và TỰA LANG, chúng tôi tạm chọn khả năng đầu.

0190 : LĂNG ĐĂNG = ở trạng thái di động chậm chạp, nhẹ nhàng, khi ẩn khi hiện, khi gần khi xa, mờ mờ ảo ảo (TĐTV).

0191 : ĐON = sẵn đón, thăm chừng (HTC).

TRANG 7 / A

0206 : 𢦏 – Thanh phù VĨ cho phép đọc nhiều cách : VÊ, VỄ, VẦY...

Nhưng cũng như ở trường hợp câu 0403 : *Tay tiên gió tấp mưa sa* hoặc câu 1453 : *Nàng vâng cất bút tay đề* ; ở đây rõ ràng cần nói đến một động tác của bàn tay chứ không phải nói đến một dáng vẻ của nó. Vậy phải chọn VỄ hoặc VẦY. Ở từ ghép VỄ VỒI thì phải dùng VỄ như trong BẦY VỄ.

Nhưng sau mấy chữ TAY TIÊN MỘT... thì chắc dùng VẦY là từ hợp lí hơn cả.

0207 : Chữ đầu khắc không chuẩn, nhưng đọc THẮC THỎM như TVKY là đúng. Về nghĩa, HTC và VNTĐ đều giảng theo nghĩa cổ : THẮC THỎM là chỉ “cái bộ thềm muộn”. Nói Đạm Tiên thềm được cái tài như Kiều là điều dễ hiểu. Và THẮC THỎM không mâu thuẫn với 2 chữ KHEN THẨM ở sau, như NỨC NỞ ! Hiện nay, theo HP, THẮC THỎM đã chuyển sang nội dung khác hẳn và trở thành đồng nghĩa với THẤP THỎM !

0208 : – Chữ GIÁ 價 ở đây có nghĩa là “cái giá trị, cái phẩm chất”.

– Chữ ĐÀNH ở đây không phải là chữ ĐÀNH với nghĩa là “miễn cưỡng bằng lòng” (HP). Xưa RÀNH RÀNH có thể nói thành ĐÀNH RÀNH (TVVL, HTC, TĐPN) và ĐÀNH tức là một biến thể của chữ RÀNH với nghĩa là “rõ ràng, chắc chắn”. Ngoài ra ở

Nghệ Tĩnh, RÀNH còn có nghĩa là “chỉ thuần một loại, chỉ toàn là” (TĐPN). Vậy cần xét tiếp nên chọn nghĩa nào cho cả câu :

+ Nên chọn nghĩa 1 : Giá trị RỔ RÀNG LÀ tú khẩu, cảm tâm khác thường.

+ Hay chọn nghĩa 2 : Giá trị TOÀN LÀ tú khẩu cảm tâm khác thường.

Riêng ở câu này, chúng tôi thiên về chọn nghĩa thứ hai.

0209 : Chữ ĐEM khắc không chuẩn : trông giống chữ THÂM ở câu 0207 trước đó.

0212–0213 : Trong 2 câu có 3 lỗi về chữ Nôm : CẨM khắc gần như Ở ; TỰ khắc nhầm thành chữ TÀ ; SỊCH khắc thiếu bộ THỦ.

0216 : Chữ DƯỜNG ghi theo cách phát âm NHƯỜNG.

0217 : Tự dạng chữ LƯỜNG phản ánh một cách ghi có ý thức theo tiếng Nghệ Tĩnh : một mặt dùng thanh phù LƯỢNG (có dấu NẶNG), một mặt lại thêm dấu cá nháy !

0219 : Thanh phù KIẾT thuộc thanh mẫu KIẾN, khai khẩu, nhị đẳng : yậ ghi GIAT đúng hơn DẠT, tuy rằng từ điển hiện đã chấp nhận cả 2 cách ghi.

0220 : Chắc câu vốn được sơ thảo : BIẾT ĐẬU, MÌNH BIẾT PHẬN MÌNH, THẾ THÔI. Các bản về sau đã đổi thành kết cấu BIẾT DUYÊN MÌNH, BIẾT PHẬN MÌNH, THẾ THÔI. 4 bản miền Bắc đều nhất trí, vậy cũng có thể dị bản mới là do chính tác giả đã tự nhuận sắc.

TRANG 7 / B

0222 : SỤT SÙI 涿 涿 khắc không chuẩn, trông như GIỌT RƠI 涿 涿. Biết SỤT SÙI vì cuối câu là thanh ngang.

0229 : Chữ NGAY viết như chữ NGÀY 日, vì ở Nghệ Tĩnh, NGÀY nói thành NGAY. Không thể đọc NGÀY NGÀY vì Kiều mới đến mộ Đạm Tiên một lần. Vả lại trong 3 câu có NGÀY NGÀY (0284, 0910, 0942) cách viết đều khác : viết NGÀY rồi thêm dấu lập. Các bản khác không hiểu cách viết chữ NGAY này nên chữa thành BUỔI vì BUỔI có tự dạng gần nhất, dễ chữa. Nhưng nói BUỔI NGÀY thì lại sai tiếng Việt ! BUỔI thường dùng trước SÁNG, TRƯA, CHIỀU, TỐI... còn trước NGÀY và ĐÊM thì phải dùng BAN.

0238 : – Chữ DÀO ở câu này và chữ DẦM ở câu 0226 khác không khác nhau ! Vì chữ DẦM chép không chuẩn.

– Chữ MẠCH khắc cũng không chuẩn, trông gần như chữ MẮT.

0240 : Câu này có nhiều chỗ phải biện luận :

– DMT khắc chữ BƯỚC 𨇗 nhưng chắc vốn là chữ RỄ bị viết sai.

– Chữ NGHÊNH 迎 chắc vốn là chữ SANG 𨇗 bị nhầm mà thành.

– Chữ cuối câu 盈 hiện cũng chưa rõ nên đọc là gì : DUỀNH hay DIỀNG // GIỀNG ?

+ Trong vườn có chỗ “vàng gieo ngấn nước” thì dùng DUỀNH được, vì DUỀNH là “vũng nước” (theo ĐDA) nhưng về tự dạng chữ này khắc không chuẩn, thiếu 3 chấm thủy !

+ Đọc DIỀNG // GIỀNG thì đúng mặt chữ và cũng ăn khớp về nghĩa (GIỀNG hình như bắt nguồn từ CHIỀNG, một chữ gốc Tây Thái, và vốn cũng chỉ “một tụ điểm cư dân, kiểu như một chòm, một bản” : PỎ CHIỀNG ở vùng Tây Thái có nghĩa là “bố làng” tức người “già làng”, kiểu như PƯ KAVÊL ở Rục, PÔ PLEI ở Chu ru, v.v.).

Từ ba chữ LÀNG, XÓM, GIỀNG ta có ba cách ghép LÀNG XÓM (hay XÓM LÀNG) và LÁNG GIỀNG, XÓM GIỀNG để chỉ những cư dân ở gần gũi nhau trong cùng một vùng (HTC). Tạm thời, theo đề nghị của nhà nghiên cứu Phan Anh Dũng chúng tôi đọc RỄ SANG NGANG GIỀNG với nghĩa như “rễ sang hàng xóm”. Có thể về sau NGANG GIỀNG đã được nhà thơ chữa lại thành LÁNG GIỀNG, thời kì ở Huế, nên hiện thấy ở bản KOM.

TRANG 8 / A

0241 : HÃY dùng với nghĩa là “hãy còn”.

0243 : Chữ GIỐNG 種 khắc thành THỐI 退 để tránh chữ CHỪNG, tên huý Gia LONG.

0246 : Hai chữ BIẾNG KHUÂY khắc không chuẩn, trông thành như CANH KHUYA.

0247 : Dùng ĐÔNG với nghĩa là “kết đặc lại” hay dùng ĐONG với nghĩa là “đo lường thể tích” đều có lí cả. Nhưng ĐONG thì nghe đã có phần quen hơn.

0248 : Xưa có câu “một ngày không gấp dài bằng ba thu”. Muốn diễn cái ý như có ba thu trong một ngày, văn bản cổ đã dùng thanh phù LUẬN 論 để ghi chữ gì ? Hai bản Huế thấy khó đọc quá nên đã đổi thành chữ khác là chữ DỒN 扞. Cụ Đào Duy Anh vẫn gắng dựa vào tự dạng cũ nên đọc DỌN trên cơ sở âm cổ của nó là GIỌN. Và cụ hiểu DỌN là “thu vén lại, dồn lại”. Nhưng thanh phù LUẬN còn có ít nhất hơn 10 cách đọc nữa : LỌN, LỘN, LUẬN, LUỖN ; CHỌN, TRỌN, TRỘN, TRÒN, v.v. Sao không chọn từ LỘN với nghĩa là “biến hoá mà thành” như trong CON NHỘNG LỘN THÀNH BƯỚM ? Hay sao không thử dùng LỌN LẠI, LUỖN LẠI, TRÒN LẠI hoặc ngay cả TRỘN LẠI, LUẬN LẠI ? Do đó, thiết nghĩ còn cần phải tìm hiểu tiếp.

0249 : Trước nói MÂY thì sau nói TOẢ KÍN là hợp lí hơn KHOÁ KÍN.

0250 : – BỤI khắc không chuẩn ;

– BỤI HỒNG là dịch từ hai chữ HỒNG PHẤN, dùng để chỉ người con gái đẹp.

0254 : – Theo Quảng Hàn Hoà từ điển, xưa có những ngọn bút nổi tiếng gọi là THỔ QUẢN, THỔ HÀO. BÚT THỔ, NGỌN THỔ dùng để chỉ những ngọn bút ấy. Còn NGÓN THỔ thì chắc là dùng để chỉ ngón tay cầm bút hoặc nghệ thuật dùng bút. Đó là chưa kể khả năng NGÓN, NGỌN viết nhầm nhau : NGÓN TAY ở câu

2750, NGÓN ĐÀN ở câu 3192 đều nhằm thành NGỌN được thì ở đây, NGỌN THỎ cũng có thể nhằm thành NGÓN.

– Vậy TRÚC SE NGÓN // NGỌN THỎ nói về chuyện gì : Chuyện bỏ việc viết lách ? Hay bỏ việc thổi sáo ? Nói chuyện gì thì 3 chữ TRÚC, SE và NGÓN cũng hiểu được ; nhưng chỉ chữ THỎ là thiên hẳn về chuyện bỏ viết lách. Do đó chúng tôi nghiêng về cách hiểu gồm 2 vế : vế đầu (TRÚC SE NGỌN THỎ) nói chuyện bỏ hẳn thơ văn ; vế sau (TỜ CHỪNG PHIẾM LOAN) nói chuyện bỏ hẳn cả âm nhạc...

– Theo TĐTN, ở Nghệ Tĩnh, DÂY CHỪNG thì nói là DÂY DỪNG, vì vậy người viết phải dùng thanh phù DỤNG. Nhưng đọc thì nên đọc theo tiếng phổ thông là CHỪNG.

0256 : Chữ NHỚ ở câu này khắc tăt thành chữ NỮ (như ở Maiorica) nên giống chữ NỢ ở câu 0257 ! Chữ NHỚ ở câu 0259 có thêm bộ TÂM thì cũng theo dạng cổ đã dùng từ thế kỉ 17.

0258 : Lại dùng chữ THỐI để kị húy như ở câu 0243 trên đây. Phải phục nguyên GIỐNG.

TRANG 8 / B

0261 Đọc DÒNG cũng được. Nhưng chắc vốn là chữ LÀN, vì kị húy thanh phù LAN nên phải đổi. Ở câu 0025 trên đây, cũng như ở câu 2118 sau này, LÀN đều bị thay bằng từ khác cả.

0264 : CỐI TRÊU, ở HTC giảng là “trêu ghẹo, diễu cợt” (xin tra chữ TRÊU). Bản Xuân Phúc cũng đã đọc CỐI TRÊU như vậy. Nhưng cách ghi Nôm không thực thống nhất giữa các bản.

0267 : Theo Tản Đà, KÍN CỐNG thì mới ăn khớp với CẠN DÒNG LÁ THẨM ở sau. Và lại nếu CAO TƯỜNG mà lại còn KÍN CỐNG thì các chi tiết của ngôi nhà bên trong, như :

Lơ thơ tơ liễu buông màn

Con oanh học nói trên cành liêu lo

hoặc như :

Mấy lần cửa đóng then cài

Dãy thêm hoa rụng, biết người ở đâu

làm sao Kim trọng đứng ngoài đường mà có thể nhìn thấy được ?

Tóm lại phải đọc KÍN CỐNG (với dấu sắc !) đầu đã quen KÍN CỐNG (với dấu hỏi !).

0272 : – DẤY là từ cổ. Ở đây DẤY có nghĩa là “tràn, đầy” (HTC). Trong tiếng Việt hiện đại nó còn lưu lại vết tích trong cách nói ĐẦY RẦY. Theo ngữ âm lịch sử, ĐẦY xát hoá nên phải sinh ra DẤY.

– Chữ Ở khác không chuẩn.

0274 : MÉ viết như MÁI 厓, nhưng tùy văn cảnh phải đọc khác nhau. Một chữ đọc nhiều cách khác nhau, tùy văn cảnh, đó là một chuyện thường gặp trong chữ Nôm.

0278 : Có thể đọc TRÁP theo Hán Việt hoặc đọc CẤP theo Nôm, nhưng vì TRÁP xưa không dùng để đựng sách, nên phải chọn CẤP. Chữ này cũng có thể đọc với âm “cấp” nhưng dùng ở văn cảnh này không phù hợp (扱).

TRANG 9 / A

0284 : NGHÉ 睇 = nghiêng mắt nhìn, không nhìn thẳng (TĐTV).

0287 : – Đưa ra một cái mốc thời gian rồi nói NHẪN thì có nghĩa là “đến cái mốc ấy” hay “kể từ cái mốc ấy”, ví dụ : NHẪN NAY, NHẪN TỪ...

– Dùng QUÁN CÁC thì tả đúng chỗ ở của Kim Trọng hơn là dùng QUÁN KHÁCH !

0288 : Thời HTC còn nói THẮM THOÁT. Về sau diễn biến > THẮM THOÁT > THẮM THOÁT.

- 0289 : IM TRỜI chứ không phải ÊM TRỜI ! IM là từ cổ, nay còn dùng ở Nghệ Tĩnh với nghĩa là “không có bóng nắng”. Từ IM về sau đưa đến DÂM, RÂM. Có IM TRỜI thì Kiều mới để đầu trần, chiếc kim thoa mới mắc lên cành cây ! (Ghi theo lời phân tích của anh Nguyễn Thúc Tư, nhà giáo nhân dân chuyên về khoa học tự nhiên, nguyên hiệu trưởng trường Đặng Thúc Hứa, Thanh Chương, Nghệ An).
- 0293 : Người chép bản DMT viết chữ RÀO thông qua chữ NHÀO 壕 của Nam Bộ. Với hiện tượng NH > R (NHỎ > RỎ NƯỚC, NHỰT > RỤT CỔ, CÀU NHÀU > CÀU RÀU) NHÀO có thể đưa đến cách đọc RÀO trong HÀNG RÀO.
- 0295 : GIO dùng thanh phù NHƯ, chắc do sao chép ở Huế : ở Huế NH thường khó phân biệt với GI / D.

TRANG 9 / B

- 0310 : TRƯỢNG NGHĨA tuy dùng để kị huý TRỌNG NGHĨA, nhưng vốn có trong tiếng Hán nên chúng tôi xin giữ nguyên.
- 0313 : Có lẽ lúc phác thảo là CHÚT HƠI RỒI, sau mới đổi thành CHÚT THƠM RỒI. Chắc cụ Nguyễn Du đã tự nhuận sắc nên các bản LVD, QVĐ, TMD, VNB-60 mới nhất trí in theo. Chữ CHÚT có tự dạng rất khó nhận diện.
- 0316 : Chữ GẶN khắc in không chuẩn.
- 0317 : Ở câu 0291 chúng ta vừa thấy Kim Trọng “Buông cầm xóc áo VỘI RA”, thì ở đây chàng “VỘI VÀO thêm lấy cửa nhà” là đúng ! Các bản không chú ý điều đó mà chỉ nghĩ đến chữ NHÀ ở cuối câu nên đổi thành VỘI VỀ !
- 0318 : Các bản đổi thành ĐÔI CHIẾC là sai ngữ pháp ! Trước các từ chỉ đơn vị như CHIẾC, CÁI, CON, NGƯỜI... mà dùng chữ ĐÔI thì có ý chỉ ước chừng là “đôi ba, vài ba”, ví dụ : ĐÔI CÁI..., ĐÔI CON...,

ĐÔI NGƯỜI... Lẽ nào Kim Trọng vợ vôi, không tính đúng HAI CHIẾC !

- 0319 : Chữ này 援 có thể đọc VIN hoặc VÉN, VỊN, cần cân nhắc.
Chúng tôi tạm chọn VIN để cho hợp với chuyện trèo tường.

TRANG 10 / A

- 0321 : Theo TVK, chữ thứ 3 trong câu này đọc GIỮ, đọc GIỞ đều được.
Nhưng GIỞ thường đi vào các kết cấu có ý nghĩa xấu : như GIỞ QIONG, GIỞ MẶT, GIỞ QUÊ, GIỞ TRÒ, v.v. nên dùng GIỞ Ý thì cũng sẽ gây ra ấn tượng như vậy. GIỮ Ý trái lại, rất hợp với hoàn cảnh lúc bắt đầu mới làm quen : GIỮ Ý tức là “giữ gìn ý tứ, thận trọng trong nói năng, cử chỉ” (TĐTV/HP).
- 0324 : – Chữ BẤY ghi không thật chính xác : dùng dạng có thể đọc BẤY mà cũng có thể đọc BÂY (tiền lệ đã có từ thế kỉ 17, xin xem Maiorica) !
– Nhà thơ không thích nói kiểu khách sáo THẨM TRÔNG TRỘM NHỚ : đổi thành ĐẮM TRÔNG TRỘM NHỚ thì chân thực hơn
- 0325 : Đúng là chữ LUÂN 輪 đọc RÒN chứ không phải chữ THẬU 軸 : bộ phận NGUYỆT chỉ có một nét ngang ở giữa, hai nét sổ lại được nối liền bởi 2 nét ngang ! Các lần in 1879, 1991 còn dùng một nét ngang trên nối liền NGUYỆT với 2 nét sổ ! Ở các từ điển cổ (HTC, J.F.M. Génibrel....), RÒN được giải thích là “ốm o dần, gầy guộc dần đi”. Có cả RÒN MỎI, MÒN MỎI, nên mới có RÒN MÒN ở bản này.
- 0327 : NĂM 𠂔 chỉ con số 5 ; NĂM TRÒN dịch hai chữ NGŨ LUÂN bên Phật giáo. Trong Từ điển Phật học Hán Việt có 2 chữ NGŨ LUÂN với sự giải thích là “2 cánh tay, 2 đầu gối và đầu đều tròn nên gọi là ngũ luân. Ngũ luân đó chạm đất mà lễ thì đó là lễ

cung kính nhất". Như vậy nói NGŨ LUÂN hay nói NĂM TRÒN là để chỉ cái "thân người" của người đang hành lễ, cầu xin một chuyện gì. Vậy hai câu 0327, 0328 phải được hiểu như là :

THÂN HÈN như gửi cung mây hoặc

LÒNG THÀNH như gửi cung mây

Trần trần một phận ấp cây đã liễu

0331 : NGẮN NGŨ chắc đúng hơn NGẮN NGƠ.

0336 : Chắc trong bản sơ thảo, TRẺ CON chứ không phải TRẺ THƠ. Nói TRẺ CON là để đối chiếu với hai chữ CHA MẸ ở trước. Quyền định đoạt hôn nhân là ở cha mẹ :

Dù khi lá thắm chỉ hồng

Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha

Còn phận làm con thì :

Trẻ con đã biết đâu mà dám thưa

Ngay bây giờ cũng vậy : có thể nói "Trẻ con không được hút thuốc !", chứ không ai nói "Trẻ thơ không được hút thuốc !".

TRANG 10 / B

00341 : GẮN BÓ khắc thành NHẮN BÓ.

00349 : Ở câu này phỏng đoán có 2 khả năng :

a) Lúc đầu tác giả đặt câu theo cấu trúc : Rằng KHI + một mệnh đề ; về sau ngôn ngữ diễn biến, mệnh đề đó được coi như một danh ngữ nên KHI được thay bằng TRONG ở 7 bản ; riêng DMT và ADM không đổi.

b) Lúc đầu tác giả dùng ĐANG : Rằng ĐANG buổi mới lạ lùng ; nhưng đến năm 1825, khi có lệnh kỵ húy ĐANG, đa số các bản đổi thành TRONG còn người biên tập bản gốc DMT thì đổi ĐANG

thành KHI, cũng như ở câu 3075, cuối truyện. Chúng tôi thiên về khả năng thứ hai.

0354 : TVKY đã tìm được bản sao đúng :

Giở kim HUỒN với khăn hồng trao tay

Nhưng vì kiêng chữ HOÀN 環 theo lệnh 1803, 6 bản đổi thành CHÂU 珠, 2 bản đổi thành THOA 釵 ! Vậy nay phục nguyên HOÀN.

0355 : Chữ NĂM khắc sai nghĩa phù.

TRANG 11 / A

0365 : Câu này đã được HTC đưa vào từ điển để làm ví dụ cho 2 chữ NUNG SỪ (xin tra chữ SỪ). Nhưng NUNG SỪ, theo HTC, có nghĩa là “minh mông, mịt mù”, không ăn khớp với thơ xưa : cái tứ chính của bài thơ xưa là chứng minh rằng sông Tương giang – theo ĐDA – “nước cạn, đáy nước sờ sờ ra đó” không sâu thẳm bằng lòng tương tư của đôi tình nhân.

Qua bản tạm dịch :

Người bảo sông Tương sâu

Sao bằng lòng nhớ nhau

Sông Tương còn có đáy

Lòng nhớ bến bờ đâu !

Chàng ở đầu sông Tương

Thiếp ở cuối sông Tương

Thương nhau mà chẳng thấy

Cùng uống nước sông Tương

rõ ràng không phải NUNG SỪ mà là :

Sông Tương một giải nông sờ

Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia

0366 : Chữ KIA khắc không chuẩn, trông thành chữ KÌ.

0367 : Phải đọc

Một tường tuyết CHỚ, sương che

Tin xuân đầu dễ đi về cho nắng

CHỚ chữ không phải CHỞ. CHỞ là từ Nôm, TRỞ là cách đọc Hán Việt, hai bên cùng một gốc (so sánh : TRẮM/CHÉM, TRẮN/CHÉN, TRỞ/CHỞ). CHỞ có nghĩa là “ngăn lại”. Chính cái nghĩa này đã đưa đến cách dùng CHỞ khi ra mệnh lệnh ngăn cấm, ví dụ : CHỞ LÀM ỔN !, CHỞ HÚT THUỐC ! ẤY CHỞ !

0374 : Chữ ĐEM khắc không chuẩn. Chữ VẮNG ở câu 0375 cũng khắc không chuẩn.

0375 : NHÀ LAN đổi thành NHÀ HƯƠNG vì kị húy. Phải phục hồi lại chữ LAN.

0376 : Có lẽ trong sơ thảo dùng CỐ NƠI (hoặc CỐ NAY nhưng sao lại không chuẩn). Sau chắc tác giả đã chữa lại thành HỒM NAY, nên mới có sự nhất trí cao giữa 8 bản.

TRANG 11 / B

0381 : Ở câu này hiện thấy : 3 bản DMT, TVKY, ADM dùng BẤY ; LNP đổi thành MẤY còn 5 bản đổi thành VỚI. Cần lưu ý 2 điểm có thể có liên quan với nhau :

Về nội dung đã có sự thay đổi trong cách diễn đạt : từ cách diễn đạt biểu cảm, tán thán với BẤY chuyển sang cách diễn đạt bình thường với VỚI.

Về chữ Nôm có quan hệ BẤY-MẤY-VỚI : theo ĐDA, BẤY là hình thức xưa của MẤY, so sánh BẤY LÂU//MẤY LÂU. Qua phương ngữ lại thấy MẤY cổ hơn VỚI, so sánh MẤY LẠI//VỚI LẠI.

0384 : Chữ MÁI khắc sai. Chữ TỆ ở câu 0386 cũng khắc không chuẩn.

0388 : Chữ ĐÂY cũng bị khắc nhầm thành NƠI ? Hay lúc đầu dùng NƠI, sau chữa thành ĐÂY ? Dầu sao, cũng nên phục nguyên ĐÂY.

0391 : Theo cách chúng tôi hiểu, SẮN NGANG có nghĩa là “xông lên, vượt ngang qua”.

0394 : Chữ LỜI 𠂔 thứ hai khắc thành TRỜI 𠂔 : chắc do TRỜI xưa cũng đọc được thành LỜI, ví dụ trong ĐỨC CHÚA LỜI.

0397 : Chữ THI in nhầm thành chữ ĐÃI ;

0398 : – ĐẠM THANH khắc nhầm thành GIỌT TÌNH.

– Nên xét : TREO TRÊN hay TREO XEN (LEN-CHEN-XEN) ?

TRANG 12 / A

0406 : – NÀNG BAN : chắc không phải là nàng Ban Chiêu, học rộng tài cao, đã nối nghiệp anh là Ban Cố để hoàn thành nốt bộ HÁN THƯ mà anh còn bỏ dở. Kim Trọng chắc so Kiều với nàng Ban Tiệp Dư, một cung nhân đẹp, có tài làm thơ đời Hán (ĐDA).

– Còn Ả TẠ là nàng Tạ Đạo Uẩn đời Tấn, cũng giỏi văn thơ (ĐDA).

0408 : Chữ PHÚC và chữ ĐƯỢC đều khắc không chuẩn.

0410 : – NGỌC BỘI nghĩa đen là “ngọc đeo”, nghĩa bóng là chỉ người dòng dõi quý tộc (ĐDA).

– KIM MÔN tức KIM MÃ MÔN (= Cửa ngựa vàng) vốn là cửa cung Vị Ương đời Hán.

Về sau mấy chữ này dùng rộng ra để chỉ chung dinh thự các vị quan lớn (ĐDA).

TRANG 12 / B

0421 : VÍ DÙ bị khắc đảo ngược trật tự !

0422 : Chữ ĐEM khắc không chuẩn.

0423 : TRUNG KHÚC = nông nổi trong lòng ; tâm sự (ĐDA).

0432 : Chữ BĂNG khắc nhầm thành chữ VĨNH ? Hay phải đọc VẮNG, VÀNH ?

như : *Xăm xắm vắng lối vườn khuya một mình*

hoặc : *Xăm xắm vành lối vườn khuya một mình*

Xin tạm để BĂNG như xưa nay đã từng quen.

0433 : GỐI hay GIQI ? Chữ viết gần với GỐI hơn ; nói GỐI lại nghe rất độc đáo, rất hiện đại ; nhưng GIQI thì đã dùng quen thuộc. Chúng tôi phục nguyên GIQI.

0434 : Căn cứ thanh phù TỐT, đọc SUỐT, đọc LỢT đều được cả. Trong các từ điển đều chấp nhận cả hai cách đọc. Nhưng xét mặt ngữ nghĩa trong văn cảnh, gần đây chúng tôi cho rằng đọc LỢT thì chắc đúng với tinh thần của nhà thơ hơn.

– XẾ là một động từ không có bổ ngữ, nên câu phải được hiểu là có 2 vế đối nhau :

Bóng trắng đã xế, hoa lê lại gần

Về sau nêu hình tượng nàng Kiều đến gần ; về đầu tả cảnh trăng đã xế. Nhưng tả cảnh trăng như vậy là sai, vì chỉ sau đó 10 câu, ở câu 0449, chúng ta thấy quang cảnh khác hẳn :

Vầng trăng vằng vặc giữa trời

Đình ninh hai mặt, một lời song song

– TRỞ là động từ có bổ ngữ, với nghĩa là “làm đảo ngược vị trí” như TRỞ ĐẦU Đũa, TRỞ BÁNH CHUNG CHO CHÍNH ĐỀU, v.v. (HP). Vậy câu thơ này phải hiểu là “bóng trăng đã quay ngược nàng Kiều trở lại”. Nhà thơ đã nhân cách hoá bóng trăng, biến bóng trăng thành kẻ chủ động và sự tự ý quay lại của nàng Kiều đã được thi vị hoá.

TRANG 13 / A

0441 : Câu này có 2 chỗ cần nói rõ :

– CHO dùng theo lối cổ là “tiếng khiến”, ví dụ CHO NÊN = khiến nên (HTC). Vậy CHO PHẢI = khiến phải. VNTĐ cũng còn giảng CHO là “khiến, để” như vậy.

– DÒ ĐƯỜNG hay TRỐ ĐƯỜNG ? Căn cứ cách dùng ĐỔ ghi ĐỔ trong TVVL, trước đây chúng tôi đọc DÒ ; nay chúng tôi xin đọc TRỐ theo VVK, vì bản DMT được chép lại trong Nam.

0447 : Bản DMT dùng 3 chữ LUẬT MỘT CHƯƠNG 律 一 章 , nên đọc như thế nào ? Trong cuốn 2002 chúng tôi đọc TRỐT MỘT CHƯƠNG với nghĩa là “cả thấy, trọn một chương”, theo cách định nghĩa của HTC. Nên chẳng là đổi thành SUỐT, nhất là CHUỐT ? Theo TVK, VVK thì SUỐT có thể viết như TRỐT mà cũng có thể viết như CHUỐT. Về ngữ âm lịch sử, có thể chấp nhận cách đọc CHUỐT. Về ngữ nghĩa, CHUỐT câu văn thể nguyên thì còn trân trọng, cẩn thận hơn là THẢO !

0448 : Chữ MỘT chắc là do chữ CHIA, viết tắt, khắc nhầm mà thành. Vậy phải đính ngoa lại.

0452 : – Chữ NĂM khắc không chuẩn ;

– TÀNG XƯƠNG có nghĩa (= cất kín vào đến tận trong xương) nhưng hơi lạ tai. Phải chăng vì thế, về sau nhà thơ đã tự nhuận sắc lại thành ĐẾN XƯƠNG ?

TRANG 13 / B

- 0469 : RIÊNG TÂY vì kị huý Tây vương Trịnh Tạc nên đổi thành RIÊNG TAY. Đổi như vậy cũng có nghĩa nên hiện nay được 6 bản chấp nhận. Nhưng vẫn có bản chủ trương phải phục hồi lại RIÊNG TÂY, như TVKY, KOM chẳng hạn. Bản DMT chỉ kị huý theo lối bớt nét, nên chữ TÂY vẫn rất dễ nhận ra.
- 0470 : – LÒNG NÀY hay hơn về mặt hiệp vần, nhưng sai về nội dung. LÒNG NGƯỜI là nói về Kim Trọng, đúng như trong TTTN. Đổi thành LÒNG NÀY lại hoá ra nói về bản thân Kiều !
- THẮN là dạng cổ của thán từ THAY. Theo HTC, THẮN = tiếng than thở.
- 0472 : Đàn nguyệt của Việt Nam chỉ có 2 dây, nhưng theo Từ Hải, nguyệt cầm lại có 4 dây : vậy tả BỐN DÂY TO NHỎ là đúng.
- 0480 : Câu này có nhiều chữ khắc không chuẩn, đặc biệt là chữ LUYẾN.

TRANG 14 / A

- 0481 : Trang này có nhiều chữ khắc không chuẩn : ví dụ chữ NHƯ của câu này, chữ THỎANG ở câu 0483, chữ DỘT đầu câu 0492, chữ CHÚT ở câu 0496, chữ ĐÁ ở câu 0499.
- 0492 : Có 2 giả thuyết :
- Ghi THỰC nhưng phải đọc THIỆT, vì xưa THỰC LÀ, THẬT LÀ cũng nói THIỆT LÀ. Có điều phải thông qua lối đồng âm, hiểu THIỆT như trong THIỆT HẠI.
 - THỰC là chữ ĐỘT viết không chuẩn. Mà ghi ĐỘT thì phải đọc Nôm là DỘT như trong Ủ DỘT. DỘT có nghĩa là “buồn bã” (TĐTC). Trước chúng tôi theo giả thuyết THIỆT, nay chúng tôi chuyển sang DỘT vì đơn giản hơn.

- 0493 : Chữ MẮT khắc thành chữ TRẬT. Nhưng TVK cho biết chữ này cũng có thể đọc MẮT.
- 0497 : Hai bản Huế dùng dị bản NGỌN LAN. Theo Nguyễn Văn Tố, đó là ngọn đèn bắc bằng cỏ lan. Nếu đúng vì kị húy chữ LAN phải đổi thành HOA HUƠNG, thì nên phục nguyên theo hai bản của Huế, vì ở Huế rất am hiểu về chuyện kị húy. Nhưng chúng tôi đang còn cân nhắc xem thử có thật có chuyện kị húy không.
- 0499 : XEM hay là CHỚM ?

TRANG 14 / B

- 0502 : DỄ xưa có nghĩa là “hãy dễ” (TVK).
- 0503 : VĨ CHI xưa có nghĩa là “sá chi, quản chi” (HTC).
- 0506 : Chữ TÒNG khắc không chuẩn.
- 0514-0516 : Dùng chữ TRÌNH 𠂔 nhưng ghi 2 tiếng khác nhau do theo 2 quá trình khác nhau :
- TRÌNH > CHIỀNG > CHUỜNG ;
 - TRÌNH > GIÀNH > DÀNH.
- 0515 : Khắc chữ BÀI để đọc BÀY. BÀY CÁNH dịch 2 chữ TỈ DỰC. Trong văn cổ TỈ KIẾN thường được dịch là “sánh vai”, “bằng vai”, “bày vai” ; hiện nay TĐTV/HP cũng còn cho biết BẰNG VAI = BÀY VAI. Vậy TỈ DỰC diễn Nôm thành BÀY CÁNH là theo truyền thống đó. Vả lại viết BÀI đọc BÀY là chuyện bình thường.
- 0519 : Chữ GIỮ khắc thành CHỮ. Lí do : ở Nghệ Tĩnh CHỮ nói thành CHỰ mà CHỰ là cách nói địa phương của GIỮ, như trong CHÓ CHỰ NHÀ (theo Từ điển phương ngữ tiếng Việt của Đặng Thanh Hoà)

TRANG 15 / A

0525 : BÓNG TÀU = bóng đường chân mái nhà (ĐDA).

0527 : Theo cụ Hoàng Xuân Hãn có thể đọc BUÔNG THAO để hiệp vần tốt hơn. Phố Hàng Thao được đặt tên như vậy vì đó xưa chính là phố buôn bán hàng thêu.

0532 : LỬ THẤN = người chết quàn ở nơi đất khách (ĐDA).

ĐỀ HUỀ = dất dúi nhau (ĐDA).

0535 : MẮNG xưa có nghĩa là “nghe thấy, nghe được” (HTC).

0537 : ĐINH NINH = dặn đi dặn lại (ĐDA).

0539 : ĐÔI HỒI có đến 3 nghĩa, theo TĐTV/HP :

- giải bày, trò chuyện với nhau ;
- thôi thúc ;
- cân nhắc, suy tính.

Theo câu dịch của Xuân Phúc thì nghĩa số 1 đã được sử dụng. Nhưng cũng cần cân nhắc thêm.

TRANG 15 / B

0541 : TRẮNG THÊM cũng hiểu được. Nhưng chắc là TRẮNG THỀ khác nhằm thành TRẮNG THÊM.

0544 : CHƯA hay CHO ? Cần xét 2 khả năng :

- Nếu chữ GỖ dùng với nghĩa là “làm cho hết rồi” (VNTĐ) thì sau nó là 2 chữ CHO XONG (tuy cũng có ý kiến cho rằng dùng CHƯA XONG vẫn được !).
- Nếu chữ GỖ đọc GỖ, CỐ... như ở Maiorica, với nghĩa là “sự chẳng lành”, “chuyện có tang, có trở” (VNTĐ) thì sau nó lại là 2 chữ CHƯA XONG. Chúng tôi tạm phục nguyên CHO theo đa số các bản.

- 0548 : NHỊN NGỪNG = nén lòng, nhận đề mỗi cảm xúc lại (ĐDA).
Nghĩa gốc vốn là “nín nhịn để không ra nước mắt”, vì NGỪNG là từ cổ chỉ “nước mắt”.
- 0555 : Chữ HAI đổi nhầm thành chữ ĐÔI, phải phục nguyên lại HAI, theo đa số bản.
- 0559 : Chữ DI, theo TVK, có thể đọc DỜI mà cũng có thể đọc cả RỜI.

TRANG 16 / A

- 0565 : – Chữ BUỒN trùng với chữ PHẪN tiếng Hán vì dùng BỒN rồi thay MÃNH bằng TÂM.
– Khắc đúng là BUỒN MUÔN nhưng chắc sao chép nhầm vì đối chiếu với cách ghi NỘI ở các bản miền Bắc thì thấy nên đọc BUỒN NOI (NỘI viết nhanh có thể nhầm thành MUÔN).
Hơn nữa, BUỒN NOI gần với 3 bản có BUỒN TRÔNG. Một lẽ nữa là : sau SẦU ở câu 0564, trước NÃO ở câu 0567 thì cần thêm ý NOI, TRÔNG hơn là MUÔN !
- 0567 : Trước đây chúng tôi hiểu : NGHE GIÓ RẰNG MƯA = nghe gió than mưa. Nay chúng tôi đã tìm ra những cứ liệu mới cho phép hiểu cách khác :
– Theo TVK, NGHE còn có cách đọc NGOÌ ; theo VVK/II, trang 40, LÃNG // RẰNG còn có cách đọc LÁNG ;
– NGOÌ có nghĩa là “phơi trần ra” (HTC) ; LÁNG có nghĩa là “phủ một lớp nước”, “thấm ướt” (J.F.M. Génibrel, TĐTV).
Vậy NGOÌ GIÓ LÁNG MƯA có nội dung tương tự như “phơi gió, dầm mưa”. Chắc vì cách nói cổ này sau ít người hiểu được, nên nó bị đổi thành CỬ GIÓ TUẦN MƯA.
- 0572 : TRÔI TRÁC = linh đình theo dòng nước chảy, đẩy đưa theo nước (HTC).

- 0575 : DẤ DỀ : từ cổ với nghĩa là “trò chuyện, thăm hỏi nhau” (TĐTC, J.F.M. Génibrel).
- 0579 : VỜ CHẰNG là 2 chữ đặt ra để kị huý chúa Trịnh Giang. Phải phục hồi lại GIÀ GIANG. GIÀ GIANG chỉ cái gông đeo vào cổ (VNTĐ).

TRANG 16 / B

- 0583 : Xưa phải kị huý chữ TÂY nên đổi TÂY thành TAY ; hiện 5 bản còn viết RIÊNG TAY. Nhưng RIÊNG TAY thì phá mất thể tiểu đối với 2 chữ TẾ NHUYỄN ở vế trước. Bản DMT chỉ kị huý bằng cách bỏ bớt một nét, nên dễ nhận ra vốn là chữ TÂY.
- 0584 : Khắc đúng là chữ QUÉT. Nhưng nếu nghĩ đến quy luật kw > w > v thì đọc VẾT cũng được
- 0586 : – RẬP // DẬP = dụng cụ đặt dưới nước để sập cá (ĐDA).
– GIÀM = một thứ bẫy dùng dây thông lọng để bắt cầm thú trong rừng (ĐDA).
- 0588 : Xét về mặt ngữ pháp thì dùng chữ LÀ đúng hơn dùng chữ TẠI.
- 0590 : Chữ (HOẢ + DỤNG) 𤇀 có thể đọc RỤNG, RẶNG. Ở HTC, VNTĐ, 2 chữ này lại có nghĩa “hé sáng, sáng” giống như RẠNG. Theo văn cảnh có lẽ phải hiểu là “loé sáng, làm loá mắt, mắt chỉ thấy mờ mờ”. Có thể hai bản Huế mới đổi RỤNG MÂY thành LOÀ MÂY. Còn theo *Bảng tra chữ Nôm* thì đây là chữ “rừng” trong từ “rừng rục”. Nhưng “rừng rục” thì thường viết “rục rục”, vậy RỤNG chắc cũng là RỤNG, với nghĩa là “rục sáng lên, loá cả mắt”.
- 0592 : – LÂN TUẤT = thương xót (ĐDA).
– TỎI TÀN trước có cả nghĩa là “tàn tệ” (HTC).
- 0594 : Đúng là chữ NGƯỜI viết tắt ? Hay đó là chữ RẶNG, chữ LÀ khắc nhầm mà thành ? 4 bản chấp nhận NGƯỜI, 2 bản chấp nhận RẶNG, 1 bản chấp nhận LÀ. Lại còn 1 bản đổi thành MÀ, 1 bản đổi thành VÀNG !

TRANG 17 / A

- 0601 : CÙ LAO = công lao khó nhọc của cha mẹ nuôi con (ĐDA).
- 0603 : THỆ HẢI MINH SƠN = thề biển thề non, tức chỉ vào biển vào núi mà thề (ĐDA).
- 0606 : DỄ CHO = hãy để cho (TVK) : xin xem lại câu 0502.
- 0613 : Chữ CẦU hay chữ VỀ viết tắt ? Đối chiếu với cách viết Nôm, cách viết Quốc ngữ và cách dịch ở bản ADM thì ta biết chắc là CẦU. Vậy DMT và ADM có một dị bản riêng mà cụ Hoàng Xuân Hãn cho là hợp lí hơn.
- 0616 : Chữ GẤP khắc không chuẩn, trông như chữ PHI 披 !
- 0620 : LIỆU hay LIỀU ? Đọc LIỆU thì nhấn mạnh tinh thần “tính toán, cân nhắc” ; đọc LIỀU thì lại nhấn mạnh tinh thần “bất chấp nguy hiểm”. Có lẽ nên nghiêng về LIỆU.

TRANG 17 / B

- 0628 : – Ta quen với MÀY RÂU NHẮN NHỤI, nhưng chính kết cấu RÂU MÀY mới ăn khớp với hai chữ TU MI trong tiếng Hán.
– Vốn là kết cấu ghép nghĩa NHẮN TRỤI (xem thanh phù ĐỘI !) nhưng sau nó chuyển thành từ láy âm NHẮN NHỤI, do tác động của từ láy BẢNH BAO ở sau.
- 0631 : GHẾ TRÊN : cũng rất có nghĩa. Nhưng cũng có khả năng là GHẾ LÊN hoặc GHẾ TRÊN bị chép nhầm mà thành. Chúng tôi vẫn phục nguyên GHẾ TRÊN, vì bản VNB-60 dùng dị bản VẮT TRÊN, chữ VẮT thì chắc chắn là một động từ như GHẾ. GHẾ có thể sợ là do GHẾ khắc nhầm mà thành, chứ VẮT thì không có chuyện sợ đó.

- 0634 : Chữ GIQT 涇 cũng tạm hiểu được, nhưng chắc vốn là chữ LỆ 淚 chép nhầm mà thành. LỆ thì ăn khớp với 2 chữ MẤY HÀNG ở sau hơn là chữ GIQT.
- 0636 : Bản DMT khắc một chữ NGỪNG // NGỪNG viết tắt, có bộ KHẨU, sau các bản miễn Bắc sao lại đủ nét. Do đó cách đọc được phổ biến. Nhưng có ý kiến cho là khó hiểu, ví dụ Nguyễn Bá Triệu chẳng hạn... Vậy cần xét lại : phải chăng đây là một chữ viết NGÂM đọc NGẮM hoặc NGẮM khắc nhầm mà thành ? Chúng tôi chủ trương vẫn giữ NGỪNG và hiểu NGỪNG là “ngưng con mắt lại” như trong khi “ngưng thần định trí” vào một cái gì.

TRANG 18 / A

- 0642 : DẶT DÌU trên đại thể, có hai cách dùng với 2 ý nghĩa khác nhau. Theo TĐTC, trong câu này DẶT DÌU có ý nghĩa là “dò hỏi một cách khéo léo để yêu cầu việc gì”. J.L. Taberd gọi đây là một sự “mặc cả lịch sự”... Còn nghĩa thứ 2 thì đến đoạn sau sẽ gặp ở câu 0873.
- 0644 : – CHIỀNG = trình bày, thưa trình (ĐDA) ;
– Viết ĐỂ TRÌNH nên TVKY, ADM đều đọc ĐẤY CHUÔNG. Nhưng cách đọc này có nhiều người cho là khó hiểu và gặt bỏ... Vậy nên chẳng là đọc ĐỂ TRÌNH // CHIỀNG, CHUÔNG theo TVK ? Hai chữ ĐỂ TRÌNH hình như dễ hiểu hơn là hai chữ ĐẤY TRÌNH.
- 0646 : DỚP = Điều rủi ro, vận rủi ro (ĐDA). Chữ này đọc RẤP cũng được : vẫn cùng nghĩa ấy. Cách đọc DỚP có ở VVK, cách đọc RẤP có ở TVK.
- 0650 : CANH THIẾP = cái thiệp biên niên canh tức biên tuổi hai bên nhà trai, nhà gái trao cho nhau trong lễ vấn danh (ĐDA). Trong DMT CANH THIẾP khắc nhầm thành CÁNH THIẾP.

- 0651 : ĐỊNH THỜI : cũng có thể hiểu được. Nhưng vẫn phải nghĩ đến khả năng THỜI là chữ NGÀY khắc nhầm mà thành.
- 0654 : Chữ KHẮT 𠂔 khắc không chuẩn, trông như chữ KIM 金 .
- 0655 : THƯỜNG NÀNG có lẽ có ở bản phác thảo. Nhưng chắc sau tác giả chữa lại thành THƯỜNG TÌNH nên các bản ở Bắc và ở Huế mới tán thành theo.

TRANG 18 / B

- 0663 : Xin chú ý : chữ RA phải đọc thành LÀ. Khắc chữ RA để viết chữ LÀ là theo lối Nam Bộ : theo VVK thì ở Nam Bộ có 4 cách viết mà đọc RA cũng được, đọc LÀ cũng được, nên sau tạo thành thói quen.
- 0664 : Khắc 2 chữ THÌ nhưng để ghi theo âm cổ THỀ của 2 chữ THÀ. Chữ THÀ sau dễ nhận ra nhờ chuyện hiệp vần với GIÀ, LÀ ở trước. Chữ THÀ đầu các bản thường đọc THÌ, vì đọc THÌ cũng tạm hiểu được.
- 0669 : VĨ CHI = sá chi, quản chi (HTC).
- 0673 : Vì chữ CỘI giống chữ KHOÁI tên vua Lê Gia Tông nên phải đổi thành chữ ĐỔNG cho khác đi. Nay hết kị huý thì phải phục hồi lại chữ CỘI.
- 0675 : LÒNG TỪ khắc nhầm thành LÒNG TƠ. LÒNG TỪ tức là LÒNG của TỬ PHỤ (= người cha hiền từ) nói rút gọn mà thành. Tấm lòng ấy đã được nói ra, nên trong truyện Tàu viết là “lời của bậc TỬ PHỤ”.
- 0676 : GIÓ MƯA khắc thành GIÓ MÂY. Có 2 cách giải thích :
- Hoặc đó là một cách ghi nhầm ;
 - Hoặc đó là kết quả của một truyền thống xưa : từ thế kỉ 17 (Maiorica) đã có cách viết 𩇛 đọc MƯA cũng được, đọc MÂY

cũng được. Chắc cụ Nguyễn Du đã dùng một chữ MƯA như vậy, nhưng bị các vị sao chép đọc thành MÂY nên họ đã dùng một chữ MÂY khác để ghi.

0677 : Chữ THỈ đầu câu này cũng dùng để ghi THÀ theo âm cổ THE của nó.

0678 : Dùng ĐẤ ghi RÃ nói riêng, dùng thanh phù Đ ghi phụ âm R nói chung, là hiện tượng khá phổ biến ! Trong chương R ở tự điển chữ Nôm của NQX-VVK, chị Nguyễn Thị Lâm đã thống kê được 28 trường hợp (Đ đứng thứ ba, sau các thanh phù L và D).

0681 : Theo đúng tiếng chuẩn thì phải đọc CẨM NHƯ CHẰNG ĐẬU NHỮNG NGÀY CÒN XANH. Nhưng một số vùng vẫn đọc ĐỔ, không theo tiếng chuẩn.

TRANG 19 / A

0681 : Chữ TÍNH thứ hai khắc thiếu nét.

0684 : – Chữ NHÌN khắc không chuẩn.

– Ghi VẮN là theo chữ Nôm cổ. Nay VẮN thường nói NGẮN, nhưng VẮN cũng còn dùng, như trong VẮN TẮT chẳng hạn.

0689 : Chữ TRONG khắc sai.

0694 : Chữ GIỰC khắc theo lối Nam Bộ (VVK/ I/ trang 32).

0695 : 2 bản dùng chữ phải đọc NUỜNG ; các bản khác dùng chữ đọc NUỜNG đọc NÀNG đều được. Chúng tôi đọc NÀNG.

0696 : – Chữ TỬ lại khắc theo lối Nam Bộ (VVK/I/ trang 60).

– 6 bản chữ MỐI thành MÁI, nghe có vẻ hay hơn, nhưng chúng tôi hiểu tinh thần của câu là : ÁO DẦM vì GIỌT TỬ ; TÓC SE vì MỐI SẦU nên chúng tôi vẫn để nguyên, không đổi. Hơn nữa, MỐI và GIỌT đều là từ chỉ đơn vị, chúng đối nhau rất chỉnh.

0697 : DẦU VẬY CŨNG DẦU = dù như vậy cũng mặc như vậy (ĐDA).

TRANG 19 / B

- 0701 : THỀ LÒNG có trong từ điển cổ, với nghĩa là “quyết lòng, lập tâm chắc chắn” (HTC).
- 0704 : Chữ RỄ khắc hơi khác thường nhưng đúng (xin xem VVK/II, trang 208). Chữ CỬA thì sai.
- 0709 : Chữ TÌNH khắc không đúng.
- 0712 : – GIQT cũng có nghĩa, nhưng chắc vốn là chữ LỆ. GIQT không khớp với TRẦN !
 – THẮM KHĂN chữ không phải THẮM KHĂN (trong DMT có vết tích của nghĩa phù CHÂU = sắc đỏ). Dùng THẮM KHĂN là để đổi lại hai chữ TRẮNG ĐĨA ở trước. Khăn khô khi ướt nước mắt thì có màu sẫm lại, đậm lại : vì vậy nói LỆ TRẦN THẮM KHĂN.
- 0715 : Chữ CƠ khắc sai, thành như chữ KHA.
- 0717 : TÀN CANH đảo nhầm trật tự thành CANH TÀN, mất hiệp vần.
- 0718 : MẮC MƯỜI = có việc dính dấp, ... vương vẩn, không rảnh rang (HTC).
- 0720 : CON TƠ : chắc sau nhà thơ tự chữa thành TƠ DUYÊN nên các bản mới nhất trí in theo.

TRANG 20 / A

- 0721 : Trang này chữ Nôm in sai nhiều : HỞ không dùng bộ KHẤU, mà khắc bộ NGÔN gần như bộ THỦ nên dễ nhầm với chữ NGỎ (câu 0721) ; MÒN khắc thành BỆNH (câu 0733). Chữ MÂY (ở câu 0735), chữ CHÚT (ở câu 0739) cũng đều không chuẩn.
- 0722 : Chữ ĐỂ khắc theo lối cổ, có từ thời Maiorica.
- 0725 : Chữ ĐÚT khắc không chuẩn.

0730 : Nhà thơ định cho Kiều phủ định bằng nghi vấn nên dùng CÓ NHỂ, các bản Huế thay bằng KHÔN NHỂ để đơn giản hơn. Không rõ nhà thơ có tham gia sự nhuận sắc này không ?

0734 : Ở câu trên đã dùng DỪ thì ở đây dùng CỨNG là hợp ngữ pháp hơn HÃY.

0739 : Viết :

Mất người GỘI chút của tin

Phím đàn với mảnh hương nguyên ngày xưa

là hợp với văn phong của cụ Nguyễn Du.

Xin so với câu 0356 ở trước : *Của tin GỘI một chút này làm ghi.*

0740 : Trước HƯƠNG // GUỜNG mà dùng chữ MẢNH thì cũng rất hợp.

TRANG 20 / B

0742 : Chữ TỠ khắc nhầm thành DÂY, mất vần với câu trên. Sau câu này còn khắc không chuẩn ở chữ NÁT (câu 0746), chữ XIN (câu 0748), chữ GỎI (câu 0751), chữ BẠC (câu 0753).

0746 : Khi có chuyện đền ơn đáp nghĩa thì dùng ĐỀN NGHĨ. Nhưng ở đoạn này Kiều chỉ nói thân tuy tan nát nhưng linh hồn vẫn còn, và trong cái hồn thiêng đó thì cái nghĩa trúc mai cũng vẫn còn, vậy dùng CÒN NGHĨ là đúng.

0752 : VẮN VỎI là cách nói cổ, tương đương với NGẮN NGỦI hiện nay (có trong HTC, VNTĐ).

0754 : – Nói NƯỚC CHẢY BÈO TRÔI là có cơ sở về mặt điển cố văn học. Theo chữ nghĩa Vương Bột trong *Đăng vương các tỵ*, khi nói duyên may gặp gỡ thì xưa nói BÌNH THỦY TƯƠNG PHÙNG (= nước bèo hội ngộ), còn khi nói lưu lạc, li tán thì tất nhiên phải nói ngược lại, ví dụ :

Phận bèo bao quản nước sa

Lênh đênh đâu nữa cũng là lênh đênh (câu 2019-2020)

Ở câu này tất nhiên cũng vậy. Đổi lại thành NƯỚC CHẢY HOA TRÔI thì mất hẳn chiều sâu văn học.

– Nay nói LỖ LÀNG, NHỎ NHÀNG nhưng xưa thường viết LỖ DƯỜNG / DÀNG : ở *Chinh phụ ngâm* bản B, câu 4 cũng viết vậy. Nên đọc LỖ LÀNG theo chữ LỖ hay đọc NHỎ NHÀNG theo chữ DÀNG ? Nhà nghiên cứu lịch sử tiếng Việt Vương Lộc vẫn đưa LỖ DÀNG vào từ điển (TĐTC).

0756 : Ở câu 0749 đã nói

BẦY GIỜ trâm gãy gương tan

thì ở câu này nói

Thôi thôi thiệp đã phụ chàng TỪ NAY

là hợp lí. Dùng TỪ ĐÂY cũng được, nhưng ĐÂY vốn chỉ địa điểm chứ không chỉ thời gian như NAY.

0758 : Chữ NGẮT viết theo truyền thống Nam Bộ : dùng một thành tố là NGẠT, một thành tố là LẮT, vì ở HTC, NGẮT HOA = LẮT HOA. VVK có cho cách viết này trong *Bảng tra chữ Nôm miền Nam*, 1994, trang 44.

TRANG 21 / A

0762 : Từ cổ : CÒN VỤNG là con choáng, ngắt (TĐTC).

0766 : Chữ VÀNH dùng rất đúng vì chúng ta biết trước đó Kim Trọng đã tặng Kiều 2 chiếc xuyến : XUYẾN tức là VÀNH, KIM HOÀN chứ không phải là THOA !

0767 : Chữ BỎI khắc theo lối Nam Bộ.

0772 : Nói DẦU MÒN NGẮN ĐÁ là nói theo ngôn ngữ dân gian, như ở ca dao đã có câu :

Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn

Tào Khê nước chảy vẫn còn trơ trơ

chứ ở đây có chuyện gì liên quan đến BẢNG VÀNG / BIA ĐÁ hay BIA ĐÁ / BIA MIỆNG đâu !

0773 : RÉN CHIỀNG là từ cổ với nghĩa là “rón rén, nhỏ nhẹ trình bày” (ĐDA).

0774 : Chữ Nôm khắc không chuẩn : ĐƯỢC ở câu này và QUẢN ở câu 0776. Chữ ĐẶC//ĐƯỢC 特 vốn có trong danh sách chữ huý đầu triều Nguyễn, có lẽ viết thiếu nét để kị húy.

0776 : XIẾT ĐẬU đi liền sau hai chữ QUẢN ĐẬU cuối câu trước, gây ấn tượng trùng lặp ! Chắc vì thế về sau nhà thơ đã chữa lại thành XIẾT BAO. Cụ Đào Duy Anh hiểu XIẾT BAO là “bao nhiêu KỂ hết sao được”, TĐTV cũng hiểu là “đến mức độ không sao NÓI cho hết” nên sau XIẾT BAO chúng tôi vẫn để TRONG NÓI chứ không lặp lại KỂ NÓI. Cụ có tự nhuận sắc ĐẬU thành BAO thì 7 bản thuộc cả 3 miền mới nhất trí in theo.

0778 : LẠI ? Hay ĐẤ khắc nhầm thành LẠI ?

TRANG 21 / B

0782 : – Chữ TƠ khắc sai, trông gần như chữ MÂY ! Về chữ Nôm còn những chỗ sai sau đây : chữ Ở trong câu 0786, chữ E trong câu 0787, chữ CHUNG trong câu 792, chữ ĐÓN trong câu 0793, chữ ĐI trong câu 0794. Chữ ĐÓN chắc ghi theo giọng Huế.

– 6 bản chọn GIỌT RƠI, 3 bản chọn LỆ RƠI, vì LỆ và GIỌT tự dạng rất gần nhau.

0784 : KHÓI đúng hơn dị bản ở các bản về sau ! Câu trên đã viết MÂY KÉO TỐI RẦM thì còn thấy gì được NGỌN CỎ. Vả lại NGỌN KHÓI bốc lên thì càng hợp với “tối sầm”. Một chi tiết nữa cũng cần chú ý : trước KHÓI sau SƯƠNG thì đối nhau chỉnh tề hơn.

0785 : Trong hôn lễ thì nói RUỐC DẬU là thoả đáng. Vả lại thay bằng RUỐC NÀNG thì lại còn trùng lặp với MỘT NÀNG ở câu sau.

- 0786 : Chữ thứ 4 đọc TOẢ cũng được, đọc KHOẢ cũng được. Nên cân nhắc để chọn cho hợp.
- 0787 : Khắc như NÍN 唸 nhưng đó là chữ THEN của Nam Bộ (VVK/I, 56) vì 2 thành tố KHẤU, NẢN đều được coi như nghĩa phù trong lối chữ hội ý. NẢN Hán Việt có nghĩa là “đỏ mặt, xấu hổ”.
- 0789 : Trước chữ ĐẾN dùng chữ THUỞ là hợp. RƠI thì RƠI XUỐNG chứ ít ai nói RƠI ĐẾN.
- 0792 : Chắc DMT dùng LẤY theo nguyên tác. Các bản khác thay bằng BỂ, nhưng quên rằng ở đầu câu là 2 chữ NHỊ ĐÀO : CÀNH thì bẻ được chứ nhị hoa thì làm sao bẻ được !
- 0793 : VÌ AI nghe có vẻ hay hơn VÌ TA. Nhưng ở câu 0790 trước đó mới dùng VỚI AI để chỉ KIM TRỌNG ! Phải chăng vì lẽ đó nhà thơ cho Kiều tự trách là VÌ TA ?
- 0800 : RỘT KHĂN là từ ngữ cổ : nghĩa của nó là “góc khăn, chéo khăn” (coin de mouchoir, P. Schneider).

TRANG 22 / A

- 0803 : Khắc chữ ĐIỂM nhưng có nên chỉ đọc ĐIỂM ? Bởi vì chữ này cũng có thể đọc là ĐÊM, như ở từ điển TVK chẳng hạn. Có 3 dị bản cả thấy. Trường hợp ĐÊM THU, có lẽ nên gạt bỏ ngay vì sau Thanh Minh 2 tháng (câu 0288), mùa xuân vừa qua (câu 0370) thì xảy ra gia biến, Kiều phải bán mình ngay cho họ Mã : làm sao đã là mùa thu được ? Còn giữa ĐIỂM SẦU và ĐÊM SẦU thì nên thế nào ? Nguyễn Bá Triệu thiên về ĐÊM SẦU, cho là mận ý hơn ; VVK chọn ĐIỂM SẦU cho là cổ kính. Chúng tôi tán thành đọc như VVK : ĐIỂM thì mới ăn khớp với MỘT KHẮC MỘT CHẦY ở sau.

0806 : Chữ ĐƯA khắc theo một lối cổ đã có từ thế kỉ XVII, từ thời Maiorica (trông giống như ĐÁ).

0810 : Chữ GIÀ 𠂔𠂔𠂔𠂔 khắc không chuẩn : chắc vì theo giọng Huế nên ghi thành NHÀ. Nhưng cũng có cả khả năng lí thuyết : Âm Hán Việt của nó là “gia”, nó còn đọc theo âm Cổ Hán Việt để ghi chữ Nôm “cà”, nên có lẽ đọc “già” cũng được.

0814 : DMT in là BÁN GUỜNG, nhưng có lẽ đó là BÁN HƯƠNG bị ghi nhầm. Có những tiền lệ cho phép đoán như vậy :

a) Về âm thường có sự lẫn lộn G với H, nhất là ở Nam Bộ :

– Ở câu 0025, DMT ghi HƯƠNG, TVK lại đọc GUỜNG ; ADM sao chữ Nôm lại cũng sao thành GUỜNG ;

– Ở câu 0044, chữ HỘỊ, DMT lại ghi là GỢI ;

– Ở Bảng tra chữ Nôm miền Nam, VVK ghi HỚP như GẤP ; ghi HỎI như GỢI ; dùng thanh phù HẦM để ghi GẦM, dùng thanh phù HẬU để ghi GẤU, v.v. ;

b) Về ngôn ngữ, GUỜNG thường đi với LƯỢC, HƯƠNG thường đi với PHẤN ; ở câu này trước đã nói BUỒN PHẤN thì chắc sau đó phải là BÁN HƯƠNG.

0818 : Chữ LUẬN dùng để ghi tiếng TRỌN của Nghệ Tĩnh, tức CHỌN của miền Bắc.

0819-0820 : Chúng tôi vẫn phục nguyên theo DMT vì cho rằng đó là 2 câu viết rất đúng tinh thần tiếng Việt. Mới xem qua, ĐƯA BÁN, ĐEM BÁN để hiểu hơn ĐI BÁN ! Nhưng TĐTV đã giải thích lối nói ĐI hoặc LẠI ĐI là “từ biểu thị ý nhấn mạnh về tính chất bất thường hoặc lạ lùng, ngược đời của một sự việc, để tỏ ý không tán thành hoặc không tin”. Bán cành hoa vào thuyền lái buôn quả đúng là một sự việc “bất thường”, “lạ lùng”, “ngược đời”, khó “tán thành” và “khó tin” : vậy nói “CÓ CÀNH HOA sao lại ĐI BÁN vào đó ?” là một lối nói rất chính xác.

TRANG 22 / B

0821 : DMT dùng một chữ, Hán Việt đọc là NIÊM, Nôm coi là THỦ + CHIẾM và đọc là CHỐM.

Nói CHỐM vào khuôn thì cũng gần như MẮC vào khuôn, lại thêm được cái ý là mới bắt đầu. Vậy cứ nên tôn trọng bản DMT.

0822 : Sau SÍNH NGHI (= lễ cưới, VNTĐ) mà nói NẠP GIÁ thì không hay bằng RẺ GIÁ.

0824 : Chỉ thấy KHÚC HOÀNG ở DMT, ở TVKY và ở phần Quốc ngữ của ADM. Mà chữ HOÀNG DMT lại khắc như trong PHƯỢNG HOÀNG : phải chăng họ Mã lại bắt Kiều đem bản đàn của Tư Mã ra đánh ? KHÚC VÀNG đối rất chỉnh 2 chữ VẺ NGỌC ở trước, nhưng nghĩa thế nào thì ngay cụ Đào Duy Anh cũng cho là chưa rõ ! Cũng có thể vì kị húy tên chúa Nguyễn Hoàng 黃 nên viết vậy để tránh thanh phù 黃 .

0827 : Chữ BỂ khắc theo lối cổ đã có từ thế kỉ 17, thời Maiorica (trông như chữ PHI !).

0829 : Câu DMT ăn khớp với tinh thần trong TTTN hơn, vậy chắc gần với nguyên tác bản sơ thảo. Sau nhà thơ có tự nhuận sắc lại không ? Đó là một vấn đề cần tìm hiểu tiếp.

0832 : CỬA TRỜI có lẽ tự nhiên hơn dị bản CỬA ĐỜI mà KOM đưa ra. Trong ngôn ngữ thông thường, khi may được vật gì quý thì ai cũng bảo “của trời cho”.

0839 : Chữ MẬP khắc không chuẩn.

TRANG 23 / A

0843 : Trang này có nhiều chỗ sai về chữ Nôm :

– Ở câu này chắc chữ THẢ // VẢ khắc nhầm thành ĐÁN // ĐẾN. Tuy nhiên cũng cần cân nhắc tiếp vì 6 bản đều nhất trí là ĐẾN !

– Nhưng ở câu 0850 thì phải chữa nhiều : ĐÓ khắc thành NỘ ; MỘT NÀNG NGỒI TRƠ khắc thành MỘT NGỒI NGỒI TRƠ ;

– Ở câu 0852 : chữ CĂM nhầm thành chữ MÌNH, chữ MÌNH lại nhầm thành chữ XUÂN ;

– Ở câu 0853 : vì kị húy, chữ GIỐNG đổi thành chữ CHỐN.

0849 : Lại có mấy chữ viết đúng nhưng lạ :

– Ở câu này, TIỆC không dùng thanh phù TỊCH (= chiếc chiếu) mà dùng TỊCH (= buổi chiều) ;

– Ở câu 0852, chữ DƠ ghi bằng chữ TRỪ ! Nhưng TVK chấp nhận cách ghi khá lạ này !

0857 : Khắc chữ GIẬN, nhưng phải chăng vốn là HỒN ? Trong thành ngữ thì thường nói HỒN DUYÊN TỬ PHẬN (VNTĐ).

TRANG 23 / B

0863 : Câu này nằm ở đoạn TTTN cho biết Kiều định tự tử, nhưng nghĩ lại, sợ liên lụy đến cha nên quyết định đi một nước cờ (ĐÁNH LIỀU) là có lẽ nên (ÂU HÃY) hoãn lại, thư thả sẽ tính sau. (THẢ DẦN).

0866 : Sau chữ GÁY là chữ gì ? Chữ đó được ghi bằng thanh phù THÔI hoặc thanh phù XUY, như vậy nó có khả năng đọc với phụ âm S, TH, X và đọc với vần ÔI, UI. Nhưng trước nay các nhà phiên Nôm mới chỉ nghĩ đến GÁY SÔI và GÁY THÔI ! Theo ý

chúng tôi có lẽ cũng nên nghĩ đến cả GÁY XUI : XUI như trong XUI GIỤC, XUI KHIẾN hoặc XUI với nghĩa là “rủi, gở” như trong XUI XỂO, XUI CHO NÓ QUÁ ! Nếu lên là để cân nhắc cho hết mọi mặt !

0868 : GIỤC GIAO có nghĩa cũng như GIỤC GIÃ, nhưng có lẽ cổ hơn. GIỤC GIAO đặt theo mô hình kiểu như LỤC LAO, SỤC SAO...

0873 : DẶT DÌU trong câu này lại dùng theo nghĩa thứ 2. Theo TĐTC, ở đây DẶT DÌU là “mời hết lượt này đến lượt khác một cách ân cần, dịu dàng”. HTC gọi đây là sự “thết đãi trọng hậu” ; còn VNTĐ thì gọi đây là thái độ “khuyến mời êm ái”.

0877 : Các bản thấy Kiều bắt đầu nói mà lại dùng chữ VẢ thường có nghĩa là “mà lại” nên cho rằng không ổn, và chữa thành HỎ ! Thực ra, theo HTC, VẢ còn có nghĩa là “vốn”. Có từ điển lại thêm cả nghĩa “nay”. Vậy thiết nghĩ câu hiểu được, không cần phải chữa.

0879 : Chữ ĐỤC khắc không chuẩn.

TRANG 24 / A

0882 : – CHẰNG KẼO = chẳng tránh khỏi (TĐTV/HP) ;

– Nếu là BỢM GIÀ thì chữ GIÀ khắc sai. Nhưng trong từ điển cổ có BỢM BÃI (= người không ngay thật, điểm dàng, xảo trá, theo HTC) lại có BÃI BỜ, nên phải chăng đây là dạng ghép BỢM BỜ ? Chữ BỜ khắc như chữ BÀ Nam Bộ (NỮ + BA).

0884 : DÙI DẮNG là từ cổ chỉ tác phong chậm chạp, kẻ rề cà rà (theo HTC = trễ tràng, lẩn lữa, cà rà).

0893 : VÀI CẬU : hoàn toàn có nghĩa. Nhưng vẫn có thể đó là chữ TUẦN khắc nhầm mà thành.

0896 : Chữ NẦN dùng thanh phù TẦN, theo lối Nam Bộ (VVK), nhưng TẦN lại khắc sai thành TẤU !

0897 : LIỄU YẾU thì đối với THƠ ĐÀO không chỉnh ! Chắc vào Huế nhà thơ đã đảo trật tự lại, chữa thành YẾU LIỄU nên 2 bản LNP, KOM mới chữa theo.

0898 : – TRẮT là tiếng Hán Việt với nghĩa là “bế tắc, mắc vướng”.
– Bản DMT khắc là ĐÍCH TÔI : chắc là 2 chữ TÔI NGƯỜI bị nhầm mà thành.

TRANG 24 / B

0901 : TÙNG QUÂN = người quân tử (qua hình tượng cây tùng và cây tre mất thẳng – ĐDA).

0902 : CÁT ĐĂNG = người vợ lẽ (qua hình tượng dây sắn leo vào cây mây – ĐDA).

0904 ; XÍCH THĂNG = chỉ hồng ; NHIỆM TRAO = trao cho một cách kín đáo (ĐDA).

0907 : MÂY TẦN : mây Tần Lĩnh, chỉ cảnh xa quê, nhớ nhà. Hai bản Huế đổi lại thành MÂY VÂN, với cấu trúc đổi lại GIÓ GIỤC ở trước.

0909 : Xưa khắc BẠT LUY nhưng nay nên đọc GẠT LỆ. Có quan hệ lịch sử giữa 3 âm V-B-G : VẤP HÒN ĐÁ, ở Nghệ nói GẤP HÒN ĐÁ, ở Huế nói BẤP HÒN ĐÁ.

0910 : ĐẰM ĐẰM : chữ Nôm khắc không chuẩn. Hai chữ THU, KHƠI ở hai câu 0914, 0915 sau đó cũng khắc không chuẩn.

0917 : 5 bản, mà chủ yếu là các bản miền Bắc, đều đổi ÚA HỒNG thành XEN / CHEN HỒNG : rất có thể đó là do các bản ấy đều được tin là nhà thơ đã tự chữa lại.

TRANG 25 / A

0923 : – Chữ DA khắc như chữ LỪNG. Đoạn sau cũng có chuyện khắc sai : ở câu 0933 THỜ khắc như XA.

0925 : – Vốn là LỜI LẢ nhưng chữ LỜI khắc in sai ?

– Hay vốn là CHỚT NHẢ ghi theo lối Nam Bộ ? Theo VVK, TUYẾT có thể đọc CHỚT, LỬ / LẢ có thể đọc NHẢ. Dị bản CHỚT NHẢ (= ăn nói không đúng đắn – HP) nghĩa cũng gần với LỜI LẢ. Chúng tôi phục nguyên LỜI LẢ theo đa số.

0930 : 4 chữ TREO TRANH QUAN THÁNH theo sát truyện Tàu, sau cụ Nguyễn Du chữa lại thành TRÊN TREO MỘT TƯỢNG, vì động đến Quan Thánh là dễ động đến tín ngưỡng dân gian.

0934 : MỄ = đáng vẻ bề ngoài (TĐTV) ; CHO = khiến cho.

0935 : CHÁN CHUỜNG : dùng theo nghĩa cổ là “tổ tường, bày ra trước mắt” (HTC).

0937 : – Chữ LÓT khắc hoàn toàn giống như chữ LỘT ở câu 0935 !

– Lót hoa ở DƯỚI CHIẾU là hợp lí. 8 bản chữa thành LÓT XUỐNG CHIẾU là sai, vì theo ngữ pháp tiếng Việt, LÓT XUỐNG CHIẾU thì HOA phải ở trên mặt chiếu, không lẽ người nằm trên một lớp hoa, chung với hoa !

0939 : LIỆU ĐẤT có thể hiểu là liệu tình thế chỗ mới đặt chân đến. Nhưng chắc sau tác giả chữa thành NGƠ NGẮN. 6 bản biết thế, nên đã chữa theo.

TRANG 25 / B

0902 : HÀN THỰC là ngày lễ cấm lửa, ăn đồ lạnh (khoảng 105 ngày sau tiết Đông chí) ; NGUYÊN TIÊU là đêm rằm tháng Giêng (ĐDA).

0944 : Chữ MAI khắc sai, thành chữ CHI.

0945 : XẮN VẮN, VẮN : có ý là “bám xung quanh” (HTC) ; BỜÌ = rối rít (ĐDA). Cả câu đại ý nói tin tức, thơ từ đến rất nhiều.

0951 : Chữ ĐÂY khắc không chuẩn.

0956 : Theo các bản khác thì đây là chữ LÀ bị khắc nhầm. Nhưng cứ giữ chữ VỚI thì cũng hiểu được.

0957 : NẠP THÁI VU QUY là hai lễ dẫn của và rước dâu trong hôn lễ (ĐDA).

0960 : Bị bỏ trống một chữ : theo các bản khác thì đó là chữ GỬI.

TRANG 26 / A

0961 : Chữ NÀNG khắc không chuẩn, trông như chữ RẰNG.

0964 : Theo đa số bản thì Tú bà bắt đầu mắng là mắng Kiều : mắng rằng Kiều đã cướp sống Mã Giám sinh của mụ (= CƯỚP SỐNG CHỒNG MIN). Còn nếu theo các bản thiếu số thì người đầu tiên bị mụ mắng lại là họ Mã : Mã bị quy tội là đã phản bội, cướp Kiều, tức là món của quý của mụ (= CƯỚP SỐNG CỦA MIN : bản TMD, bản VNB-60) hoặc là món của quý của chung hai người (= CƯỚP CỦA CHUNG MIN : ở bản Vinh, vừa mới phát hiện – xin xem Nguyễn Tài Cẩn, *Về bản Kiều vừa phát hiện được ở Vinh, Văn hoá Nghệ An*, số tết Mậu Tý (118 & 119), tháng 1, 2008). Tuy chúng tôi tạm theo DMT (= CƯỚP CỦA CHỒNG MIN, với ý nghĩa là “cướp mất tình cảm của chồng mụ”) nhưng căn cứ cả đoạn 15 câu thơ thì :

- Đúng là ở 8 câu đầu Tú bà mắng họ Mã ;
- Còn trong 7 câu sau, bắt đầu từ câu : “Con kia đã bán cho ta”, mụ mới quay sang mắng Kiều.

Vậy có lẽ CƯỚP CỦA CHUNG MIN mới là dị bản đúng, người chép DMT đã nhầm CHUNG thành CHỒNG, theo âm ; còn đa số bản nhầm CỦA thành SỐNG vì gần tự dạng.

- 0965 : 6 bản dùng dị bản BẢO RẰNG. Nhưng nói BẢO THỈ thì vẫn được, mà lại còn rất sát với khẩu ngữ ! Cũng có khả năng chữ LÀ khắc nhầm thành chữ THỈ.
- 0969 : Chữ MẮT vẫn khắc thành chữ TRẬT. Nhưng, như đã nói, TVK vẫn cho là không sai.
- 0970 : Chữ THÔI khắc cũng không chuẩn.
- 0973 : Chữ LÃO 老 khắc thành chữ NÀY 尼.
- 0978 : BỈ TIÊN = roi bằng da (ĐDA).

TRANG 26 / B

- 0991 : HIÊN TÂY bị đảo nhầm thành TÂY HIÊN làm mất vần với câu trước, câu sau.
- 0992 : – Chữ CHẠY khắc nhầm thành chữ XU ;
 – THUỐC MEN bị khắc nhầm thành THUỐC THANG, vì THANG không hiệp vần được : âm A có khi đọc thành IÊ, nhưng từ Nghệ Tĩnh ra Bắc âm cuối -N không thể đọc như - NG. Mà sự giống nhau về âm cuối lại là điều kiện rất quan trọng trong vấn đề hiệp vần !
- 0998 : Chữ MUỐN bị khắc nhầm thành chữ TỬ.

TRANG 27 / A

- 1002 : DẦU DẦU = dần dần tỉnh lại (ĐDA).
- 1004 : ỔN THÓT có trong từ điển với nghĩa là “nịnh nọt, dèm pha” (VNTĐ). Hai thanh phù ỔN và THÓT khẳng định cách đọc ỔN THÓT là có cơ sở. Nhưng ỔN THÓT là một từ ghép cổ,

khó hiểu nên đã bị các bản về sau đổi khác đi, thay bằng KHUYÊN GIẢI.

1020 : MỘT CHỒNG là khắc sai. Vốn là chữ NỢ viết tắt bằng chữ NỮ (như ở câu 1019 trước đó) ! Ở DMT, NỮ chuyển thành chữ MỘT viết tắt, rồi các bản khác sao ra thành chữ MỘT đủ nét. NỢ đã nhầm thành MỘT thì chữ CHỒNG động từ (trong CHỒNG CHẤT) cũng viết nhầm thành danh từ CHỒNG (như trong CHỒNG VỢ) !

TRANG 27 / B

1021 : – TẮM NGẤM / TÂM NGẤM = lằm lì, ít nói (TĐTV/HP) ; bộ lì lì im lặng (VNTĐ).

– Chữ thứ 5, theo TVK, có thể đọc cả CÚI cả CUỐI. Đọc CÚI cũng rất có nghĩa. Nhưng vì 6 bản dùng GÓT ĐẦU nên chúng ta tạm chọn dị bản CUỐI ĐẦU để có nội dung tương tự.

1023 : THÌ NHÀ là 2 chữ ĐƯỢC NHƯ khắc sai mà thành.

1025 : LỆ là từ cổ với nghĩa là “sợ”.

1028 : DỐI hay ĐỐI ? Chữ này có 2 cách đọc, nên chọn bên nào ? Có chữ LÒNG kèm theo, phải chăng nên theo cách nói THAY LÒNG ĐỐI DẠ trong tục ngữ ?

1033 : DMT khắc TRƯỚC SAU, nhưng chắc nhầm. Trong TTTN có nói đến toà lâu tên là NGỪNG BÍCH, vậy phải đọc TRƯỚC LẬU.

1034 : Chữ CHUNG khắc không chuẩn.

1035 : TƯ BỀ : phải chăng vốn là BỐN BỀ, nhưng vào Huế đã bị đổi thành TƯ BỀ ? Nhưng TƯ BỀ vẫn hiểu được.

1040 : – HẤY như trong HẤY CÒN.

– Dùng thanh phù TỪ để ghi CHỜ : trường hợp này đã có trong TVK.

TRANG 28 / A

- 1045 : Nhớ nhầm điển cố : phải SÂN LAI, chứ không phải BÔNG LAI !
- 1048 : Câu này chắc sau đã được nhuận sắc lại như hiện biết. Nhưng chưa chứng minh được chắc chắn là do tác giả tự chữa nên chúng tôi xin giữ lại theo bản sơ thảo.
- 1054 : Trước chúng tôi đọc OM THÒM. Nhưng TH, S có thể chuyển đổi cho nhau nên sau lại đọc OM SÒM cho phù hợp với từ điển (HP). Rồi chúng tôi lại nghĩ đến khả năng đọc ÂM SÂM vì trên nguyên tắc, THÂM đọc SÒM được thì đọc SÂM lại càng được. Nay chúng tôi chủ trương nên phục nguyên ÂM ÂM theo hai bản QVD và VNB-60. Đây là 2 bản của miền Bắc, chắc các vị sao chép biết tin là tác giả đã chữa lại nên họ cũng chữa lại cho cập nhật.
- 1055 : Chữ CHUNG 終 khắc thiếu nét nên trông thành ĐÔNG 冬.

TRANG 28 / B

- 1064 : – TRÔNG CHÀNG, NÀNG CŨNG... là câu trong bản phác thảo đang theo sát truyện Tàu. Đoạn Thuý Kiều mới nghe Sở Khanh “hoạ vờ”, mới thấy Sở Khanh cũng “mạch thư hương” thì TTTN cho nàng có ý nghĩ “nếu chàng này có thể cứu thoát ta thì dù ta theo chàng đi nữa, cũng là may mắn”. Bởi vậy, đoạn sau đó tác giả viết tiếp : “Thuý Kiều bỗng lại nghe tiếng Sở Khanh ngâm nga ở bên kia lầu, liền tựa cửa sổ, GHÉ MẮT TRÔNG KÍNH”. Chi tiết cuối cùng này, lúc đầu nhà thơ đã theo sát. Nhưng về sau, ở bản Vinh, nhà thơ đã đổi lại thành TRÔNG NÀNG, CHÀNG CŨNG RA TÌNH ĐEO ĐAI. Đổi lại là để gây thiện cảm cho Kiều và vạch mặt tính trai lơ của Sở Khanh. Các bản miền Bắc không biết chuyện đó nên vẫn in theo dị bản sơ thảo hiện thấy trong DMT, TVKY và ADM.

– ĐEO ĐAI = “vấn vương, quyến luyến”. Như “deo đẳng” (TĐTV).

1065 : THAN ÔI bị khắc nhầm thành ÔI THAN.

1067 : GIÁ ĐÀNH = cái phẩm giá rõ ràng là... (xin xem lại chú thích ở câu 0208, trang 7/A).

1068 : GIÃ GIÀY / DẤ DẦY = giày vò, chà đạp (ĐDA).

1069 : – DMT dùng NỔI CƠN với nghĩa “nổi cơn giận”, nghe rất Việt Nam ! Các bản khác đổi thành NỔI GAN, TỨC GAN, SỐT GAN vị tất đã hay hơn.

– TRỜI GIÀ bị đổi nhầm thành TRỜI HOA.

1074 : Trong dị bản 4 câu : VẼ, VỐT là dùng dây câu và dùng vọt để đưa ra khỏi nước (HTC). Chúng tôi không đọc VẼ CHÂU vì sai ngữ pháp : VẼ không phải là động từ cập vật, có bổ ngữ đối tượng như HOÀN trong HOÀN CHÂU của tiếng Hán. Do đó VẼ CHÂU cũng không thể dùng để sánh đôi với VỐT NGỌC được. Tuy dùng VẼ, VỐT lấy từ lối nói của ngữ dân, nhưng điều đó cũng không làm mất đi sự liên hệ với điển cố văn học vì hai chữ CHÂU và NGỌC đủ để gợi cho chúng ta nghĩ đến các điển cố thú vị đó.

Cách đọc VẼ CHÂU VỐT NGỌC đã được ADM ghi ra bằng Quốc ngữ trong tác phẩm năm 1884 của mình. Đây là một chứng cứ cho thấy cách đọc đó đã được các nhà Nho Nam Bộ chấp nhận vào thời bấy giờ, vì khi ADM biên soạn sách, xung quanh ông đã có nhiều nhà trí thức Việt Nam giúp đỡ : Trần Nguyên Hanh, Trương Vĩnh Ký, v.v. Cũng không loại trừ khả năng là trong vấn đề này ADM đã tham khảo ý kiến của cả chính Duy Minh Thị.

1076 : GIỜ VỜ là biến thể của CHỜ VỜ. GIỜ VỜ nay đã mất nhưng CHỜ VỜ thì vẫn còn. Vậy xin phục nguyên CHỜ VỜ với nghĩa là “lẻ loi, lơ lửng giữa khoảng rộng, vắng” (TĐTV/HP).

TRANG 29 / A

1083 : HÔM DAO là từ cổ, với nghĩa là “hôm sớm”. Nhưng có thể tác giả dùng HÔM DAO với nghĩa là “từ đầu hôm đến sáng” tức là QUA ĐÊM, rồi sau mới chuyển từ ý QUA ĐÊM thành TAN SƯƠNG. Tác giả có tự nhuận sắc như vậy thì mới dễ hiểu được vì sao hiện nay cả 8 bản của cả 3 miền đều nhất trí chọn dị bản TAN SƯƠNG.

1091 : THOI THÓT = lơ thơ, lác đác, lẻ tẻ (TĐTC). Từ cổ này còn thấy dùng trong *Chinh phụ ngâm*.

1092 : Câu này hiện có những cách hiểu khác nhau, sau đây là cách hiểu của chúng tôi.

– Trước hết phải bàn về chữ nghĩa :

+ Chữ cuối câu, theo TVK, có thể đọc MÀNH mà cũng có thể đọc VÀNH ;

+ Căn cứ chữ viết, có người đọc TRÀ MI, có người đọc ĐỒ MI. Nhưng nhà thơ không lầm lẫn 2 thứ hoa này đâu, vì sách vở cho cụ biết hoa ĐỒ MI thuộc họ TUỜNG VI, và nở hoa mùa hè ; còn hoa TRÀ MI thuộc họ SƠN TRÀ, và nở hoa về cuối mùa thu. Khi Kiều gặp Sở Khanh đang là mùa thu vậy chỉ có thể có giá hoa TRÀ MI mà thôi... Ngay hoa SƠN TRÀ cùng họ cũng nở hoa về mùa xuân.

+ Chữ thứ 6 không thể đọc TRẮNG, vì chim vừa về tổ, ngày 21 không thể có trăng sớm thế. Vả lại theo cụ Nguyễn Du, Sở Khanh đến ngay, chứ không đến khuya như trong TTTN, khi Sở Khanh đến làm gì trăng đã lên.

+ Theo cụ Đào Duy Anh, chiều tối, hoa TRÀ MI dẫu ở GIÁ hay không cả ĐOÁ đều ngậm lại, không tròn vành như ban ngày nữa, nên nhà thơ mới mô tả “TRÀ MI ĐÃ NGẬM NỬA VÀNH RỒI”. Nhưng ở tiếng Việt có chữ LỪNG với nghĩa là “không đầy”, “nửa chừng” (VNTĐ), “một nửa” (TVVL) : nói LỪNG NỬA BÁT NƯỚC được thì nói LỪNG NỬA VÀNH cũng được.

Và nói GIÁ TRÀ MI ĐÃ NGẬM LUNG NỬA VÀNH là để cho rõ nghĩa hơn cái ý là hoa đã khép vành lại chỉ còn nửa chừng nữa mà thôi.

– Tóm lại chữ thứ 6 trong câu, chúng tôi không đọc TRẮNG, cũng không đọc GUỜNG mà đọc LUNG.

1094 : Chữ DẤY cũng có nghĩa là “đẩy” : nó là dạng xát hoá của ĐẨY nên chắc phải viết với dấu hỏi.

1096 : Khắc không chuẩn, nhưng có thể đoán biết là chữ ĐOẠN. Cách khắc in này còn gặp nhiều lần, xin xem các câu 1251, 1265, v.v. 7 bản không dùng ĐOẠN mà dùng LẠY, nghe có vẻ hay hơn, nhưng chắc không đúng ý tác giả. Sự chọn lựa rất có hệ thống : nói Sở Khanh LÈN VÀO chứ không phải BƯỚC VÀO ; nói Kiều ĐOẠN THÔI chứ không phải LẠY THÔI ; cho Kiều tự nhận RẰNG TÔI BÈO NƯỚC XỐT THÂN chứ không phải BÈO BỌT CHÚT THÂN : đó đều là những cách nói cụ Nguyễn Du dùng để hạ bệ Sở Khanh và để nâng uy tín Kiều. Các bản chỉ nghĩ đến mặt “viết sao nghe cho hay” thì không thấy được sự dụng ý đó của tác giả.

1098 : Đúng phải là YẾN ANH. Nhưng người chép ở Nam Bộ đọc OANH cũng như ANH, nên phạm sai lầm.

TRANG 29 / B

1101 : Căn cứ tự dạng đã cho ở VVK, thì phải đọc THẨM THÍA. Có thể Sở Khanh chỉ đóng kịch như vậy, nhưng đó là một chuyện khác, nằm ngoài phạm vi phiên Nôm.

1107-1108 : Trong 2 câu này chữ CÓ đều khắc không chuẩn.

1109 : Chữ VÚT (= “di chuyển rất nhanh, thẳng một đường và như mất hút ngay đi” (theo TĐTV/HP) khắc theo lối Nam Bộ (VVK/I, 1994, trang 63).

1110 : Chữ GỈ bị khắc nhầm thành chữ NÀO, không hiệp vần được với 2 câu trước.

1114 : Bản DMT khắc chữ ĐÁN 𡗗, nhưng không nên đọc ĐẾN như thường lệ. Có phần chắc đó là một chữ TRỐN ghi theo lối cổ. Có nhiều tiền lệ về việc dùng Đ để ghi TR và dùng AN để ghi ỚN.

Một ví dụ : thế kỉ 17 chính Maiorica đã dùng ĐAN để ghi TRỌN theo đúng quy tắc như vậy.

1115 : Chữ GIÁO // GIAO có thể đọc thành GIEO theo kiểu như BẢO > BEO. Ở Nam Bộ, theo VVK, chữ này đọc RẢO. Căn cứ văn cảnh, chúng tôi tạm chọn GIEO, đề nghị bạn đọc cân nhắc thêm.

1117 : DƯỚI LẦU cũng có nghĩa và cũng đúng ngữ pháp, nên có 8 bản tán thành theo. Nhưng dùng chữ XUỐNG như ở KOM thì chắc hợp với văn cảnh hơn. Có lẽ xưa nhà thơ đã dùng cách ghi gồm bộ XÍCH cộng với chữ HẠ, để ghi XUỐNG, nhưng cách ghi này đọc DƯỚI cũng được (xin xem VVK) nên sau phát sinh ra 2 cách hiểu trong khi sao chép : người cho là XUỐNG, người cho là DƯỚI.

TRANG 30 / A

1119 : VỢI = bớt đi (VNTĐ).

1123 : Chữ XÁC khắc không chuẩn, trông thành chữ có thể đọc NHÁO, NHÉO, GHEO.

1126 : – Chữ KHANH khắc cũng không chuẩn.

– Chữ RỄ dùng thanh phù TRỈ, phản ánh cách đọc TRỄ > TRỆ của vùng Nghệ Tĩnh. Nhưng theo quy tắc đọc Nôm, vẫn phải đọc RỄ theo khả năng của tiếng phổ thông hiện đại.

1132 : Đây là một câu dùng ...DUỐI ... TRÊN..., với nội dung nói là không có phương tiện (hàm ý là để tẩu thoát) nên hoàn toàn hiểu được, và có 5 bản tán thành theo. 4 bản đổi sang ... XUỐNG ... LÊN ... thì nói rõ hơn là “không có phương tiện, và không tẩu thoát được”, nên hiện nay dễ được người đọc thích hơn. Sự hình thành 2 loại dị bản này chắc cũng bắt nguồn từ cùng một nguyên nhân như chúng tôi đã phân tích ở câu 1117 trên đây.

1134 : Ghi ÂM ÂM thì có 2 khả năng đọc : theo từ điển TVK, có thể đọc HẨM HẨM hoặc HẪM HẪM. ĐDA đọc theo khả năng đầu. Nhưng trong TĐTV/HP hiện nay chỉ có HẪM HẪM hoặc HẪM HẪM ; mà đọc Nôm thì, trên nguyên tắc, phải theo ngữ âm hiện đại. Vì vậy chúng tôi phục nguyên HẪM HẪM.

1135 : Đa số các bản đều ghi bằng 2 chữ HÙNG HÀNH 興 行. HÙNG có nghĩa là “nổi lên”, HÀNH có nghĩa là “hành động”. TVKY căn cứ văn cảnh, giảng HÙNG HÀNH là “làm hung, hung hăng”. Nhưng trong tiếng Hán, HÙNG HÀNH tự thân nó không có ý nghĩa xấu ! Có thể (như ở *Thiên Nam ngữ lục*) HÙNG HÀNH BẤT NHÂN nhưng cũng có thể HÙNG HÀNH chuyện tốt : như trong văn Âu Dương Tu có câu *Lễ nhượng hưng hành nhi phong tục thuần mỹ* (= Lễ nghĩa, khiêm nhường dấy lên thực hiện và phong tục trở nên thuần mỹ).

Mặt khác :

– Chữ HÀNH // HÀNG có thể dùng ghi Nôm chữ HẪNG (xin xem TVK) ;

– Và chữ HÙNG trong từ điển Khang Hi cho biết còn có cả cách đọc là HUNG.

Vậy chắc khi diễn Nôm cụ Nguyễn Du dùng 2 chữ Hán này để ghi 2 chữ Nôm HUNG HẪNG của tiếng Việt.

Có điều cách ghi này có thể gây hiểu nhầm, nên KOM đã đổi lại cách ghi khác cho rõ hơn.

TRANG 30 / B

1140 : Trong trang này rất nhiều sai sót về cách ghi chữ Nôm :

- Ở câu 1140 : ghi sai cả chữ THỊT, cả chữ CẮT, cả chữ MÁU ;
- Ở câu 1149 : ghi sai ĐƯỢC thành TRÌ ;
- Ở câu 1151 : ghi sai CÓ thành CỔ.

1141 : 8 bản đều dùng CHÚT PHẬN ĐÀN BÀ, cho rằng như thế hay hơn. Nhưng cụ Nguyễn Du có chủ kiến rất rõ ràng là không bao giờ để Kiều tự hạ mình quá. Vì vậy, ngay trong sơ thảo cụ đã viết RẰNG TÔI TRỐT PHẬN ĐÀN BÀ. Tiếc rằng các bản về sau không thấy dụng ý đó của nhà thơ, và đem TRỐT đổi thành CHÚT !

1146 : Dùng chữ ĐÂY theo kiểu bình thường thì cũng hiểu được. Nhưng phải phục nguyên ĐỂ vì đây là chữ đọc ĐỂ cũng được (xin xem VVK/II/ trang 108).

1148 : Đây là một câu người bình thường thì chê, nhưng một nhà phê bình sắc sảo như Nguyễn Lượng thì lại rất khen vì biết nhà thơ đau đớn viết ra câu này là để mai mỉa cuộc đời, chửi thẳng vào tấn bi kịch của cuộc đời.

1154 : Có 3 cách đọc GẶN GỪNG, ĐÓN RÀO, ĐON SÔNG đã được đưa ra, nhưng nay chúng tôi đều cho là không đúng cả (tuy trước kia chúng tôi cũng đã từng đọc là ĐÓN RÀO !).

– Về chữ đầu, TVK cho là có 6 cách đọc ĐON, ĐÓN, ĐỐN, RÓN, NHÚN, DÚN ; về chữ sau TVK cho là có 3 cách đọc SÔNG, SỒNG, TRÔNG, và VVK còn cho thêm cách đọc TRÒNG ở cuốn II/1994, trang 244. Chúng tôi đề nghị nên chọn DÚN // GIÚN và TRÒNG.

– Về DÚN // GIÚN : TVVL 1772-1773 cho ví dụ GIÚN DÂY, HTC thêm GIÚN SỢI MÂY ; về TRÒNG, HTC cho ví dụ TRÒNG VÀO CỔ. Các từ điển đều giảng DÚN // GIÚN DÂY là vặn dây cho xoắn chặt, giảng danh từ TRÒNG là thông lọng và giảng động từ TRÒNG VÀO CỔ là quàng thông lọng hay cái vòng cho mắc vào cổ.

– Về ngữ pháp có thể có 2 cách hiểu : nếu hiểu là “dún và trông” thì DÚN TRÔNG giống như kết cấu RÀNG BUỘC, còn nếu hiểu là “dún cái trông” kiểu như DÚN SỢI MÂY thì DÚN TRÔNG lại rất gần với GIẬT GIÀM (GIÀM, theo ĐDA, cũng là một thứ bầy bằng dây thông lọng !) ;

– Còn về nghĩa bóng, rõ ràng nói DÚN // GIÚN TRÔNG một người nào thì cũng đưa đến kết quả là làm cho người ấy bị mắc chặt vào một số điều kiện nào đấy. DÚN TRÔNG ĐẾN MỨC NỒNG NÀN là thất buộC, o ép đến mức “gắt quá” (VNTĐ).

TRANG 31 / A

1163 : 7 bản ghi là BA TRĂM LẠNG ! Một con số rõ ràng là vô lí. Bản KOM chữa lại thành BA MƯỜI theo TTTN, nhưng TRĂM và MƯỜI tự dạng rất khác nhau, không thể nhầm từ chữ này thành chữ kia. Chúng tôi đã có bài chứng minh rằng có lẽ cụ Nguyễn Du vẫn không đồng ý với con số BA MƯỜI LẠNG của TTTN mà cụ cho rằng còn cao quá, so với cái giá trị của Sở Khanh ; và cụ đã đổi thành CỐ BA DẶM LẠNG. Nhưng cụ viết chữ DẶM như LĂM (LĂM > GIĂM > DẶM) 𣎵 nên các bản sau sao nhầm thành TRĂM 𣎵 (xin xem cách ghi LĂM ở TVK và cách dùng LĂM đọc DẶM ở VVK, 1994 / II, trang 241).

1164 : DMT chọn biến thể KHÔNG NHỪNG thay cho KHÔNG DỪNG. Điều thú vị là HTC cũng chọn KHÔNG NHỪNG, nhưng lại dẫn câu Kiều này ở mục từ DỪNG !

1166 : Trong câu này có 2 chỗ phải cân nhắc :

– Chữ THUỶ + LAI 淩 nên đọc như thế nào ? Chữ này thường đọc LẦY, nhưng chúng tôi đọc RẦY vì trong chữ Nôm có quan hệ chặt chẽ giữa L và R. Trong câu, 3 chữ CHỚ RẦY CHI có nghĩa là chớ “quở mắng, ngầy ngà” (HTC), vậy cũng có nghĩa tương đương,

gắn với dị bản CHỚ SÂN SI của Huế. Theo HTC, CHỚ SÂN SI cũng có nghĩa là chớ “gây gỗ”.

– Cuối câu, bản DMT và các bản miền Bắc đều ghi MÀ ĐỜI. Phải chăng nên hiểu là câu chưa nói hết ý ? Nghĩa là phải hiểu :

Bớt lời kêu ! Chớ rầy chi ! Mà đời !

Hai bản Huế đưa ra dị bản THIỆT ĐỜI, không hiểu đã dựa trên cơ sở nào ? Chúng tôi đã thử đưa ra giả thuyết : nhà thơ đã dùng chữ MI // MỊ 靡 Hán Việt với nghĩa là “tổn hại”, “suy tệ” (theo ĐDA) ; rồi hai bản Huế đã đọc theo nghĩa là THIỆT. Chữ MI // MỊ rất gần với chữ MÀ 糜 .

– Vậy cần tiếp tục cân nhắc : nên chấp nhận MÀ ĐỜI hay THIỆT ĐỜI ?

1172 : DỌ là từ cổ, nay nói là DÒ, như trong “thăm dò”, “hỏi dò”, “dò xét”, v.v.

1173 : Chữ MÂY khắc nhầm thành chữ TRẮNG ; TRẮNG thì mất hiệp vần.

1176 : Các bản đều in hai chữ VÂNG LỜI, riêng DMT in LA TRỜI ! Nhầm lẫn vì tự dạng gần nhau ? Hay đúng là theo truyện Tàu ? Vì trong TTTN quả là Kiều đã kêu trời, làm ầm lên.

TRANG 31 / B

1181 : – DẤY với nghĩa là “xô đẩy” ở HTC lại viết khác ĐDA : viết với dấu ngã ! Có lẽ nhầm.

– GIẾNG THỜI = giếng đào sâu, có xây bờ (ĐDA). Nhưng cách ghi ở DMT hơi lạ, chúng tôi chưa giải thích được. Phải chăng dùng THAY rồi thêm dấu cá nháy ?

1187 : Chữ PHỤ khắc nhầm thành RIÊNG. Chữ RIÊNG nhiều khi khắc gọn thành chữ TRINH (như ở 2 câu 0711, 0718 chẳng hạn), mà

TRINH thì rất dễ nhầm với PHỤ. Chắc người sao thấy PHỤ, tưởng là RIÊNG viết tắt, rồi viết lại chữ RIÊNG cho đủ nét.

1194 : Vì kị huý chữ GIỐNG // CHÚNG 種, bản DMT khắc chữ GIỐNG // CHÚNG 衆 .

1196 : KẼO = tránh khỏi (HP).

1197 : Chữ VỠ khắc theo kiểu đặc biệt.

TRANG 32 / A

1199 : DMT dùng chữ LĂNG 朗, chữ này TVK đọc RẠNG nhưng VVK đọc SÁNG. Chúng tôi theo VVK vì bản DMT chép ở trong Nam. Hơn nữa chữ SÁNG ăn khớp với chữ TRONG ở sau hơn là chữ RẠNG.

1200 : SÁNH LẠI = kể lại cho ngang hàng (HP).

1202 : 7 bản dùng 2 chữ LÀNH CHƠI, bản DMT thì dùng 3 chữ CON NGƯỜI TA. LÀNH CHƠI nghe có vẻ hay hơn, nhưng chúng tôi ngờ rằng nàng Kiều mới vào nghề, đang thẹn thùng, nên nhà thơ cho Tú Bà dùng 3 chữ CON NGƯỜI TA có vẻ chung chung hơn.

1203 : DẬP DÌU = đông người, cùng nhau vui chơi (ĐDA).

1206 : Dùng CÓ thì tự nhiên như trong khẩu ngữ. Nhưng cũng có thể đó là chữ MẤT viết tắt, khắc nhầm mà thành. Cần cân nhắc thêm. Riêng chúng tôi, chúng tôi thiên về CÓ.

1213 : Theo ý chúng tôi, chữ KHOẾ khắc nhầm thành chữ NGHE 聒 . TVKY vẫn giảng theo NGHE HẠNH, nhưng NGHE HẠNH thì không đối được với 2 chữ NẾT NGÀI ở sau.

1217 : Chữ CUỐI khắc nhầm thành chữ GỌI. TVKY đọc CÚI ĐẦU nhưng chúng tôi ngờ rằng tác giả không để Kiều ở tư thế như vậy

đầu. Và lại có 4 bản dùng GÓT ĐẦU, GÓT ĐẦU thì gần với CUỐI ĐẦU.

1218 : Chữ CHIỀU khắc không chuẩn.

TRANG 32 / B

1221 : Chữ XỐT viết theo kiểu này cũng có người đọc thành TỬ. Chúng tôi đọc XỐT theo từ điển TVK. Và lại đến câu 1234 XỐT XA cũng viết như vậy. Không lẽ đọc TỬ XA !

1222 : Chữ đầu bị mờ bên trái, nhưng so với 2 lần tái bản 1879, 1891 thì biết đây là chữ VỞ Nam Bộ.

1229 : Chữ LẢ khắc theo kiểu Nam Bộ (xin xem *Bảng tra chữ Nôm miền Nam* của VVK, trang 36).

1232 : Tống Ngọc là người kể cho Sở Tương vương nghe chuyện tiên vương xưa gặp thần nữ ở núi Vu sơn ; Trường Khanh là một danh sĩ đa tình đời Hán ; cả hai nhân vật này đưa ra để chỉ chung những hạng người phong lưu, thích ăn chơi (ĐDA).

TRANG 33 / A

1242 : – Chữ THÂU 偷 khắc sai, trông giống như chữ LUÂN 倫.

– Theo Nguyễn Bá Triệu thì chữ NGÂM trong câu này có lẽ cũng do chữ LẠNH viết nhầm mà thành. Cần phải cân nhắc thêm.

1249 : Hai chữ THỜ Ờ khắc không chuẩn.

1250 : – Hai chữ NGẮN (trong NGẮN NGO) và GIỎI (trong GIỎI MÀI) khắc cũng không chuẩn.

– HTC không có từ ghép DỐI MÀI, DÙI MÀI mà chỉ có GIỎI MÀI. Từ ghép này tuy viết Nôm khác nhưng được giảng nghĩa ở

cả mục chữ GIỎI (là “và trau và mài làm cho trơn bén”) ; ở cả mục chữ MÀI (là “trau giỏi, sửa soạn”). Lối nói GIỎI MÀI KINH SỬ, HTC cũng đưa vào đây và giảng nghĩa bóng là “chuyên học kinh sử”.

Đến từ điển gần đây hai chữ GIỎI MÀI với nghĩa bóng là “cặm cùi” ấy chuyển thành DỒI MÀI và thường là DÙI MÀI, tuy bản thân chữ GIỎI (= xoa phấn trang điểm) vẫn chưa hoàn toàn bị gạt bỏ, và vẫn thường thiên về viết là DỒI (xin xem VNTĐ và TĐTV/HP).

1257 : Chữ CHÚT khắc không chuẩn.

1258 : Đặc biệt chữ CAM đã bị biến dạng quá nhiều.

TRANG 33 / B

1259 : Chữ TAM phải đọc theo nghĩa, thành BA.

1274 : Có 2 khả năng :

– Chữ XUYẾT viết đúng và có nghĩa là “liên”, “liên kết”, “nhiều lần liên tiếp với nhau”, “liên với nhau” : trường hợp này XUYẾT NHỤC có thể hiểu là “nhục nối nhục” ;

– Bản DMT khắc một chữ XUYẾT sót bộ KHẨU hoặc sót bộ TÂM. Trường hợp này XUYẾT NHỤC lại có nghĩa là “nuốt nhục”. (nếu có bộ KHẨU) hoặc “khổ nhục” (nếu có bộ TÂM).

Nhưng có lẽ cả mấy cách nói XUYẾT NHỤC đó đều vẫn khó hiểu, nên về sau tác giả đã phải chữa lại thành SỈ NHỤC. Tác giả đã tự chữa nên 8 bản còn lại đều in theo một cách nhất trí.

1276 : Chữ LOẠI Hán Việt thường đọc Nôm thành LOÀI. Nhưng đọc NÔI cũng đúng quy tắc đọc Nôm, vì có quan hệ L / N (như trong cách viết TỬ + LỢI = NÔI), và quan hệ OAI / OI (như trong THUỶ + NGOẠI = NGÔI). Từ điển TVK cũng đã ghi nhận cách dùng LOẠI để ghi NÔI.

TRANG 34 / A

1280 : Chữ THIẾP khắc không chuẩn.

1282 : Chữ thứ 5 đọc NẾT cũng được, đọc NẾT cũng được. Nhưng ở đầu câu đã có VỀ nói về ngoại hình thì ở đây nên đọc NẾT để nói về tính tình bên trong. TVKY và ADM đều đã đọc NẾT.

1283 : Chữ HẢI, chữ TƠ đều khắc không chuẩn.

1291 : Cả 8 bản khác đều DỊP ĐẦU, riêng DMT vẫn dùng DỊP SAO. Có lí do lịch sử, nhiều trường hợp nay quen dùng ĐẦU thì xưa dùng SAO, hoặc nay quen dùng SAO thì xưa dùng ĐẦU.

1295 : Chữ GÁC khắc không chuẩn.

1296 : Chữ THƠ cũng khắc không chuẩn.

1297 : – Ở trên đã có một câu lục nói cảnh trí giữa thiên nhiên, rồi tiếp một câu bát nói về cảnh vui chơi trần tục :

Khi GIÓ gác, khi TRĂNG sân

Bầu tiên DỐC RƯỢU câu thần NỐI THƠ

thì ở đây cũng vậy :

Khi SƯƠNG sớm, khi MÂY khuya

BÀN VÂY LỬA NƯỚC, ĐƯỜNG TƠ HOA ĐÀN

Nhưng SƯƠNG đã bị nhầm thành HƯƠNG ! Do nhầm như vậy, KOM thậm chí còn đổi cả MÂY thành TRÀ ! Còn về lí do nhầm SƯƠNG thành HƯƠNG thì chúng tôi đoán như sau : SƯƠNG đã được ghi Nôm theo giọng Bắc thành XƯƠNG, mà XƯƠNG thì có cả âm cả tự dạng không xa HƯƠNG lắm nên người sao chép dễ lạc từ bên này sang bên kia. Cách giải thích nguyên nhân có thể còn cần cân nhắc thêm, nhưng dứt khoát là nhà thơ đã viết chữ SƯƠNG chứ không phải chữ HƯƠNG.

– Chữ TRƯA khắc không chuẩn.

TRANG 34 / B

1299 : 5 bản dùng MIỆT MÀI nhưng DMT dùng MỆT MỜ với nghĩa là “lu bù, không thấy đàng” (HTC). Chữ MỆT viết theo lối miền Nam, xin xem VVK/I. Vì có tiền lệ Ơ > AI (quả MỜ > ô MAI) nên sau MỆT MỜ chuyển thành MIỆT MÀI.

1300 : Chữ DAN khắc có “gia dạng” để kị húy, vì có thanh phù LAN.

1303 : Chữ NẾT khắc sai, trông như chữ THẤP !

1309 : Riêng bản này khắc PHÒNG LA. Nếu đọc theo âm cổ Hán Việt ta có BUÔNG LÀ ; còn nếu đọc theo nghĩa thì cũng có người có thể đọc thành BUÔNG THE, vì sự phân biệt giữa LÀ với THE không phải ai ai cũng biết rành rọt. Chứng cứ là ở câu 0454 6 bản đọc DẢI LÀ HƯƠNG LỘN nhưng 3 bản lại đổi thành GIẢI THE.

1310 : – THANG HUƠNG cũng là dạng kị húy : phải phục nguyên lại là THANG LAN.

– Chữ RỦ khắc gần như chữ NÂNG.

– Hai chữ cuối câu theo mặt chữ thì phải đọc SẠCH HOA. Nhưng nếu nghĩ đến khả năng có thể khắc sai thì cũng phải dự kiến đến cả các cách đọc CHẢI HOA, CHIẾNG HOA, v.v. (Trong VVK/I, CHẢI = thủy + chỉ ; trong TVK, GIẾNG = thủy + chính, nhưng ở Nghệ Tĩnh GIẾNG lại nói CHIẾNG, trùng với âm CHIẾNG trong CHIẾNG HOA = “nở hoa”). Có lẽ CHẢI HOA thì hợp hơn.

1314 : Chữ THẢO chỉ khắc theo bộ THẢO 艸 chứ không khắc trọn vẹn cả chữ.

1318 : Chữ QUÊ khắc nhầm thành chữ SINH.

TRANG 35 / A

1319 : Chữ CÒN khắc không chuẩn.

1320 : Ở 8 bản, hai chữ đầu câu này là HOA VẦN. Riêng bản DMT khắc 2 chữ khác hẳn, chúng tôi đoán là 2 chữ BẮN NGÒI, hoặc CẠN NGÒI, không biết có đúng không ? Chắc 2 chữ đó không phổ thông nên sau đã có sự nhuận sắc lại.

1322 : Chữ CỘI khắc không chuẩn.

1323 : TỬ DỘT hay TỬ GIỌT ? Hai bản Huế chọn TUỒN GIỌT, bản LVD chọn TỬ XỐT. Bản DMT đã dùng chữ TỬ như LVD, vậy chắc chữ tiếp sau đó là chữ DỘT. Vả lại, về tự dạng, không có bộ THUỶ !

1324 : LÚC ẤY hay LỤC ẤY ? Căn cứ chữ viết, chúng tôi nghiêng về ĐOẠN TRƯỜNG LỤC, với nghĩa là SỔ ĐOẠN TRƯỜNG. Chữ DỞ ở sau đó cũng rất ăn khớp : cách nói DỞ cuốn SỔ là một cách nói rất tự nhiên.

1329 : Chữ SINH khắc nhầm thành chữ CHỦ !

1332 : 8 bản dùng LẠCH SÔNG, riêng bản DMT dùng NGÁC sông. NGÁC là một từ cổ, cũng chỉ một nhánh sông con chảy vào sông mẹ (J.F.M. Génibrel).

1334 : Đọc TRÓT ? Hay là chữ CHÚT khắc nhầm mà thành ?.

1335 : Chữ NẤN khắc cũng không chuẩn.

1337 : Chúng tôi đọc RỬA PHẤN LAU HƯƠNG : đọc như vậy mới hợp với bản Hán văn, vì trong bản ấy Kiều có nghĩ đến lúc về nhà chồng, phải sống theo lối sống của người phụ nữ lương thiện.

TRANG 35 / B

1339 : Chữ TRĂNG khắc không chuẩn.

1340 : Chữ ĐÃ cũng khắc không chuẩn.

1343 : Hai chữ VĨ CHI đã được giải thích ở câu 0503, trang 14 / B. Xin nhắc lại : VĨ CHI = sá chi, quản chi (HTC).

1351 : – Các bản đều in sai thành LUỒN XUỐNG, duy chỉ bản DMT in đúng là LUỒN DƯỚI. Về ngữ pháp, MÁI NHÀ không phải là một điểm đến ở vị trí thấp hơn, nên nó không thể dùng sau XUỐNG. Ở Huế, bản LNP cũng ủng hộ dị bản LUỒN DƯỚI của bản sơ thảo.

– Chữ CÚI mà lại dùng bộ THỦ : cũng bất thường, không chuẩn.

1357 : Chữ DƠ khắc theo biến thể NHƠ.

1358 : Chữ NGẠI khắc tắt, không đầy đủ mọi nét ! Hay là phải đọc NGHĨ theo đa số các bản ?

TRANG 36 / A

1363 : Chữ NGẠI cũng viết tắt. Ngoài trường hợp này, về tự dạng chữ Nôm, còn cần lưu ý :

– Ở câu 1370 chữ THỎ khắc không chuẩn ;

– Ở câu 1373 chữ SẮP khắc cũng không thật đúng thanh phù SÁP.

1363 : 5 bản chọn ĐƯỜNG DÀI, chỉ 4 bản chọn ĐƯỜNG XA. Nhưng ĐƯỜNG XA được bản DMT ủng hộ. Hơn nữa, cuối câu chữ LÀO đã có dấu huyền thì phía trước thanh ngang của XA nghe có vẻ hợp hơn là thanh huyền của DÀI.

1378 : Ở đầu câu không rõ bản DMT khắc in 2 chữ gì ? Hay là 2 chữ CUNG DI như ở bản ADM nhưng khắc không chuẩn ? Hay là 2

chữ SẠCH DỒI dùng để dịch HOÀN LƯƠNG ? (Ở Maiorica có một chữ SẠCH viết đúng như thế này !). Hay là phải đọc chữ đầu là VẬY như ở câu 3066 sau này ? Nghĩa là đọc cả câu thành :

Vậy đưa một thiệp thân vào cửa công ?

(Ở VVK 1994/I chữ ĐƯA viết với chữ THỦ hoặc bộ THỦ nên gần giống tự dạng ở DMT).

TRANG 36 / B

1379 : Bản DMT bị mờ chữ thứ 2 nhưng cũng có thể đoán được là 2 chữ CÔNG, RIÊNG. Đây là cách dịch Nôm từ 2 chữ CÔNG TỬ. Nghe

Công, riêng hai nhẽ đều xong

thì hiện nay chúng ta thấy không quen bằng

Công, tư hai nhẽ đều xong

Nhưng biết đâu nhà thơ vốn có chủ trương gặng nói Nôm, như đã từng dịch NGŨ ÂM thành NĂM ÂM (ở câu 0031), dịch NGUYỆT CẨM thành CẨM TRẮNG (ở câu 0467) hoặc dịch NGŨ LUÂN thành NĂM TRÒN (ở câu 0327), v.v. ?

1380 : TRÓT ĐÃ = “trộn vện đã” (HTC) chứ không phải “lỡ đã”.

1383 : Nếu đọc HƯƠNG CÀNG SÓNG thì SÓNG có thể hiểu là “cùng ngào ngạt bốc lên, vừa lan toả, vừa quện vào nhau”. Nhưng nếu đọc HƯƠNG CÀNG LỘNG theo đề nghị của nhà Kiều học Phan Anh Dũng thì LỘNG lại có nghĩa là “(gió thổi) mạnh ở nơi trống trải”. Hương bị lộng gió thì thường cháy rực lên, và HƯƠNG CÀNG LỘNG cũng đưa đến một hình tượng gần gần như HƯƠNG CÀNG ĐUỘM hiện thấy ở 8 bản còn lại.

1384 : XUÊ là từ cổ dùng với nghĩa là “vẻ vang, xinh tốt” (HTC) ;

1385 : Chữ NĂM khắc không chuẩn. Ở câu 1387 chữ GIẬU cũng khắc không chuẩn.

1390 : – SỐT LÒNG tức là sốt gan sốt ruột, bực tức (ĐDA).

– ƠI HỒI = than kêu trời đất, như trong TRỜI ƠI ĐẤT HỒI (HTC).

1397 : Chữ NHÚNG khắc theo lối Nam Bộ (xin xem VVK/I/).

TRANG 37 / A

1401 : Trang này có mấy vấn đề về chữ Nôm :

- Ở câu này chữ QUYẾT khắc không chuẩn ;
- Ở câu 1407 chữ NHA cũng khắc không chuẩn ;
- Ở câu 1410 hai chữ RA UY khắc nhầm thành UY RA, làm mất hiệp vần.

1403 : Bản KOM in SẮT ĐÁ để nói Thúc sinh có ý định không lay chuyển được. Nhưng bản DMT chọn VÀNG ĐÁ và được 7 bản nữa tán thành theo. Chọn như thế là phù hợp với 2 câu 1365, 1366 Thúc sinh đã nói với Kiều trước đó :

Đã gần chi có điều xa

Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều

Thúc sinh đúng là không lay chuyển : nhưng đó là sự không lay chuyển trong việc bảo vệ mối tình VÀNG ĐÁ của mình. Theo ĐDA, VÀNG và ĐÁ là tỉ dụ tình yêu bền chắc.

1404 : CÁO TÌ CỬA CÔNG phải chăng là dùng với ý nghĩa “đi tố cáo” và “dựa vào thế vững” của cửa công ? Hay CÁO TÌ là “tố cáo cái sai lầm” ?

Dấu sao CÁO QUỲ nghe vẫn tự nhiên hơn : chắc nhà thơ đã tự nhận sắc, DMT đã bảo TVKY và ADM chữa lại. Hai bản TMD và VNB-60 của miền Bắc chắc cũng đã biết tin và đã thay CÁO TÌ bằng CÁO QUỲ. Còn hai bản của Huế thì chọn dị bản THÂN QUỲ.

1415 : Hai chữ NGUYÊN ĐƠN về sau bản Bùi Kỳ – Trần Trọng Kim đổi thành BÊN NGUYÊN với lí do là để cho hợp vần hơn. Chúng tôi rất ngạc nhiên sao hai vị lại có thể quên cách gieo vần của các nhà Nho xưa ! Khi làm thơ Nôm, chắc cụ Nguyễn Du vẫn dựa vào cách đọc Hán Việt và dựa vào truyền thống làm thơ chữ Hán :

– Ở cách đọc Hán Việt, trong các vần AN, AO, âm A nhiều khi có thể chuyển thành IÊ, ví dụ AN // YÊN, CÀN // KIẾN ; DAO // DIÊU, HẢO // HIẾU, v.v..

– Ở thơ chữ HÁN, vần tự quan trọng hơn ngữ âm : hai chữ đọc như nhau nhưng viết khác là có thể cùng gieo vần ; ngược lại, một chữ lại có thể gieo vần theo hai âm khác nhau : chữ ĐƠN, theo *Vận thư*, có thể thuộc vần AN // CẦN mà cũng có thể thuộc vần IÊN // UYÊN. Vì có tình hình như vậy, nhiều khi đọc giả đã phải chấp nhận những cách đọc lâm thời như NGUNG đọc thành NGU, TỈNH đọc thành TINH, NGÔN đọc thành NGHIÊN, v.v. để nghe cho hài hoà.

– Mà đó là chưa nói đến chuyện tiếng Việt thời cụ Nguyễn Du đâu có giống hoàn toàn lối nói của chúng ta : nay chúng ta nói ĐÀN ANH, cuối thế kỉ XIX HTC ghi ĐỒN ANH, còn trong Quan họ lại nói LIÊN ANH !

1418 : Câu này có thể đọc 2 cách, cần cân nhắc :

Có hai đường, Ý muốn sao mặc lòng

Có hai đường ẤY muốn sao mặc lòng

TRANG 37 / B

1426 : – Trong câu BA CÂY LẠI MỘT CÀNH MẪU ĐƠN, chữ thứ 3 là chữ TRẬT 秩. Theo TVK và VVK/II, chữ này có cả thấy 14 cách đọc, nhưng hầu như không có cách đọc nào phù hợp. Vì vậy 2 bản Huế đã phải bỏ chữ LẠI và thêm chữ ĐÓNG vào để tạo thành vị ngữ ĐÓNG CHẶT.

– Chúng tôi không tán thành cách nhuận sắc đó. Chúng tôi thấy còn một cách đọc CHỆT là tương đối phù hợp với ngữ cảnh về mặt ngữ pháp cũng như về ngữ nghĩa (về ngữ nghĩa, CHỆT có nghĩa là “bó riết lại” (HTC) ; về ngữ pháp, CHỆT có thể đứng trước chữ LẠI, có thể làm vị ngữ, lại có thể có bổ ngữ đối tượng).

– Vì vậy chúng tôi tạm thời xin phục nguyên CHỆT.

1427 : Chữ thứ ba trong câu này khắc không chuẩn : chúng tôi đoán đó là một chữ CHI in sai.

1428 : Chữ HOEN khắc thiếu nét, có thể nhầm thành ĐỐN.

1429 : Hai chữ ĐẤ ĐẦY có thể là ghi theo cách nói cổ của DẤ DÀY // GIẤ GIÀY, và có nghĩa là “dày vò, chà đạp” (ĐĐA).

1434 : Câu CÓ NGHE TRƯỚC CHẢ / CHẴNG ĐÀ SAU là một câu đã được các bản thay đổi rất nhiều.

– Câu đặt theo thể tiểu đối rất rõ :

+ Ở Bắc, bản LVD dùng MÌNH ở vế trước, dùng LỆ ở vế sau ;

+ Ở Huế hai bản LNP, KOM cũng chia 2 vế, tuy đổi MÌNH thành LỜI ;

– Nhưng bản DMT lại khắc MÌNH KẼO ! Vậy phải đính ngoa KẼO hoặc đính ngoa MÌNH ! Chúng tôi ngờ rằng ở vế trước là chữ TRỌN viết tắt (có trong Maiorica !), khắc nhầm thành MÌNH. Và câu thơ có nghĩa là :

a) CÓ NGHE TRỌN TRƯỚC = “Nếu nghe trọn vẹn lúc trước”

b) CHẢ ĐÀ KẼO SAU = “hắn đã tránh khỏi vế sau”

Các chữ CHẢ / CHẴNG không phải là từ phủ định mà là từ dùng để nhấn mạnh. TĐTV đã cho những ví dụ như thế :

Tội gì mà đi bộ = Chả tội gì mà đi bộ

Thà như thế còn hơn = Chẳng thà như thế còn hơn

Hoá ra lại là anh = Chẳng hoá ra lại là anh

TRANG 38 / A

1440 : Chữ THÂN 親 khắc nhầm thành chữ NGÀN 𣎵.

1443 : Bản DMT in XÙNG / XỤNG 𣎵 và được 7 bản khác tán thành theo. Chúng tôi có 2 ý nghĩ :

- Chắc lúc đầu tác giả sơ thảo : Tại tôi XÙNG lấy một TÔI
- Nhưng sau tác giả đọc XÙNG thành XỤNG và chữa TÔI thành TAY : theo HTC, XỤNG có nghĩa là “xung hay, xung giỏi”, và cả câu được hiểu là “tại tôi tự cho mình là tài giỏi, một tay tự quyết định mọi việc”, đúng theo tinh thần lời đã tuyên bố ở 2 câu 1363 -1364

Đường xa chớ ngại Ngó Lào

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta

Chuyển TÔI thành TAY gieo vần cũng hài hoà hơn, lại tránh được sự trùng lặp hai chữ TÔI cuối 2 câu liên tiếp nhau. Do đó dị bản này được truyền bá rộng rãi.

Đến KOM lại đổi XÙNG / XỤNG thành HỤNG 𣎵, vì cũng đã có tiền lệ về X > H như vậy : chữ XÚC Hán Việt đưa đến HÚC (như trong “trâu bò húc nhau”) ; XỈ MŨI = HỈ MŨI ; XẮNG NẮNG = HẮNG NẮNG ; XỐT CỎ = HỐT CỎ ; NGỒI XỐM = NGỒI CHỒM HỒM, v.v.

Chúng tôi sẽ phục nguyên theo dị bản có XỤNG ... TAY mà tác giả đã chữa lại.

1449 : Như đã có lần nói, cụ Nguyễn Du bao giờ cũng gắng nâng uy tín Kiều, cụ cho Thúc sinh nói Kiều không may lỡ gặp cảnh TRỐT PHẬN BỌT BÈO nhưng vẫn có học vấn. Các bản về sau không thấy rõ điều đó nên đã đổi TRỐT thành CHÚT ! Thật sai ý của bản sơ thảo !

TRANG 38 / B

1465 : Các bản đều in KÍP TRUYỀN SẮM SỬA LỄ CÔNG

KIỆU HOA CẤT GIÓ ĐUỐC HỒNG RUỐI SAO

Đó là cảnh vốn có trong TTTN : Trong TTTN, sau khi phân xử, ông quan Phủ đường đã tỏ ra hơi làm khó chịu bên nguyên và bên bị, đó là ra lệnh tổ chức ngay lễ cưới cho Kiều và Thúc sinh.

Bản DMT lại in :

KÍP THỜI SẮM SỬA, LẠY CÔNG

KIỆU HOA SÁNH GIÓ, ĐUỐC HỒNG ĐIỂM SAO

Rõ ràng là một quang cảnh khác hẳn : qua 2 câu này ta thấy ông quan phân giải xong thì dừng lại. Nhưng gia đình họ Thúc, cả bên nguyên bên bị, lại tức khắc sửa soạn ngay, lạy chào quan rồi lên kiệu, đốt đuốc và vui vẻ ra về như một đoàn rước dâu.

Chắc chắn bản DMT phản ánh quan điểm của cụ Nguyễn Du : cụ đổi đi chỉ 2 chữ mà tránh được cho ông quan một thái độ thiên vị giữa công đường ; cụ lại dựng lên được cho gia đình họ Thúc một thái độ vừa biết ơn chính quyền vừa biết tự thu xếp sự hoà giải, sự đồng thuận một cách rất tự nguyện.

1465 : Chữ TINH 精 chắc là chữ TẠNH hay chữ SÁNH bị khắc nhầm mà thành : chữ TẠNH ghi bằng chữ TÌNH 晴, chữ SÁNH ghi bằng chữ SÁNH 倩 (như trong từ điển TVK hay trong LNP) thì rất dễ nhầm thành TINH ! Trong phục nguyên, chúng tôi chọn SÁNH vì hợp văn cảnh hơn.

1471 : HƯƠNG phải phục nguyên thành LAN : HƯƠNG chỉ là dạng kí huý theo lệnh 1803.

1478 : NHẠN CÁ hay NHẠN YẾN ? Nếu dùng ĐỔI THAY NHẠN CÁ thì hiểu là nói chuyện trao đổi thư từ ; nếu dùng ĐỔI THAY

NHẬN YẾN thì hiểu là nói chuyện thay đổi mùa này sang mùa khác. Vì câu tiếp sau đó nói đến việc vắng TIN NHÀ nên phải chăng dị bản NHẬN CÁ đúng hơn ?

TRANG 39 / A

1479 : Theo mặt chữ thì THẨM TIN. Nhưng ở bản DMT cần chú ý đến chuyện khắc in không chuẩn :

- Ở câu 0300 DMT khắc THẨM thì 8 bản còn lại đều khắc TRÂM ;
- Ở câu 2579 DMT lại dùng chữ THẨM khắc thay chữ ĐẨM ;
Vậy bên cạnh THẨM TIN, cũng cần nghĩ đến TRÂM TIN, CHÌM TIN, DÌM TIN, ĐẨM TIN. Căn cứ chuyện Thúc sinh “mặn tình cát lụy lạt tình tao khang” Kiều nêu ở câu sau, chúng tôi ngờ rằng Kiều đã dùng 2 chữ DÌM TIN để trách chồng.

1481 : Có ba chỗ sơ suất về chữ Nôm :

- Cách viết chữ NGHĨ không chuẩn, ở trong câu này ;
- Cách viết chữ TRONG không chuẩn, ở câu 1483 ;
- Và cách viết không chuẩn của chữ GIẤU, ở câu 1488.

1486 : Bản DMT là bản duy nhất có hai chữ BỤNG SÔNG. Nói chuyện tìm hiểu tâm sự của người khác mà dùng chữ BỤNG là rất hợp tiếng Việt. Hơn nữa, dùng BỤNG SÔNG đối với RỐN BỂ thì hay hơn là ĐÁY BỂ.

1492 : Hai câu XIN CHÀNG LIỆU KÍP LẠI NHÀ

 TRƯỚC LÀ ĐẸP Ý SAU TA BIẾT TÌNH

đều hiểu được và nghe rất tự nhiên nên mới được 8 bản tán thành theo. Nhưng xét kĩ, câu bát đặt theo thể tiểu đối, vậy chữ LÀ chắc là do chữ NGƯỜI viết tắt chép hay khắc nhầm mà thành.

Hai bản ở Huế đã tinh tế phát hiện được sự sai lầm và đã đính ngoa. Chúng tôi tán thành và đề nghị phục nguyên NGƯỜI thay cho LÃ.

1495 : KHUYÊN DỖ hay KHUYÊN NHỦ ? Các từ điển cho biết :

– KHUYÊN DỖ có phần cổ hơn : TĐTV nay đã gạt bỏ cách nói này khỏi từ điển ;

– Thời HTC : KHUYÊN NHỦ nghĩa như KHUYÊN BẢO và KHUYÊN BẢO được định nghĩa là “lấy lời khuyên dỗ”.

– Nhưng qua TĐTV ta thấy DỖ có phần “dịu dàng, khéo léo, chiều chuộng” hơn là NHỦ và BẢO. Thúc sinh rất yếu đuối, rất tình cảm, rất ngây thơ : có lẽ vì thế cụ Nguyễn Du cho Kiều thiên về KHUYÊN DỖ hơn là KHUYÊN NHỦ.

1496 : – ĐỊNH LÒNG dịch ĐỊNH TÂM, mà xưa ĐỊNH TÂM có nghĩa là “an tâm”. Đến lượt nó, AN TÂM lại được giảng là “yên lòng, dành lòng” (ĐDA). Vậy ĐỊNH LÒNG chỉ là lối nói cổ của ĐÀNH LÒNG.

– Chữ TÌNH trong câu này cũng phải đính ngoa vì đây chắc là chữ LÒNG khắc nhầm. Chữ LÒNG nếu viết (TÂM + LỘNG = 忪) thì rất gần chữ TÌNH 情, lầm lẫn cũng là điều dễ hiểu. Có đính ngoa TÌNH thành LÒNG thì mới bảo đảm được sự hiệp vần với hai câu trên.

– 2 chữ HỒI TRANG cũng có vấn đề : nếu theo tự dạng thì đó là chữ chỉ “đồ đạc sắm sửa để về nhà” (HVTĐ) ; nhưng theo ngữ pháp, thì sau QUYẾT LÒNG phải có một động từ, nghĩa là phải có 2 chữ HỒI TRANG với nghĩa là “về ngôi nhà ở quê” (ĐDA). Rõ ràng chữ TRANG bị khắc không chuẩn, phải đính ngoa, như nhiều lần chúng ta đã phải từng làm như vậy đối với bản DMT (theo Nguyễn Quảng Tuân).

1497 : Nên đọc SÁNG RA hơn là RẠNG RA.

TRANG 39 / B

1501 : SÔNG TẦN bị khắc đảo trật tự thành TẦN SÔNG !

1504 : Không biết là NGỪNG hay NGẠI, vì viết tắt, đọc thế nào cũng được. Chúng tôi chọn NGỪNG theo đa số.

1507 : – Ở Nghệ Tĩnh cái YẾM nói là cái ƯỚM. Nhưng bên cạnh danh từ ƯỚM còn động từ ƯỚM như trong “ướm thử, ướm hỏi, ướm sức”, v.v. Vì vậy bản DMT dùng bộ THỦ.

1508 : – Để chữ MẶT cũng được. Nhưng chắc MẶT là do chữ MẮT khắc nhầm mà thành.

– Kiều muốn sao cho quan hệ với Hoạn Thư tốt đẹp hơn lên, nên dặn Thúc sinh mấy ý :

+ Dễ nhầm lẫn lăm, phải xem xét thật cẩn thận ;

+ Đừng làm những việc đại dột, liều lĩnh ; có hại ;

+ Và tốt nhất là nên trình bày sự thật một cách sòng phẳng.

Hai câu tục ngữ 1507, 1508 được Kiều vận dụng là để nói ra hai cái ý đầu. Vì tục ngữ khó hiểu nên TVKY, KOM và các bản khác đều có thay đổi thành những dị bản ít nhiều có khác nhau.

Còn cái ý thứ ba thì thể hiện trong hai câu tiếp sau đó.

1509 : Chữ CHÚT này rất quen thuộc, nhưng vẫn có nghi vấn : phải chăng vốn là TRÓT ?

1510 : Bản DMT thiếu một chữ. Căn cứ các bản khác thì đó là chữ LIỆU.

1512 : Theo TĐTV, ĐÀN H có ý nghĩa là “miễn cưỡng bằng lòng vì suy tính thấy không thể khác được”. Có hai chuyện Kiều phải miễn cưỡng chấp nhận : chấp nhận Hoạn thư là bậc trên, với quyền uy lớn, và chấp nhận bản thân mình là bề dưới, với thân phận tôi đòi. Vì vậy nhà thơ mới cho Kiều nói với Thúc sinh :

Dù khi mưa gió bất bình

Lớn đành uy lớn, tôi đành phận tôi

Nhiều bản tưởng chữ ĐÀNH đầu tiên dùng sai, nên đổi thành LỚN RA UY LỚN.

1513 : Chữ NGƯỢC khắc không chuẩn, trông gần như chữ ĐƯỜNG.

1517 : Trong tiếng Việt không thể nói BỮA LẦN NAY, nên 8 bản đã chữa LẦN thành HÔM. Nhưng tự dạng khác nhau, sao HÔM có thể in thành LẦN được ! Chắc LẦN là do chữ ĐÊM viết tắt khắc nhầm mà thành. Trong TTTN đúng bữa tiệc đưa tiễn là bữa tiệc đêm. Câu tiễn đưa đêm đó, đến ngày Thúc sinh lên đường, Kiều muốn nhắc lại nên mới nói mở đầu :

Thương nhau xin nhớ lời nhau

Tiếp đến là nội dung những lời Kiều đã dặn đêm trước, nay nhắc Thúc sinh phải nhớ :

– Thứ nhất là phải về với Hoạn Thư một năm, không ngại một năm là quá lâu :

Năm chảy cũng chẳng đi đâu mà chảy

– Và thứ hai là phải tin ở thắng lợi, năm sau sẽ ăn mừng tái ngộ :

Chén đưa nhớ bữa đêm nay

Chén mừng xin đợi đêm này năm sau.

TRANG 40 / A

1519 : Chữ BÀO cũng có thể đọc thành BÂU (HTC). BÂU được định nghĩa không thật rõ : cổ áo, vạt áo, tay áo, v.v. Nhưng, nói chung, sau động từ CHIA thì thường dùng BÂU để nói chuyện buông áo nhau ra để chia tay. Trong TKMLGA, CHIA BÂU dùng để dịch BIỆT DUỆ.

1524 : PHA PHÔI chỉ hình bóng “xa mờ dần, nhạt dần”. Dùng XA XÔI thì trùng lặp với 2 chữ MUÔN DẶM ở trước ; dùng PHA PHÔI thì tránh được điều đó.

1528 : LẠI ? Hay là chữ NÀY khắc nhầm mà thành ? Theo đa số các bản thì đây là chữ NÀY.

1532 : Trong câu này có 2 điểm phải giải quyết :

- Phải đính ngoa chữ TÓC, vì khắc in sai ;
- Và phải tìm chữ điền vào ô bị bỏ trống : theo văn cảnh thì đây là chữ XE. Các bản khác cũng cho biết như vậy.

1534 : Chữ BUỘC khắc không chuẩn. Nói RÀNG BUỘC thì có lẽ đúng hơn nói GIÀM BUỘC, TRÓI BUỘC.

1538 : Nói Hoạn Thư GIẬN thì cũng hợp tâm lí hơn là TRÁCH.

TRANG 40 / B

1540 : Trong 2 câu :

Ví bằng thú thực cùng ta

Cũng dung kẻ dưới mới là trên

Hoạn Thư có thể có 2 ý nghĩ : CŨNG DUNG KẺ DƯỚI (tức rộng lượng với vợ lẽ) mới là “thượng sách” hoặc mới là đúng với “vai trò người vợ cả”. Các bản dùng NGƯỜI TRÊN, LƯỢNG TRÊN thì chỉ mới nghĩ đến khả năng sau. Dùng ĐƯỜNG (ĐÀNG, ĐẰNG) TRÊN thì mơ hồ hơn nhưng lại có thể bao gồm được cả 2 khả năng. Hơn nữa, nếu chỉ muốn nói đến khả năng sau, thì ĐẰNG (ĐÀNG, ĐƯỜNG) rất gần BỀ (100 đường = 100 bề), chắc xưa nói ĐẰNG TRÊN thì cũng như nói BỀ TRÊN.

1546 : Bản DMT khắc chữ XÚ // XẤU. Có thể đọc kiểu Hán là BÀI XÚ (= nói “xua đuổi cái xấu”, kiểu như trong BÀI NGOẠI) ; hoặc đọc kiểu Nôm XẤU là GIẤU, vì có quan hệ X / GI như ở GIẶT / XẤT, GIỘI / XỐI, GIÁP / XÁP, v.v. Chắc nhà thơ viết XẤU để đọc GIẤU.

1552 : Chữ VÁN khắc không chuẩn.

1553 : Dùng TRONG LÒNG ở câu lục thì có sự sóng đôi với NGOÀI TAI ở câu bát. Hơn nữa, nói TRONG LÒNG KÍN CHẮNG AI HAY là rất hợp với phong cách tiếng Việt.

1556 : Thường chúng ta nói TÂNG CÔNG, sao các bản lại in TÂN CÔNG ? Lúc đầu chúng tôi nghĩ đến đặc điểm của các bản Huế, nhưng sau thấy không phải : các bản miền Bắc cũng in như vậy cả ! Nay chúng tôi đi đến một giả thuyết khác. Trong DMT có hiện tượng đáng lưu ý :

BẢNG 13 trên 14 lần ghi bằng BÌNH, tên hoa HUỆ cũng bỏ bộ thảo để trùng với tên Nguyễn Huệ ! TUỜNG 5 trên 7 lần thay bộ NGÔN bằng bộ THỊ cũng để trùng với tên Lê Thuần Tông ! Vậy chắc khi Gia Long lên, nhà thơ và gia đình nhà thơ đã gắng xử lí các tên trọng huý thời trước theo 2 lối :

– Lưu lại một vài vết tích kị huý Lê Trịnh để chứng tỏ rằng truyện thơ đã được viết từ thời ấy ;

– Nhưng đồng thời lại chữa văn bản để làm lộ ra rất nhiều chỗ phạm huý quan trọng có thể chứng tỏ rằng dòng họ Tiên Điền cũng không tôn kính gì lắm các vua chúa các triều đại trước. Với cách xử lí đó thì hi vọng có thể tránh hết được mọi sự nguy hiểm. Nhưng nếu vậy thì TÂN cũng đúng là một tên trọng huý đời Lê : tên của vua Lê Kính Tông ! Chữ TÂN có một thời ai cũng sợ : tên huyện Duy Tân mà cũng phải đổi thành Duy Tiên ! Thế nhưng trong truyện này TÂN lại không kị huý ! Lại còn dùng TÂN thay cả TÂNG : rõ ràng ý đồ chính trị trên đã thêm được một ví dụ minh hoạ tốt.

1558 : Trong hai câu :

Tiểu thư nổi giận dùng dùng

Gồm ... thêu dệt ra lòng trên người

7 bản dùng chữ TAY, chỉ DMT dùng HAY và TVKY dùng THAY. Theo ý chúng tôi, sau chữ GỒM mà dùng HAY hoặc THAY thì nhấn mạnh vào sự việc mách tin ; mà dùng chữ TAY thì nhấn mạnh vào người mách tin. Có lẽ nhấn vào sự việc thì ăn khớp hơn, vì ngay sau đó là 2 câu cải chính cái tin thất thiệt :

Chồng tao nào phải như ai

Điều này hẳn bởi những người thị phi !

Vậy dùng HAY / THAY có lẽ đúng hơn TAY. Vả lại có 2 người mách tin mà nói GỐM TAY THÊU DỆT thì không ổn về mặt ngôn ngữ : thà nói GỐM QUÂN THÊU DỆT còn hơn !

TRANG 41 / A

1562 : Chữ GÃ viết hơi lạ : dùng thanh phù GIÁ đọc với âm cổ Hán Việt CẢ. Chắc chữ này do tác giả tự tạo. Nhưng nhà Kiều học Xuân Phúc cũng đoán là phải đọc GÃ.

1568 : Chữ XUỐNG lại khắc nhầm thành chữ DƯỚI, như ở các câu 1117, 1132 trước đây. Nguyên nhân chắc cũng là do nhà thơ đã dùng một cách viết kiểu như XÍCH + HẠ, một chữ đọc XUỐNG cũng được, đọc DƯỚI cũng được (xin xem VVK), làm cho người sao chép bị nhầm.

1576 : Chữ TÓC lại cũng sai như ở nhiều câu trước.

TRANG 41 / B

1582 : Ở câu này, cũng như ở câu 1586 sau đó, có chữ LỜI hai lần khắc nhầm thành ĐIỀU, gây mất hiệp vần :

– Ở câu này khắc ĐIỀU thì không hiệp vần được với THÔI và CƯỜI ở hai câu 1580, 1581 ;

– Ở câu 1586 thì ĐIỀU không hiệp vần được với MUỜI và DÀI ở hai câu 1584 và 1585.

1587 : Đọc BỤNG cũng hiểu được. Nhưng chắc đó là chữ VỤNG khắc nhầm mà thành, vì V xưa có âm cổ là B : VUA xưa nói BUA, VUI xưa nói BUI, VỊN xưa nói BỊN, v.v. Nhiều âm cổ còn dùng khá lâu về sau.

1592 : 6 bản đổi thành CHONG BÓNG, nhưng 2 bản Huế phục hồi CHUNG BÓNG của bản DMT ; phục hồi như vậy là đúng, vì CHUNG BÓNG đi đôi với SÁNH VAI ở sau mới hợp.

1593 : Câu này có 2 vấn đề :

– Chữ XUÂN 春 chắc cũng do chữ QUÊ (viết như ở SAO KHUÊ 奎) khắc nhầm mà thành.

– Chữ VƯỢC là chữ Nôm (NGƯ+VỰC) 鰓. Trong chữ Hán có chữ tương tự, đọc HỨC : nhưng HỨC thì chỉ một loài cá không liên quan gì đến điển cố THUẦN LÔ 尊鱸 (tức THUẦN VƯỢC).

1594 : Chữ GIẾNG khắc không chuẩn.

1595 : Ở hai câu liên tiếp, đều khắc chữ NIỀM :

Chạnh NIỀM nhớ cảnh giang hồ

Một NIỀM quan tái, mấy mùa gió trắng

Sự trùng lặp đó đã khiến một số bản nghĩ đến chuyện xưa sao chép sai, nay phải tiến hành đính ngoa : như bản KOM thì đính ngoa MỘT NIỀM ở câu sau thành MỘT MÀU, bản P. Schneider thì đính ngoa thêm CHẠNH NIỀM ở câu trước thành CHẠNH LÒNG. Nhưng thiết nghĩ hai chữ MÀU và LÒNG khó có thể sao nhầm thành NIỀM, vì quá khác nhau về tự dạng.

Chúng tôi đoán chừng trong nguyên tác nhà thơ vốn viết CHẠNH BUỒN nhớ cảnh giang hồ, chữ BUỒN lại ghi trùng chữ PHẪN (ghi BUỒN bằng cách dùng chữ BỒN rồi thay bộ MÃNH bằng TÂM là chuyện đã gặp ở câu 0565 !), nên người sao chép mới nhầm được thành NIỀM.

TRANG 42 / A

- 1600 : Chữ MÀ khắc nhầm thành chữ ĐIỀU, không hiệp vần được với QUA, XA ở 2 câu trước.
- 1601 : 7 bản dùng NHƯ MỞ TẮC SON, nhưng 2 bản TMD và VNB-60 của miền Bắc đã đổi thành NHƯ CỎI TẮC SON : có phải do nhà thơ đã tự chữa lại ?
- 1602 : Chữ QUÊ lại thay nhầm bằng chữ XUÂN như trên vừa thấy ở câu 1593.
- 1603 : LONG LANH khắc thành LONG ĐONG !
- 1605 : Chữ VÓ khắc không chuẩn.
- 1609 : GIẶN LẤY hay GIẶN GHẺ ? Cách viết ở bản DMT, theo TVK thì vẫn phải đọc là GHẺ, vì có khung BỆNH. Chữ LẤY, theo từ điển này, phải viết với bộ TÂM hoặc bộ KHẨU.
- 1618 : Chữ COI khắc không chuẩn : không có bộ MỤC hay bộ THỊ ; phía bên phải cũng không phải là 1/2 chữ CÔI hay chữ NGÔI.

TRANG 42 / B

- 1620 : Chữ SAU lại khắc nhầm thành chữ TRƯỚC !
- 1621 : 7 bản chọn dị bản RẤT MẪU, riêng 2 bản DMT và ADM chọn CŨNG MẪU. Trong TTTN, đoạn này bà mẹ Hoạn Thư tỏ ý có vẻ ngần ngại, cân nhắc. Bà ta nói : “Chồng con chưa đi thì có thể dùng mưu kế ; nay nó đi rồi thì còn làm sao được !”. Vậy câu ở bản DMT *Phu nhân khen chúc CŨNG mẫu* có lẽ ăn khớp hơn.
- 1624 : Chữ VÀI tuy cũng có nghĩa, nhưng chắc đó là chữ BẦY khắc nhầm mà thành. Dùng BẦY thì hợp với văn cảnh hơn (BỌN trong TTTN, LỮ ÁC NHÂN trong Nguyễn Du) và hiệp vần cũng tốt hơn.

1625 : Trong câu

Dặn dò hết các đường

8 bản đều nhất trí khắc chữ MỎI, và trước nay ai cũng đọc MỎI. Nhưng không lẽ nhà thơ lại để liền nhau 3 chữ HẾT, CÁC, MỎI ! LNP đã phát hiện điểm vô lí này và đã thay chữ MỎI bằng chữ NỂO. Nhưng đó là một sự nhuần sắc thoát li hoàn toàn khỏi tự dạng vốn có. Do đó chúng tôi đã phải tiến hành tra cứu các khả năng khác nhau có thể có, khi đọc chữ MỎI. Hoá ra khoảng thế kỉ XVII, Maiorica đã dùng MỎI ghi MỐI. Vậy phải chăng 2 chữ cuối trong câu trên là 2 chữ MỐI ĐƯỜNG ? Hay MỐI DUỖNG / GIUỖNG (vì TVK cũng dùng ĐUỖNG ghi cả GIỀNG trong GIỀNG MỐI) ? Chúng tôi thiên về MỐI GIUỖNG với cái nghĩa là “đầu mối chính dùng để chỉ khuôn phép, kỉ cương” (TĐTV/HP).

1629 : BÓNG TANG nếu đọc theo nghĩa thì sẽ thành BÓNG DẦU.

1631 : Chữ TÓC khắc không chuẩn.

1635 : Chữ khắc không rõ là HƯƠNG hay KHÔN. Nếu là HƯƠNG thì bộ phận dưới (chữ VIẾT) khắc không chuẩn ! Nếu là KHÔN thì bộ HOÀ đảo lên trên, đặt ở vị trí không bình thường ! Sau khi cân nhắc, chúng tôi nghiêng về cách đọc HƯƠNG.

HƯƠNG DUYÊN là dạng nói tắt của 4 chữ HƯƠNG HOẢ NHÂN DUYÊN trong thư tịch Phật giáo. Cuốn *Từ điển Phật học Hán Việt* cho biết : “Người xưa thề thốt phần nhiều đặt hương hoả tế thần, nên nhà Phật gọi đôi bên hoà hợp là nhân duyên hương hoả, cho rằng thề nguyện với kiếp trước, nên càng thêm tương ái”. Chắc về sau ít người hiểu nên mới có chuyện đổi thành NHÂN DUYÊN (ở 3 bản) và KHUÔN DUYÊN (ở 5 bản).

TRANG 43 / A

1644 : Chữ LÀ khắc nhầm thành RẰNG nên không hiệp vần được với hai câu trước đó.

- 1647 : DẤY là từ cổ, với nghĩa là “xó đầy” (HTC).
- 1648 : Chữ ĐÀO khắc không chuẩn, có lẽ để kị húy.
- 1650 : Chữ HAY 𠂔 ở Nam Bộ có khi viết bỏ bộ KHẨU 𠂔 (xem VVK/I, trang 33).
- 1652 : Nếu đọc PHA thì chữ khắc không chuẩn. Cách viết này Hán Việt đọc PHI, Nôm đọc PHỐI.
- 1657 : Chữ TUNG chỉ có mặt ở các bản miền Nam. TUNG hoàn toàn ăn khớp với văn cảnh, nhưng có lẽ về sau nhà thơ đã chữa lại thành CAO cho hay hơn. Chứng cứ là các bản miền Bắc – những bản dân dã, vốn không có người biên tập – đã được tin đó qua bản Vinh và đã in :

Gió cao ngọn lửa càng cao.

TRANG 43 / B

- 1662 : Hai bản Huế đổi thành TRONG THAN.
- 1665 : Nhiều bản dùng 2 chữ SÙI SỤT. DMT dùng RƠI GIỌT và sau được KOM tán thành.
- 1667 : – Có 2 dị bản được nhiều người tán thành : NHẬT GÓI và NHẬT SẮP. Nhưng trong câu DI HÀI VỀ NHÀ rõ ràng nên chọn dị bản đầu vì trong tiếng Việt thường chỉ nói NHẬT VỀ NHÀ, GÓI VỀ NHÀ chứ ít ai nói SẮP VỀ NHÀ.
– Chữ NHẬT khắc thừa một nét ngang.
- 1669 : Chữ HAI khắc không chuẩn.
- 1677 : – Chữ THAN mà khắc thành chữ BẮT, đó là một điều kì lạ, cần tìm hiểu. Chúng tôi đoán trong sơ thảo là KHÓC VAN : chữ VAN ghi bằng thanh phù VẦN viết tháo. Vào Nam Bộ VAN lại đọc thành GIAN (như trong “gian tà”). Chữ GIAN này cũng như chữ

VĂN viết tháo trên kia thì đều rất có thể nhầm thành BẮT. Các bản không đoán ra cách đọc của BẮT đều phải đổi KHÓC VAN thành KHÓC THAN.

– Hơn nữa THAN chỉ là “thốt ra lời cảm thương cho nỗi đau khổ, bất hạnh của mình”. Còn VAN thì lại còn thêm ý là “kêu lên” (TĐTV/HP). Sau ngữ cảnh “GIEO MÌNH, VẬT VÃ” thì KHÓC VAN có phần ăn khớp hơn là KHÓC THAN.

TRANG 44 / A

1680 : Trong câu này cần lưu ý 2 điểm :

– Trong chuyện LÀ chép nhầm thành ĐẾN, chúng tôi ngờ rằng đã có 2 đợt chuyển đổi như sau : LÀ nhầm thành ĐIỂM // ĐẾN vì tự dạng gần nhau ; rồi ĐIỂM // ĐẾN lại sao thành ĐÁN // ĐẾN vì cùng nghĩa.

– Chữ NHAU khắc in không chuẩn.

1682 : Chữ LẤP có thể đọc thành DẬP ; chữ QUẠT có thể viết như QUÉT.

1685 : Nhớ nhầm điển cố : không phải TAM BẢO ; phải đính ngoa thành TAM ĐẢO.

1687 : Nói đến lễ vật thì dùng ĐƯA SANG là đúng ; còn nếu nói đến chuyện rước thầy thì phải dùng RƯỚC VỀ. Tóm lại, các bản dùng RƯỚC SANG chắc dùng sai.

1688 : Chữ XIN khắc theo lối cổ đã có từ thế kỉ XVII, xin xem Maiorica.

1697 : CHIỀN CHIỀN là từ cổ với nghĩa là “sờ sờ, rành rành”. Xin so với trong *Cung oán*

“Cái gương nhân sự chiến chiến” (TĐTC)

TRANG 44 / B

- 1701 : Chữ XIÊN khắc theo lối Nam Bộ ; ở Nam Bộ XUYỀN cũng nói là XIÊN.
- 1705 : Chữ HAY khắc không chuẩn, lại theo lối Nam Bộ, như đã nói ở câu 1650 trên đây.
- 1707 : Chữ GIAN khắc không chuẩn, trông như chữ GAN ! Hay MUỖ GAN dùng với nghĩa “liều lĩnh, gan dạ” ?
- 1712 : Chữ TRƯỚC bị nhầm thành chữ SAU !

TRANG 45 / A

- 1720 : MỘT hay MỌI ? Đa số (5 bản) ngã về chữ MỘT. Và trong TTTN cũng nói đến MỘT. Nhưng trong *Truyện Kiều* thì văn cảnh cho thấy nhà thơ đã dùng chữ MỌI. Vì đã tả *A hoàn trên dưới giục mau* rồi lại *A hoàn trên dưới dạ rân* thì không thể chỉ có một người đi theo Kiều được.
- 1721 : – Theo tự dạng thì nên đọc LÁC như trong từ điển TVK. Nhưng trong ngữ cảnh, trước động từ TRÔNG thì nên đọc NHÁC TRÔNG.
– RỘNG hay THOÁNG ? : Nếu căn cứ từ điển TVK thì chữ ở DMT phải đọc THOÁNG, vì thiếu thanh phù LỘNG. Nhưng từ thế kỷ XVII (căn cứ Maiorica), chữ đó đã dùng để ghi cả RỘNG nữa. Và biết đâu cụ Nguyễn Du đã viết theo lối cổ ? Căn cứ văn cảnh, chúng tôi chọn NHÀ RỘNG DÂY DÀI để nghe thuận tai hơn.
- 1723 : Chữ BAN khắc nhầm thành chữ BÌNH / BẰNG.
- 1724 : Chữ TRÊN thứ 2 khắc không chuẩn ? Hay đó là chữ REN ? chữ LIÊN ? Từ điển Việt La và HTC đều có cho chữ REN viết đúng như trong DMT. Đó là một tiếng cổ, hiện chỉ còn dùng trong ĐÓN REN với nghĩa là “thăm chừng, dò hỏi”. Vậy phải chăng NGỒI

REN là ngồi chờ sẵn, với thái độ thăm chừng, dò hỏi ? Còn LIÊN lại có nghĩa là “luôn, liên tục, sẵn”. Và NGỒI LIÊN = “ngồi sẵn”. Kể ra, với những nghĩa như trên, thì NGỒI REN, NGỒI LIÊN nghe có vẻ hay hơn. Nhưng giới nghiên cứu còn cần phải cân nhắc để chọn ra được cách đọc hợp lí nhất trong hai cách đọc đó.

Tạm thời chúng tôi phục nguyên TRÊN như ở các bản miền Bắc.

1728 : – Vốn là DIẾC NÀNG ? Hay vốn là DIẾC RẰNG, sau RẰNG chép nhầm thành NÀNG ?

– Chữ GIỐNG khắc có gia dạng để kị huý.

1731 : Khắc chữ CÒ 鴉, nhưng TVK cho biết đọc GÀ cũng được. Đọc GÀ thì hợp với tập tục hơn.

1734 : – Chữ KHỈNH đã bị Nam Bộ hoá theo quá trình : INH > IÊN > UYÊN, nên cuối cùng khắc chữ KHUYẾN.

– Chữ THẾ khắc không chuẩn, trông như chữ THÉT.

1738 : Bản DMT thiếu một chữ. Căn cứ các bản khác thì đó là chữ NÀO.

TRANG 45 / B

1739 : Có thể đọc ĐẬP, DẬP ; nhưng cũng có thể đọc CHẬP với ý nghĩa là “đánh úp xuống, đánh chụp lên” (HTC).

1746 : Chữ TÓC khắc không chuẩn.

1747 : Đa số bản cho là QUẢN GIA, nhưng DMT khắc in HOẶN GIA (tuy in không thật chuẩn). Khắc HOẶN GIA là đúng theo trong TTTN.

1749 : Chữ THANG khắc không chuẩn.

1755 : Ghi TAI VÁCH MẠCH RỪNG là ghi theo thói quen hiện nay đã được chấp nhận ở nhiều từ điển. Thực ra xưa vốn là TAI VÁCH MẠCH DỪNG hoặc TAI VÁCH MẠCH DỪNG. Các chữ DỪNG, DỪNG, GIỪNG xưa chỉ cái “nan làm cốt vách” (VNTĐ).

Nguyễn Bá Triệu thì giảng là “cái khung bằng gỗ hay tre ghép lại để trát đất, trát bùn làm vách”. DỪNG thì có mạch, VÁCH thì có tai, do đó nói năng phải cẩn thận, vì chuyện gì kín đáo cũng có thể lọt ra ngoài (xin xem HTC, TĐTV/VT, TĐTV/HP...).

TRANG 46 / A

1760 : NO là từ cổ gốc Tày Thái, với nghĩa là “đầy, đủ”. Trong HTC, NO LÒNG = đầy lòng. Cách đặt câu lặp lại một chữ nêu ở trước để giải thích, kiểu như NO LÒNG NO NHỮNG BÀN HOÀN NIỀM TÂY đã từng được nhà thơ dùng, như ở câu 1336 YÊU HOA YÊU ĐƯỢC MỘT MÀU ĐIỂM TRANG. Mà chắc đó là do nhà thơ đã quá quen thuộc với kho tàng ca dao. So sánh với 2 câu ca dao sau đây thì đủ rõ :

– Yêu nhau yêu cả đường đi

Ghét nhau ghét cả tông chi họ hàng

– Nhớ ai nhớ mãi thế này

Nhớ đêm quên ngủ nhớ ngày quên ăn

Đổi NO thành LUỐNG, thành NỔI thì bỏ mất cái không khí ca dao quen thuộc đó.

1763 : Khắc như chữ LÀM. Để LÀM cũng có nghĩa. Nhưng có lẽ đây là chữ PHẬN khắc nhầm mà thành.

1764 : CHẰNG CHẰNG = kiên trì, không buông (HTC).

1773 : Bản TMD đổi LÍNH LỜI thành VẮNG LỜI : theo Nguyễn Khắc Bảo đó là để khỏi trùng với câu 1779 ở đoạn sau.

1777 : Chữ PHẢI khắc không chuẩn. PHẢI có nghĩa là “gặp lúc hoặc hoàn cảnh nào đó” (TĐTV/HP). Hoàn cảnh đó có khi không tốt (ví dụ “phải hôm mưa gió”, “phải khi túng bấn”) nhưng cũng có khi rất tốt (ví dụ “phải lúc đẹp trời như thế này, ở nhà làm gì ?”) (TĐTV/HP). Chắc xưa hay nói đến hoàn cảnh tốt hơn, nên đa số bản lặp lại chữ PHẢI theo bản sơ thảo.

TRANG 46 / B

1782 : Chữ BỐT khắc không chuẩn.

1784 : Chữ ÂN khắc cũng không chuẩn.

1786 : Các bản miền Bắc đổi thành NƯỚC NON, nhưng in NƯỚC BÈO như ở DMT mới đúng. Ở sau có 2 chữ TƯƠNG PHÙNG, vậy rõ ràng đây là lấy từ 4 chữ BÌNH THUYẾT TƯƠNG PHÙNG (= nước bèo hội ngộ) trong bài *Đề vương các tự* của Vương Bột.

1793 : – Chữ NGẮN với nghĩa là “vết sẹo, dấu vết” (ĐDA) là một cách đọc Hán Việt lệ ngoại, trái với quy tắc thông thường. Theo *Vận thư*, nó đọc với phụ âm NG- cũng sai (vì vốn thuộc thanh mẫu HẠP), mà đọc với dấu SẮC cũng sai (vì vốn thuộc thanh BẰNG). Còn cách đọc NGẮN với dấu HUYỀN như ở cuối câu này, thì đó chỉ là một cách đọc lâm thời các bản dùng tạm, khi cần thiết cho thơ ca mà thôi.

– Trong tiếng Việt còn có chữ HẪN, cùng nghĩa, cùng gốc. Cách đọc HẪN chính mới phù hợp hoàn toàn với *Vận thư*, nhưng không hiểu sao các nhà Nho ta xưa lại coi nó thuộc từ ngữ Việt hoá chứ không phải thuộc phạm vi Hán Việt. Các từ điển chữ Nôm cũng không thấy dùng chữ NGẮN để ghi chữ HẪN này. Rõ ràng vấn đề đang còn cần phải được tiếp tục tìm hiểu.

– Trong tình hình hiện tại, nếu phục nguyên MÂY XANH TRẮNG MỚI IN HẪN thì phải coi như đọc Nôm theo nghĩa.

1795 : – CHIẾNG là từ cổ, với nghĩa là “nảy bông, mới đơm bông” (HTC).

– Dị bản có SEN ... MAI của DMT được 7 bản tán thành theo, nhưng KOM chữa lại thành SEN ... CÚC, đổi hẳn cách hiểu. Các bản theo DMT coi câu lục và câu bát nội dung như nhau, nhưng ở câu lục thì nêu 2 hình tượng SEN tàn tạ, MAI mới đâm bông, còn ở câu bát thì giảng rõ : thế là hết ĐÔNG sang XUÂN. Bản KOM đổi lại thành cách hiểu “hết hạ sang thu” ở câu lục, rồi “hết đông sang xuân” ở câu bát.

1798 : Nói CỎI DẪN NHỚ THƯƠNG là bắt nguồn từ cách nói GIẢI SẦU, GIẢI MUỘN ở trong tiếng Hán (GIẢI = CỎI, CỎI). CỎI là âm cổ Hán Việt của GIẢI.

TRANG 47 / A

- 1799 : Chữ NHỚ khắc không chuẩn. Ở đầu câu sau cũng vậy.
- 1801 : DẤ DỀ = đơn đả, hỏi thăm vui vẻ (ĐDA).
- 1803 : Phải chăng dùng HUỜNG để kị húy chữ LAN ? Chắc không phải, vì cả 2 bản Huế cũng đều không phục nguyên LAN !
- 1810 : Chữ VÀNH khắc thành chữ VÒNG !
- 1816 : Chữ này 藝 thường đọc CHIẾT, nhưng chỉ một mình thanh phủ CHIẾT cũng đủ để ghi GIẾT ! Đọc GIẾT thì hơn.

TRANG 47 / B

- 1822 : Chữ CHIỀU khắc không chuẩn, trông như cách viết dùng để kị húy.
- 1826 : Không rõ vốn là AI hay QUỶ (so sánh với MẶT THÙ ở LNP !). QUỶ viết giản đơn thành QUỖ. Chữ QUỶ/QUỖ này rất dễ nhầm thành ĐẤ.
- 1832 : – TRẮC DĨ 陟 屺 (= trèo lên núi Dĩ) : lấy chữ trong Kinh Thi để chỉ ý “trông ngóng mẹ” (ĐDA). Theo Vận thư, chữ DĨ thuộc thanh mẫu KHÊ, nhiếp CHỈ, đáng ra phải đọc KHỈ, nhưng trong cách đọc Hán Việt nhiều khi phải tôn trọng sự chấp nhận của cả xã hội hơn là Vận thư, ví dụ đọc NGUNG thay vì đọc NGU hoặc đọc ẢO thay vì đọc HUYỄN, v.v.
- Chữ CHUNG 終 nhầm thành chữ ĐÔNG 冬.

1833 : Chữ TỬ 子 khác như chữ VU 于.

1836 : TRÌ HỒ = bụng bình rượu (ĐDA).

TRANG 48 / A

1841 : DỪNG ĐI = lảng đi, làm bộ dừng dưng (HTC).

1842 : GIÀM = nói ướm trước xem người ta có bằng lòng không (VNTEĐ).

1848 : Chữ XONG khác không chuẩn.

1850 : Chữ THỬ khác cũng không chuẩn.

TRANG 48 / B

1859 : NẠT, NET nghĩa gần như nhau. Chữ này trong DMT, TVK đọc là NẠT nên chúng tôi đọc theo.

1865 : KHÚC RỒNG = chỉ loại đồng hồ nước thời xưa. Chữ RỒNG thì dễ hiểu : đồng hồ xưa có dùng hình con rồng để trang trí, nên gọi là ĐỒNG LONG. Nhưng chữ KHÚC thì chưa rõ nguồn gốc. Dầu sao, chúng tôi vẫn phục nguyên theo DMT vì các bản TVKY, LVĐ đều tán thành.

1868 : LVĐ in VUI NÀY là nói đến cái vui của Hoạn Thư ; 6 bản in BUỒN NÀY lại nói đến cái buồn của Thúc sinh và nàng Kiều.

1869 : DÀY = giày đập (HTC).

1870 : Chữ ĐĂNG 登 viết thành ĐÓN 痘, dùng thanh phù ĐÁN, lẫn lộn -N với -NG theo Kiểu từ Huế vào đến trong Nam.

1877 : Chữ TRỜI khác nhầm thành LỜI : phải chăng vì xưa TRỜI cũng nói là LỜI (như trong ĐỨC CHÚA LỜI) ?

1878 : – CHIỀU CHUỘNG cũng rất có nghĩa. Nhưng đến 6 bản dùng hai chữ KHINH TRỌNG : vậy phải chăng CHIỀU CHUỘNG đã chữa thành KHINH TRỌNG ? Hay KHINH TRỌNG đã bị chép nhầm thành CHIỀU CHUỘNG ?

– Theo ý chúng tôi, trong sơ thảo nhà thơ vốn có chủ ý dùng CHIỀU CHUỘNG, nhắc lại thời kì Thúc sinh và Kiều còn ở bên nhau, yêu thương chăm sóc nhau, còn thường bàn lẽ hơn lẽ thiệt với nhau. Còn nay Hoạn Thư đã rẽ thủy chia uyên, chia tách họ ra, ai ra đường nấy, ai nhìn được ai, thành một bên chủ một bên tớ, cách nhau một vực một trời thì tất yếu trước mắt họ đâu còn cái cảnh xưa kia nữa ! đành phải chấm dứt : HẾT ĐIỀU CHIỀU CHUỘNG, HẾT LỜI THỊ PHI thôi !

– Chữ LỜI lại nhầm thành chữ ĐIỀU, không hiệp vần được với câu trên.

TRANG 49 / A

1880 : 6 bản chọn dị bản GỖ CHO RA NỢ, nhưng bản DMT và bản ADM lại theo dị bản chia câu thành 2 câu hỏi nhỏ, đối nhau :

GỖ SAO RA NỢ ? CÒN GÌ LÀ DUYÊN ?

1881 : LỖ DƯỜNG/DÀNG : xin xem chú thích ở câu 754, trang 20/B.

1891 : Chữ RÁT khắc theo âm cổ là TÁT ; cách nói này hiện còn dùng ở Nghệ Tĩnh.

1892 : Vì kị húy tên ĐANG của mẹ Minh Mạng, bản DMT đã tạo ra một chữ rất lạ, có thể cho là chữ XUNG đọc XOANG (HTC) với nghĩa là “mặt đối mặt”, như trong ĐẠI MÔN XUNG BẮC. Nói để biết thế, chứ hết kị húy thì phải phục nguyên lại ĐANG thôi.

1894 : PHÔ SÒNG = SÒNG là “phân minh, ngay thẳng” ; PHÔ là “chưng ra, bày ra” ; PHÔ SÒNG ở đây phải hiểu là “làm bộ có vẻ phân minh, ngay thẳng”.

1898 : NAO TÌNH có nghĩa cũng như NAO LÒNG. Chữ NAO nghe rất ăn khớp với 2 chữ NGẮN NGƠ ở trước, nhưng ngoài bản DMT ra, 8 bản còn lại đều đổi NAO thành CHÚT. Không rõ có phải do nhà thơ tự chữa lại không ?

TRANG 49 / B

1901 : Bản DMT khắc chữ SINH 生 là rất đúng. Nhưng 5 bản tưởng đó là chữ CHĂNG, CHẴNG 庄.

1912 : Câu này có lẽ nên phân tích thành :

Cũng cho : cho nghỉ trong vòng bước ra !

1916 : Vốn khắc là TỤNG KINH, nhưng có lẽ CHÉP KINH đúng hơn. Chắc trong nguyên tác phải có cách viết chữ CHÉP thế nào đó để sau các bản sao nhầm thành TỤNG. Chúng tôi đã tra cứu và thấy có 2 khả năng sau đây :

– Dùng chữ TRIẾP 輒 (= liền, tức thì) để ghi CHÉP, nhưng thay bộ XA bằng bộ NGÔN : kiểu viết này theo cùng một nguyên tắc như khi ghi chữ CHÉP 鰓 với bộ NGƯ (trong CÁ CHÉP) ở từ điển TVK ;

– Hoặc dùng chữ TRIẾP 懾 (= nản, sợ) nhưng thay bộ TÂM bằng bộ THỦ (có trong *Bảng tra chữ Nôm sau thế kỷ XVII*, của VVK, trang 215).

Với 2 cách viết này, CHÉP rất có thể nhầm thành TỤNG 誦.

TRANG 50 / A

- 1919 : MỔNG là từ cổ, với nghĩa là “thu xếp” : ở HTC là “rắp ranh, toan lo, sắp đặt”.
- 1928 : 7 bản dùng THÌ THÔI, 1 bản dùng LÀ THÔI, riêng bản DMT dùng THÔI THÔI. Hai chữ THÔI này nghĩa khác nhau : chữ THÔI trước có thể hiểu nôm na là “đành chỉ thế, chừng ấy là được rồi” ; còn chữ THÔI sau lại có ý nghĩa “có thể coi là xong, không có gì phải nói nữa” (TĐTV). Có thể hiểu cả câu là “Khỏi điều thẹn phần tử hồng LÀ ĐƯỢC, KHÔNG CÓ GÌ PHẢI NÓI NỮA”.
- 1932 : Chữ này cũng có khả năng đọc LỬA nhưng thường đọc TRO hay LÒ. Chắc trong sơ thảo nhà thơ viết TRO LÒNG, dịch 2 chữ TÂM KHÔI trong câu thơ Bạch Cư Dị *Tâm khôi bất tự lô trung hoả* (= tro lòng đã tắt, không còn giống như lửa trong lò nữa). Nhưng TVKY, ADM đổi thành LỬA LÒNG, đến KOM lại phục hồi TRO LÒNG. Sau này, đến câu 3045, nhà thơ lại trở lại TRO LÒNG.
- 1934 : Chữ PHEN khác không chuẩn.
- 1937 : Chữ SÁCH nhầm thành chữ NHIỄM.
- 1938 : Chữ MƯỜI cũng khác nhầm thành chữ CẬN.

TRANG 50 / B

- 1939 : NGÂM THỞ GIỘT THAN có nghĩa là “khi ngâm nga, khi châm biếm đều có chen lời than thở” hoặc “than thở qua lời thơ, lời châm biếm”. Trong HTC, chữ GIỘT viết đúng như trong DMT và đã được giải thích là “nói biếm nhau, nói khéo nhau, nói xa gần mà cười nhau”. Dị bản cổ NGÂM THỞ GIỘT THAN cho thấy Kiều là một người có học vấn, có cá tính chứ không phải chỉ là một người đàn bà bình thường chỉ biết NGÂM THỞ NUỐT

THAN hay NGÂM THỞ NGÙI THAN với một thái độ hoàn toàn bị động, hoàn toàn chịu đựng.

1943 : Ở câu này có 2 điểm cần chú ý :

– SỤT SÙI chắc vốn có trong sơ thảo (TVKY đã đọc SỤT SÙI !) nhưng sau bị chép nhầm thành GIQT RƠI nên KOM lại phải đính ngoa trở lại thành SỤT SÙI.

Vậy phải phục nguyên SỤT SÙI.

– Dị bản KẾ rất hợp với chữ RẰNG đầu câu 1945 và đoạn 12 câu tiếp sau đó. 5 bản dùng GIỞ, 1 bản dùng NGHỈ : 2 dị bản này chúng tôi cho là không hay bằng KẾ.

1944 : Chữ ƯỚT khắc không chuẩn.

1949 : Chữ NGƯỜI khắc không chuẩn.

1958 : DMT khắc 2 chữ không rõ, có thể đoán là PHÙ TRẦM. Hai chữ này đọc theo Hán Việt cũng được, nhưng có lẽ đọc Nôm theo nghĩa là NỔI CHÌM thì hơn.

TRANG 51 / A

Trang này nhiều lỗi về chữ Nôm :

1963 : – TRÓT khắc gần như CHÚT, nhưng TVKY phát hiện được ngay và đọc đúng ngay. Sau KOM cũng tái phát hiện được và đọc TRÓT ; còn LNP thì đọc XỐT.

– DMT khắc chữ thường đọc BÁM. Về nghĩa, BÁM cũng hiểu được, nhưng chữ đó còn đọc cả BẾN (xin xem VVK/I, trang 19). Chúng tôi vẫn đọc BÁM, căn cứ vào phụ âm –M của thanh phù.

1965 : chữ MỎ nhầm thành chữ RA ? Hay là phải hiểu : “Gắng đưa tôi ra đến cửa rồi từ đó cho tôi ra đi luôn” ?

1968 : chữ LƯỜNG nhầm thành chữ TRỌNG / TRÙNG ;

1970 : chữ THIỆT nhầm thành chữ CỔ ;

1975 : chữ MÒN cũng có tự dạng không chuẩn.

TRANG 51 / B

1981 : – NGỪNG là từ cổ, chỉ “nước mắt” : trong TVVL, ở mục chữ NGỪNG, có giải thích ĐUỖM NGỪNG = mắt đầm lệ. TĐTC cũng giải thích như vậy và cho cả ví dụ rút từ *Hoa Tiên*.

– Chữ NUỐT trong câu này khắc không chuẩn, trông thành chữ NÓI. Nhưng cũng có người lại chấp nhận cách viết đó (VVK/I, trang 48).

1982 : Ở câu này có đến 5 dị bản, chia làm 2 loại : dùng một động từ như RỄ, LÁNH hoặc dùng một danh từ như GÓT, HÀI, THỀM. Dị bản GÓT HOA được cả bản DMT ở Nam, cả hai bản TMD và VNB-60 ở Bắc tán thành. Nhưng GÓT ở DMT khắc không chuẩn.

1988 : Vì kỵ húy theo lệnh năm 1803 nên LAN ĐÌNH khắc thành HƯƠNG ĐÌNH.

1991 : – Chữ THIỀN 禪 còn có cách đọc THUYỀN (THIỀN QUYÊN = THUYỀN QUYÊN) nên ở đây dùng THUYỀN 船 (trong “thuyền bè”) để ghi THIỀN (trong “Thiền tông”). Trong tiếng Hán, THIỀN trong “thiền quyên” và THIỀN trong “Thiền tông” là 2 chữ khác bộ nhưng hoàn toàn đồng âm với nhau. Tên chúa Hung Nô gọi THIỀN VU, THUYỀN VU cũng đều được, vì trường hợp này cũng đồng âm với 2 trường hợp trên.

– Chúng tôi ngờ rằng vốn là chữ CẠN 汭 viết với thanh phù KIỆN 健 (như trong TRÁNG KIỆN). Nếu thanh phù KIỆN này viết tắt thì CẠN rất dễ chuyển thành RÓT 潯.

1996 : DÓN, RÓN trong TVK viết chữ Nôm như nhau 𣵵. Nhưng chúng tôi chọn RÓN, vì các từ điển HTC, VNTĐ, TĐTV/HP đều chỉ có cách nói này.

TRANG 52 / A

2000 : Chữ NÀNG khắc nhầm thành BÀ, nên không hiệp vần được với 2 câu trên.

2006 : Trong câu này có 2 điểm đáng nói :

– Bản DMT và bản ADM dùng 4 chữ NGHĨ CÀNG THÊM NGHĨ, 7 bản còn lại đổi thành NGHĨ CÀNG THÊM NỔI... Theo ý chúng tôi, dùng chữ NỔI thì câu thơ trở thành dễ dãi ; lập lại chữ NGHĨ thì câu thơ cho thấy nội tâm Kiều một cách sâu sắc hơn. Vì trong cả đoạn mười mấy câu thơ đều trở đi trở lại 2 chuyện : Kiều NGHĨ và Kiều SỢ : từ câu 2003 đến câu 2005 là SỢ và NGHĨ, rồi từ câu 2007 đến câu 2018 lại NGHĨ và SỢ ; câu 2006 ở giữa như sơ kết một đợt để rồi lại tiếp tục một đợt khác. Vậy nên phục nguyên như ở DMT để bớt cái dễ dãi và tăng cái chiều sâu cho câu thơ.

– Cũng trong câu này, 5 bản dùng ĐẮNG CAY, 4 bản dùng SỎN GAI. Kiều đang sợ hãi chứ không phải chưa xót, vậy chọn SỎN GAI đúng hơn.

2008 : Trong câu

MÀ CHÀNG RA NGƯỜI BÓ TAY

chắc lúc đầu nhà thơ dùng cái tên riêng THỨC THỦ của truyện Tàu (với chữ THỦ = giữ). Cái tên này đồng âm với kết cấu THỨC (= bó) + THỦ (= tay) nên có trò chơi chữ. Nhưng rồi nhà thơ bỏ tên riêng, chuyển sang kết cấu động + bổ THỨC THỦ (= bó tay). Đến đây câu thơ cũng đã rất hay : không biết cụ đã dừng ở đây chưa hay còn tiếp tục đi đến 4 chữ MÀ CHÀNG THỨC PHẢI ?

Sự tự nhuận sắc của cụ, dẫu dừng ở bước nào thì cũng đã đạt được 2 mục đích :

– Nhuận sắc trước hết là để phù hợp với tình tiết trong truyện Nôm (không có tên riêng như trong TTTN) ;

– Rồi là để phù hợp với diễn biến trong tâm lí nhân vật Thuý Kiều. Từ chỗ đang có tí chút hi vọng Thúc sinh có thể “liệu bài mở cửa cho ra”, dần dần Kiều thấy hoàn toàn sự thực : trước sự nham hiểm của Hoạn Thư, anh chàng họ Thúc rõ ràng là một con người hoàn toàn bị lép vế, phải bó tay chịu bất lực.

2010 : Hai chữ CAU MÀY có lẽ đúng hơn CHAU MÀY. Hai chữ CẦN RĂNG, theo TVK, cũng có thể đọc thành NGHIỆN RĂNG.

2011 : – ÊM chứ không phải IM !

– ĐÃI ĐĂNG là “can thiệp” (VNTĐ), “lôi thôi” (ĐDA).

2015 : Chữ LO khắc không chuẩn.

2017 : Chữ GIEO, theo TVK, cũng có thể đọc CHẤP. Nhưng chúng tôi vẫn đọc GIEO, bám sát theo thanh phù TRIỆU của nó.

TRANG 52 / B

2024 : Chữ KIM khắc thành chữ KINH : có lẽ đó là vết tích xưa kị huý chữ KIM.

2030 : 7 bản in ĐIỂM CỎ, nhưng bản KOM lại theo thơ xưa chữa thành ĐIỂM NGUYỆT !

2032 : CHỈN cũng hiểu được ; nhưng chắc do chữ PHẦN chép nhầm mà thành. Hơn nữa, đọc PHẦN thì tránh được sự trùng lặp với câu 2021 ở trên, lại tạo được thể tiểu đối giữa 2 vế :

Phần e đường sá, phần thương dãi dàu.

2037 : Khắc BƯỚC VÀO, nhưng theo từ điển TVK, chữ BƯỚC cũng có thể đọc thành chữ BẬC. Vậy chữ VÀO là chữ NGOÀI khắc nhầm mà thành. Vả lại, có đọc BẬC NGOÀI thì mới hiệp vần được với câu trên, câu dưới.

TRANG 53 / A

2049 : Về chữ Nôm :

- Ở câu này, chữ XEM khắc không chuẩn ;
- Ở câu 2050 chữ LÀ cũng lạ, tuy từng có ở Maiorica ;
- Ở câu 2058 KHÊU khắc thành ĐÀO ; NẸN khắc thành NẶNG ! NẸN đối KHÊU mới chỉnh.

2050 : Trước nay các bản đều phiên NƠI HẰNG THUỶ, nhưng Hằng Thuỷ là tên một ngôi chùa ở Trấn Giang, trước tên riêng không dùng được chữ NƠI ! Phải dùng những chữ có nội dung cụ thể hơn, như TRƯỚC, SAU, PHÍA, BÊN, GẦN, v.v. Có thể nói TRÊN BA ĐÌNH, GẦN MẼ TRÌ, nhưng ít ai nói NƠI BA ĐÌNH, NƠI MẼ TRÌ.

Do đó phải ủng hộ cách đọc gần đây của Nguyễn Bá Triệu, Nguyễn Quảng Tuân : NI HẰNG THUỶ = ni cô chùa Hằng Thuỷ.

2051 : 5 bản chọn cách đọc :

Chữ e đường sá một mình

Câu đó cho thấy Giác Duyên lo chuyện Kiều sẽ ra đi, lẻ loi trên đường : nhưng từ khi Kiều đến chùa, Kiều có tỏ ý định sẽ ra đi ngay đâu !

Còn nếu đọc :

Hiện đồ đường sá một mình

thì ta lại thấy Giác Duyên có ý nghĩ khác, tình cảm khác : thương Kiều đã một mình lặn lội đến chùa. Rõ ràng dị bản HIỆN ĐỒ ăn khớp với toàn bộ văn cảnh hơn.

2057 : RA MÁI hay RA MẼ ? Cũng cần nghĩ đến dị bản LÁ BỐI PHUỐN MÂY vì dị bản đó ăn khớp với phong cách toàn dùng danh từ nêu chủ đề để nói về các mặt sinh hoạt trong nhà chùa như MUỐI DƯA ..., KỆ KINH ..., HƯƠNG ĐÈN ..., TRAI PHÒNG ... ở 3 câu trước và NGỌN ĐÈN ..., TIẾNG CHÀY ... ở

câu sau. Vì có sự thống nhất về văn phong như vậy, có thể nghĩ đến chuyện nhà thơ đã tự chữa lại thời gian vào làm việc ở Huế, và chỉ được bạn bè ở Huế biết đến mà thôi.

TRANG 53 / B

2061 : Trong câu :

Cửa thiền vừa trắng cuối xuân

chữ TRẮNG hơi lạ vì ở cuối nhịp 2 mà lại có thanh ngang !
Nhưng chữ TRẮNG lại ăn khớp với quang cảnh trong câu sau :

Bóng hoa đầy đất vẽ ngân ngang trời.

Chọn các dị bản khác như TIẾT, BUỔI, CỖ, CHẶNG, ĐÁ thì không có sự ăn khớp như vậy.

2066 : HẾT chỉ là từ dùng để kị húy : phải phục nguyên chữ GIỐNG.

2075 : Sau chữ NÀNG phải ngắt câu, có chỗ nghĩ hơi vì MỐI GIẢI LÒNG là nói về hành động của Giác Duyên chứ không phải của Kiều.

TRANG 54 / A

2089 : Câu đặt theo cú pháp văn ngôn Trung Quốc : LAT PHẤN là “làm cho phấn phải nhạt đi” ; NHÀM SON là “làm cho son phải nhàm đi”. Xin so sánh với 2 câu trong Mạnh tử : *Khổng tử đăng Đông sơn* (= Khổng tử lên núi Đông sơn) *nhĩ tiểu Lỗ*, TIỂU LỖ không có nghĩa là “nước Lỗ nhỏ bé” mà có nghĩa là “coi nước Lỗ là nhỏ bé”. Còn trong câu *Thỉnh vương* (= Xin vua) *đại chi* thì 2 chữ ĐẠI CHI cũng vậy, chúng có nghĩa là “làm cho nó lớn lên”.

2092 : Theo VNTĐ, SƠN SẮC đồng nghĩa với NHỚN NHẮC.

2093 : Câu này có 2 vấn đề :

– XOİ DỎI là do 2 chữ XOİ BÓI, DỎ DỎI kết lại mà tạo thành. Thời VNTĐ, XOİ BÓI (= bới tìm) đồng nghĩa với DỎ DỎI (= bới móc ra"). Cách nối chữ đầu của một kết cấu A với chữ cuối của một kết cấu B như vậy là một cách dùng để tạo những từ đa tiết mới. Có thể so sánh với từ ĐỀN NGHỈ chẳng hạn : ĐỀN ƠN + ĐÁP NGHĨA > ĐỀN + NGHĨA > ĐỀN NGHỈ ở câu 2426 ; cũng có thể so sánh thêm với : TÌM TÔI + THEO DỐI > TÌM DỐI > TÌM TỐI ở câu 2825. Cách ghi Nôm với hai thanh phù XUY, ĐỐI cũng rất hợp quy luật.

– Hai chữ cuối câu thường được phiên Nôm thành CHO LIỀN, tuy CHO LIỀN nghe cũng hơi lạ. Nên chẳng là phải nghĩ đến 2 khả năng CHO LIỀN và CHO LEN ?

+ LIỀN là từ cổ, với ý nghĩa là “liên tục, luôn” (TĐTC). CHO LIỀN đã được Philipphê. Bình dùng trong *Sách số sang chép các việc* ;

+ LEN cũng là từ cổ, với ý nghĩa là “nhiều” : ĐẦY LEN = đầy ắp (HTC).

– Vậy tạm chấp nhận XOİ DỎI CHO LIỀN với nghĩa là “bới móc cho thật liên tục”.

2096 : Chữ thứ 6 là chữ GẮN, nhưng khắc nhầm thành XA.

2097 : KHÉO là chữ dùng để kị huý. Phải phục nguyên GIỐNG.

TRANG 54 / B

2109 : BẤY NAY có lẽ là do BẤY GIỜ khắc nhầm mà thành. TVKY và ADM cũng đã đổi NAY thành GIỜ, và sau này các bản Huế cũng phải theo TVKY.

2112 : Trước nay chúng ta thường quen với TRÁI LỜI NỂO TRƯỚC, nhưng xét kĩ thì không thật rõ NỂO TRƯỚC nghĩa là gì ? Tra từ điển thì thấy hoá ra chữ NỂO cũng có thể đọc NỮU (VVK/I) với

nghĩa là “kéo lại, nắm mà trì” (HTC). Như vậy TRÁI LỜI NỮ TRƯỚC có nghĩa là “trái những lời lời kéo trước nay” của Bạc bà. Và LUY MÌNH ĐẾN SAU có nghĩa là “sự khốn khổ cho bản thân nàng Kiều sau đó sẽ xảy ra”. Nghĩa trở nên rõ ràng hơn.

Hơn nữa, cả câu hơi có dáng dấp tiểu đối, NỮ TRƯỚC và ĐẾN SAU đối nhau có phần tẻ chỉnh hơn. Vậy nên chẳng là đối NỮO thành NỮ ?

2118 : – Trong bản sơ thảo trước kia có thể có 2 khả năng :

+ Hoặc là SỢ LÀN MÁY CUNG ;

+ Hoặc là SỢ LÀN MÁI CONG. Hiện chưa rõ MÁI như trong mái đình, mái chùa ? Hay MÁI chỉ cái que uốn vòng để làm cái vành dưới cùng của chiếc nón (trong từ điển VBL 1651 có MÁI NÓN = mép nón) ?

– Nhưng sang triều Nguyễn, vì phải kiêng húy chữ LÀN nên DMT đổi thành PHẦN / BÀN.

Nay 1 bản dùng BÀN, 7 bản dùng LÀN và 1 bản đổi sang LỜN. Còn MÁY CUNG thì 1 bản đổi thành VỚI CUNG, 3 bản đổi thành CÂY CONG, 5 bản giữ như cũ.

– Riêng chúng tôi, trong văn bản chúng tôi phục nguyên LÀN và để nguyên 2 chữ MÁY CUNG theo đúng mặt chữ. Nhưng trong *Chú thích* chúng tôi vẫn gọi lên 3 chữ LÀN MÁI CONG để giới Kiều học cân nhắc tiếp.

TRANG 55 / A

2122 : Trong bản DMT khắc chữ QUỶ nhưng kì thực đó là chữ SÓI (獬 + 鬼) (TVK) viết sót bộ KHUYỂN.

2127 : ĐƯỢC LỜI khắc thành ĐƯỢC TRỜI, nhưng xưa ĐỨC CHÚA TRỜI cũng hay nói ĐỨC CHÚA LỜI : vậy chữ TRỜI này cũng phải đọc LỜI.

- 2128 : Chữ SẮM này khắc đúng : SẮM 𠂔 viết tắt + dấu CÁ NHÁY. Nhưng có một nét ngang quá khó thấy nên các bản DMT tái bản năm 1879, 1991 đều khắc nhầm thành một kết cấu vô lí : TÂM + NÃI (𠂔 + 乃). Vô lí vì thanh phù NÃI không thể giải thích được cách đọc SẮM.
- 2138 : Chữ NGÀY 𠂔 khắc thiếu bộ NHẬT, nên có thể làm cho người đọc tưởng nhầm là chữ NGƯỜI 𠂔 viết tắt 𠂔.

TRANG 55 / B

- 2140 : Chữ THỊT và chữ TAY đều khắc không chuẩn : hai thanh phù THIẾT, TÂY khắc thành CỔ và DIỆN !
- 2153 : Chữ NGHĨ khắc cũng không chuẩn.
- 2156-2158 : Ở câu 2156 có chữ NHUỐM, ở câu 2158 có chữ HẸN, hai chữ đó cũng đều hiểu được, nhưng không hay bằng hai dị bản VẮN và VẺ. Chắc cụ Nguyễn Du đã tự nhuận sắc NHUỐM thành VẮN và HẸN thành VẺ khá sớm vì 2 bản TMD và VNB-60 đã biết và chữa lại. Vậy nên phục nguyên theo.

TRANG 56 / A

- 2162 : Chữ THÔI chép nhầm thành chữ THA. Chắc nhầm khi đọc nhầm : vì CHỮA THA cũng hoàn toàn có nghĩa. Nhưng phải CHỮA THÔI mới ăn khớp được với vãn ở hai câu sau.
- 2165 : GIÓ MÁT ĐÊM THANH thì vẫn hiểu được, vẫn chấp nhận được. Có điều chắc GIÓ MÁT TRĂNG THANH vốn đã có trong sơ thảo : TRĂNG đối với GIÓ mới chỉnh. Nhưng :

– Các bản sao đầu tiên đã nhầm chữ TRẮNG thành chữ ĐÊM !
Có thể sai ở một trong 2 khâu :

+ Hoặc sai ở khâu đọc : vì từ thế kỉ XVII, chữ TRẮNG thường viết BA + LẮNG, vào Nam Bộ TRẮNG lại viết thành GIANG (VVK/I), nên khi thấy có nghĩa phù NGUYỆT thì tưởng là chữ ĐÊM và viết NGUYỆT + ĐIỂM ;

+ Hoặc sai ở khâu viết : không định viết ĐÊM (vì ĐÊM ở DMT 20 lần đều chỉ viết tắt là ĐIỂM) mà định viết TRẮNG nên mở đầu bằng nghĩa phù NGUYỆT ; nhưng đáng lẽ thêm thanh phù LẮNG lại sơ ý thêm thanh phù ĐIỂM.

– Nhưng dấu sơ suất ở khâu nào thì cuối cùng vẫn bị sai. Có điều sự sai lầm này chỉ đến khi vào Hà Tĩnh cụ Nguyễn Du mới phát hiện được và cụ đã đính ngoa tại Hà Tĩnh ; còn ngoài miền Bắc không ai được tin đó nên mọi bản đều vẫn tiếp tục in là ĐÊM.

2168 : – Câu VAI NĂM TẮC RỘNG THÂN MUỖI THUỐC CAO là câu thơ duy nhất trong *Truyện Kiều* có đưa ra 2 thông số về chiều cao và về chiều rộng trong cơ thể của một nhân vật. Nếu 2 thông số như vậy có cần thiết không ? Thiết nghĩ đó là một vấn đề chắc nhà thơ đã có cân nhắc suy tính đến nơi đến chốn : bởi vì đối với việc giới thiệu một nhân vật phi phàm, một nhân vật võ tướng thì còn có gì quý hơn là nêu lên được những nét ngoại hình có thể góp phần gây được một ấn tượng mạnh mẽ đến cho người đọc !

– Nhưng tại sao cái câu thơ vô cùng quan trọng đó gần đây lại bị nhiều người phản đối đến thế ? Theo ý chúng tôi, phản đối chỉ là vì do quên rằng đây là đang nói đến chuyện xây dựng các hình tượng văn học theo các truyền thống thời xưa. Trước những nhân vật thần thoại, những hình tượng dị nhân hoặc ngay cả những nhân vật cổ điển kiểu Tam Quốc, Thủy Hử, mà lại cứ gắng lấy con mắt tả chân của người hiện đại để bắt bẻ hay gắng lấy cái óc tính toán theo lô gích khoa học tự nhiên để kiểm tra thì tất yếu sẽ lạc hướng và sẽ thất bại.

– Có thể tin chắc rằng 2 con số VAI NĂM TẮC RỘNG và THÂN MUỖI THUỐC CAO không nhất thiết phải là do cụ Nguyễn Du đã

tự ý đặt ra đâu : chắc cụ đã nhớ được từ truyện một vài nhân vật anh hùng nào đó mà cụ đã từng đọc và mến mộ. Cụ đã chọn và đã bằng lòng. Và cũng không nhất thiết là các đơn vị TRƯỞNG, THUỐC, TẮC mà cụ và giới văn học nói đến đều là những đơn vị được dùng một cách nhất quán trong mọi trường hợp, vì đều cùng xuất phát từ cùng một hệ đo lường nhất định nào đó, đã được chọn lựa dứt khoát ngay từ đầu đầu ! Theo F.S. Couvreur, hệ đo lường cổ của Trung Quốc xưa rất khác nhau giữa các địa phương và các thời đại : thời thượng cổ coi mỗi hạt kê dài một PHÂN, 10 PHÂN là một THỐN (= tấc), và mỗi tấc chỉ khoảng 2cm ; đời HẠ, một XÍCH (= thước) gồm 10 tấc, tương đương 20 cm ; đời ÂN, một thước gồm 9 tấc, tương đương 18 cm ; sang đời CHU một thước lại chỉ còn gồm 8 tấc, tương đương 16 cm. Nhưng rồi đời CHU hình như thước cũng thay đổi dần : nâng từ 16 cm lên cho đến 20 cm.

– Đối với TRƯỞNG cũng vậy thôi : 10 thước đúng là một trượng, nhưng có loại trượng 3 mét 33 ; lại có loại trượng chỉ vừa tròn một mét bảy ! (TĐTV). Nhân vật Lê Như Hổ trong *Nam Hải dị nhân* tả thân cao chỉ 5 thước 5 tấc : chắc phải tính theo loại trượng 3 mét 33 mới thấy được chiều cao của Ông : $(5, 5 \times 0, 333 = 1 \text{ mét } 83)$; Từ Hải tả thân cao đến 10 thước chắc lại phải tính theo loại trượng đúng 1 mét bảy mới hợp lí.

– Cũng vậy, có hai loại tấc : một loại hơn 4 cm (0,0425m) và một loại hơn 6 cm (0,0645m) ; nếu tính từ bờ vai bên này đến bờ vai bên kia mà 10 tấc (hai vai, mỗi vai 5 tấc thuộc loại đầu) thì ta sẽ có khoảng hơn 42 cm. Thiết nghĩ một người có chiều cao khoảng 1 mét 70, có bề ngang ở hai vai rộng 42 cm rưỡi thì chắc thời xưa cũng chỉ cho đó là một tráng sĩ thuộc vào loại cao lớn, chứ không có chút gì là dị thường cả !

– Chúng tôi rất tin ở sự nhạy cảm của nhà thơ : trong một số báo cũ năm 1998, một cửa hàng may mặc của Ý đã giới thiệu sản phẩm của mình với 6 cột thông số như sau :

Chiều cao của cơ thể (mét) : 1,73 1,76 1,78 1,81 1,85 1,87

Chiều rộng của vai (mét) : 0,43 0,44 0,45 0,46 0,47 0,48

(*Special Boutique*. N. 1, 1998, trang 20)

Rõ ràng 2 thông số 1,70 và 0,42 mà cụ Nguyễn Du đã đưa ra hơn 2 thế kỉ trước trong câu thơ miêu tả về Từ Hải hoàn toàn xứng đáng được đặt vào cột đầu của bảng hiện đại vừa nêu ở trên.

TRANG 56 / B

2182 : Chữ CỐ khắc không chuẩn, trông như chữ ĐỒNG. Ở câu 2196 cũng có hiện tượng tương tự : chữ THẤY viết tắt nhưng khắc không chuẩn, trông giống như chữ HỮU.

2187 : Chữ ĐỐT về tự dạng có thể nhầm thành XỐT hay CHÚT. Nhưng khi so sánh cả kết cấu thì có thể tin rằng đây không phải là trường hợp sao chép nhầm. Chúng ta có ĐỐT THAN ở 4 bản, CHÚT RIÊNG ở 3 bản và XỐT RIÊNG ở 2 bản : THAN quá khác RIÊNG về mặt tự dạng, nên không thể nhầm từ bên này sang bên kia ! Có thể nêu giả thuyết : cụ Nguyễn Du sơ thảo là ĐỐT THAN vì kết cấu đó rất ăn khớp với CHỌN ĐÁ THỬ VÀNG ở sau. Chuyện có XỐT RIÊNG ở LVĐ và có CHÚT RIÊNG ở 2 bản Huế, đó là chuyện muốn hiểu khác đi, chứ không phải là chuyện chép nhầm.

2192 : CÂU BÌNH NGUYÊN QUÂN : 4 chữ này đã có 2 cách hiểu : một bên hiểu đó là câu của Cao Thích nói về Bình Nguyên Quân ; còn một bên hiểu đó là CÂU CỦA Bình Nguyên Quân nói về Mao Toại. Chúng tôi ngờ rằng đã có sự hiểu nhầm nhau do có người đã dựa vào một bản dịch đã quá khác bản Hán văn. Nếu căn cứ Truyện Tàu và bản dịch Đại học đã in năm 1999 thì mạch lạc khá rõ trong cuộc đối thoại :

– Kiều : Thiếp không khinh suất uỷ thác can trường cho phường tục tử.

– Từ Hải : Thế thì khanh cũng như câu thơ cũ đã nói “Can trường nào biết ai cùng gửi - Khiến người lại nhớ Bình Nguyên Quân”. Phỏng như bĩ nhân đây muốn phần liệu có được một giống như Bình Nguyên Quân không ?

– Kiều : Anh hùng đại độ, chàng đáng là bậc đại nhân... chứ Bình Nguyên Quân cũng không khoáng đạt đến như thế !

– Từ Hải : Hay lắm ! Từ Hải này hôm nay gặp được người tri kỉ rồi đây !

TRANG 57 / A

2202 : Ở bản DMT khắc đúng là chữ ĐỨNG. Hiện nay đó là một động từ chỉ tư thế, nhưng trước kia nó là một động từ ngoại động, cập vật, có thể có bổ ngữ đối tượng, kiểu như DỪNG. Từ điển VBL cho thấy : ngoài ĐỨNG LẠI, ĐỨNG VẬY còn ĐỨNG LÊN với nghĩa là “dựng đứng lên một vật gì”. Vậy hai câu 2001, 2002 có thể hiểu là

Khen cho con mất tình đời

Anh hùng DỪNG giữa trần ai mới già !

2215 : Bản DMT cũng như bản LVD đều khắc 2 chữ MỆNH MÔNG. Nhưng vì thấy trước sau đều có vần ƯƠNG nên bản KOM đổi lại thành MỆNH MANG. Thật ra, không cần phải đổi, vì xưa gieo vần là gieo vần theo Vận thư : cách đọc có thể điều chỉnh, như HỒNG đọc thành HUƠNG, VONG đọc thành VƯƠNG, v.v.

TRANG 57 / B

2222 : TIẾNG ĐỒNG là tiếng vang to của trống. Chữ đó hơi ít gặp nên bị thiếu sót. Nhưng xét về mặt văn học thì đổi thành TIẾNG CHIÊNG, TIẾNG BÊ (= trống lớn) cũng chẳng có gì hơn.

2230 : – Vì kỵ húy tên vua Lê nên chữ 期 đổi thành chữ XÍ / SÍ 翊 (nhưng lại khắc nhầm bộ phận CHI 支 thành TẤU 走 !).

Đổi mặt chữ thôi chứ giới Nho học đều biết rõ chữ XÍ cũng có cả cách đọc Hán Việt là KỈ (xin xem Khang Hy) và cũng có cả khả năng lí thuyết đọc Nôm thành RIA, RÌA. Cũng vì kị húy, bản TMD đổi ĐẾN KỈ thành ĐẾN THÌ.

Riêng bản KOM đổi hẳn cả câu, xin so sánh :

Ở DMT : *Gió mây bằng đã đến kì dặm khơi*

Ở KOM : *Gió đưa bằng tiện đã lìa dặm khơi*

– Chữ BẰNG khắc không đúng tự dạng vốn có trong tiếng Hán.

2232 : NGÀY THÂU hiện nay không quen thuộc bằng ĐÊM THÂU. Nhưng trong đoạn thơ này cụ Nguyễn Du vốn dùng NGÀY THÂU. Dùng như vậy là đúng, vì :

– ĐÊM THÂU mà “nhặt cài then mây” thì có gì là lạ, ai chẳng làm thế, chứ phải đâu riêng nàng Kiều. Có thâu ngày “nhặt cài then mây” thì mới đúng là cái cảnh “chiếc bóng song mai” của một người vợ xa chồng đang đợi chồng ;

– Hơn nữa Kiều có NGÀY THÂU ĐẰNG ĐẰNG NHẶT CÀI THEN MÂY, không ra khỏi nhà, thì mới có ảnh hưởng đến sân, đến cây cỏ chứ ! Chỉ đọc 2 câu 2233, 2234 :

Sân rêu chẳng vẽ dấu giày

Cỏ cao hơn thước, liễu gãy và phân

là đủ thấy rõ cách dùng chữ của nhà thơ trong câu 2232 trước đó. Nay ta không quen với NGÀY THÂU, nhưng thời cụ Nguyễn Du, đó là một lối nói bình thường. Ở câu 1001, cụ cũng đã dùng một lần rồi :

Thuốc thang suốt một ngày thâu

Vậy phải phục nguyên NGÀY THÂU cho cả câu 2232 này nữa !

2235 : Chữ PHẦN khắc không chuẩn, trông thành chữ PHẤN.

TRANG 58 / A

2240 : Có mấy vấn đề về chữ Nôm :

- Ở câu 2240 này chữ MỎI, chữ TÓC đều khắc không chuẩn ;
- Ở câu 2246 chữ NGỒN cũng vậy ;
- Ở câu 2253 chữ CHUNG khắc thành ĐÔNG.

2242 : DMT khắc TỜ CHỈ nhưng có lẽ bản sơ thảo vốn viết khác. Nếu sau này, ở câu 2586, nhà thơ nghĩ đến cây đàn TIỂU LÂN và viết “tơ lòng đã đứt dây đàn Tiểu Lân” thì ở đây cụ cũng có thể nghĩ đến cây đàn LỤC Ỗ 綠 綺 mà Tư mã Tương Như đã dùng để tỏ tình, và viết “Dấu lia tơ Ỗ còn vương tơ lòng” (đàn LỤC Ỗ gọi tắt là Ỗ CẨM = đàn Ỗ). Nói LÌA TỜ Ỗ là nói cắt đứt mối duyên nợ 100 năm với Kim Trọng : rất phù hợp với văn cảnh. Chữ LỤC 綠 rất gần chữ TỜ 絲, chữ Ỗ 綺 rất gần chữ CHỈ 紙 về mặt tự dạng nên có thể sao chép nhầm. Đọc TỜ Ỗ cũng rất dễ chuyển thành TỜ Ỗ như ở bản LVD.

2243 : Chữ TỜ cũng có thể hiểu được, chấp nhận được. Nhưng vẫn phải nghĩ đến khả năng TỜ 絲 là do chữ CHỈ 紙 sao chép nhầm mà thành. Chữ CHỈ (= giấy) này đồng âm nên có thể dùng để ghi chữ CHỈ trong CHỈ HỒNG.

2251 : MƠ MÀNG trên đại thể, có thể có 2 nghĩa chính : hoặc là “thấy chập chờn, không rõ ràng, như trong giấc chiêm bao”, hoặc là “đang mơ tưởng tới”. Ở đây chắc dùng theo nghĩa đầu.

2252 : DÙI DẮNG có nghĩa là “kéo dài, chậm chạp” (ở HTC : “diên dãn, trễ tràng”).

TRANG 58 / B

2260 : – Trong sơ thảo chắc là ĐỒNG TÌNH 同情, nhưng vào Nam Bộ chép thành ĐỒNG TIỀN 同錢, vì có thói quen đọc INH thành IÊNG // IÊN (như trong KÍNH > KIẾNG, KHỦNG KHỈNH > KHỦNG KHIỂN). Chắc sau có sự tự nhuận sắc của nhà thơ thành ĐỒNG THANH nên mới có sự nhất trí giữa 8 bản còn lại.

– Chữ GỎI viết hơi lạ, nhưng đã từng có tự dạng gần như vậy ở câu 751.

2266 : Khắc RỎ nhưng chắc vốn là RỖ : TVK cũng đọc như vậy. Chữ RÀNG cũng không chuẩn.

2273 : – CÂN ĐAI đảo nhầm trật tự thành ĐAI CÂN, không hiệp vần được với trước, sau.

– Hai câu 2273-2274 (RỖ MÌNH LẠ VỂ CÂN ĐAI, HÃY CÒN... NHƯ XƯA) có nghĩa là “đã mang trên mình áo quần rộc rỏ”, “với dáng vẻ cân đai lạ lẫm”, nhưng hãy vẫn còn đúng là con người như xưa.

TRANG 59 / A

2289 : Chữ VUI khắc ngược thành chữ BUỒN !

2294 : Khắc ÂN ÁI, nhưng theo văn cảnh thì phải ÂN OÁN mới đúng. Vậy phải đính ngoa.

2297 : Xưa chắc đọc là NGHIÊM (TĐTC). NGHIÊM có dấu huyền và là Cổ Hán Việt của NGHIÊM cũng như các trường hợp thuộc “thứ trực” khác : so sánh với NÀNG / NUƠNG, MÈO / MIÊU, NGUỒN / NGUYÊN, NHIỀU / NHIÊU, LIÊM / LIÊM,

RÔNG / LONG, DẦU / DU, VƯỜN / VIÊN, v.v. Động từ NGHIÊM mới có bộ ngữ QUÂN được. Nhưng gần đây cách đọc NGHIÊM biến mất và NGHIÊM bắt đầu có bộ ngữ như trong NGHIÊM NÉT MẶT LẠI hoặc NGHIÊM GIỌNG PHÊ BÌNH... Vậy nay nhiều người đọc NGHIÊM QUÂN cũng là điều dễ hiểu.

TRANG 59 / B

2302 : – Trong bản Hán văn của TTTN quả là có ý “dò tìm” và “lựa chọn”. Nhưng khắc bên phải giống TUYẾN, bên trái giống HOẠCH nên không rõ nên đọc là TẦM HOẠCH hay đọc là TÌM CHỌN ? Có lẽ đọc TÌM CHỌN thì nghe Việt Nam hơn, dễ hiểu hơn.

– 7 bản in HỎI TRA, nhưng có lẽ dùng dị bản ĐỘI TRA đúng hơn : vì bắt về đã hỏi tra ngay đầu ! 50 dòng sau, đến câu 2354, nhà thơ còn viết :

LẠI ĐEM CÁC TÍCH PHẠM TỪ HẬU (// HẬU) TRA.

2305 : MỤ HOẠN GIA mới đúng, tuy chữ HOẠN khắc không chuẩn.

2309 : Chữ BÁO cũng khắc không chuẩn.

2310 : Chắc ĐÒI NƠI đúng hơn ĐẦY NƠI, vì đang nói chuyện bắt được bọn tội phạm từ khắp nơi về, chứ không phải nói chuyện bắt được chúng về, đang giam chặt ních. Vả lại chỉ giam cả thấy 7 tên thì ĐẦY NƠI sao được !

2314 : – Đọc BÁC ĐỒNG, MÁC ĐỒNG, VÁC ĐỒNG đều được, và đều chỉ binh khí giáo mác.

Riêng HTC còn dùng chữ BÁC này để chỉ cả “súng đại bác”.

– Chữ RỘP khắc không rõ, trước chúng tôi đoán là chữ VỊ, đọc VẬY ; nay xin đọc RỘP theo đa số.

TRANG 60 / A

2322 : CHO PHU : cho thoả, cho bỏ (ĐDA).

2324 : Xưa viết 1 chữ có thể đọc cả ĐÂY cả ĐỂ (VVK/II, trang 108). Do đó có 2 cách nhận diện :

- 3 bản chấp nhận ĐỂ CHO MẶC NÀNG ;
- Nhưng 6 bản chỉ chấp nhận ĐÂY : chúng tôi cho rằng nhà thơ đã dùng chữ đó với tư cách là một đại từ như ở câu 0340 đã từng dùng. Vậy xin phục nguyên :

Từ rằng : “Việc ấy, ĐÂY cho mặc nàng”.

2325 : Bản DMT khắc chữ TRUY. Có 2 khả năng :

- Hoặc đó là thuật ngữ toà án, lúc chưa rõ đầu đuôi thì vẫn CHO GƯƠNG TRUY ĐẾN được ?
- Hoặc đó là 4 chữ MỜI ĐẾN THỨC LANG nhưng MỜI khắc nhầm thành TRUY ?

2326 : DỄ RUN : một loại chim mỏ dài, ăn giun. Thứ chim này mình thường hay run, nên mới đặt tên như thế (ĐDA).

2332 : Chữ BÁO khắc cũng không chuẩn, chữ VỢ ở câu sau cũng vậy.

TRANG 60 / B

2340 : Chữ MÀ khắc không chuẩn.

2342 : Căn cứ mặt chữ thì đúng là 4 chữ VỘI MỜI RƯỚC LÊN. Nhưng theo phong cách quen thuộc của nhà thơ, khi RƯỚC đi kèm một động từ khác thì bao giờ nhà thơ cũng đặt RƯỚC lên trước, ví dụ RƯỚC MỜI VÀO TRONG ở câu 2038, RƯỚC CHẦU VU QUY ở câu 2264, ĐEM TIN RƯỚC MỜI ở câu 2306, v.v. Ở đây trật tự lại đặt ngược lại ! So sánh với các bản LVD, KOM thì chúng ta lại

gặp VỘI MỜI LÊN TRÊN. Vậy có khả năng RUỐC là do chữ LÊN khắc nhầm mà thành ; và cũng vậy, chữ tiếp sau đó vốn là một chữ TRÊN khắc không chuẩn.

2347 : Chữ CHÚT khắc thành chữ XỐT ! Phải dính ngoa.

2348 : Trong câu MÀ LÒNG PHIẾU MẪU MẤY VÀNG CHO CÂN riêng bản DMT đổi chữ MÀ thành một chữ có thể đoán là MỐI hoặc MỎ // MỔ. MỐI LÒNG thì đại khái cũng gần như MỐI TÌNH hoặc TẤM LÒNG. Riêng MỔ thì khó hiểu hơn vì dùng với nghĩa cổ là “một mảy” (TĐTC) : với nghĩa đó, MỔ LÒNG có thể cho là tương đương với CHÚT LÒNG. Vậy cần phải cân nhắc thêm.

2355 : Chắc là chữ MAI với nghĩa là “chôn”, nhưng dùng để ghi từ đồng âm là MAI, như trong MAI RỪA. Và MAI GƯƠM hiểu là “bao gươm”.

2357 : 6 bản dùng CHÀO THỪA : nghe lễ phép quá ! Trong TTTN Kiều lạnh lùng, nghiêm khắc hơn nhiều. Và chắc cụ Nguyễn Du cũng tán thành thế. Vậy CHÀO SƠ có lẽ là dị bản đã được nhà thơ chọn dùng trong bản sơ thảo.

TRANG 61 / A

2361 : DỄ DÀNG = tính thuần hoà, không nóng nảy (VNTĐ).

2362 : Trước chúng tôi đọc là CAY NGẶT, nhưng nay thấy ở HTC đọc là CAY NGẠT, vậy xin đính chính. HTC còn giảng rõ : “CAY NGẠT = Thường nói về lời gay gắt. Cái cay và cái ngạt là cốt cái dao, cái kéo. Lời nói CÓ CAY CÓ NGẠT thì là gay gắt quá”.

2364 : Trong 4 dị bản LỰA, LIỆU, LỘ, DỠ thì LỰA vẫn được nhiều bản tán đồng hơn cả. Đặc biệt là nó được cả hai bản của Huế phục hồi sau khi bị các bản miền Bắc gạt bỏ.

2365 : Chữ CHÚT khắc nhầm ? Hay vẫn nên đọc TRỐT ?

TRANG 61 / B

2380 : CỬA VIÊN = cửa dinh ông tướng. Ngày xưa chỗ dinh ông tướng thường dựng xe lên làm cửa (VIÊN là càng xe 輓), cho nên gọi là viên môn 輓門 (ĐDA).

2383 : Chữ LÀ khắc không chuẩn.

2386 : Chữ CÁC khắc trông như chữ DANH !

TRANG 62 / A

2400 : BÀN HOÀN = Vốn nghĩa là lẩn quẩn, quanh quẩn không đi được. Dùng theo nghĩa rộng là quẩn quýt với nhau (ĐDA).

2402 : MÂY NGÀN khắc thành MÂY NHÀN.

2412 : ÂN ÁI cũng hiểu được nhưng 2 bản Huế đổi thành ÂN NGHĨA có vẻ hợp hơn. Không rõ tác giả có tham gia vào sự nhuận sắc này không ?

TRANG 62 / B

2420 : – Chữ đầu khắc không rõ là chữ gì. Trước đây chúng tôi đọc SÁT và hiểu SÁT OAN là “hết oan khiên”. Nhưng nay xin đổi ý kiến : chữ đầu đó chắc là chữ BỂ khắc nhầm mà thành.

– Trước đây chúng tôi đã biện hộ cho cách đọc GÓC LÒNG, nhưng nay xem lại thì cách đọc CẠNH LÒNG vẫn dễ giải thích hơn : chữ trông như GIÁC chỉ là một chữ CẠNH có từ thời Maiorica nhưng khắc nhầm mà thành.

Vậy trong câu này phải phục nguyên 2 chữ BỂ và CẠNH.

2422 : Chữ CHÚT khắc thành chữ XỐT.

2432 : Bản LNP dùng chữ thường đọc VỚI, bản DMT dùng chữ thường đọc MỚI : 2 cách đọc sẽ đưa đến 2 kiểu cấu trúc câu khác nhau.
Đa số các bản đều theo DMT.

2435 : Chữ SAO khắc không chuẩn.

TRANG 63 / A

2439 : Chữ NGÔI khắc hơi khác với bình thường.

2448 : – CÔ QUẢ : Vương hầu các nước nhỏ ở Trung Quốc xưa thường tự khiêm xưng là CÔ (= người mỗ cô), và QUẢ (= người goá bụa) ;
– BÁ VƯƠNG : BÁ là người đứng đầu chư hầu bằng sức mạnh ;
VƯƠNG là người đứng đầu bằng uy tín (ĐDA).

2450 : HẢI TÂN = miền ven biển (ĐDA).

2453 : DẤY : nghĩa như ĐẤY (HTC).

2454 : Chữ NHUNG khắc nhầm thành chữ QUA.

2457 : Chữ CHIÊU khắc cũng không chuẩn.

TRANG 63 / B

2459 : Chữ LỄ khắc không chuẩn, trông như chữ TRÁT.

2469 : Đây là chữ BẰNG 朋 duy nhất viết theo quy cách thông thường.
Các trường hợp khác, như ngay đầu câu 2477 trong trang này, BẰNG đều ghi bằng BÌNH 平, tên tục của Nguyễn Huệ ! Chắc là có dụng ý chính trị : làm cho Gia Long yên tâm.

2475 : Chữ THỈ dùng theo lối khẩu ngữ. Các bản về sau đều đổi thành NGHỈ.

TRANG 64 / A

2489 : Chữ thứ hai trông qua rất giống chữ TRONG, nhưng xét kĩ thì thấy :

– Bên trái không phải là chữ LONG 龍 mà là chữ SÙNG 寵 với nghĩa là “ơn” ; bên phải có lẽ vốn là chữ ẤN 印 đọc IN ; vậy đây là một chữ ƠN viết theo lối đặc biệt cổ, khác thường ;

– Hai chữ thứ 3, thứ 4 là THÁNH ĐẾ chứ không phải THÁNH TRẠCH ;

Vậy cả câu phải đọc :

Rằng ơn thánh để dồi dào

2492 : Chữ thứ 7 khắc không chuẩn : không rõ là BIẾT hay là XIẾT ? Nhưng về nghĩa thì BIẾT BAO cũng không khác gì lắm, so với XIẾT BAO.

2496 : Vì sao bản DMT in HOÀNG SÀO 黃巢 thành HỢI SÀO 亥巢 ? Theo Phan Anh Dũng, để kị húy tên chúa Nguyễn Hoàng 阮潢, chắc người chép đã đổi thành chữ HUYỀN 玄 ; nhưng rồi HUYỀN lại bị chép nhầm thành HỢI 亥.

2498 : Chữ thứ 4 có thể đọc DỨT mà cũng có thể đọc DẮT. Theo văn cảnh thì đọc DẮT hợp hơn.

TRANG 64 / B

2500 : Chữ HÀNG khắc nhầm thành TRÀNG // TRƯỜNG.

2505 : Chữ BINH 兵 khắc cũng không chuẩn, trông như chữ THỈ 矢.

2508 : Chữ TẬP cũng vậy : khắc không chuẩn.

2518 : Chữ QUÂN ghi tắt theo lối miền Nam, nhưng cũng không đúng hẳn (xin so với VVK).

TRANG 65 / A

- 2520 : Chữ VÒNG khắc bị mờ, không rõ lắm.
- 2523 : – Chữ QUÂN khắc theo lối Nam Bộ, nhưng khắc cũng không chuẩn lắm.
- Thiếu chữ thứ 5 trong câu. Căn cứ các bản khác thì đó là chữ ĐUỐI.
- 2532 : – Chữ THÀ khắc theo âm cổ là THỀ ;
- 7 bản chọn dị bản SỐNG THÁC, nhưng ở DMT khắc in là SỐNG CHẾT. Chữ CHẾT gần khẩu ngữ hơn chữ THÁC : có lẽ hợp hơn, vì Kiều đang vừa khóc vừa nói.
- 2536 : Trong bản DMT khắc là PHỤC HẠ. Chắc chữ HẠ phải đọc theo nghĩa là XUỐNG.

TRANG 65 / B

- 2546 : Bản DMT khắc in NGHĨ ĐÓ, một lối nói thiên về khẩu ngữ hơn. Đa số các bản về sau đều đổi lại thành NGHĨ LẤY.

TRANG 66 / A

- 2561 : Chữ DOI viết theo kiểu này đã được dùng trong TVVL cuối thế kỉ XVIII.
- 2562 : Chữ SINH được coi như một phụ tố cấu tạo từ, giống như trong HỌC SINH, NGHIÊN CỨU SINH. Ở từ điển Couvreur có LÃO SINH chỉ “người già”. Vậy TỬ SINH chỉ “người đã chết”.
- 2568 : NHẬT TÂU = thường đánh hằng ngày (ĐDA).

2570 : – DMT dùng 2 chữ BỐN CUNG là để ứng với 2 chữ MỘT CUNG của câu trên. Hai bản Huế tưởng như thế là trùng lặp nên đổi thành BỐN DÂY. Nhưng họ quên rằng chiếc hồ cầm mà Kiều chuyên dùng hằng ngày (để “nhặt râu”) là một kiểu đàn, theo Từ Hải thì chỉ có hai dây.

– Chữ NGÓN khắc nhầm thành NGỌN.

2575 : Chắc BẠC MỆNH khắc nhầm thành BẠC PHẬN vì tự dạng gần nhau mà nghĩa cũng gần nhau.

2577 : – Chắc sơ thảo là CUNG ĐÀN, nhưng sau nhà thơ đã chữa lại thành CUNG CẦM để khỏi trùng lặp với câu trên. Vì tác giả tự nhận sắc nên các bản miền Bắc và các bản Huế đều phải theo.

– Chữ LỰA, nếu muốn chuẩn hơn, thì nên chọn thanh phù LỰ hay LỮ thay vì LỰ.

TRANG 66 / B

2581 : Khắc là HƯƠNG HOẢ nhưng chắc phải đọc theo nghĩa là HƯƠNG LỬA.

2583 - 2587 :

– Ở câu 2583 khắc chữ có thể đọc là XÓT hoặc TRÓT (xin xem TVK), nhưng 8 bản sau đổi thành CHÚT.

– Cũng vậy, ở câu 2587 khắc chữ CHO, nhưng sau 6 bản đổi thành THƯỜNG.

– Chúng tôi không phục nguyên CHÚT, THƯỜNG dựa theo ấn tượng là chúng nghe hợp tai hơn : theo ý chúng tôi, nhà thơ không dùng 2 chữ đó vì nhà thơ bệnh vực Kiều, không muốn cho Kiều tự hạ mình quá. Vậy phải phục nguyên TRÓT và CHO.

2597 : – Chữ HAN chắc là chữ CẢI khắc nhầm mà thành. Trong TVK có một chữ CẢI gồm bộ KHẨU và 1/2 chữ HOÁN 換 (trùng với

chữ hoán 喚 là “gọi” trong tiếng Hán), chữ CẢI này rất gần với chữ HAN 嘆 nên hai bên dễ lẫn lộn.

– Hơn nữa, đi đôi với chữ LỜI ta thường nghe nói : VÂNG LỜI, NGHE LỜI, THEO LỜI, NGĂN LỜI, TRÁI LỜI... chứ rất ít khi nghe ai nói HỎI LỜI. Huống hồ chữ HAN lại ít khi dùng độc lập, một mình : trong HTC chỉ có HỎI HAN và HAN HỎI.

– Do đó 6 bản của miền Bắc và của Huế đã đính ngoa HAN LỜI thành CẢI LỜI.

Chắc là tác giả đã tự chữa nên đa số các bản mới chữa theo.

2598 : Dùng chữ LÀ hoàn toàn được, nhưng cũng cần xét khả năng chữ MỚI khắc nhầm mà thành, vì LÀ 𠂔 và MỚI 買 có sự gần gũi về mặt tự dạng.

TRANG 67 / A

2600 : Theo DMT thì câu này phải hiểu là một câu khẳng định :

Xe tơ chữa khéo : vợ càn vợ xiên !

Đa số các bản về sau lại hiểu là một câu chất vấn :

Xe tơ sao khéo vợ càn vợ xiên ?

Không rõ cụ Nguyễn Du có tham gia sự nhuận sắc này không ?

2605 : Chữ này đọc DẬP cũng được, đọc LẤP cũng được (xin xem TVK). Chúng tôi phục nguyên DẬP, theo cách đã quen dùng.

2614 : – Chữ HOÀI // HOẠI khắc không chuẩn ; 6 bản đổi thành TẮM ;

– THIẾT THỜI sau bị đổi thành THIẾT RỒI

TRANG 67 / B

2623 : Có 2 khả năng :

– Hoặc vốn là NÀNG ĐẤ CHO HAY, nhưng chữ ĐẤ viết có bộ KHẨU (口 + 𠂔) của Nam Bộ bị nhầm thành chữ NHÉ 𠂔 ;

– Hoặc vốn là NÀNG NHÉ CÓ HAY, nhưng chữ CÓ 固 bị nhầm thành chữ CHO 朱. Căn cứ đa số các bản, chúng tôi phục nguyên theo khả năng thứ hai.

2624 : Chữ DƯỚI khắc thành chữ XUỐNG ! Việc lầm lẫn DƯỚI - XUỐNG chúng ta đã từng gặp và nguyên nhân đã từng được phân tích : xin xem chẳng hạn chú thích về câu 1117.

2627 : THÁC là tiếng Hán Việt, với nghĩa là “lấy tay vén cát lên” (ĐDA).

2633 : Chữ THÁC (= chết) khắc không chuẩn.

2638 : Chắc chữ MẮT viết tắt đã bị mờ và bị tưởng nhầm là ĐẤ. Hay là phải hiểu cách như sau :

– ĐÀ là “cái sức lao ra phía trước” ;

– Và cái việc lao ra trước đó ĐẤ RỒI, nghĩa là “đã xong hẳn”.

Phải nghĩ đến cách hiểu đó cũng là để cho hết nhẽ, chứ có phần chắc là MẮT đã nhầm thành ĐẤ : TVKY, người đồng thời và chịu nhiều ảnh hưởng của DMT cũng đọc MẮT.

TRANG 68 / A

2639 : 8 bản khắc THÂN NGƯỜI, vậy chắc đó là dị bản vốn có trong sơ thảo. Nhưng đến bản KOM thì đổi thành KIẾP NGƯỜI : không biết có phải khi vào Huế cụ Nguyễn Du đã tự chữa lại không ? Phải suy nghĩ đến điều đó, vì LNP vẫn theo các bản miền Bắc.

- 2646 : Khắc sai trật tự : phải đảo lại thành ÂM CỰC DƯƠNG HỒI.
- 2648 : Chữ LÂU khắc không chuẩn, trông như chữ SỐ, chữ SỎ.
- 2650 : Chữ này có thể đọc TREO mà cũng có thể đọc ĐEO (xin xem TVK). Nhưng chúng tôi xin đọc TREO theo đúng mặt chữ trong văn bản.

TRANG 68 / B

- 2663 : Chữ CHỐN 2 lần khắc nhầm thành chữ TÍNH : ở câu này và ở câu 2666.
- 2665 : GIỦI là một từ cổ nhưng còn có trong từ điển. Nghĩa của nó được VNTĐ giải thích : “Ma làm cho người mê mẩn mà đưa đến một chỗ nào”. Về tự dạng cách viết DỬI / GIỦI được VVK và TVK khẳng định.
- 2672 : – Chữ MỒI cũng khắc nhầm : thành chữ MÌNH, không hiệp vần được với 2 câu trước.
- Chữ VÒNG ở câu 2671 bản KOM đổi thành DÒNG để tránh trùng lặp.
- Cách viết THUỶ + TINH (= sao) 水 星 như ở DMT, có thể có nhiều cách dùng. Theo *Quảng Hán Hoà từ điển*, trong các cách dùng đó, có cách dùng thay cho 2 chữ THUỶ TINH 水 精 với nghĩa là “thuỷ quái, loài yêu tinh của vùng sông nước”.

Nếu vậy, giữa hai câu 2669-2670 :

Giữa vòng giáo dựng gươm trần

Kẻ răng hùm sói, gửi thân tôi đòi

và hai câu 2671-2672 :

Giữa dòng nước dấy sóng giới

Trước hàm rồng cá, gieo mồi thuỷ tinh

có sự sóng đôi rất tề chỉnh : trên thì GỬI THÂN LÀM TÔI ĐÒI
còn ở dưới thì GIEO MỒI CHO YÊU TINH.

2675 : Trật tự đảo ngược : phải đọc LÀM CHO.

TRANG 69 / A

2685 : CỨU MUÔN NGƯỜI hay CỨU MỘT NGƯỜI ? Nếu ghi MUÔN bằng chữ VẠN đọc theo nghĩa và ghi MỘT bằng chữ MIỆT thì hai bên tự dạng khá gần nhau, có thể nhầm lẫn nhau. Chúng tôi ngờ rằng đã có quá trình thay đổi như sau : VẠN 萬 đọc MUÔN ở sơ thảo chép nhầm thành MIỆT 蔑 (tức là MỘT) ở các bản sao đầu tiên rồi chữ MIỆT đó lại chép thành MỘT 𠂔 viết tắt ở DMT.

2692 : – Chữ THẢ 且 khắc như chữ ĐẾN 旦 !

– Có 3 khả năng đọc :

+ Đọc VI LAU và hiểu là “chiếc xuống nho nhỏ” như ở TVKY ;

+ Đọc BỀ LAU như ở từ điển TVK ; và

+ Đọc VỈ LAU với chữ VỈ là loại lưới đan bằng tre, nứa. Chúng tôi phục nguyên BỀ LAU như xưa nay đã chấp nhận.

TRANG 69 / B

2702 : Chữ CHUYỂN khắc không chuẩn.

2707 : LƯỢT SUỐT bắt nguồn từ 2 cách nói đồng nghĩa : LƯỢT MUỐT và SUỐT MUỐT. Cách dùng thanh phù để ghi Nôm có thể giải thích một cách khá dễ dàng. Cách kết hợp 2 tiếng đầu

(LƯỢT và SUỐT) để tạo thành một từ mới là một biện pháp cấu tạo từ thường gặp : so sánh với Ủ Ê + RỮ RƯỢI > Ủ RỮ.

2709 : Nên đọc NHẬN THỰC hay đọc NHÌN THẬT ?

2713 : Chữ CỐ khắc nhầm thành chữ HỮU.

2716 : Chữ NÀY khắc cũng không chuẩn.

TRANG 70 / A

2719 : Để MỘT MÌNH cũng có nghĩa, nhưng chắc là do chữ NIỀM khắc nhầm thành.

2720 : Phải chữa lại thành ÂM CÔNG.

2723 : Chữ LÂU khắc nhầm thành chữ SAU. Để SAU thì sẽ trùng vắn.

2724 : Chữ DUYÊN khắc không chuẩn.

2726 : Chữ GQI khắc cũng không chuẩn.

2737-2738 : Chữ XỬA khắc thành chữ ĐEO !

TRANG 70 / B

2741 : TRÌ TANG cũng có nghĩa, TVKY cũng theo vậy. Nhưng sau 6 bản đổi thành PHÙ TANG. Không rõ nhà thơ tự nhuận sắc hay là đính ngoa lại ? Vì cũng có thể trong sơ thảo là PHỦ, các bản sao nhầm thành TRÌ, vì tự dạng gần nhau. Nên phục nguyên PHÙ TANG.

2744 : Chữ XỬA lại khắc thành ĐEO như ở hai câu 2737, 2738 trước đây. Chữ XỬA ở câu 2752 cũng vậy.

2747 : Trang này nhiều lỗi về chữ Nôm :

– Ở câu này chữ TRƯỚC khắc không chuẩn ;

– Chữ XẬP ở câu 2749, chữ LỐI ở câu 2752, hai chữ LÁNG GIỀNG ở câu 2755 cũng đều không chuẩn.

2749 : Chữ khắc không chuẩn nên không rõ LẦU hay NẼN ? Nhưng 4 bản chấp nhận LẦU, 4 bản chấp nhận RUỒNG, trong 9 bản của chúng tôi không có dị bản NẼN. Nói LẦU KHÔNG thì cũng phù hợp với quang cảnh chung.

2750 : Chữ LAN kị huý theo lối gia dạng.

2753 : Khắc đúng hai chữ LÃNH NHÃN. Phải hiểu là “dùng con mắt lãnh đạm mà nhìn” ? Hay phải đọc Nôm là LẠNH NHÃN với nghĩa là “lạnh lẽo, trơ trọi” ?

TRANG 71 / A

2760 : Bản sơ thảo phá luật thơ lục bát, cũng như đã từng phá luật ở câu 2061 trước đây. Sau có 3 bản chữa lại, nhưng cũng chỉ chữa tạm vì đã dùng CÙNG LÀ mà lại còn thêm VỚI, LẠI !

2762 : Chữ thứ 3 thường đọc BÁN, nhưng cũng có thể đọc MUỐN, vì theo nguyên tắc, có thể dùng B ghi M và dùng AN ghi ƯƠN. Trật tự lúc đầu không được lưu ý vì trong thành ngữ thường có khả năng tùy tiện đảo ngược đảo xuôi : so sánh với CON CHA CHÁU ÔNG / CON ÔNG CHÁU CHA hoặc THẮT LUNG BỤNG BỤNG / LUNG THẮT BỤNG BỤNG hoặc RÀO SAU ĐÓN TRƯỚC / RÀO TRƯỚC ĐÓN SAU, v.v. Nhưng chắc trật tự sau đã đảo lại thành MAY THUÊ VIẾT MUỐN. Nếu nhà thơ tự chữa lại thì chữa ở Huế, vì các bản miền Bắc vẫn in như cũ.

2771 : NGOÀI TƯỜNG đảo nhằm thành TƯỜNG NGOÀI, không hiệp vần được với câu trên câu dưới.

2772 : Chữ CHẠY khắc thành chữ XU : Vì nhầm ? Hay vì định đọc theo nghĩa ? Ở Nam Bộ chữ đó đọc RẢO (theo VVK/II trang 206). Nhưng có lẽ vẫn nên phục nguyên CHẠY theo 4 bản trực của cả 3 miền.

TRANG 71 / B

- 2788 : Chữ LAI khắc sai, trông như chữ LÔI.
- 2792 : ĐI ĐÂU đối với VỀ ĐÓ rất chỉnh, nhưng bản DMT lại khắc Ở ĐÂU vì gia đình họ Vương không biết Kiều Ở ĐÂU chứ ĐI ĐÂU thì họ biết chứ : Kiều đi với Mã Giám sinh về Lâm Thanh ! Họ vẫn tin như vậy, tuy họ bị lừa. Chắc Ở ĐÂU vốn có trong sơ thảo.
- 2795 : Khắc chữ BÀO như trong BÀO HAO (= la thét) của tiếng Hán. Chúng tôi chắc xưa đọc Nôm theo nghĩa là GÀO : bốn chữ GÀO GIÓ TUÔN MƯA nghe cũng được.
- 2796 : Chữ THẦN ghi tắt thành chữ DẦN (xin xem chú thích ở câu 0050).

TRANG 72 / A

- 2800 : – Cả 2 chữ NÀI KHUYÊN đều khắc không chuẩn.
– Nguyễn Bá Triệu ngại rằng chỉ dưới mới NÀI với trên, dùng vào đây không hợp. Nhưng nói CẤP TRÊN NÀI ÉP TÔI được thì nói Vương ông NÀI KHUYÊN Kim Trọng cũng được.
- 2808 : 3 bản dùng chữ ĐẾN, 6 bản dùng chữ VỚI. Chọn dị bản khác nhau vì cách phân tích câu cũng có hơi khác nhau, so sánh :
Của xưa lại giờ / đến đàn với hương
Của xưa lại giờ / đến đàn / đến hương
- 2816 : Chữ ĐANG định khắc theo lối kị húy thành ĐĂNG ; nhưng lại khắc không chuẩn.
- 2818 : GẤP khắc không chuẩn, trong bộ TÚC chỉ giữ lại KHẤU.

TRANG 72 / B

2825 : Câu này có 2 điểm cần chú ý : .

- Chữ LỆ khắc không chuẩn, trông gần như chữ GIỌT ;
- Chữ THU' khắc thành chữ THƠ vì vùng Nghệ Tĩnh và nhiều tỉnh miền Trung đến nay vẫn nói THU' thành THƠ ? Hay đúng là chữ THƠ, nói chuyện LÀM THƠ ? Vì chuyện thông tin liên lạc thì đã có 4 chữ ĐƯA TỜ NHẮN NHE ở câu sau rồi ? Chúng tôi vẫn phục nguyên THƠ theo đúng mặt chữ trong văn bản.

2826 : Chuyện tìm tòi, theo dõi chắc lúc đầu được diễn đạt bằng từ ghép TÌM DỐI, nhưng sau từ đó chuyển thành từ láy âm TÌM TỐI do tác động của từ NHẮN NHE ở sau.

2828 : Xin đính ngoa LÂM TRI thành LÂM THANH vì Kim Trọng phải cho đi tìm theo cái địa chỉ lừa bịp mà Mã Giám sinh đã để lại.

2833 : HÉO DON = khô héo, gầy mòn (HTC).

2834 : Chữ MÒN câu này khắc không chuẩn ; chữ THƠ, chữ HỒN ở hai câu sau cũng vậy.

TRANG 73 / A

2840 : TÍNH trong tiếng Hán có nghĩa là “cùng sánh với nhau” ; ở Nôm thì “tính toán”, “liệu tính” cũng viết với chữ TÍNH này. Nhưng TÍNH DÂY, SÁNH DÂY thì cũng không bằng XE DÂY cho nên chắc sau nhà thơ đã chữa lại, vì cả các bản của miền Bắc cả các bản của Huế đều thống nhất.

2846 : DÀO = dâng lên và tràn đầy (TĐTV).

2847 : Chữ NỔI khắc không chuẩn. Chữ NHỚ cũng chỉ khác tất là NỮ.

2851 : Theo VNTĐ, TĐTV, BẾ BAI có 2 nghĩa :

- vừa chê bai, vừa bắt bẻ ;
- lả lướt, ngả nghiêng ; du dương, réo rắt.

Nhưng trong HTC chỉ có nghĩa đầu, chúng tôi ngờ rằng các từ điển thế kỉ XX cho là nghĩa đầu không hợp với *Truyện Kiều* nên mới thêm nghĩa thứ 2 vào sau. Ngay cụ Đào Duy Anh cũng đổi cách đọc thành BẾ BÀI và cho là do bắt nguồn từ cách nói BẾ BÀNG mà ra.

Theo ý chúng tôi, từ CHÊ BAI hoàn toàn có thể chuyển nghĩa thành CHÊ TRÁCH, rồi TRÁCH MÓC, OÁN TRÁCH. Nói tiếng đàn có vẻ vừa rầu rĩ, vừa oán trách thì được lắm chứ !

2854 : ĐỒNG VỌNG = từ xa vọng lại, vắng vắng (TĐTV).

2855 : Hai chữ ĐÁ, GHI cũng khắc không chuẩn.

TRANG 73 / B

2859 : Chữ CHẾ khắc không chuẩn.

2861 : Chữ MÂY cũng không chuẩn.

2863 : XA GẦN khắc nhầm thành GẦN XA, không hiệp vần được với câu trên.

2870 : Theo ĐDA, KIM MÃ MÔN chỉ “chỗ vua Hán Vũ đế sai các học sĩ đứng chờ chiếu chỉ” ; NGỌC ĐƯỜNG chỉ “dinh thự quan Hàn lâm” và cả 4 chữ KIM MÃ, NGỌC ĐƯỜNG thì “chỉ cảnh làm quan sang”.

2874 : Chữ DẬM khắc không chuẩn.

TRANG 74 / A

2887 : Có lẽ chữ THẬP phải đọc theo nghĩa là MƯỜI.

2894 : Chữ KHI thì nhất định phải đọc theo nghĩa là LỪA !

Vì 3 lẽ :

- Đọc LỪA mới dễ hiểu ;
- Đọc LỪA mới có dấu HUYỀN cần thiết ;
- Và đọc LỪA mới hiệp vần được với 2 câu trước đó.

2896 : GẢ hay GÁ đều là những cách đọc đúng mặt chữ cả. Nhưng về nghĩa, nên chọn GÁ.

TRANG 74 / B

2904 : Cụ Hoàng Xuân Hãn có gợi ý nên chẳng là đọc NGHINH thành NGANG để đối với chữ HƠN ở trước ?

2905 : 7 bản dùng MUÔN VẠN : chắc xưa nói MUÔN VẠN là để chỉ chung chung rằng vô cùng nhiều. Nhưng hai bản Huế sợ nói MUÔN VẠN là 100 triệu, vô lí, nên đổi lại thành MUỖI VẠN.

2914 : NGHINH THIẾP = thiệp mời. Coi NGHINH THIẾP là chủ ngữ của MỜI chắc cũng được. Nếu cho là sai, thì NGHINH có lẽ do ĐEM hoặc ĐƯA khắc nhầm mà thành, hoặc là chữ ĐỆ 遞 viết tắt, “đệ thiệp” là cách nói quan cách.

2915 : Hai chữ Nôm khắc không chuẩn : chữ NỞI ở câu này và chữ QUÂN ở câu 2918.

TRANG 75 / A

- 2926 : VÂN MÔNG = từ cổ, nghĩa là “tin tức” (ĐDA).
- 2927 : TIÊU HAO cũng nghĩa là “tin tức” (ĐDA).
- 2928 : Chữ THẮN khắc không theo lối bình thường : có lẽ trên TẮN dưới TÂM, nhưng TẮN lại khắc không chuẩn.
- 2930 : Chữ XONG khắc nhầm, trông gần như chữ THUỖ.
- 2936 : – Chúng tôi đọc LỒ. Nhưng cũng có thể đó là chữ LỬA khắc theo một lối ít khi dùng.
– Chữ CỐ khắc thành như chữ CỒ !
- 2937 : Chúng tôi vẫn cho XỐT là đúng với cả mạch văn, tuy CHÚT (ở 6 bản) và KỂ (ở 2 bản) xem qua có phần dễ được chấp nhận hơn.
Cần chữa thì chữa chữ CHO ở câu 2938 sau đó.

TRANG 75 / B

- 2943 : Chữ THẨM khắc sai quy cách thông thường.
- 2945 : Chữ NHỮNG nhầm thành chữ TIÊN.
- 2954 : – Chắc trong sơ thảo là TRO nên TVKY và ADM mới đọc theo như vậy. Nhưng về sau có thể TRO đã được chữa lại thành LỬA để cho cân xứng : trên đã nói ÊM một cái dữ như SÓNG thì dưới cũng phải nói TÀN một cái dữ như LỬA ! Nhưng việc tự nhuận sắc này chắc nhà thơ đã tiến hành khá sớm và bạn bè của cụ ở miền Bắc đã có được thông tin. So sánh các bản LVĐ, TMĐ với bản DMT chúng ta dễ đi đến phỏng đoán như vậy.
– Chữ CHIẾT nhầm bộ THUỖ thành bộ NHÂN.
- 2957 : Khắc chữ BẦY nhưng từ thời Maiorica BẦY đọc BẤY cũng được.

TRANG 76 / A

2959 : Chữ NGÀY không chuẩn ; chữ THU ở câu sau (2960) cũng vậy.

2963 : Trong câu NÀNG ĐÀ GIEO NGỌC CHÂU đã có 2 cách đọc được đưa ra : CHÌM CHÂU và TRẦM CHÂU nhưng đều không ổn cả. Vì :

– GIEO là một động từ ngoại động, cấp vật ; động từ nội động CHÌM đối không chính ;

– TRẦM trong tiếng Việt phổ thông cũng không dùng như động từ ngoại động, cấp vật.

Có thể nói TRẦM BỔNG, TRẦM XUỐNG, v.v. Không ai nói TRẦM CÂY TRE XUỐNG AO chẳng hạn. Cách nói TRẦM MÌNH chỉ là biến thể địa phương của TRẦM MÌNH.

Vậy phải đọc DÌM CHÂU. DÌM là dạng hiện đại của GÌM. Mà GÌM thì cũng cùng gốc với TRẦM như CHÌM. Có điều đã hình thành sự đối lập : một bên chỉ hành động, một bên chỉ kết quả. So sánh :

Hành động : GÌM // DÌM > Kết quả : CHÌM

Hành động : GIẾT > Kết quả : CHẾT

2970 : VỌI = dấu hiệu bày ra cho người ta trông thấy (VNTĐ). Nhưng VỌI TRÔNG, J.F.M. Génibrel cũng giảng là “nhìn ra phía xa xa” (regarder au loin).

2974 : Chữ NƠI khắc nhầm thành chữ BA !

2978 : Chữ KHÓC cũng khắc nhầm thành chữ LÀ.

TRANG 76 / B

2979 : NGƠ NGÁC khắc thành NHƠ NHÁC !

2980 : Cố G.S Hoàng Xuân Hãn ngờ rằng người Nghệ Tĩnh chép KỂ LỄ thành KỂ LỆ, chữ LỆ sau bị mờ nên còn lại phần trên, trông thành như chữ HQ.

2985 : NHÂN khắc thành CỐ // CÓ !

2992 : Chữ NHỚ lại khắc tắt như chữ NỮ.

2998 : Chữ NÀY khắc cũng không chuẩn.

TRANG 77 / A

3000 : Chữ NGUYÊN 源 bỏ bộ THUY thủy để kị huỷ, thành 原.

3007 : Có mấy chữ khắc không chuẩn :

- Chữ GỌI ở câu này ;
- Chữ MỘT ở câu 3009 ;
- Chữ PHƯƠNG ở câu 3011 ;
- Lại chữ KHÓC khắc thành chữ LÀ ở câu 3018.

3015 : Căn cứ mặt chữ thì nên đọc SỤT SÙI, nhưng căn cứ ngữ pháp thì cũng có khả năng đọc GIỌT RƠI. Nếu chiếu cố thực tế là đôi khi CHÂU cũng viết với bộ THUY thủy để chỉ “nước mắt” (như ở câu 0665) thì cũng có thể đọc cả GIỌT CHÂU.

3016 : Hai chữ SỢ SỢ rất lạ, nên 2 bản miền Bắc và 2 bản Huế đổi lại thành TỬ TỬ. Phải chăng SỢ SỢ chỉ dùng với khía cạnh ngữ nghĩa là chỉ sự kính cẩn, khép nép ? Trong HTC, SỢ = khép nép, kiêng dè.

3017 : Chữ thứ tư theo từ điển TVK thì có 3 cách đọc : CỐI, CỘI, GỐI. Chúng tôi chọn GỐI (trong CÁI GỐI) để hiểu GỐI (trong ĐẦU GỐI) vì 2 bên đồng âm nhau.

TRANG 77 / B

- 3020 : MUỖI LẮM NĂM khắc thành MUỖI NĂM NĂM : phản ánh hiện tượng lầm lẫn hai âm L / N ở vùng Thái Bình.
- 3023 : TRAO hiểu như GIAO và có nghĩa là “giáp nhau, đầu lại với nhau” như trong GIAO MẶT, GIAO ĐẦU (HTC). Cũng nên nghĩ đến khả năng chữ CẦM khắc nhầm thành TRAO vì 2 bên tự dạng cũng không xa nhau lắm.
- 3030 : 8 bản dùng chữ NÀNG, riêng bản KOM chữa lại thành CHÀNG, để khỏi sót nhân vật Kim Trọng. Nhưng có lẽ nhà thơ, trong 2 chữ ĐỪNG TRÔNG, đã nghĩ đến đủ cả mọi người, trong đó có cả Kim Trọng.

TRANG 78 / A

- 3039 : Có 2 khả năng :
- Dùng THỈ RÀY ... theo lối nói tự nhiên trong khẩu ngữ ;
 - Hoặc THỈ RÀY... là do ĐƯỢC RÀY khắc nhầm mà thành : THỈ và ĐƯỢC tự dạng cũng gần nhau.
- 3045 : Nên đọc TRO ? LÒ ? hay LỬA ? Chắc trong sơ thảo câu thơ của cụ Nguyễn Du là SỰ ĐỜI ĐÃ TẮT TRO LÒNG. Viết như vậy là vận dụng hai chữ TÂM KHÔI trong câu thơ của Bạch Cư Dị : *Tâm khô bất tự lô trung hoả* (= “tro lòng / đã tắt / không còn giống như ngọn lửa trong lò nữa”). Ở câu 1932 trước đây, cụ cũng đã từng dùng TRO LÒNG như ở câu này.
- 3046 và 3054 : Có 2 chữ Nôm khắc không chuẩn :
- Chữ CHEN ở câu 3046 ;
 - Chữ CHO ở câu 3054.

3056 : Câu này, 8 bản dùng chữ RUỐC riêng bản DMT dùng chữ LÊN.
Cần đặt ra 2 khả năng :

- Hoặc chữ LÊN là do chữ RUỐC khắc nhầm mà thành ;
- Hoặc trong bản sơ thảo vốn viết :

Lập am rồi sẽ LÊN thấy ở chung

Nói LÊN AM Ở CHUNG VỚI THẦY là tỏ thái độ trân trọng đối với cả THẦY, cả AM.

Đoạn sau, ở câu 3234 vẫn giữ thái độ trân trọng đó :

TRÊN AM cứ giữ hương dầu hôm mai

3057 : Ở câu này cũng có 2 khả năng :

- Hoặc chữ ĐẤ là do chữ PHẢI khắc nhầm mà thành ; và cả câu phải hiểu là : “Nàng NGHE LỜI cha, nàng PHẢI vâng theo” ;
- Hoặc chữ ĐẤ đúng, nhưng phải hiểu câu lục như một mệnh đề nêu điều kiện : mọi người “nghe rằng nàng ĐẤ chiều lòng”, nên cả đoàn mới GIÃ SƯ GIÃ CẢNH ĐỀU CÙNG BƯỚC RA. MỘT ĐOÀN VỀ ĐẾN QUAN NHA...

TRANG 78 / B

3064 : Hai chữ GẶP GỠ viết theo một lối ít khi gặp.

3065 : Chữ GẶP này lại viết trông giống như chữ HẤP. Chữ BA lại nhầm thành chữ BẾ.

3066 :

Chữ đầu câu có hai khả năng hiểu :

- Hoặc đó là chữ VẬY khắc không thật chuẩn ;
- Hoặc đó là một cách viết của chữ SẠCH (có ở trong Maiorica, và đã từng gặp ở câu 1378). SẠCH có nghĩa là “hết tất cả, không còn sót lại chút nào” (TĐTV). Xưa chữ SẠCH này đặt trước, đặt

sau động từ đều được, ví dụ ở HTC có cả 2 ví dụ HẾT SẠCH và SẠCH HẾT, đều với nghĩa là “hết trơn”. Nếu hiểu theo cách thứ 2 thì câu 3066 sẽ bắt đầu là SẠCH ĐEM DUYÊN CHỊ và có nghĩa là “đem hết duyên chị gán vào cho em”.

Chữ thứ 5 trong câu cũng có những dị bản khác nhau :

– BUỘC ở 5 bản, GÁ ở 2 bản, XE ở 1 bản ;

– Riêng bản DMT dùng chữ RUỐC. Cũng có thể đây là dùng chữ HẮN (= đuổi theo) để ghi Nôm chữ GÁN.

3070 : MƯỜI LĂM lại viết thành MƯỜI NĂM : lầm lẫn L / N.

3072 : Chữ LINH viết tắt và dùng để đọc THIÊNG (đọc theo nghĩa). Chữ KHI dùng để kị huý chữ ĐANG, như đã từng xảy ra ở câu 0349. Nhưng đọc KHI cũng có nghĩa.

3076 : Chữ BẠT phải đọc theo âm hiện đại là GẠT.

3077 : Chữ NĂM khắc không chuẩn : NĂM 𠂔 trong “năm tháng” biến thành con số 5 𠂔 !

TRANG 79 / A

3080 : Chữ NHIỀU khắc nhầm thành chữ TÙNG. Khắc như vậy cũng có nghĩa, nhưng không hiệp vần được với 2 câu sau.

3083 : Phải đọc THÀ chứ không phải THÌ. Sở dĩ dùng chữ THÌ là vì ghi THÀ theo âm cổ là THE.

3086 : Chữ DÀY bị nhầm thành chữ TRỜI. Nhưng trong dân gian người bình thường nhiều khi cũng nói nhầm như vậy, vì đại ý vẫn hiểu được. Chắc người sao chép bị sai là vì dựa vào lối nói nôm na đã nghe quen.

3087 : Chữ SAO khắc theo lối viết tắt. Dạng viết tắt này xưa Maiorica cũng đã từng dùng.

- 3089 : Hai bản miền Bắc dùng dị bản TÌNH, gây ra trùng vận với câu sau.
DMT dùng dị bản MÌNH và được 6 bản nữa tán thành theo.
- 3092 : 6 bản dùng chữ XỐT, kể cả DMT, LVD, LNP. Chỉ sau KOM đổi thành CHÚT.
- 3093 : Bản DMT dùng SỰ VỢ CHỒNG chứ không dùng ĐẠO VỢ CHỒNG : phải chăng là có dụng ý ?
- 3094 : Câu này sai nặng :
– Thiếu chữ NHỊ ;
– Lại thừa chữ TRÒN, vì lặp 2 lần.
- 3095 : Kí hiệu Nôm này có khi đọc CHỮ như ở câu 2036 và ở câu này, có khi lại đọc GIỮ như ở các câu 1493, 1541, 1776, 3088. Chắc có lí do gần gũi nhau về lịch sử : thế kỉ XVII, trong Maiorica CHỮ và GIỮ có khi viết cùng một chữ như nhau ; vết tích hiện còn thấy ở một số phương ngữ cũng ăn khớp như vậy : CHỰ dùng cả trong CHỰ NGHĨA (= chữ nghĩa) ở Nghệ Tĩnh và cả trong CHỰ TRÂU (= giữ trâu) ở Bình, Trị, Thiên.
- 3096 : Chữ VỚI khắc không chuẩn.

TRANG 79 / B

- 3099 : Chữ BẤY khắc như chữ NHÀN.
- 3100 : Chữ KHUYẾT cũng khắc như chữ ƯƠNG.
- 3106 : Chữ TỬI khắc không chuẩn.
- 3108 : MỚİ LÀ khắc nhầm thành LÀ LÀ.
- 3112 : – Dị bản BỤNG bị thiếu số, so với dị bản RUỘT. Nhưng trong ngôn ngữ hàng ngày chữ BUỒN hay đi đôi với chữ BỤNG hơn là chữ RUỘT (ví dụ : “Bụng buồn còn muốn nói năng chi” – Tú Xương).
– Khắc theo biến thể NHỎ, vì dùng thanh phù NHỮ.

3113 : Chữ NÊN khắc không chuẩn.

3116 : CHỮ vẫn có cách viết 1/2 như CHỮ, 1/2 như GIỮ. Lí do : xin xem chú thích ở câu 3095.

TRANG 80 / A

3121 : Khắc Nôm khắc sai 3 chỗ :

- Chữ HỒM ở câu này ;
- Chữ TÀN và chữ XỬA ở câu 3124.

3122 : – Đọc TAN SƯƠNG BIẾT NGÕ ÁNG MÂY GIỮA TRỜI cũng có nghĩa ; có thể hiểu “tan sương thì mới biết ở ngõ nào, hướng nào thì bị che mây (áng = che, theo TĐTC) giữa trời”.

– Nhưng cũng có khả năng khắc nhầm NGOÀI thành BIẾT và CUỐN thành ÁNG vì hai bản ở Huế cho thấy trong câu có thể tiểu đối. So sánh :

TAN SƯƠNG NGOÀI NGÕ CUỐN MÂY GIỮA TRỜI
(DMT, LVĐ)

TAN SƯƠNG ĐẦU NGÕ VÉN MÂY GIỮA TRỜI
(LNP, KOM)

3126 : Chữ TIÊU khắc khá lạ, nhưng cách ghi này có trong *Bảng tra chữ Nôm sau thế kỉ XVII*, VVK, 1994, trang 57.

3133 : GIAO BÁI khắc thành GIAO LẠY.

3136 : Hai chữ BĂNG KHUẢNG khắc cũng không chuẩn.

3138 : Lần thứ ba MUỖI LĂM khắc thành MUỖI NĂM, theo sự lẫn lộn L / N của vùng Thái Bình.

TRANG 80 / B

- 3140 : CHẤY khắc nhầm thành NÀY.
- 3142 : Tất cả 7 bản đều in TỔ NGHĨA, chỉ 2 bản của Huế đổi thành TỎ RANG // DẠNG. Cần xét.
- 3151 : Chữ YẾM viết tắt, chỉ giữ bộ HÁN và chữ KHUYỂN, còn phần trong ruột thay bằng 2 dấu chấm.
- 3154 : Với thanh phù VIỆT có thể đọc cả VỐT cả VÉT ; chúng tôi đọc VỐT theo đa số.
- 3155 : Để như vậy câu vẫn hiểu được. Nhưng vẫn phải nghĩ đến khả năng : chữ đầu DMT khắc là CÙNG 共, LVD khắc là CŨNG 拱, nhưng có lẽ đó là chữ GIỎ 拱 bị nhầm mà thành. Nếu thế thì câu CÙNG NHỎ, GIỎ NHỤC BÀY TRÒ sẽ phải đọc thành GIỎ NHỎ GIỎ NHUỐC BÀY TRÒ.

TRANG 81 / A

- 3163 : 8 bản dùng 2 chữ ÂN ÁI, riêng bản DMT dùng ÂN NGHĨA : Phải chăng nhà thơ cho rằng lúc này Kiều không muốn nói đến chuyện “ân ái” nữa ?
- 3169 : Chữ LIỄU nhầm thành chữ NHIỄU, sinh ra chuyện trùng vận với câu trước. Chắc nhầm ở khâu sao chép, vì người sao chép đã quen với hiện tượng nhiều trường hợp nói L cũng được, nói NH cũng được, ví dụ LỄ // NHỄ, LỜI // NHỜI, LẦM // NHẦM, v.v.
- 3170 : Câu này cần chú ý 2 điểm :
– Chữ đầu khắc không rõ là ĐUẢ hay là GẤP ? Theo văn cảnh chắc là chữ GẤP.

– Trong TĐTK, ở mục chữ CHÚT, cụ Đào Duy Anh cho rằng nếu để chữ THIẾU thì “thô tục, trái với ý cả đoạn”, và cụ đổi THIẾU thành CHÚT cũng như LNP. Nhưng THIẾU, CHÚT tự dạng quá khác nhau, không lẫn lộn với nhau được. Nếu phải gạt bỏ cách đọc THIẾU như cụ đề nghị thì xin nghĩ đến THỂ. Trong Từ điển tiếng Nghệ có MỘT THỂ tương đương với MỘT XÍU, CHÚT XÍU của tiếng phổ thông (TĐTV).

Vả lại XÍU và THỂ là cùng một nguồn gốc lịch sử. Vậy cả câu phải đọc :

+ Nếu theo tiếng Nghệ Tĩnh là : *Gặp nhau còn THỂ bấy nhiêu là tình.*

+ Nếu theo tiếng phổ thông là : *Gặp nhau còn XÍU bấy nhiêu là tình.*

3172 : 5 bản khắc CHỮA CHỮA, hơi khó hiểu, nên 1 bản đổi thành SAO CHO, 2 bản đổi thành RẰNG CHỮA. Riêng bản DMT khắc CHỮA CHỮA (CHỮA có bộ NHỤC như trong BỤNG MANG DẠ CHỮA). Chúng tôi đoán CHỮA phải đọc CHỮA và trong sơ thảo nhà thơ vốn viết là “Nghĩ chưa CHỮA THOÁT KHỎI vành ái ân” : viết như vậy là hoàn toàn rõ nghĩa. Có điều CHỮA CHỮA rất dễ bị chép nhầm thành CHỮA CHỮA như đã nói ở trên.

TRANG 81 / B

3184 : Cả 7 bản đều in TƯƠNG TRI NGHĨA ẤY, chỉ 2 bản Huế đổi thành DƯƠNG ẤY. Cần xét.

3185 : Hai chữ ĐÙM BỘC khắc không chuẩn.

3194 : Khắc chữ 稌 có thể đọc LẮM mà cũng có thể đọc LẪM. Chắc người sao chép gốc Nghệ Tĩnh muốn dùng chữ LẪM để ghi chữ LẬM 濫 với nghĩa là “sai, lầm” như trong TÍNH LẬM, ĐẾM LẬM (theo HTC).

TRANG 82 / A

3202 : Cả chữ HỒN cả chữ MÌNH đều khắc không chuẩn.

3203 : NHỎ = rơi hoặc làm cho rơi xuống thành từng giọt (TĐTV).

3204 : Chữ HẠT 曷 nhầm thành chữ XƯƠNG 昌.

3217 : NÓI SÒNG = nói phân minh và ngay thẳng (TĐTV).

TRANG 82 / B

3223 : Chữ CUỘC 局 khắc nhầm thành chữ CÚ 句.

3230 : Khắc chữ TRÊN, nhưng có lẽ đó là chữ LÊN hoặc chữ LEN bị khắc không chuẩn. Vì phải đối với chữ TRÙM ở trước, có lẽ nên đọc LEN như cụ Đào Duy Anh.

3233 : Khắc chữ SỬ 史. Trong cuốn *Tư liệu Truyện Kiều : từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu* (2004) chúng tôi đã chứng minh rằng đây là chữ CHỨT khắc nhầm mà thành.

3234 : Ở câu này CHỮ lại dùng để ghi GIỮ ! Chắc cũng là do nguyên nhân lịch sử như đã trình bày ở trên, khi nói về câu 3095.

3236 : Có lẽ hai chữ THIÊN NIÊN nên đọc theo nghĩa thành NGÀN NĂM.

TRANG 83 / A

3240 : Bản DMT không khắc chữ VƯỜN 園 mà khắc rõ chữ VI 羣. Có ý kiến đề nghị đọc VI XUÂN (= trường thi hội) để ăn khớp với chữ BIA ở sau. Nhưng cũng có người đọc thành động từ VẦY : VẦY XUÂN mới đối được với ĐỂ BIA.

3250 : – Phải chăng lúc đầu câu này vốn hiểu như sau : “cũng đừng trách bậy, trách nhảm” (LẪN như trong NHẦM LẪN, LẪN CẦN, NÓI LẪN) “vì trời gần, chẳng xa đâu” ! Rồi sau mới đổi sang cách hiểu như hiện nay ?

– Xin chú ý : chữ TRỜI khắc thành chữ LỜI ! Lí do chắc là : xưa TRỜI cũng nói là LỜI, như trong “Đức Chúa Lời”.

3252 : Chữ BẰNG khắc thiếu nét trông thành chữ THẬP.

3253 : NHẬT GÓP hay NHẬT NHẠNH ? Chắc NHẬT GÓP đúng hơn.

phần thứ tư

PHỤ LỤC

**VỀ HAI GIẢ THUYẾT : TRONG CÁC BẢN KIỀU NÔM CỔ
ĐANG CÒN LƯU LẠI MỘT SỐ VẾT TÍCH KỊ HUÝ ĐỜI LÊ TRỊNH,
VÀ CHẮC TRUYỆN KIỀU ĐÃ ĐƯỢC CƠ BẢN HOÀN THÀNH
TRONG KHOẢNG 1786–1790**

1/ Trong 2 bài gửi đăng ở *Tạp chí Văn học và Kiến thức ngày nay*, chúng tôi đã nêu giả thuyết là trong các bản Kiều Nôm cổ thế kỉ XIX hiện còn lưu lại một số vết tích kị huý thời Lê Trịnh. Và sau đó, trong bài gửi đăng *Lao Động*, chúng tôi lại cùng Tiến sĩ Ngô Đức Thọ nêu thêm giả thuyết chắc *Truyện Kiều* đã cơ bản hoàn thành trong khoảng 1786–1790⁽¹⁾. Bài chưa in ra hết nhưng một số bạn bè đã biết thông tin và đã đưa ra một số điểm chất vấn như sau :

– Trong một số văn bản thế kỉ XVII, XVIII tên huý Lê Trịnh thường được “gia dạng” bằng cách thêm ba bốn kí hiệu <<< ở trên đầu, sao trong các bản Kiều Nôm cổ không có những vết tích như vậy ?

– Trong các bản Nôm cổ lối sao chép, in ấn tùy tiện thường đưa đến rất nhiều sai sót. Làm sao phân biệt được những vết tích kị huý với những sai sót ngẫu nhiên đó ?

– Nếu đúng *Truyện Kiều* được cơ bản hoàn thành trước đời Gia Long, sao không đặt sự kiện đó ở các giai đoạn 1791–1795, 1796–1802 mà lại đặt ở giai đoạn 1786–1790 ?

– Đặt ở giai đoạn 1786–1790, cụ Nguyễn Du còn rất trẻ, sao cụ lại có được sự lịch lãm như hiện thấy trong *Truyện Kiều* ?

Chúng tôi đã kiểm tra lại, và xin trả lời như sau.

⁽¹⁾ Xin xem 2 bài Nguyễn Tài Cẩn đăng ở *Tạp chí Văn học* số tháng 3/2005 và *Kiến thức ngày nay*. Và xin xem tiếp bài Nguyễn Tài Cẩn & Ngô Đức Thọ gửi đăng ở *Lao động* số 3.04.2005.

2/ KHÔNG NÊN BẮN KHOẢN VÌ SAO TÊN HUÝ LÊ TRỊNH KHÔNG LƯU LẠI VẾT TÍCH “GIA DẠNG”. CÁC VẾT TÍCH KỊ HUÝ KHÁC CŨNG ĐỀU ĐÁNG TIN CẬY CẢ.

Muốn hết bắn khoản, theo ý chúng tôi, cần lưu ý 3 điểm.

a) Trước hết cần lưu ý đến kinh nghiệm của ngành kị huý học. Trường hợp kị huý về mặt chữ viết, điều cơ bản là nguyên tắc : phải dùng một tự dạng khác, phải né tránh nguyên dạng mà tên huý vốn có. Đó là nguyên tắc bất di bất dịch. Còn về biện pháp cụ thể (Nên lược bỏ bớt nét ? Nên đảo vị trí các bộ phận của chữ ? Nên gia dạng với 3, 4 kí hiệu <<<< ? Hay nên thay bằng chữ khác ?) thì thường có hiện tượng tùy nghi : tùy cuốn, tùy người sao chép, tùy người biên tập để in ấn. Chúng có là khi kị huý theo các định lệ triều Nguyễn, bản Kiều Oánh Mậu (KOM) dùng biện pháp chủ yếu là lược bỏ bớt nét và đảo vị trí của bộ bên trái sang bên phải ; bản Lâm Noạ Phu (LNP) lại rất coi trọng biện pháp thay chữ : thay TÔNG bằng TÔN, thay HỒNG (là “lớn”) bằng HÔNG (là “đỏ”), thay NGOẠI NHÂM bằng NGOẠI TẾ, thay CẢI NHÂM bằng CẢI ĐIỆU, thay THẬT bằng THIỆT, và thay THÌ bằng hơn 60 chữ khác nhau. Vậy rõ ràng là không thể dựa vào cách làm của bản này để nghi ngờ về cách làm của bản kia.

Hơn nữa, tùy nghi nhiều khi đi đến mức độ tùy tiện : cùng huý một chữ CHỨNG tên Gia Long cả, nhưng trong 7 câu bản Duy Minh Thị (DMT) dùng 6 kiểu kị huý khác nhau : thay bằng THÓI, CHỐN, HẾT, KHÉO, CHÚNG, v.v. Bốn bản miền Bắc là Liễu Văn Đường (LVD), Quan Văn Đường (QVD), Thịnh Mĩ Đường (TMD) và VNB-60 cũng đều kị huý 6 kiểu khác nhau : thay bằng HẠI, bằng TẠC hoặc đổi bộ HOÀ bằng bộ NHÂN, bộ THỦ, bộ MỘC. Do đó dựa vào cứ liệu cụ thể của kiểu kị huý này để nghi ngờ về cứ liệu cụ thể của kiểu kị huý kia lại càng là điều không nên.

b) Như đã thấy, xét về mặt lí luận kị huý học, hoàn toàn không nên bắn khoản. Xét về các bản Kiều Nôm cổ lại càng không nên bắn khoản. Theo ý chúng tôi, các bản Kiều Nôm cổ thế kỉ XIX đều cùng có chung một phong cách kị huý rất rõ : không thích dùng biện pháp “gia dạng”. Hai chứng cứ :

– Trong 175 câu có chữ huy triều Nguyễn, 6 bản không dùng gia dạng lần nào cả ; bản DMT có dùng 3 lần, nhưng dùng 3 lần trên 175 câu là dùng với một tỉ lệ cực thấp : $3/175 =$ khoảng 1,7% ! Nếu tính 3 trên tổng số chữ của 175 câu ấy thì tỉ lệ lại còn xuống thấp thêm 6, 7 lần nữa ($< 0,3\%$) !

– Năm 1825 Minh Mạng có ra lệnh rất nghiêm ngặt : phải gia dạng chữ ĐANG khi kị huy. Nhưng cả bản DMT (biên tập trong khoảng 1825–1836), cả 4 bản miền Bắc (biên tập trong khoảng 1836–1840), có bản nào nghe theo đâu ! Phần lớn đều dùng biện pháp đổi ĐANG thành ĐĂNG, hoặc đôi khi đổi thành một chữ khác.

Việc loại bỏ hẳn, không dùng phép gia dạng trong 6 bản cũng như việc dùng gia dạng chỉ ở 1 bản, và dùng với tỉ lệ rất thấp (chỉ khoảng $< 0,3\%$ như đã nói) chứng tỏ rằng “tránh gia dạng” là một phong cách chung của các bản Kiều Nôm cổ. Có lẽ đó không phải là một phong cách ngẫu nhiên nảy sinh đồng thời cả trong Nam, cả ở Huế, cả ngoài Bắc. Mà chắc đó là một phong cách vốn đã tiếp thu được từ một vài bản gốc sao chép đầu đời Gia Long. Nhưng những người sao chép đầu đời Gia Long là ai ? Chắc cũng như chính tác giả Nguyễn Du, họ đều là những người đã từng học hành, thi cử trong những thập niên cuối thế kỉ XVIII cả. Rất có thể, ngay hồi ấy, khi kị huy vua Lê, chúa Trịnh họ đã có thói quen không thích dùng lối gia dạng rồi. Họ kị huy theo những tiền lệ khác đã có ở thế kỉ XVIII : họ viết bỏ bớt nét như kiểu bỏ bớt nét trong chữ ĐIẾU, họ thay bộ này bằng bộ nọ như kiểu thay bộ THỊ bằng bộ MỊCH trong tên Kì của Lê Thần Tông, họ đổi chữ huy sang chữ khác như kiểu đổi chữ ĐỀ (trong “đề cao”) thành chữ ĐỀ (trong “đề mục”) ở chức danh ĐỀ ĐIẾU. Những lối kị huy này đều hoàn toàn có giá trị, chúng không có gì thua kém lối gia dạng.

c) Cuối cùng, cũng cần lưu ý thêm một điều nữa : loại chữ gia dạng, có dùng 3, 4 kí hiệu <<<< ở đầu chữ là loại chữ rất khó khắc in nhưng rất dễ phát hiện, vì chúng quá khác các chữ Hán Nôm thông thường. Nếu giả dụ có một bản Kiều thế kỉ XVIII nào đó có dùng biện pháp gia dạng đi nữa, thì số lượng chắc cũng khoảng chỉ đôi ba chữ, vì tỉ lệ 0,3% triều Nguyễn cho thấy thế. Với số lượng ít như vậy, và với khả năng dễ phát hiện như vậy, đến triều Tây Sơn và triều Nguyễn, sau khi có chủ trương phải xoá bỏ các chữ kị huy cũ của Lê Trịnh, thử hỏi làm sao còn

có thể tìm ra được những vết tích của lối kị huý theo gia dạng ! Tóm lại, không nên băn khoăn nghi ngờ vì chuyện thiếu vết tích lối gia dạng ⁽¹⁾. Trong khi đó, như trên vừa nói, vết tích của những lối kị huý khác thì lại đều có lai lịch hoàn toàn đáng tin cậy cả.

Tóm lại, xét mặt lí luận cũng như xét mặt thực tiễn, chuyện anh em nghi ngờ là chuyện có thể giải thích được.

3/ CÓ THỂ VẠCH RA ĐƯỢC SỰ KHÁC NHAU GIỮA CÁC VẾT TÍCH KỊ HUÝ LÊ TRỊNH VÀ CÁC LỐI VIẾT SAI SÓT, TÙY TIỆN, THƯỜNG GẶP TRONG CÁC BẢN NÔM

a) Đúng là trong các bản Nôm thường rất hay gặp những chuyện sai sót, tùy tiện, thiếu chuẩn mực như :

- In ấn mất nét này nét nọ, nhầm lẫn bộ này sang bộ khác ;
- Viết tùy tiện, như chữ NGƯỜI khi để bộ NHÂN bên trái, khi viết chữ NHÂN bên phải, chữ MỘT khi viết MỘT, khi viết MIỆT ; chữ Hán Việt khi viết đúng tự dạng, khi thay bằng chữ đồng âm ; chữ Nôm khi viết theo lối hình thanh, khi viết theo lối giả tá ;
- Sao chép có khi tôn trọng bản cổ, có khi tự ý gia thêm dính ngoa, nhuận sắc, v.v.

Thật là dễ nhầm với các biện pháp kị huý !

Nhưng xét kĩ chúng ta thấy :

- Những sai sót dễ ra do kĩ thuật in ấn đều là những sai sót ngẫu nhiên, đơn nhất ; các lối bớt nét, đổi bộ để kị huý lại đều là những việc làm có dụng ý, chúng thường được thực hiện lặp đi lặp lại một cách đều đặn, nhất quán.
- Những lối viết tùy tiện thường đều theo thói quen, không có lí do ; những lối chọn tự dạng này hay tự dạng khác để kị huý thường có mục đích rõ ràng ;

(1) Theo Phan Anh Dũng cho biết, các tài liệu anh điều tra ở Huế cũng không có các ví dụ về "gia dạng".

– Lối đánh ngoa nhận sắc nhằm mục đích cải tiến văn bản, làm cho văn bản đúng hơn, hay hơn ; lối thay chữ để kị húy lại nhằm mục đích kiêng kị, để tránh phạm pháp : sự chọn chữ có thể gượng ép, trái nghệ thuật, làm cho văn bản bị hạ thấp về mặt chất lượng.

Tất nhiên đó chỉ là những kinh nghiệm rất chung chung, phải đi vào từng trường hợp cụ thể để suy gẫm, cân nhắc. Hơn nữa, đối với những trường hợp chỉ còn lại vết tích thì lại càng phải thận trọng hơn nữa.

b) Với tinh thần gắng thận trọng như vậy, chúng tôi đã đặc biệt lưu ý đến các trường hợp tùy tiện in chép sai mà hình thức trông lại rất giống với kị húy : trường hợp vừa có sự thay đổi về tự dạng, vừa có hiện tượng thay thế chữ này sang chữ nọ. Chúng tôi đã làm 2 thí nghiệm để kiểm tra.

– Kiểm tra trên 15 chữ húy của triều Trần. *Truyện Kiều* chắc chắn không kị húy triều Trần. Nếu kiểm tra trên 15 chữ đó mà thấy có hiện tượng giống như kị húy thì có được những dẫn chứng đáng tin cậy về sự tùy tiện in chép sai trong các bản Nôm. Và có thể tính được tỉ lệ của những dẫn chứng ấy.

– Kiểm tra trên cơ sở hai câu 2507, 2508 :

Hồ công quyết kế thừa cơ

Lễ tiên, binh hậu, khắc cờ tập công

Các tên húy nói chung đều là tiếng Hán Việt. Trong *Truyện Kiều* hai câu này cũng đều dùng toàn tiếng Hán Việt, rất tiện cho việc kiểm tra. Ở hai câu này cũng tìm những dẫn chứng và tính tỉ lệ các dẫn chứng như trong thí nghiệm trên. Kết quả cho thấy như sau :

– Trong 15 chữ húy triều Trần có 2 chữ giống như kị húy (có đồng thời cả biến đổi tự dạng cả hiện tượng thay bằng chữ khác) : đó là hai chữ CHÂU và THẤP :

+ CHÂU biến đổi tự dạng như ở câu 104, bản DMT ; ở câu 2627, bản LVD ; và thay CHÌM CHÂU bằng ĐÁY SÂU như ở câu 2987, bản DMT.

+ THẤP biến đổi tự dạng ở rất nhiều câu và thay THẤP THOÁNG bằng THOÁNG CÁNH ở câu 1048 bản DMT.

+ Tỉ lệ sai sót, tùy tiện : $2/15 \cdot \text{chữ} = 13,3\%$.

– Trong 14 chữ Hán Việt của hai câu 2507, 2508 chỉ có 1 chữ giống kị huý : đó là chữ LỄ.

+ LỄ sai tự dạng cũng ở nhiều câu (như ở 4 câu 445, 1465, 2459, 2508 bản DMT) và bị thay bằng CŨNG ở câu 2474 bản LVD, bản QVĐ.

+ Tỷ lệ sai sót, tùy tiện : $1/14$ chữ = 7,1%.

– Tỷ lệ sai sót trung bình : 13,3% + 7,1% chia 2 thành : 10,2%.

c) Sau khi có được tỷ lệ sai sót trung bình như vậy, chúng ta hãy thử quay trở lại kiểm tra về 25 chữ đáng lưu ý trong các tên huý của Lê Trịnh. Kết quả cho thấy : có 13 chữ (bao gồm 5 chữ huý các vua Thế Tôn, Thần Tôn, Gia Tôn, Hiến Tôn, Chiêu Thống ; 5 chữ huý các chúa Trịnh Tráng, Trịnh Tạc, Trịnh Giang, Trịnh Doanh, Trịnh Bồng ; và 3 chữ ÁNG, KIM, ĐIỀU) có đủ đồng thời cả 2 hiện tượng thay đổi tự dạng và thay bằng chữ khác. Tỷ lệ tính ra là : $13/25 = 52\%$! Có thể đưa ra 3 nhận xét :

– Tỷ lệ cao hơn hẳn tỷ lệ sai sót trung bình : vậy rõ ràng có hiện tượng kị huý.

– Nếu trừ tỷ lệ sai sót trung bình ta có : $52\% - 10,2\% = 41,8\%$. Con số 41,8% của 25 chữ tương đương với 10,45 chữ ! Vậy ít nhất là có 10 hay 11 chữ thuộc diện kị huý.

– Vấn đề bây giờ là cân nhắc kĩ trong danh sách 13 chữ trên để chọn ra 10, 11 chữ dễ dàng được mọi người thừa nhận. Đó là làm theo lối nhất nhất đi theo kết quả của toán học. Trong thực tế, nếu dựa vào sự phân tích của ngành kị huý học, số lượng các chữ kị huý có thể còn cao hơn, vì tỷ lệ sai sót ngẫu nhiên có thể thấp hơn, hoặc (biết đâu !) cũng có thể hoàn toàn bằng không (= 0).

4/ CHẮC TRUYỆN KIỀU ĐƯỢC CƠ BẢN HOÀN THÀNH TRONG KHOẢNG 1786–1790

a) Tiểu sử cụ Nguyễn Du⁽¹⁾ cho thấy : trong khoảng 5 năm 1786–1790, nhất là trong 4 năm sau, cụ chủ yếu về ở quê vợ, tại tỉnh Thái Bình,

(1) Xin xem Nguyễn Thạch Giang, *Thơ Quốc âm Nguyễn Du*, NXB Giáo dục, 1996.

không tham gia bất cứ một hoạt động chính trị nào. Nhiều sách nói cụ có ý định chạy theo vua Chiêu Thống, nhưng trong thực tế cụ không theo. Cụ không đứng về phía tích cực chống Tây Sơn như tham tri Nguyễn Hữu Trác (uống thuốc độc tự tử), như Phạm Nguyễn Du (trốn vào núi) hay như Trần Danh Bình (không chịu đeo tước bài mới) ; mà cụ cũng không tích cực đứng về phía ủng hộ triều đại mới như Ngô Thời Nhậm, Phan Huy Ích hay như anh ruột cụ là Nguyễn Nễ và anh vợ cụ là Đoàn Nguyễn Tuấn. Ngay khi hai ông anh này lần lượt lên đường đi sứ nhà Thanh, cũng không thấy cụ lên đưa tiễn hay làm thơ tiễn biệt. Chắc cụ đang để toàn tâm toàn ý vào việc hoàn thành cơ bản bản diễn âm *Truyện Kiều*.

b) Trong khoảng 1791–1795 thì trái lại : năm 1791, nhận thư ông anh Nguyễn Nễ vừa đi sứ về trách cụ “không có tài giao thiệp với đời”, cụ đã gắng lên Thăng Long dự bữa tiệc có hát cô đầu, đưa anh lên đường vào Phú Xuân làm quan. Khoảng 20 năm sau (năm 1813) cụ viết bài *Long thành cảm giả ca* nhắc lại chuyện này. Đọc bài này chúng ta thấy rõ lòng trắc ẩn của cụ đối với lớp người làm nghề kĩ nữ. Chắc khi lên thăm anh cụ vừa hoàn tất việc viết về cuộc đời của nàng Kiều, ngồi nghe hát cụ động lòng nên mới nhớ kĩ suốt đến hơn 20 năm sau như vậy.

Năm 1793 cụ còn rảnh rang lên đường vào tận Phú Xuân thăm anh. Chính ông anh Nguyễn Nễ có làm 5 bài thơ ghi chép về việc này, như bài *Tiền em là Tố Như tử từ kinh đô Phú Xuân trở về Bắc*.

Năm 1794 ông anh rể Đoàn Nguyễn Tuấn cũng được lệnh triệu vào Phú Xuân. Ông làm thơ xướng hoạ với bạn bè, cụ Nguyễn Du cũng có tham gia hoạ lại. Rồi cụ còn làm thêm thơ gửi tiếp cho Đoàn Nguyễn Tuấn, than thở cho anh vợ về chuyện phải “bôn tẩu đến tận cuối chốn phong trần, chỉ vì một chức quan nhỏ”. Ông anh ruột Nguyễn Nễ được cử vào Quy Nhơn, cụ lại “nhớ anh”, làm thơ lo cho anh “ban đêm phải vượt đèo Hải Vân, đá dựng lởm chởm”.

Rõ ràng *Truyện Kiều* có cơ bản hoàn thành trong giai đoạn trước thì giai đoạn này cụ mới tương đối rảnh rang để làm thơ, để dự tiệc, nghe hát cô đầu, để theo dõi tin tức các anh, và nhất là để quyết định dám làm một chuyến lên đường đi xa vào Nam, đến tận thủ đô nhà Tây Sơn.

Và, theo cụ Hoàng Xuân Hãn, cũng chính trong giai đoạn này cụ mới rảnh rang có thì giờ để có thể có quan hệ với nữ sĩ Hồ Xuân Hương được.

c) Còn nếu đặt việc hoàn thành cơ bản *Truyện Kiều* vào giai đoạn cụ đã trở về quê nội ở Tiên Điền (1796–1802) thì cũng có hai chuyện không thật hợp lí.

– Sử sách cho biết năm 1796 cụ Nguyễn Du có ý định lên đường vào Nam giúp Nguyễn Ánh, việc bại lộ, cụ bị tướng Tây Sơn là Nguyễn Thận bắt giam 10 tuần. Có ý định ấy chắc là do chuyện sáng tác *Truyện Kiều* đã cơ bản hoàn thành, có thể rảnh rang để hoạt động chính trị. Nếu *Truyện Kiều* chưa viết xong thì lẽ nào cụ lại bỏ chuyện cụ sở trường, và cụ đã ôm ấp từ lâu để đi làm chuyện cụ sở đoản, đầy mạo hiểm ấy !

– Ai cũng biết *Truyện Kiều* đã được Vũ Trinh đọc và có viết lời bình. Cụ Hoàng Xuân Hãn cho rằng chuyện đó “có phần chắc là đời Tây Sơn”. Đúng vậy, tiểu sử Vũ Trinh cho biết : năm 1787, khi Lê Chiêu Thống chạy sang Kinh Bắc, cha con ông Vũ Trinh dốc hết sản nghiệp ra giúp việc quân. Năm 1789, khi Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, ông không theo kịp, về ẩn ở làng cho đến tận năm 1802. Nếu cụ Nguyễn Du đến cuối giai đoạn ở Tiên Điền mới cơ bản hoàn thành *Truyện Kiều* thì từ làng Xuân Lan (nay thuộc Hà Bắc) của mình, Vũ Trinh cũng khó có điều kiện để tiếp xúc và viết lời bình luận. Trái lại, nếu giả thuyết *Truyện Kiều* đã cơ bản diễn âm xong thời cụ Nguyễn Du còn ở Thái Bình thì việc đi lại thuận tiện, việc trao đổi tác phẩm cho nhau xem, và việc cùng nhau đàm luận về tác phẩm rõ ràng có điều kiện để thực hiện hơn nhiều.

d) Tóm lại, việc chúng tôi và Tiến sĩ Ngô Đức Thọ dựa vào cứ liệu chữ huy cuối đời Lê Trịnh, chủ trương *Truyện Kiều* được cơ bản hoàn thành trong khoảng 1786–1790 là một việc làm được khá nhiều tư liệu khác ủng hộ ⁽¹⁾.

(¹) Không rõ dựa trên cơ sở nào, cụ Hoàng Xuân Hãn còn nói đến chuyện *Truyện Kiều* đã được đưa cho Lê Quỳnh xem. Nếu chuyện đó có thực thì Lê Quỳnh chỉ có thể xem trong khoảng 1787–1788, vì khi Lê Chiêu Thống bỏ chạy, Lê Quỳnh đã chạy theo. Năm 1804 Lê Quỳnh mới được trở về nước, nhưng về đến nơi thì chết ngay (1805).

5/ TRẺ TUỔI NHƯNG VẪN CÓ THỂ RẤT LỊCH LẼ !

Về câu nghi vấn cuối cùng, thiết nghĩ cũng không nên nói lí luận dài dòng làm gì. Thông thường người ta quả hay nói rằng người già thì hay lịch lãm. Nhưng sự lịch lãm đâu có nhất thiết phải gắn với tuổi già ! Đọc Vũ Trọng Phụng ai mà không tin rằng đó là một nhà văn am hiểu mọi tầng lớp xã hội đến tận từng kẽ tóc chân tơ, biết đủ mọi ngõ ngách, mọi mảnh khoé của cuộc đời... thế nhưng khi mất nhà văn vẫn chưa đến tuổi 30. Nhà văn Sô-lô-khốp của Liên Xô cũng vậy. Khi viết về vùng sông Đông, ông mới ngoài 20 tuổi. Nhưng sự lịch lãm của ông, sự hiểu biết của ông thì phải nói là phi thường. Phi thường đến mức độ đã có những người ngờ vực ông, tưởng ông lấy tác phẩm của người khác rồi tự nhận làm của mình. May rằng sự việc trắng đen rồi cuối cùng cũng rõ, và ông đã được nhận giải thưởng Nobel !

Tóm lại, với các vết tích kỹ huý cũ thời Lê Trịnh mà các bản Kiều Nôm cổ còn may mắn lưu lại được cho chúng ta, chúng ta thấy hình như các vấn đề lưu cữu xưa nay của *Truyện Kiều* đều đã được phần nào giải quyết. Mà giải quyết có vẻ ổn thoả, có vẻ hợp tình hợp lí cả. Hi vọng rằng các cứ liệu khác hiện đang còn lại, nhất là đang còn lại trong các bản nổi tiếng như bản Duy Minh Thị, hoặc như bản Liễu Văn Đường sẽ được lần lượt khai thác tiếp. Có đi vào các văn bản cổ nhất, quan trọng nhất và đi thật chi li vào cả các bản cổ khác nữa thì ngành Kiều học mới mong có khả năng mở nhanh sang những trang mới được.

Nguyễn Tài Cẩn

Đã in ở Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 7 /2005

TÓM LƯỢC VỀ CÁC VẾT TÍCH KỊ HUÝ LÊ TRỊNH HIỆN CÒN SÓT LẠI TRONG CÁC BẢN KIỀU NÔM THẾ KỈ XIX

1/ Trước đây chúng tôi đã có một số bài hoặc viết riêng, hoặc viết chung với hai Tiến sĩ Ngô Đức Thọ, Đào Thái Tôn, giới thiệu một số vết tích các chữ kị húy vua Lê, chúa Trịnh may mắn còn sót lại trong các bản Kiều Nôm cổ thế kỉ XIX. Nay chúng tôi muốn tóm lược lại toàn bộ tình hình, thay đổi một số ví dụ cho điển hình hơn, điều chỉnh lại một số cứ liệu thống kê cho đầy đủ hơn, đưa ra một cái nhìn có tính cách tổng quan hơn, để bạn đọc có cơ sở kiểm tra thêm một lần nữa.

Trong danh sách các chữ húy thời Lê Trung Hưng do Tiến sĩ Ngô Đức Thọ sưu tập có cả thấy 27 chữ đã lọt được vào trong văn bản *Truyện Kiều*. Nhưng chúng tôi chủ trương gạt bỏ 4 chữ HOÀN, KHANG, HOA và BÌNH. Ba chữ đầu cũng là chữ húy của cả Triều Nguyễn nên dễ lẫn lộn. Chữ BÌNH cũng là chữ húy đời Tây Sơn, có thể đến đời Gia Long bản DMT đã dụng ý đem nó dùng phổ biến thay cho chữ BẰNG để tránh mọi điều nghi kị, do đó cũng khó dùng. Còn lại 23 chữ. Nhưng chúng tôi lại chủ trương bổ sung thêm 2 chữ LỢI và KIM : LỢI là tên vua mở đầu Triều Lê nên đến đời Trung Hưng vẫn có văn bản tiếp tục kị húy. Chữ KIM là thiên bàng làm thanh phù trong chữ /THUỶ+KIM/, tên ngoại tổ họ Trịnh, nên ngay chúa Trịnh Cương cũng cung kính né tránh : vậy tổng số cuối cùng cần nghiên cứu là 25 chữ.

2/ Nhưng trong 25 chữ đó chỉ có 18 chữ là có để lại vết tích kị húy bất thường ở khoảng gần 70 câu, tuy chúng có mặt trong khoảng 200 câu : gần 1/3 câu còn lưu lại vết tích, đó là một điều rất may mắn. Đòi hỏi có đủ vết tích ở cả 25 chữ và ở cả gần 200 câu là một đòi hỏi không

tưởng, không thể có được trong thực tế, vì về mặt lịch sử triều đại đã 2 lần thay đổi, văn bản đã được sao đi chép lại khá nhiều lần. Nên tránh thái độ yêu sách tuyệt đối. Cứ xin thử so sánh mà xem : ngay các lệnh kị huỷ rất quan trọng của chính triều Nguyễn mà cũng đã từng bị thực hiện sai, hoặc bị quên, hoặc bị xoá bỏ ở biết bao nhiêu là chỗ, trong các bản Kiều Nôm cổ của ngay giữa thế kỉ XIX !

Sau đây là các vết tích bất thường hiện thấy, hoặc ở bản này hoặc ở bản khác. Chủ yếu là vết tích về tự dạng, vì với thời gian trôi qua, vết tích về âm có khi không thể đoán định chắc chắn được.

3/ Bốn vết tích bất thường về phía các vua Lê :

– Chữ LỢI tên vua Lê Thái Tổ (1428–1433) đọc Nôm thành LỜI : ở câu 2090 bản DMT thêm bộ KHẨU, bản TMD thay bộ ĐAO bên phải thành chữ THÂN.

– Chữ NINH tên huý Lê Trang Tông (1533–1548) : thêm bộ NHÂN ở câu 450 (LVĐ, QVĐ) và chọn dạng có bộ KHẨU ở ba câu 537, 2789, 2825 (DMT) ;

– Chữ ĐÀM tên huý Lê Thế Tông (1573–1600) : đọc Nôm thành ĐẦM : ở câu 784 nó chuyển thành DÂM/DẦM/ĐẦM (LVĐ, QVĐ, TMD, VNB–60, LNP) ; ở câu 3199 bản DMT bớt nét phần dưới còn bốn bản LVĐ, QVĐ, TMD, VNB–60 thì lại đổi thành ĐẠM/ĐẦM ;

– Chữ ÁNG tên vợ vua Lê Huyền Tông (1663–1671) : bản DMT khắc không chuẩn chữ ƯƠNG ở cả 3 câu 1319, 2941, 3122. Các bản khác thì lại đều thay bộ MÃNH bằng chữ HUYẾT : 12 trên 15 lần trong cả 3 câu (5 bản LVĐ/1866, LVĐ/1871, QVĐ, TMD, VNB–60 ở hai câu 2941, 3122 ; riêng 2 bản TMD, VNB–60 còn dùng HUYẾT ở cả câu 1319). Ở câu 3122, hai bản LNP và KOM lại đều đổi chữ ÁNG thành chữ VÉN.

4/ 11 vết tích bất thường về phía các chúa Trịnh :

– Tên huý chúa Trịnh Tùng (1570–1623) cũng bị thay đổi tự dạng : ở câu 398 bản LVĐ đổi bộ MỘC thành bộ THỦ, bản VNB–60 lại đổi bộ MỘC thành bộ HOÀ. Vì đồng âm, chữ TÙNG (với nghĩa là “theo”) ở

bản DMT cũng bị tác động : một mặt đọc thành TÔNG, một mặt hoặc thay đổi tự dạng như ở câu 506, hoặc đổi thành chữ khác, như ở câu 2329 (ở câu này TÔNG đổi thành ĐÔNG).

– Chữ THANH (= trong) là tên húy của Thanh Vương Trịnh Tráng (1623–1657). Nó bỏ bộ THỦY 1 lần ở câu 887 (LVD/1866) và 2 lần ở câu 3244 (DMT). Bản DMT còn thay chữ THANH (= trong) bằng lối viết giản thể của chữ THANH (= tiếng), ở câu 2209.

– Chữ TÂY là tên húy của Tây Vương Trịnh Tạc (1657–1682). Nó có 2 cách kị húy. Trước hết nó thay đổi tự dạng : bớt nét hoặc thêm nét. Bản DMT bớt nét ngang dưới ở hai câu 51, 583, bớt nét ngang giữa ở câu 469 và bớt cả hai nét đồng thời ở câu 316. Hai bản thêm một nét, biến TÂY thành chữ DẬU : bản TMD ở câu 991, bản LVD/1871 ở hai câu 1438 và 2775. Cách kị húy thứ hai là thay TÂY bằng TAY. Ở câu 469 năm bản LVD, QVD, TMD, VNB–60, LNP đều in thành

Nàng rằng : nghề mọn riêng tay

và được đa số các nhà biên khảo chấp nhận. Nhưng Trương Vĩnh Ký, Kiều Oánh Mậu và P. Schneider thì đều vẫn chọn TÂY, cho TÂY đúng hơn TAY. Ở câu 583 bốn bản LVD, QVD, TMD, VNB–60 cũng in thành

Đồ tể nhuyển, của riêng tay

nhưng ở câu này mọi người lại đều nhất trí cho RIÊNG TÂY mới đúng, vì RIÊNG TÂY mới là kết cấu đẳng lập đối chỉnh với TẾ NHUYỄN được ! In RIÊNG TAY chỉ là để kị húy !

– Hai chữ CĂN và ĐỊNH là tên húy của Định Vương Trịnh Căn (1682–1709). Chữ CĂN có 2 lần khắc không thật chuẩn : như ở câu 451 bản DMT và ở câu 1367 bản QVD. Chữ ĐỊNH ở câu 1496 thì bị 2 bản LNP, KOM thay bằng chữ ĐÀNH, mà thay một cách không cần thiết : trong ngôn ngữ xưa, theo Đào Duy Anh, ĐỊNH TÂM, ĐỊNH LÒNG hoàn toàn đồng nghĩa với AN TÂM, AN LÒNG, ĐÀNH LÒNG.

– GIANG và UY là tên húy của Uy Vương Trịnh Giang (1729–1740). Bản DMT bỏ bớt một nét của chữ UY ở câu 1821 đồng thời đổi GIÀ GIANG ở câu 579 thành VƠ CHẴNG. Việt Nam từ điển (KTTĐ) cho biết hai chữ GIÀ, GIANG đều cùng có chung một bộ là bộ MỘC. Nhưng chữ GIANG bộ MỘC là tên húy nên 6 bản còn lại đều chuyển

thành bộ THỦ XỐC. Theo F. S. Couvreur, viết như thế cũng được vì nghĩa không thay đổi. Tuy nhiên việc kị húy chữ GIANG lại kéo theo bộ THỦ XỐC vào chữ GIÀ của 5 bản, làm cho chữ này sai chuẩn mực. (LVĐ, QVĐ, TMD, VNB-60, LNP).

- DOANH và MINH là tên húy của Minh Vương Trịnh Doanh (1740–1767). Chữ MINH bản DMT bỏ bớt nét ở bộ NHẬT hoặc ở chữ NGUYỆT để kị húy : xin xem 4 câu 150, 960, 1691, 2320. Bản LVĐ/1866 cũng làm như vậy ở 2 câu 29 và 1510. Riêng bản LVĐ/1871 thì thay bộ NHẬT bằng bộ MỤC ở câu 150. Chữ DOANH trong câu 1885 chỉ viết đúng là /MỘC+DINH/ ở một mình bản KOM. Các bản khác như DMT, LVĐ, QVĐ, TMD, VNB-60 đều thay bộ MỘC bằng bộ THẢO ĐẦU. Riêng bản LNP thay chữ DOANH bằng chữ DINH (như trong DINH THỤ).

- Chữ SÂM tên chúa Trịnh Sâm (1767–1782) dùng để ghi Nôm SUM hoặc XÚM. Nó xuất hiện trong ba câu, nhưng chỉ ở câu 1381 của bản DMT là có khả năng nó bị kị húy : chữ LÂM ở phía dưới bị lược bỏ mất hai nét phẩy.

- Chữ ĐOAN là tên húy của Đoan Nam Vương Trịnh Khải (1782–1786). Chỉ có một hiện tượng có thể nghi là vết tích kị húy : ở câu 1152, bản TMD bỏ bộ LẬP và thay bộ ấy bằng chữ CHÍNH.

5/ Ba chữ KIM, ĐỀ, ĐIỀU cũng cần lưu ý, ngoài các tên vua Lê chúa Trịnh vừa kể trên.

- Nguyễn Kim là ông tổ các chúa Nguyễn trong Nam nhưng đồng thời cũng là ông tổ bên ngoại của họ Trịnh. Theo *Vận thư* tên của ông phải đọc là CAM (CỔ NAM thiết), vậy cách đọc KIM đã là cách đọc có kị húy. Nhưng về sau thiên bằng KIM vẫn được né tránh, ví dụ trong thơ chúa Trịnh Cương in năm 1736. Chữ KIM trong *Truyện Kiều* cũng kị húy : ở ba câu 769, 1507, 3175 cả 4 bản LVĐ, QVĐ, TMD, VNB-60 đều thay KIM bằng CHẤM. Để né tránh chữ KIM, bản DMT không những dùng một chữ CHẤM viết thẩu ở câu 3175 mà còn dùng một chữ KINH ở câu 2024 ! Ngoài ra, khi viết KIM, hơn 10 lần chúng tôi ngờ rằng đã có hiện tượng dùng chữ KIM kị húy kiểu Trịnh Cương rồi chữa lại : chứng cứ là ở hai câu 3067, 1507 của bản DMT còn lộ khá

rõ vết tích sửa chữa ấy : có nét quên kéo dài, có nét chấp thêm vào nhưng chưa khít, v.v.

– Thời Trung Hưng, và hình như sang cả triều Nguyễn, 2 chữ ĐỀ ĐIẾU chỉ chức danh viên quan thay mặt vua ở các trường thi đều được kị huý. Tiến sĩ Ngô Đức Thọ đã cho chúng ta nhiều dẫn chứng khá thuyết phục. Theo ý chúng tôi, trong *Truyện Kiều* cũng có những dẫn chứng như vậy. Ở bản DMT chữ ĐỀ trong ba câu 123, 266, 1710 đều khắc bất thường, thiếu chuẩn mực. Chữ ĐỀ của bản QVĐ ở câu 123 và chữ ĐỀ của bản VNB-60 ở câu 1710 cũng có tình hình tương tự. Riêng về chữ ĐIẾU thì ta thấy như sau :

+ Ở câu 638 bản DMT thay bộ NGÔN của chữ ĐIẾU bằng bộ SÁCH, còn bốn bản LVD, QVĐ, TMD, VNB-60 thì đều thay toàn bộ chữ ĐIẾU bằng chữ MINH.

+ Ở câu 1134 bốn bản trên lại dùng một chữ ĐIẾU khác, viết có bộ THỦ XÓC, và có thể đọc theo âm TRẠO.

6/ Việc kị huý năm chữ KÌ/1, KÌ/2, KHOÁI, ĐIẾU, BÔNG : Cả 5 chữ này phải để riêng vì chúng không lọt được vào trong văn bản *Truyện Kiều* như 25 chữ trên kia. Nhưng chúng vẫn được kị huý thông qua những chữ cùng âm hay cùng thiên bàng với chúng ⁽¹⁾. Trước hết xin nói về KÌ/1 và KÌ/2.

(1) Lệnh kiêng huý tháng 2 năm Thiệu Trị thứ nhất (3-1841) đã tổng kết:

“Các chữ đồng âm với ngự huý làm văn đối dùng chữ khác, khi đọc phải tránh âm, địa nhân danh cấm dùng” : Ngự huý : NHẬT + TUYẾN (= xoay lại). Chữ đồng âm phải kị huý : 20 chữ, ví dụ NGỌC + TUYẾN hoặc TUYẾN/TOÀN (= trọn vẹn) (Ngô Đức Thọ, *Nghiên cứu chữ huý Việt Nam qua các thời đại*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1977, trang 141).

Lệnh năm 1844 lại nhắc thêm :

“Các chữ thiên bàng, làm văn phải đối dùng chữ khác, tên người tên đất cấm dùng” :

Ngự huý : TÔNG (= ông tổ thứ 2)

– Chữ cùng thiên bàng phải kị huý : 30 chữ, ví dụ MỘC+TÔNG = cây kè (Ngô Đức Thọ, trang 149).

– KÌ/1 là tên huý vua Lê Thần Tông (1619–1662), KÌ/2 là tên huý vua Lê Chiêu Thống (1787–1788). KÌ/1 (CỬ CHI thiết) xưa thuộc vận bộ “Chi” (như trong NHÂN CHI SƠ), KÌ/2 (CỬ HI thiết) thì xưa lại thuộc vận bộ “Vi” (như trong VI DIỆU), hai bên không gieo vần với nhau. Nhưng trong cách đọc Hán Việt chúng đã trở thành hai chữ đồng âm, vì vậy trong vấn đề kị huý khi xét chữ này cũng cần lưu ý đến chữ kia.

– KÌ/1 được kị huý trong bốn câu 1473, 3223, 1246, 3110, thông qua chữ KÌ bộ MỘC, là chữ đồng âm và cùng thiên bàng⁽¹⁾. Về âm đọc chúng đều chuyển sang âm Nôm là CỜ. Trong ba câu đầu âm CỜ đã Việt hoá nên dùng rất tự nhiên, không có gì đáng nói :

1473 : *Mãng vui rượu sớm cờ trưa*

3223 : *Khi chén rượu khi cuộc cờ*

1246 : *Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa*

Nhưng xét câu

3110 : *Đem tình cầm sắt đổi ra cầm cờ*

chúng ta thấy hơi lạ, có thể thắc mắc : vì sao tác giả không dùng ĐỔI RA CẦM KÌ ? Về mặt gieo vần, đây là chữ cuối câu bát, tác giả muốn chọn âm đọc nào cũng được, chọn CẦM KÌ không có gì sai trái. Hơn nữa, về mặt văn phong, CẦM KÌ là kết cấu Hán Việt rất quen thuộc (so sánh : CẦM KÌ THI TỬU), dùng CẦM KÌ đối với CẦM SẮT thì hay hơn ! Vậy việc chọn CẦM CỜ là một việc chọn vì lí do kị huý, chọn chỉ là để né tránh âm KÌ.

CỜ là tiếng Nôm bắt nguồn từ chữ KÌ Hán Việt viết với bộ MỘC. Mà chữ KÌ bộ MỘC lại chỉ khác chữ KÌ/1 ở 1 điểm : KÌ/1 có bộ THỊ. Theo các định lệ kị huý (như định lệ đời Thiệu Trị, năm 1842), khi kiêng huý rất cần làm nổi rõ sự khác nhau giữa những chữ có bộ MỘC và bộ THỊ như vậy để tránh mọi sự lẫn lộn có thể xảy ra.⁽²⁾ Các bản Kiều Nôm cổ đã làm đúng những điều mà về sau, đời Thiệu Trị, đã

(1) Xem chú thích trang 530.

(2) Chữ TỔNG (= nhà Tống) và chữ TÔNG (= huý Thiệu Trị) chỉ khác nhau ở chỗ một bên có chữ MỘC, một bên có chữ THỊ. Lệnh năm 1842 bắt viết chữ MỘC phải thật khác chữ THỊ để khỏi nhầm với ngự danh (Ngô Đức Thọ, trang 148).

tổng kết ấy : bản DMT đã đổi bộ MỘC thành bộ THỦ ở câu 1473, và đổi thành bộ NHỰC ở câu 3223. Ở câu 1246 bản DMT dùng bộ TRÚC, hai bản LVD, QVD dùng bộ THẠCH. Ở câu 3110 bản DMT trở lại bộ THỦ XÓC còn hai bản LVD, QVD lại dùng bộ NGỌC. Những sự thay đổi về tự dạng này đã làm cho việc kị húy chữ KÌ/1 được bảo đảm 100%.

– KÌ/2 được dùng trong 13 câu. Trong phần đầu của *Truyện Kiều*, âm KÌ không lần nào được kị húy, vẫn viết và đọc là KÌ (như trong PHÂN KÌ ở câu 869, trong KÌ NGỘ, ở câu 260, câu 511 ; và như trong KÌ HẠN, ở câu 616, cũng như ở ba câu 692, 694, 729). Chúng tôi ngờ rằng đây là đoạn Kiều cụ Nguyễn Du đã khởi thảo trong khoảng 1783–1785, khi Chiêu Thống chưa lên ngôi vua. Trong khoảng 2500 câu giữa truyện và cuối truyện, chắc viết trong thời gian tác giả đã về ở quê vợ tại Thái Bình (1787–1790), thì KÌ/2 lại luôn luôn được kị húy. Cũng dễ hiểu : đây là thời gian giới sĩ phu đa số đang theo Chiêu Thống, phát ngôn cớ phù LÊ.

Có 2 cách kị húy :

+ Hoặc vẫn viết đúng chữ KÌ (như trong KÌ HẠN) nhưng đọc CỜ, ví dụ :

- Ở câu 2179 : *Từ rằng tâm đảm tương cờ*
- Ở câu 2508 : *Lễ tiên binh hậu khắc cờ tập công*

+ Hoặc không đọc được CỜ nhưng tìm cách nào đó để báo cho người đọc biết là phải gắng tìm cho ra một âm đọc lâm thời, khác với âm KÌ để tránh tên vua. Ví dụ :

- Ở câu 2230 ba bản QVD, TMD, VNB-60 đổi KÌ thành THÌ ; hai bản LNP, KOM đổi KÌ thành LÌA ; hai bản DMT, LVD viết một chữ như chữ SÍ/XÍ (= cánh), chữ này vừa có cả âm KÌ, vừa có cả khả năng lí thuyết đọc Nôm thành RÌA, RÌA (như trong “ria mép, rìa mép”). Theo ý chúng tôi, viết chữ SÍ/XÍ là để báo động chữ KÌ phải kị húy, tạm đọc RÌA :

Gió mây bằng đã đến rìa dậm khơi

- Ở câu 1757 bản LVD/1866 đổi KÌ thành KHI ;

• Ở câu 2407 bản QVĐ/1879 đổi tự dạng KÌ+NGUYỆT thành BỐI+NGUYỆT để báo động chuyện kị húy. Quả vậy, sau này bản Minh Mạng lục niên đã theo đó, đổi HỘI HỢP CHI KÌ thành HỘI HỢP CHI KHI ;

• Ở câu 2077 không có hiện tượng thay đổi tự dạng nhưng lại thay đổi vần của câu 2078 thành AY, ÂY để độc giả biết là KÌ phải chuyển đọc chệch thành gần như CẦY, theo kiểu như THI> THẦY hay MI> MẦY, v.v. :

E chẳng những sự bất CẦY (< KÌ)

Để nàng cho đến THẾ NÀY cũng thương (LVD, QVĐ, TMD).

7/ Chữ KHOÁI là tên húy vua Lê Gia Tông (1672–1675). Theo tự điển Khang Hi, KHOÁI phiên là “Cổ ngoại” thiết và đồng âm với chữ CỐI/CỘI/CỒI. Hơn nữa, KHOÁI bộ THỊ, CỐI bộ MỘC, hai bên lại đều cùng thanh phù CỐI/HỘI nên tự dạng rất gần nhau. Vậy muốn né tránh cho khỏi nhầm với chữ KHOÁI thì khi kị húy lại phải thay đổi tự dạng của chữ CỐI/CỘI hay thay CỐI/CỘI bằng chữ khác.

Bản DMT đi theo hướng đầu, ví dụ : ở câu 1322 vẫn đọc CỘI nhưng thay bộ MỘC bằng bộ THỦ XÓC ; ở câu 673 lại thay thanh phù CỐI/HỘI bằng ĐÔNG, đổi CỘI XUÂN thành ĐÔNG XUÂN. Bốn bản LVD, QVĐ, TMD, VNB–60 lại đi theo hướng thứ hai : đổi CỘI XUÂN thành XUÂN HUYỀN ! Cách làm của 4 bản này rõ ràng chỉ nhằm một mục đích là tránh chữ CỘI để kị húy, còn về mặt văn học, đổi như vậy là hoàn toàn sai : trong Truyện đang nói về Vương Ông chứ đã nói gì đến Vương Bà đâu !

8/ Cũng gần như trường hợp KHOÁI/CỘI là trường hợp DIÊU/ĐÀO : KHOÁI đổi sang bộ MỘC thì thành CỐI/CỘI ; DIÊU đổi sang bộ MỘC thì thành ĐÀO. Trên kia muốn xét cách kị húy KHOÁI thì phải xét tự dạng của CỐI/CỘI, ở đây cũng vậy : muốn xét cách kị húy tên DIÊU của vua Lê Hiến Tông (1740–1786) nhất thiết cũng phải xét tự dạng của chữ ĐÀO.

Trong Từ điển Truyện Kiều 24 lần Đào Duy Anh ghi nhận có chữ ĐÀO. 24 chữ ĐÀO ấy bản DMT có nhiều trường hợp viết rất lạ. Viết lạ có thể do kĩ thuật in ấn một phần, nhưng một phần chắc là do mục đích kiêng húy. Muốn tránh cho ĐÀO khỏi nhầm lẫn với chữ DIÊU tên vua, bản DMT đã dùng ít nhất là 3 biện pháp :

- Đổi thanh phù TRIỆU cho khác đi, ví dụ ở câu 294 và câu 1741 ;
- Xoá bỏ bộ MỘC cho mất đi, ví dụ ở câu 1648 ;
- Hoặc thay bộ MỘC bằng bộ MỊCH, chuyển hần chữ ĐÀO thành chữ THÊU, ví dụ ở câu 1565, câu 1744, v.v.

9/ Chữ BÔNG tên chúa Trịnh Bồng (1786–1787) trong Truyện Kiều cũng không có. Nhưng ta vẫn biết được rằng nó được kiêng húy. Căn cứ vào đâu ? Xin thưa : cũng làm như trên, căn cứ vào các chữ BÔNG đồng âm và cùng thiên bàng với nó. Như đã nói, theo các định lệ xưa, chữ đồng âm hay chữ có chung thiên bàng (= chung thanh phù) cũng phải kiêng húy. (1, 2).

Ở 2 câu 2627, 2628 :

Cửa bồng vội thác/mở/ rèm thêu

Trời cao bể rộng một màu bao la

rõ ràng ai cũng phải hiểu : CỬA BÔNG là cửa của mũi thuyền. Thế nhưng ở bốn bản LVD, QVD, TMD, VNB–60 lại đổi CỬA BÔNG thành CỬA PHÒNG và bản LNP lại đổi thành CỬA BUÔNG ! Đổi kém hơn hẳn. Nhưng lại cần đổi để né tránh cho được cái âm BÔNG trong tên húy của chúa !

Ở câu 2937 :

Bình bồng còn chút xa xôi

bản TMD cũng kiêng húy, nhưng kiêng húy bằng cách thay đổi tự dạng để báo động cho người đọc biết phải tránh âm : thay bộ THẢO bằng một nét ngang dài.

Còn ở câu 2244 :

Mây ra khi đã tay bồng tay mang

rõ ràng là một chữ BÔNG thuần Nôm. Thế nhưng bản DMT vẫn thận trọng né tránh : về âm thì chưa rõ đổi BÔNG thành BỒÔNG hay thành BUÔNG, nhưng về tự dạng thì ta thấy : mặc dầu đã có bộ THỦ XÓC, nhưng DMT vẫn bỏ luôn cả bộ THẢO cho bảo đảm.

10/ Trong 23 trường hợp nêu trên đây không loại trừ khả năng phải khảo sát, tiếp tục cân nhắc thêm về một số, trước khi quyết định. Nhưng ít nhất, theo ý chúng tôi, cũng đã có khoảng 13-15 trường hợp tin cậy được : khoảng 13-15 trên 23 là một tỉ lệ không nhỏ. Những sai sót ngẫu nhiên thường gặp trong các văn bản Nôm không thể nào đạt đến được một tỉ lệ cao như vậy.

NGUYỄN TÀI CẦN

Đã in ở Tạp chí *Khoa học ĐHSPTP. HCM* số 7/ 2006

NGUYỄN THIỆN ĐÃ NHUẬN SẮC HOA TIÊN VÀO KHOẢNG NHỮNG NĂM NÀO ?

1/ Xung quanh vấn đề Nguyễn Thiện nhuận sắc truyện *Hoa Tiên* của Nguyễn Huy Tự đã có nhiều bài, nhiều hướng nghiên cứu khá khác nhau⁽¹⁾. Trong bài này chúng tôi chỉ xin trả lời một câu hỏi nhỏ : việc nhuận sắc đó đã hoàn thành vào khoảng những năm nào ? Câu hỏi nhỏ nhưng ý nghĩa của nó thì không thật nhỏ : bởi vì xác định được chính xác niên đại bản Nguyễn Thiện cũng là một cách góp phần xác định chính xác được niên đại của *Truyện Kiều*.

Về nguồn tư liệu dùng để trả lời câu hỏi đó, ngoài những bản mới in gần đây ở Việt Nam, chúng tôi còn có thêm được hai bản cổ thế kỉ XIX do anh em ở Pháp gửi tặng⁽²⁾ :

– Bản HOA TIÊN NHUẬN CHÍNH do Lê Đường Tàng Bản cho khắc in đời Tự Đức, kị húy triệt để chữ THỈ và xác định rõ là in năm 1875 ;

– Và bản HOA TIÊN Kí đệ bát tài tử DIỄN ÂM, kí hiệu thư viện là AB-269, chữ viết tay, được hai vị danh nho đề tựa và có lời bình :

Người đề tựa trước và “mặc bình” là Vũ Đãi Vấn (tựa viết năm 1829 đời Minh Mạng) ;

Người đề tựa sau và “châu bình” là Cao Chu Thần (tựa viết năm 1843, đời Thiệu Trị).

(1) Có bài đứng từ quan điểm Nho giáo để xét (ví dụ Trần Đình Hượu) ; có bài chê sự nhuận sắc (ví dụ Vũ Đức Phúc), có tác giả khen (ví dụ Lại Ngọc Cang), v.v.

(2) Xin tỏ lời chân thành cảm ơn anh A. Lê đã cung cấp cho chúng tôi những cứ liệu thực sự quý hiếm.

2/ Nguyễn Thiện mất năm 1818. Vậy bản nhuận sắc đã phải được hoàn thành trước đó một số năm.

Bài toán cụ thể đặt ra là, từ cái mốc 1818 đó phải đi ngược lên một khoảng thời gian là mấy năm hay mấy chục năm ? Chúng tôi sẽ xin dựa vào các cứ liệu kị húy để giải đáp câu hỏi này.

Trong 2 bản *Hoa Tiên* nhuận sắc trên đây có khoảng 10 chữ LAN, 2 chữ CHỪNG/GIỐNG, và 2 chữ HOÀN thuộc diện những chữ trọng húy phải né tránh trong khoảng 20 năm đầu đời Nguyễn ⁽¹⁾.

Đi ngược từ năm 1818 lên đến đầu đời Nguyễn (1802) ta thấy có 2 hiện tượng lạ :

– Cả 10 chữ LAN, cả 2 chữ HOÀN đều để nguyên, không kị húy, khác hẳn với bên *Truyện Kiều* : *Truyện Kiều* đã thay LAN bằng HƯỜNG ; và thay HOÀN bằng CHÂU, THOA ...

– Riêng chữ CHỪNG/GIỐNG (tên húy Gia Long) một lần viết bình thường, một lần có kị húy : lần viết bình thường dùng trong một bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Hán (chỉ có ở bản viết tay) ; lần có kị húy là lần dùng theo tiếng Nôm. Hơn nữa cách kị húy ở bản viết tay cũng như bản in đều tiến hành theo sáng kiến riêng chứ không tuân thủ theo các chỉ dẫn đã đề ra rất cụ thể trong điều lệnh năm 1803. Theo điều lệnh này chữ CHỪNG/GIỐNG phải thay bằng chữ THỰC ⁽²⁾ : tiếp thu tinh thần đó, trong năm bản *Kiều* nửa đầu thế kỷ XIX các nhà biên tập đều đã phải cố gắng tìm ra 7 chữ khác để thay, tùy trường hợp : thay bằng THÓI, CHỐN, CHÚNG, HỆT, TẠC, KHÉO, HẠI. Ở hai bản *Hoa Tiên* thì chỉ kị húy đơn giản, bằng cách chữa tự dạng : bản in viết thêm một bộ KHẨU vào bên trái chữ TRỌNG, bản viết tay thì đảo bộ HOÀ sang bên tay phải.

(1) Con số tính chưa thể thật dứt khoát, vì giữa các bản có khi có sự khác nhau (chẳng hạn ở bản viết tay 11 chữ LAN nhưng ở bản in chỉ có 9 chữ).

(2) Lúc đầu lệnh 1803 đề nghị thay CHỪNG bằng THỰC, về sau còn cho phép thay bằng LOẠI hoặc SỰ. Tinh thần chung là phải thay bằng chữ khác.

3/ Có 2 khả năng có thể đề ra :

– Bản nhuận sắc hoàn thành đầu triều Nguyễn nhưng về sau, khi lệnh năm 1803 đã mở nhạt, trong các tên húy xưa thì chỉ còn chữ CHỮNG là còn được nhớ lại, nên người sao chép mới thực hiện theo lối như trên ;

– Bản nhuận sắc của Nguyễn Thiện đã hoàn thành vào khoảng cuối thế kỉ XVIII. Nhưng đến năm 1802, khi Gia Long lập nên triều Nguyễn thì người ta nghĩ rằng cần phải kị húy chữ CHỮNG/GIỐNG, và tự động nghĩ ra cách kị húy riêng của mình, ngay khi chưa có điều lệ chính thức 1803 được ban ra.

Khả năng thứ hai theo ý chúng tôi là khả năng đã xảy ra trong thực tế, vì 3 lí do :

– Những chữ trọng húy đầu triều Nguyễn mà có mặt trong Nguyễn Thiện như đã nói ở trên đều không được kị húy ;

– Chữ CHỮNG/GIỐNG tuy được kị húy nhưng chỉ kị húy 1 trên 2 lần và kị húy không theo quy tắc trong định lệ 1803 ;

– Và quan trọng hơn nữa là còn có cả vài vết tích kị húy Lê Trịnh đang may mắn lưu lại được.

4/ Khi Gia Long lên ngôi, chắc tất cả các chữ viết kị húy của các triều đại cũ đều có chủ trương phải đem xoá bỏ. Nhưng may rằng cũng còn sót lại vài vết tích :

– Vết tích kị húy tên Kì của vua Chiêu Thống : TƯỜNG KÌ phải đọc thành TƯỜNG CỜ như trong câu thứ 3, ở đoạn 4 câu bản viết tay :

Ba xuân những chốn làm vui,

Trăng thanh liễu lục những ai đó chờ

Cho hay thanh khí tường cờ

Cách tường Sinh cũng khi vừa dạo thanh

Chúng tôi không nghĩ rằng đây chỉ là cách đọc để cho hợp vần, bởi vì bản in đã bỏ hẳn cả TƯỜNG KÌ/TƯỜNG CỜ và thay thành 2 câu :

Tiếng ve cao thấp gió đưa

Cách tường Sinh cũng khi vừa dạo thanh.

Cũng có trường hợp đọc KÌ thành CỜ thì hiệp vần kém, để KÌ thì phạm huý nên đã phải thay hẳn chữ KÌ bằng chữ khác (= chữ THÌ). So sánh :

Ở bản in :

Trước sân vào gửi đấng trình ra thi

Dạy rằng mây gió gặp kì ⁽¹⁾

Vượt rông nay hội nam nhi vẫy vùng

Ở bản viết tay :

Dạy rằng mây gió gặp thì

Vượt rông nay hội nam nhi vẫy vùng ⁽²⁾

– Vết tích còn lại của việc kị huý tên chúa Trịnh Doanh (1740–1767) : ở 2 câu 439–440, bản viết tay đã kị huý chữ DOANH bằng cách thay bộ MỘC bằng bộ THẢO (cũng giống như trong *Truyện Kiều*) :

Nghĩ cho nhỏ mọn thiệt thời

Đài doanh (viết bộ THẢO) may hoạ tỏ soi quán bèo.

Nhưng bản in cho rằng chữa tự dạng vẫn chưa đủ bảo đảm việc kị huý : phải thay hẳn DOANH bằng chữ khác (= chữ SEN) :

Nghĩ cho đang bé, thiệt thời

Đài sen may hoạ tỏ soi quán bèo

5/ Qua những điều vừa thấy ở trên, chúng tôi đoán rằng Nguyễn Thiện đã hoàn thành việc nhuận sắc bản *Hoa Tiên* trong khoảng 10 năm cuối của thế kỉ XVIII. Chắc ông đã bắt đầu sau khoảng năm 1790, vì 2 lí do :

– Năm 1790 là năm Nguyễn Huy Tự qua đời. Bậc tác giả trưởng thượng này có qua đời rồi thì Nguyễn Thiện mới dám làm cái việc mà

(1) Nên đọc KÌP hay GẶP ? Vì 2 bản Nôm ghi 2 chữ khác nhau.

(2) Nên đọc GIAO theo âm hay nên đọc RÔNG theo nghĩa để dễ hiểu hơn ?

người đời có thể chê là bất kính, nếu làm vài năm trước đó : đem thơ văn của một bậc cha chú ra chữa đi chữa lại ; hơn nữa, không phải chỉ chữa đi chữa lại dăm ba chữ mà có ý định nhuận sắc lại hầu như toàn bộ.

– Năm 1790 là năm bản diễn âm *Truyện Kiều* của cụ Nguyễn Du đã cơ bản hoàn thành ⁽¹⁾. Ai cũng biết, có *Truyện Kiều* rồi, Nguyễn Thiện mới có cái cơ sở và cái hào hứng để có thể duyệt lại nguyên tác của Nguyễn Huy Tự và tiến hành nhuận sắc.

Và rất có thể, sau năm 1796, khi cụ Nguyễn Du về Tiên Điền rồi thì hai nhà thơ càng có điều kiện bàn bạc với nhau, việc nhuận sắc càng được xúc tiến mạnh, đi đến chỗ hoàn chỉnh hoàn toàn.

6/ Cuối cùng còn một vấn đề nữa cũng cần đặt ra để suy nghĩ. Cả *Truyện Kiều* của cụ Nguyễn Du cả bản *Hoa Tiên* của Nguyễn Thiện đều hoàn thành cuối thế kỉ XVIII. Khi Gia Long lên, cả 2 bản đều tiến hành xoá bỏ việc kị húy Lê Trịnh ⁽²⁾. Và cả 2 cũng đều kị húy Gia Long. Thế nhưng vì sao lại có một sự khác nhau cực lớn trong việc thực hiện các điều lệnh của năm 1803 ?

– Về CHỮNG/GIỐNG có sự khác nhau như sau :

- Về số lượng, bản Nguyễn Thiện chỉ kị húy 1 trên 2 lần ; các bản *Kiều Nôm* cổ đều kị húy triệt để : 7 trên 7 lần (lệ ngoại : bản LVD/1871 quên 1 lần) ;

- Về biện pháp chủ yếu : thay bằng chữ khác : bản Nguyễn Thiện : 0 lần ; các bản *Kiều* : từ 4 đến 6 trên 7 lần.

(1) Xin xem bài của Nguyễn Tài Cần & Ngô Đức Thọ ở báo *Lao Động* ngày 03.04.2005.

(2) Chắc chắn có sự xoá bỏ vì nay chỉ còn một ít vết tích. Nhiều khi chỉ có thể để xuất giả thuyết thôi vì vết tích không đủ rõ mà các điều lệnh chính xác như ở triều Nguyễn thì không có.

– Về chữ LAN : bản Nguyễn Thiện : không kị huý ; các bản Kiều kị huý khá triệt để : thay bằng chữ HƯƠNG từ 3, 4 đến 7 lần trên tổng số 7 lần.

– Về chữ HOÀN : bản Nguyễn Thiện không kị huý ; các bản Kiều kị huý hoặc triệt để như ở bản DMT, hoặc kị huý 50% ở các bản còn lại.

Có thể nói : bản Nguyễn Thiện hầu như không kể gì đến các điều lệnh kiêng huý năm 1803 ; các bản Kiều cổ, nhất là bản Duy Minh Thị /1872, lại tuân thủ hết sức nghiêm mật. Vì sao như thế ? Phải chăng vì cụ Nguyễn Du có một sự ngại ngùng rất lớn trước Gia Long, Minh Mạng : ngại ngùng một phần vì quá khư phù Lê, phù Trịnh của mình, gia đình mình và nhất là ngại ngùng vì có rất nhiều điểm Gia Long, Minh Mạng có thể bắt tội ngay trên cơ sở cuốn *Truyện Kiều* của mình. Nhà nghiên cứu Phan Anh Dũng đã có lí khi bình luận : chỉ một câu “Tuồng chi là GIỐNG HÔI TANH” cũng đủ để đưa đến tội chết chém. Chữa GIỐNG HÔI TANH thành CHỐN HÔI TANH là chí phải.

Xét cho kĩ phía Nguyễn Thiện hình như không có một lí do gì để có thể có một sự ngại ngùng như thế.

NGUYỄN TÀI CẦN

Đã in ở *Văn nghệ* số 22 (28-5-2005)

mục lục

	Trang
Lời Nhà xuất bản	5
Lời nói đầu	7
Phần thứ nhất: GIẢI THUYẾT VÀ KIẾN NGHỊ	11
A- GIẢI THUYẾT VỀ QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC <i>TRUYỆN KIỀU</i> CỦA CỤ NGUYỄN DU	13
B- VỀ CÁC BẢN TRỰC ĐẠI DIỆN CHO BA MIỀN NAM, BẮC, HUẾ	16
C- VỀ MỘT SỐ ĐIỂM CẦN CHÚ Ý KHI CÂN NHẮC VIỆC PHỤC NGUYÊN <i>TRUYỆN KIỀU</i>	23
 Phần thứ hai: THỬ TÌM HIỂU BẢN SƠ THẢO ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH	 35
 Phần thứ ba: MỘT SỐ CHÚ THÍCH CẦN THIẾT	 371
 Phần thứ tư: PHỤ LỤC	 515
- VỀ HAI GIẢI THUYẾT: TRONG CÁC BẢN <i>KIỀU NÔM CỔ ĐANG</i> CÒN LƯU GIỮ LẠI MỘT SỐ VẾT TÍCH KỊ HUÝ ĐỜI LÊ TRỊNH VÀ CHẮC <i>TRUYỆN KIỀU</i> ĐÃ ĐƯỢC CƠ BẢN HOÀN THÀNH TRONG KHOẢNG 1786-1790.	517
- TÓM LƯỢC VỀ CÁC VẾT TÍCH KỊ HUÝ LÊ TRỊNH HIỆN CÒN SỐT LẠI TRONG CÁC BẢN <i>KIỀU NÔM</i> THẾ KỈ XIX.	526
- NGUYỄN THIÊN ĐÃ NHUẬN SẮC HOA TIÊN VÀO KHOẢNG NHỮNG NĂM NÀO ?	536

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh
VŨ BÁ HOÀ

Biên tập nội dung :

NGUYỄN DANH KHOA
HOÀNG DŨNG
PHAN ANH DŨNG

Biên tập kỹ – mỹ thuật :

TRẦN KHẮC HIẾU

Trình bày bìa :

HOÀNG PHƯƠNG LIÊN

Sửa bản in :

XUÂN PHƯƠNG – THANH TRÚC

Chế bản :

HOÀNG LONG

Tổng phát hành :

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

TƯ LIỆU TRUYỆN KIỀU

THỬ TÌM HIỂU BẢN SƠ THẢO ĐOẠN TRƯỞNG TÂN THANH

Mã số : 8V720M8-NDN

In 1.000 bản, khổ 16x24cm tại Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Quảng Nam -
260 Hùng Vương, TP. Tam Kỳ. Số ĐKKHXB:10-2008/CXB/282-2061/GD.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2008.

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Đã xuất bản :

1. *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, 1975.
2. *Ngữ pháp tiếng Việt : tiếng, từ ghép, đoản ngữ*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1975; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (tái bản nhiều lần).
3. *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, NXB Khoa học xã hội, 1979 ; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (tái bản nhiều lần).
4. *Một số vấn đề chữ Nôm*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1985.
5. *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo)*, NXB Giáo dục, 1995.
6. *Ảnh hưởng Hán văn Lí Trần qua thơ và ngôn ngữ thơ Nguyễn Trung Ngạn*, NXB Giáo dục, 1998.
7. *Tìm hiểu kĩ xảo hồi văn liên hoàn trong bài Vũ trung sơn thủy của Thiệu Trĩ*, NXB Thuận Hoá, 1998.
8. *Một số chứng tích về ngôn ngữ, văn tự và văn hoá*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
9. *Tư liệu Truyện Kiều : bản Duy Minh Thị 1872*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002.
10. *Tư liệu Truyện Kiều : từ bản Duy Minh Thị đến bản Kiều Oánh Mậu*, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, NXB Văn học, 2004.

Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn còn là tác giả của trên 100 bài báo khoa học xuất bản ở trong và ngoài nước, nhiều báo cáo khoa học ở các hội nghị khoa học quốc tế.





8 934980 873632



Giá : 126.000 đ